

VĂN HÓA THÁI HÒA VIỆT NAM

XXXXII

ĐƯỜNG ĂN / LỐI Ở CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM



Đường ĂN: “ Cửa Ăn Ngon / Lành “ mang Tinh thần Dịch Lý:

“ Mẹ Tròn [Bánh Dầy: Trời] Con Vuông [Bánh Chưng: Đất] “



Cháu được ngồi ăn giữa Ông Bà, Cha Mẹ

Lối Ở: Tam đại ngồi Ăn “chung Mâm, chung Nồi, chung Bát “ để

THI LỄ. & CHIA SẺ

CÔNG DÂN VIỆT NHO

**” ĐƯỜNG ĂN “ / “ LỐI Ở “ CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM
THEO TINH THẦN DỊCH LÝ “ ÂM DƯƠNG HÒA “**

Trước hết chúng ta cần phải hiểu rõ Quan niệm về con Người của Việt Nam để giúp hiểu được Nếp Sống và Mục tiêu cuộc sống của họ.

CON NGƯỜI VIỆT NAM

Con người lúc mới sinh ra còn Ngây thơ (Naive) còn Vô tư (innocent) nên mới có quan niệm “ Nhân chi sơ Tính bản Thiện 人之初 性本善 “ (Manh Tử) : Lúc mới sinh ra, con người vốn Hiền lành : “ “ , nếu cứ tiếp tục sống đúng theo Bản Tính vô tư

lúc mới sinh , thì họ sẽ yêu thương gần gũi với mọi người , Nho gọi là “ **Tính tương cận**:性将近“.

[Chiết tự chữ **TÍNH** 性 =(心:) ↑ (Tâm : **Tinh thần**) +生: (Sinh: **Vật chất**)]

Qua cuộc sống hàng ngày theo thời gian lâu dài, con người sống ở những nơi Thủy Thổ hay môi trường khác nhau, thủ đắc những ngôn ngữ, Văn Hóa, Tôn giáo, Phong tục Tập quán khác nhau, Triết lý về Vũ trụ, Nhân sinh cũng khác nhau, khiến không hiểu rõ nhau. nên sống cách xa nhau, do đó mà tính Bản thiện thay đổi theo thời gian và hoàn cảnh thành thói quen, trong cuộc sống nhiều khi chỉ biết tìm mỗi lợi cho mình, mà lại gây tổn hại cho kẻ khác “, lối sống theo thói quen này sẽ gây ra xích mích với người khác mà xa cách nhau, Nho gọi đó là “ **Tập Tương Viễn** 習将遠“.

Còn Tuân Tử lại có định nghĩa khác . “ **Nhân chi sơ, Tính bản Ác**: 人之初 性本惡 “ : Lúc mới sinh con người đã có Ác Tâm rồi.

Còn Nho giáo (Việt Nho) lại có Định nghĩa về con Người chi tiết hơn:

人者其 : Nhân giả kỳ: Con Người là:

天 / 地 之 德: **Thiên / Địa chi Đức** : Là Cái Đức, là **Tinh hoa của Trời / Đất**



Trời cao Đất dày

陰 / 陽 之 交: **Âm / Dương chi giao** : Là do sự giao hợp của Âm / Dương mà sinh ra



鬼 / 神之會: Quỷ / Thần chi hội :, Là nơi Quỷ / Thần kẻ lưng xô lẫn nhau



Ngũ hành (Thủy / Hỏa, Mộc / Kim) chi tú khí:

Ngũ hành 五行 (Thủy / Hỏa 水 / 火) / (Mộc / Kim 木 / 金) 之 秀 氣 : Là do khí tốt của Ngũ hành “tương tranh tương hỗ với nhau : Tương thời “ với nhau sinh ra luật Biến hóa, (Ying / Yang Change) hay “ Trời / Đất “, “ Hồn Thiêng Sông Núi “ kết tinh mà sinh ra vạn vật trong Vũ trụ.

Đồ hình Ngũ hành



Hỏa (Năng lượng)



THỔ : Vector equilibrium



Mộc (Sinh vật) NGUỒN NĂNG LƯỢNG TÌNH YÊU Kim (Khoáng chất)

[I]



Thủy (Vật chất)

Ngũ hành: Tạo Hóa Lư : $E = mc^2$

E là nguồn năng lượng Tình Yêu. m: khối lượng vật chất biến ra năng lượng . c = Tốc độ Ánh sáng: 300,000 km / sec. Số 2 là bình phương của Tốc độ Ánh sáng.

E : Nguồn Năng lượng Tình Yêu sáng tạo nên Vũ trụ

[Tất cả đều mang theo cặp Đối cực Dịch Lý:

Thiên / Địa, Âm / Dương, Quỷ / Thần, Thủy / Hỏa, Mộc / Kim]

Con người khi được sinh ra tuy còn Ngây thơ Vô tội , nhưng cũng không hoàn thiện, vì còn là “ Quỷ / Thần chi hội : Dữ / Lành kẻ lưng nhau “, phút này còn hiền lành , Giây sau có thể lại là Quỷ làm điều ác, làm phương hại đến Quyền lợi và Danh dữ kẻ khác, gây ra xáo trộn trong Gia đình và ngoài Xã hội, làm khổ đau nhau !

ĐƯỜNG ĂN Ở

Ăn uống cùng Tiện nghi vật chất là nhu yếu thâm sâu của con Người , vì không ăn uống là hết sống, tuy rằng là người thì ai cũng biết ăn uống, cần ăn uống, đó là **Chân lý hàng đầu**, nhưng ăn uống thế nào để cho cuộc sống được khỏe mạnh giúp “ **Thân an Tâm lạc** “ hầu giúp **cuộc sống có Sinh thú ở đời** là vấn đề quan trọng bậc nhất.

Con người cần có: “ **Một Tinh thần Minh mẫn trong một Cơ thể tráng kiện** “ thì mới có “ cuộc sống **Tự Chủ, Tự Lực, Tự Cường** “ , giúp làm **Chủ Vận** hệ mình, **Gia đình** mình và **Đất Nước** mình.

Đó là con Người Nhân chủ mà mọi người Dân cần trau dồi cho được, đây là nền tảng vững mạnh của Quốc gia Dân tộc, chứ không cần hò hét nhau vác Búa Liềm ra đập phá, cướp, giết nhau mà cướp Chính quyền để Độc trị theo Bạo lực đầy Bất công mà Xây Nhà Dựng Nước được!

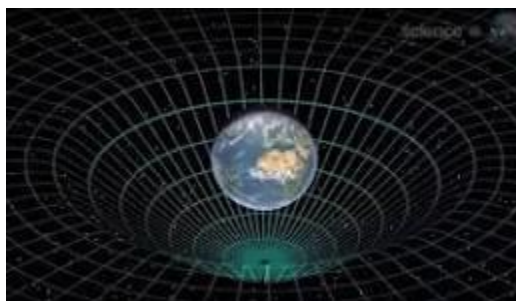
Để trau dồi con Người Nhân chủ , Tiên Nho đã chỉ cho chúng ta cách Ăn / Ở theo 3 Tiêu chuẩn:

THỰC, SẮC, DIỆN: THIÊN TÍNH DĨ : 寔色面: 天性也

Đây là cách Sống theo Thiên lý hay Dịch lý, vì:

“ **Thuận Thiên giả Tồn 順天者存** “: Sống thuận với (Tự nhiên) Dịch lý thì Sinh tồn và phát triển.

“ **Nghịch Thiên giả vong 逆天者亡** “ Còn sống trái với Thiên lý (Tự nhiên) thì bị suy thoái và bị tiêu diệt.



Warping Time – Space: Vũ trụ: Time- Space – Continuum:

Thời – Không - Nhất phiến :

Lưới Trời lồng lộng với 3 luật lớn:

Dịch lý Giá sắc Loại tụ

THỰC

Theo Dịch lý thì Thực để duy trì sự Sống và đồng thời trau dồi Chân, Thiện Mỹ hàng Ngày, suốt Đời.

1.- Ăn là **Chân lý hàng đầu** không thể vì lý do nào mà coi thường việc Ăn Uống

2.- Thức ăn dầu của người sang giàu hèn, dầu Đất dầu Rẻ cần phải chọn được thứ tươi tốt và dùng nghệ thuật nấu ăn như cách Nêm nếm, Gia vị cũng như cách nấu Lửa Củi thích hợp sao cho món ăn được Bất miệng hay Khóai khẩu .

Cha ông chúng ta bảo: “ **Đẹp: Vàng Son , Ngon: Mật Mỡ** “

Đẹp và Ngon kích thích Dịch vị để có đủ Dịch vị trộn với Thực phẩm giúp cho Thực phẩm biến thành chất bổ dưỡng .

Mật Mỡ tuy ngon, nhưng lại không Lành, vì có hại cho sức khỏe, nên phải biết cách pha chế nêm nếm thích hợp làm sao cho Thực phẩm được **vừa Ngon vừa Lành**.

Các Bà Nội trợ Việt Nam đã dày công nấu nướng, sáng chế ra vô số Thực phẩm hết sức Nghệ thuật đạt được Tiêu chuẩn vừa Ngon vừa Lành, số là Thực phẩm Ngon thì thường không Lành. có hại cho sức khỏe, còn Thực phẩm Lành thường lại ít Ngon, nên kém bổ dưỡng.

3.- Khi nấu ăn xong, các Bà đem trình bày Thức ăn lên Bát Đĩa Mâm Bàn phải Đẹp Mắt để Coi để kích thích Dịch vị giúp cho sự tiêu hóa được tốt, đó là **Tiêu chuẩn Mỹ** được trau dồi hàng ngày Suốt Đời.

Khi Ăn thì mọi người trong Gia đình quây quần với nhau quanh một cái Mâm, chung Nồi chung Bát để **giúp nhau biết Chia sẻ thức ăn** nhất là thực hiện cách sống “ **Kinh gia Yêu Trẻ** “ ngay trong Chỗ Ngồi và San sẻ Thức ăn, đây là cách **Trau dồi Tính Thiện** hàng ngày suốt Đời.

Như vậy, qua cách ăn uống, con người đã **trau dồi được CHÂN, THIỆN. MỸ HÀNG NGÀY SUỐT ĐỜI**, còn cách ăn một người một Đĩa, ngồi một nơi tùy theo sở thích thì chỉ thoả mái nhất thời mà không giúp **Chân, Thiện, Mỹ Hóa** được con Người.

Khi khinh thường việc ăn uống theo lối Dịch lý thì không làm đẹp được cách sống hàng ngày.

Tuy theo Văn minh Tây phương, nhưng đa số vẫn ăn uống theo lối tiết độ Đông phương của mình!



Mâm cơm Ngon / Lành

SẮC



Tổ Ấm Gia đình : Cha / Mẹ , Con / Cái (: Trai / Gái)

Sắc là Sắc dục, là Tính dục mà Gái /Trai nào cũng cần được thỏa mãn để có Con Cái nói dối Tông đường, Xây dựng Tổ Ấm Gia đình và Quốc gia phồn thịnh .

Sắc dục là nhu yếu thâm sâu và quan trọng cần được thỏa mãn, chứ không nên coi là việc không thanh khiết mà khinh chê, mặt ngoài thì ra vẻ tránh xa. mà mặt trong thì lại sàm sỡ bất chính!

Khinh chê Sắc dục là coi khinh Thiên Tính, Lạm dụng Sắc dục là Lạm dụng Thiên Tính .

Cần phải có một quan niệm cân bằng về Dục Tính, không quá Coi trọng mà cũng chẳng Coi khinh, mà cần được tuân theo một cách điều độ thuận theo Thiên lý.

Khi Gái Trai thành lập Gia đình thì được Kết hôn qua hai Lễ quan Trọng :

Thành hôn là Lễ liên kết Vợ Chồng bằng TÌNH YÊU



Giao bái là Lễ liên kết nhau vì LÝ CÔNG CHÌNH .



Tình Yêu / Lý Công Chính lưỡng nhất : Hùng / Dũng : Bao dung

Số là vào đêm sau Lễ Thành hôn, hai Vợ Chồng vào trong phòng riêng, trước khi trao Thân gởi Phận cho nhau, hai Vợ Chồng làm lễ Giao bái, hai người cùng “ **uống chung một cốc rượu** “ và Bái nhau để **giao ước là sẽ tôn trọng và Ăn Ở Công bằng** “**Một Vừa hai phải (: Right for both sides)** “ với nhau suốt đời .

TÌNH YÊU / LỄ CÔNG BẰNG lưỡng nhất : HÙNG / DŨNG : BAO DUNG

Nói gọn lại là ; NHÂN NGHĨA BAO DUNG

Có lẽ vì bị ảnh hưởng của Tinh thần “ **Trọng Nam khinh Nữ của Hán Nho** bá đạo “, nên Lễ Giao bái rất quan trọng cho Vợ Chồng Sống Hòa vui với nhau lại bị bỏ quên!

Khi Dục tính được Thỏa mãn thì Vợ Chồng trở nên “ Một Thân xác, Một Tâm hồn “, yêu thương khăng khít với nhau cho đến “ **Đầu bạc Răng long, Cốt rủ Xương mòn** “

Khi Lễ Gao bái được tôn trọng thì Vợ Chồng sống Hòa vui với nhau, hạnh phúc bên nhau mà sinh đẻ Con Cái và rèn luyện chúng thành Trai Hùng Gái đảm cho Dân tộc.

Vợ Chồng sống sao cho được vừa thỏa mãn Thiên Tính và vừa sinh hoạt đúng theo Giao ước “ **Nồi nào úp Vung nấy** “ thì mới duy trì được Hạnh phúc Gia đình rất quan trọng cho Đời Sống!

DIỆN

Diện có Gốc từ hai chữ **THỂ DIỆN**. **THỂ** là Bản chất ở bên trong Tâm khảm từng người . Diện là vẻ Mặt hiện ra bên Ngoài . Con người có Tu dưỡng sao cho **cái THỂ được Hiện** thì mới giúp cho **cái Mặt bên ngoài được Lành**. Con người **Ác** thì bộ mặt tỏa ra **ác khí khó thương!**



Vì bản chất Mẹ Cha khác nhau, Cha là người Nam thì có vóc dáng cường tráng, Mẹ là người Nữ thì cơ thể liễu yếu đào tơ, nên Tổ Tiên chúng ta đã sáng tạo ra Huyền thoại Tiên Rồng để giúp Gái Trai tu thân theo hai cách thích hợp khác nhau để phát triển Bản sắc riêng của mình.

Người Mẹ phải lên NÚI CAO, chốn yên tĩnh, ngồi bất động, và vô tư để xóa bỏ màn vô minh Tham Sân Si hầu “**đôn hậu Tình Người**” để tiếp cận với “nguồn Tình Yêu ba la” nơi Tâm linh (gọi là **Đôn hồ Nhân cố năng ái**) .



Dãy Núi cao

Người Cha thì phải lặn lội nơi BIỂN SÂU để phát triển Lý Trí sâu thẳm để được Chu tri (holistic knowledge) hầu **tránh cảnh phiến diện Duy lý gây cảnh phân hóa chia ly**.

Đây là hai Biểu tượng tu Thân khác nhau thích hợp cho Gái Trai để trở nên Trai hùng Gái đảm



Dãy Núi Himalaya (Everest: 12,000m) Vùng Biển sâu nhất Thái Bình Dương: 8,848 m

Khi sống trong Gia đình với nhau, Mẹ Cha **trao TÌNH ĐỔI LÝ** cho nhau sao cho **Tình Lý hai bên được hài hòa hay Lương nhất** để sống Hòa vui với nhau mà xây **Tổ Ấm**

Gia đình , sinh để Con Cái, nuôi dưỡng và rèn luyện chúng thành Trai Hùng Gái Đảm mà xây dựng Đất nước phồn vinh .

Huyền thoại Mẹ lên Núi tu Tiên chỉ là biểu tượng Thăng hoa nếp sống sao cho đạt Đạo Nhân, tức là nguồn Tình bao la vô điều kiện của người Mẹ, con Tốt thì thương đã đành, còn con lữ có xấu đi thì lại càng thương hơn để cứu nó khỏi cảnh sa đọa .

Tổ Tiên chúng ta bảo giai đoạn này là “ **Cao minh phối Thiên 高明配天** “ : Phái lên chôn Núi Non Cao Rộng phóng khoáng để Tâm hồn tiếp cận với nguồn Năng lượng Tình Yêu nơi nguồn Tâm linh ($E = mc^2$) hầu đạt **Đạo Nhân**

Còn giai đoạn **người Cha lăn lộn dưới Biển sâu** được gọi là : **Bác hậu phối Địa (博厚配地)** Có trải qua nơi sâu rộng giúp trưởng Trí mới có dày kinh nghiệm hầu đạt **Đức Nghĩa** để biết cách hành cử theo Hai chiều Công bằng với nhau.

Khi Triệt Thượng / Triệt Hạ lưỡng nhất thì đạt Minh Triết

Minh triết: Đầu óc sáng suốt hiểu rõ mọi Lẽ : 明哲) giúp có khả năng kết nối được cặp đối cực Trời cao Đất dày rất là khó khăn.

Điều quan trọng là mỗi chúng ta nên hiểu rõ **Huyền thoại Tiên Rồng chỉ là Biểu tượng Tu Thân** của Gái / Trai, Mẹ /Cha giúp thăng Hoa cuộc sống để người MẸ có Tâm hồn như Bà Tiên Từ ái vô song, khoan dung đại độ với Tình yêu lai láng.

Còn Người Cha thì trở nên Dững mạnh như Rồng có thể biến nước Biển thành Mây Mưa Bão tố đem nước tưới tiêu khắp Vũ trụ nhân gian, nên người Cha có được Sức mạnh quyền biến vô song theo Dịch lý.

Vậy Mẹ Lên Non, Cha Rồng xuống Biển chỉ là hai Biểu tượng Tu thân để trợ nên Trai Hùng Dững Gái Đảm đang để cùng nhau xây Tổ ấm Gia đình Hạnh phúc và Xã hội an vui., chứ không là chuyên Hoang đường như một số người lầm tưởng, gây ngộ nhận khiến một số “ **Lạc Hồn Dân tộc**.”

TU THÂN ĐỂ ĐẠT PHẨM GIÁ CON NGƯỜI:

NHÂN PHẨM: NHÂN / NGHĨA (HÙNG / DŨNG) BAO DUNG

CŨNG LÀ TINH THẦN BẮT KHUÁT CỦA DÂN TỘC

仁義 雄勇 包容



Biểu tượng Tiên Rồng

TIÊN là Biểu tượng của **BÀ** Tiên tu ở trên **NÚI** cao, đẹp đẽ vô cùng, Từ ái vô biên, khoan dung đại độ, uyển chuyển khôn lường, nên đã đạt Đạo **NHÂN**.

RỒNG là Biểu tượng cho **ÔNG** Rồng ở dưới **BIỂN** sâu, có sức mạnh vô song, tung nước **Biển** lên **Không** trung thành **Mưa**, **Gió**, **Bão** táp, đưa nước trời tiêu khắp hoàn vũ và có thuật **Quyền** biến khôn tả, nên **Tiên Rồng** là tượng trưng cho **Nhân phẩm** của con **Người**, cho **Tinh thần** **Bất khuất** của **Dân tộc**, nên có Đức **NGHĨA** chứ không là chuyện hoang đường như các nhà **Duy Sử** làm tượng!



Mẹ Tiên lên Núi tu **NHÂN** Cha Rồng xuống **Biển** luyện Trí hay **NGHĨA**



Khi Sống chung, **ÔNG** **BÀ** **Biết** cách hành xử công bằng hai chiều ” có **Đi** có **Lại** “ với nhau , nhờ **Tinh thần** **Hùng Dũng**, **Hùng** là sức mạnh vật chất, không để bị ai ăn hiếp, cũng như **Dũng** là **Sức mạnh** **Tinh thần** tự chế, không ăn hiếp ai mà làm điều **Bất công**!

Đó là **Nhân phẩm**: **NHÂN NGHĨA**, **BAO DUNG** (**Hùng Dũng**) cũng là “” **TINH THẦN** **BẤT KHUẤT** của **Dân tộc** .



Mẹ Âu Cơ / Cha Lạc Long và 100 con phân cực để tu Thân



Hình Gia đình Mẹ Tiên Âu Cơ & Cha Rồng Lạc Long phân cực

để Tu dưỡng Đạo NHÂN và Rèn luyện Đức NGHĨA

hầu Tái hợp gắn bó sắt son để xây Tổ ấm Gia đình, và Quốc gia an lạc

chứ Tiên / Rồng không hề Ly Di như đà lằm tưởng!!

Mẹ : Non NHÂN

Cha: Nước Trí hay NGHĨA

Con: Hùng / Dũng: BAO DUNG



Vua Hùng

NHÂN / NGHĨA, HÙNG / DŨNG (BAO DUNG



**Đền thờ Kinh Dương Vương & Đền Hùng nơi “ Sơn Thủy hữu Tình”:
nơi “Sơn cao Thủy thâm ”**

NHÂN PHẨM cũng là TINH THẦN ĐÂN TỘC :

NHÂN NGHĨA BAO DUNG

Khi Cháu con cưỡng lời Tiên Tổ bỏ lối thặng Hoa nếp sống Nhân Nghĩa , khiến trở lại nguồn gốc Man di bạo lực , chẳng còn biết **Nhân Nghĩa Bao dung** của Tổ Tiên là gì, mà lại vọng ngoại theo Văn Hóa Bạo động Du mục Tây phương chỉ biết dùng Bao lực để Giết Cướp nhau làm anh hùng vinh quang .

KM triết để của Trung cộng có tên là

Kách mạng Triệt để Nhân dân chuyên chính

**Khác với Cách mạng Nga là:
Cách mạng Vô sản chuyên chính**

Cảnh Đấu tố Địa chủ



Trung Hoa



Miền Bắc Việt N

Bàn Cổ Nông được huấn luyện cách vừa chỉ tay “ xi xói “ vào mặt, vừa chửi rủa Địa chủ.

NIỀM ĐAU NHỨC NHÓI CỦA DÂN TỘC

HẬN THÙ GIAI CẤP LÊN NGÔI

Cảnh “ Cốt Nhục tương tàn ” : “ Nồi Da nấu Thịt “ !

Nhân loại:

Cain giết em Abel

Quốc gia Việt Nam:

“ Trịnh Nguyễn phân tranh “ suốt 200 năm !

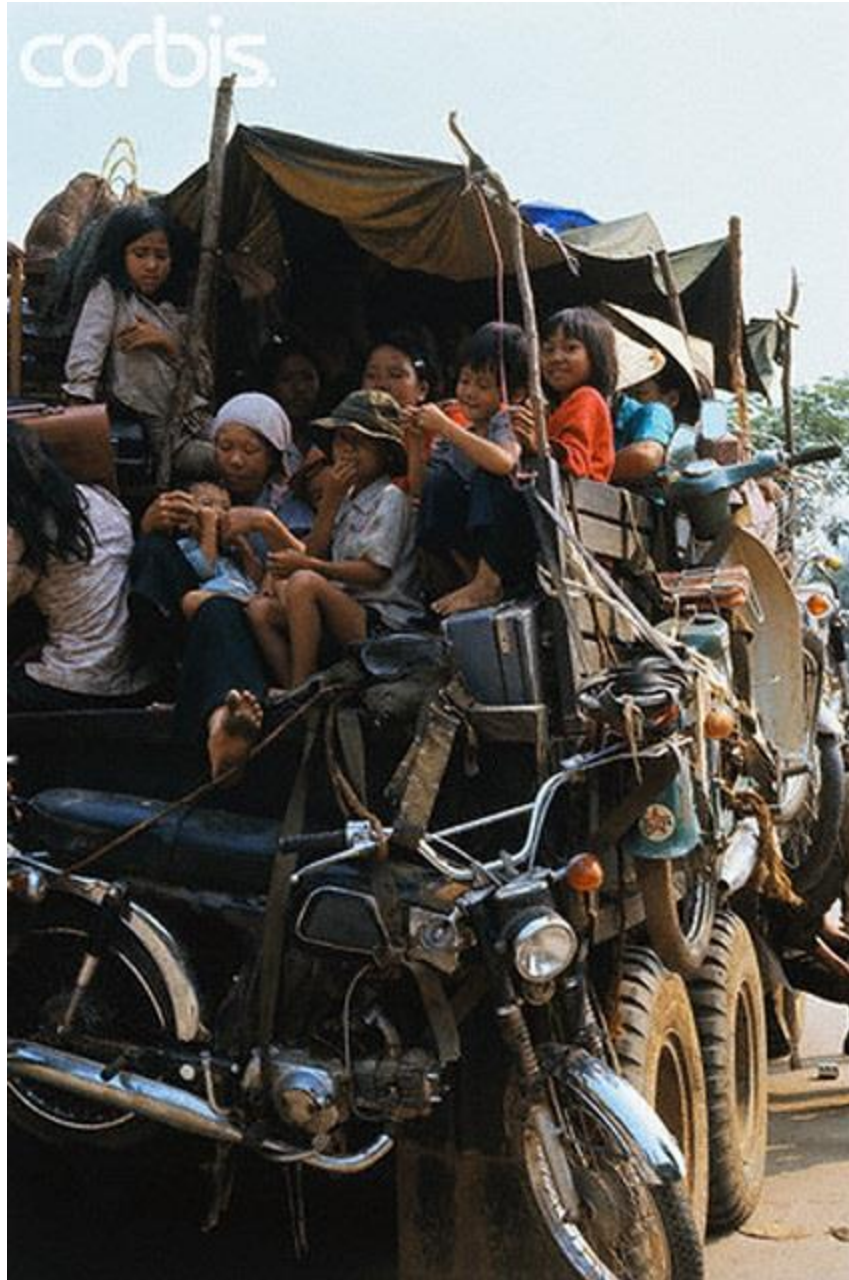
“ Nguyễn Ánh & Nguyễn Huệ “ tương tàn nhau 16 năm!

“ VNCH & VNDCCH “ thảm sát nhau 20 năm!

Nạn Phân hóa còn kéo dài đến bao giờ mới dứt ? !

Hình ảnh 30 tháng 04 năm 1975

Thảm cảnh Nhân dân Trẻ Già Trai Gái tìm đường tẩu thoát



ĐỒNG BÀO ÙN ÙN CHẠY RA TÀU THÓAT QUỐC NẠN HẠN THÙ







**SỐ NGƯỜI ĐẶC BIỆT ĐƯỢC MỜI VÀO CẢI TẠO NƠI
ĐỊA ĐÀNG CÔNG TRỜI**



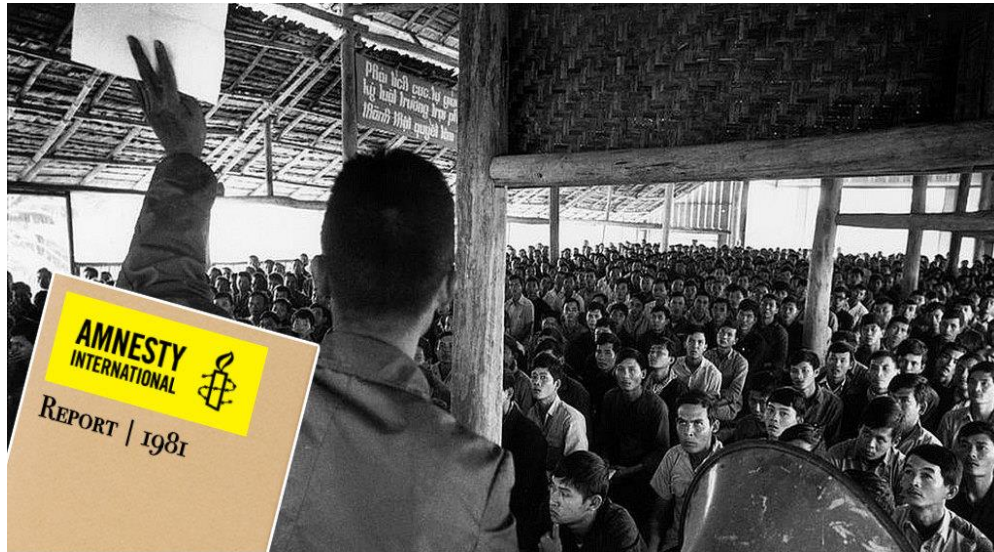
Đường lên Địa đàng Cổng Trời cheo leo

Kẻ Thù đặc biệt bị hiềm nghèo nơi đây !



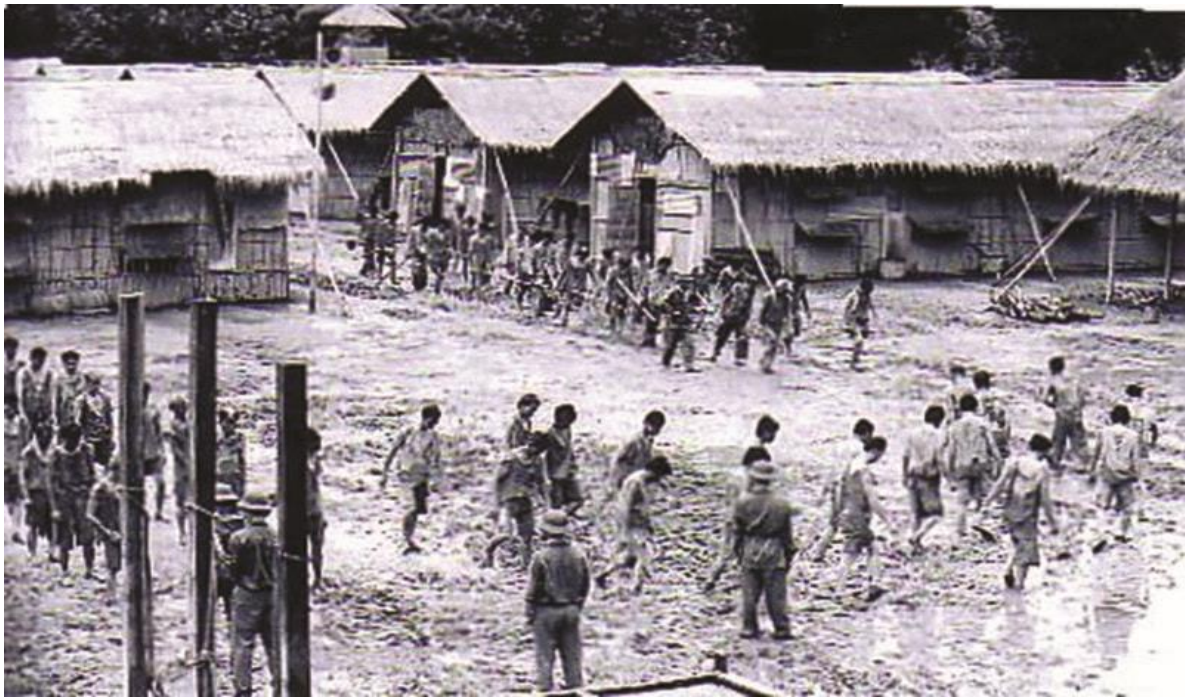
CHỖN ĐỊA ĐÀNG “ THÂM SƠN CÙNG CỐC

Giáo sư Latin của Tôi bị cùm đến chết nơi đây !



Hội trường cải tạo ở miền Bắc

Chính sách Nhân đạo của CSVN với “ Quân, Cán, Chính VNCH “







Đỉnh cao Tội ác đại ngộ đồng bào “ Mỹ - Ngụy sao cho Thân tàn Ma dại trong :
Trại Cải Tạo “ Đói ăn và Lao tác “



Tuy danh xưng là **Cải tạo Tư tưởng** nhưng **Thực chất** là dùng **Hận thù** để diệt **Thân xác**
bằng khủng bố, Khổ sai và giam đói các thành phần **Tinh hoa** của miền Nam!

GIỜ TRÒ TRẮNG / ĐEN LỘN SÒNG

Thế mà, hàng năm, đảng ta cứ **Tổ chức rầm rộ Lễ Giỗ Tổ Vua Hùng** theo **Tinh thần bạo động Mác Mao** với **rùng Cờ kêu gọi “ Trung Thành với Đảng Búa Liềm “** **muôn đời quang vinh, Mác Mao** “có nguồn gốc tư chế độ **Nô lệ thuộc Văn Hóa Du mục Bạo động** xưa, vì đã quá **đối khôn ngoan**, nên rước được **Độc dược Tây phương** về tàn **Dân hại Nước**, nên phải **mập mờ đánh lẫn con Đen: Trắng / Đen đảo lộn !**

Còn bên VNCH thì một số lại vạch lằn “ Ranh Quốc / Cộng “ , thề đấu tranh nhau cho đến cùng !

Quả là Hận thù cứ ngày càng **oan oan tương báo, chông chéo lên nhau** như **đoàn âm binh hàng hàng lớp lớp**, thật **khó gỡ rối**, nếu không cùng nhau quay về với **Tinh thần “ NHÂN NGHĨA BAO DUNG** chung “ của **Dân tộc**, thử nhìn mặt nhau lại xem còn có chút **Hình bóng Đồng Bào** nào trong nhau nữa không, mà **dừng ngay cách sống bất Nhân và bất Công** lại !?

Nhưng cái nạn Duy lý cực đoan, nếu mình không chống cự lại mà giết nó thì nó sẽ giết mình, chẳng có Nhân Nghĩa, Tình Nghĩa Đồng bào nào khiến cho nó chùn tay!.

Chỉ có khi mình trở nên Hùng Dũng không cách nào kẻ địch hạ thủ được mình, khi đó cuộc thăm sát nhau mới mong chấm dứt !

Thế nên, nếu mình không đủ sức vượt qua cuộc cờ “ Kiên ăn Cá, Cá ăn kiến “ , “ Mạnh được Yếu thua “ thì thảm cảnh của Dân tộc không biết đến bao giờ mới chấm dứt?

Quả là:

“ Cá không ăn muối Cá ươn

Con Cháu cưỡng Tiên Tổ trăm đường Cháu Con hư ! “

LỜI Ờ ĂN

CÁCH TRAU DỒI TƯ CÁCH VÀ KHẢ NĂNG CỦA CON NGƯỜI:

“ HỌC ĂN / HỌC NÓI. HỌC GÓI / HỌC MỞ “ THEO DỊCH LÝ

ĂN VÀO / NÓI RA

“ Ăn vào “ cho khỏe mạnh Thân Mình, “ Nói “ ra cho đẹp Lòng Người .

GÓI VÀO / MỞ RA

“ Gói vào “ cho khỏi Vỡ, “ Mở ra “ cho trọn lành.

Là hai cặp Đối cực của Dịch lý “ Âm Dương Hòa “

Học Gói học Mở là học cách hành xử “ Có Đi có Lại “ với nhau sao cho “**Một vừa Hai Phải** “ mà sống Hòa vui với nhau, đó là Nghệ thuật sống sao cho được Hạnh phúc, chừ không theo lối “ **Mâu thuẫn thống nhất** “ của Mác mà “ **cướp giết** “ gieo Tai họa cho nhau!.

Trong cách Vi nhân, Tổ Tiên chúng ta đã noi theo Tinh thần Dịch lý Âm Dương Hòa, nên không đi trên đai Lộ huy hoàng như Tây phương, mà cứ tuần tự nhi tiến, cứ đi trên con Đường mòn từ Gần tới Xa, từ Dễ tới Khó, từ Nhỏ tới To, từ Đơn giản tới Phức tạp, từ Tầm thường tới Phi thường , từ Tinh vi tới Vĩ đại.

Gần / Xa, Dễ / Khó, Nhỏ / To, Đơn giản / Phức tạp, Tầm thường / Phi thường, Tinh vi / Vĩ đại. . . đều là cặp đối cực của Dịch lý , mỗi cặp đối cực đều như hai mặt của một đồng tiền không thể tách rời, khi đụng vào cái Đây là chạm tới cái Kia, nên trong mọi

sinh hoạt, Tổ Tiên chúng ta cứ theo lộ trình trên được khởi đầu từ Gần, từ nơi chính Minh, thì rồi sẽ tới nơi Xa, rồi cứ tiệm tiến suốt đời, đặc biệt là khi làm mọi sự đều theo “ **Hiện tại miền trường Nơi Đây và Bây giờ (Ever present Here and Now)** “ (L) mà không cứ khư khư ôm lấy thời vàng son quá khứ mà khóc than tiếc nuối, cũng không vọng tưởng những thứ quá cao xa vượt qua Tâm với của mình nơi Tương lại, trong khi mình đang còn chưa sẵn sàng mọi thứ, nên luôn cứ hoàn thiện mọi sự một cách Tương đối và không ngừng hướng về Tuyệt đối mà vươn lên, vì **Tương đối (Ngoại) / Tuyệt đối (Nội) là cặp Đối vực không thể tách rời, không bám vào cái này thì sẽ mất cái Kia .**

HIỆN TẠI MIỀN TRƯỜNG (L)

現在 綿長

綿 Miên: Kéo dài, mềm mại. 長 Trường: Dài lâu

Tình trạng Bây giờ, Hiện nay cứ tiếp tục lâu dài (luôn luôn là Hiện tại : ever present)

(Phong thái An vi 丰采安爲 Kim Định)

丰 Phong: Dồi dào tốt tươi, công lao to lớn 采 Thái: Bình yên, hanh thông

安 爲 An vi: Không Lợi hành, Cường hành mà An hành: chỉ Làm việc hợp với Nhân Nghĩa

“ **Chấp nhận Hiện tại là chấp nhận những phân biệt cụ thể: khởi sự từ Gần, bắt đầu từ cái Nhỏ, cái Dễ. Đó là con đường Lương tri tuy nhiên bị rất nhiều Triết học từ chối.**

Thí dụ Lão Trang không chấp nhận những phân biệt giữa Tốt / Xấu, Dưới / Trên, Xa / Gần, Sống / Chết... Thiếu những cái đó làm chi có Hiện tại, làm chi có quan điểm của con người mà chỉ có quan điểm Vũ trụ, theo đó thì **mọi cái Bé nhỏ ở đây và Bây giờ bị xóa sạch.**

Miền trường cũng bị chối bỏ, vì Miền trường đòi phải có mẫu mực lâu dài bền bỉ mới làm nên cái Miền trường. Và đó là Văn hóa.

Lão Trang không chấp nhận những mẫu mực đề cao những sự tự nhiên đột khởi theo ngẫu hứng, chối bỏ học thuật, "tuyệt học vô ưu". Chối bỏ văn hóa tức là chối bỏ cái miền trường.

Vì nói đến Văn hóa là nói đến những dạng thức đã được nhiều người noi theo một quãng thời gian dài. Thời gian đó càng dài, số người theo càng đông thì Văn hóa càng lớn theo đà.

Con người cũng thế, thiếu mẫu mực đã được theo lâu dài thì không là vĩ Nhân.

Cái làm nên vĩ Nhân không là những việc lớn nhất thời, những ý nghĩ thoáng qua, những cảm tình bông bột, mà phải là sự trường cửu của những cái đó, chính sự trường cửu của hành động theo một mẫu mực kèm theo những cảm tình cao cả mới làm nên vĩ Nhân chân thực. Đó cũng chính là đường đi lên cõi đại Ngã. .

Tuy nhiên có mối nguy hiểm trong sự "Miên trường" đó là sự bóp chết cái luồng Hứng khởi, những đợt Sáng tạo ngẫu hứng tự nhiên, đó là những luồng Sóng vọt ra từ cõi Vô biên, tự Trùng dương của muôn Khả thể.

Thế mà chính những cái hé nhìn, những cái đột khởi nọ là những đạo quân tiên phong trên con đường Tiến hóa của con người, nếu ta tự ví mình với người đi bắt Cá trên sông thì những ngẫu hứng, những Trục thị là những đàn cá: từ bỏ những đợt sáng, hứng cảm là từ bỏ không bắt Cá.

Đó là tội những người câu nệ, cố chấp bám chặt vào luật tắc. Nhưng nếu không có những dạng thức làm như giỏ để đựng cá thì lại như lo bắt cá mà không lo giữ cá.

Cho nên chỉ đáng tên là Hiện tại miên trường khi thể hiện được cả hai: Làm sao vừa giữ được phương thức mẫu mực (khoa học nghệ thuật ở đó) vừa đón nhận được những luồng sáng tạo mới.

Đó là bài toán rất ít người giải đáp được. Triết lý An Vi đã đưa ra giải quyết tiên thiên lý thuyết với ba nguyên lý chỉ thị bằng các số 2-3-5 và phó sản là số 9 tạm được quảng diễn như sau:

PHÂN TÍCH HIỆN TẠI MIÊN TRƯỜNG THÀNH 3 CON SỐ: 2, 3, 5.

Bộ Huyền số 2 -3. 5

2: Vũ trụ quan Biến dịch

3: Nhân sinh quan Nhân chủ

5: Tâm linh Sử quan . Nguồn Năng lượng Tinh yêu sáng tạo nên Vũ trụ.

[Cơ cấu và Nội dung của Việt Nho]

Số 2

Là đặt mọi sự việc trong **tương quan giữa hai hạn từ mà độ sâu hơn cả là giữa Có với không, rồi thứ đến là giữa Động với Tĩnh.**

Vì đó là **đợt cao nhất bao gồm tương quan của mọi cặp đôi khác như Sáng / Tối, Đất / Trời, Tiểu / Đại, Cứng / Mềm, Đục / Cái...** tóm lại là khắp Vũ trụ bởi vì không vật nào nằm ngoài sự giằng co đối đáp đó nên bao la vô cùng, không đâu không có, đến nỗi nói được rằng không nền Văn hóa nào không có những thần thoại bao 30 gồm cặp đôi, y như **không có nhóm người nào mà không có Nam có Nữ, không đâu không có Đất thấp / Trời cao, Sáng / Tối, Ngày / Đêm, Trong / Ngoài, Lành / Dữ...**

Chỉ khác là chúng có đó ở đợt **Lương tri thường nghiệm** mà không được một Ý thức sâu sắc nào nâng lên bậc **Nguyên lý, nâng lên bậc Cơ cấu như với Triết lý An Vi**, nên các Triết thuyết đó không có tương quan Động / Tĩnh, tương duyên, mà chỉ có hoặc **duy Động** hoặc **duy Tĩnh** vì vậy **chỉ có Tiểu ngã chứ không có Đại Ngã.**

Vậy số 2 là căn bản mở đầu cho mọi đức tính cao cả khác. Đó gọi là nét **Song trùng căn cơ** đưa lại cho con người một tác động xứng với bản tính tác hành và vô biên của con người : nó đặt con người vào một tình trạng vô cùng khó khăn nhưng bó buộc phải làm xong, phải tham dự rất mạnh mẽ, nếu không sẽ nghiêng sang một bên rồi mất Nhân tính mà dẫu bề ngoài là muôn vàn phiền lụy tự bệnh hoạn khổ đau cho đến các thứ tai ương xã hội mà then chốt là Chuyên chế với thuyết lý Duy Vật.

Quan trọng ở chữ Duy: Duy Tâm hay Duy Vật cũng đều gặp nhau ở Duy, mà bản chất Duy là nguyên lý Đồng nhất, xóa bỏ Biến động, xóa bỏ mọi Dị biệt là căn nguyên của sự phong phú, nên các chính thể chuyên chế đều ưa những thứ Duy này: Duy nào cũng được: Tâm hay Vật không mấy quan trọng, hễ đã Duy là sẽ đưa đến Chuyên chế, đưa đến Ngưng đọng, đưa đến Đồng đều.

Đến đây ta nhận ra vai trò của số 3.

Số 3 đem sự biến động đặt vào con người nơi thâm sâu đến độ sự biến động trở nên tính chất nền móng của con người. Nói theo Việt Nho thì người là **một Tài trong ba Tài là Trời, Đất, Người.** Trời Đất như hai hạn từ (terms) hay là hai đối cực mà tương quan là con Người, con người xuất hiện như **tương quan giữa Trời cùng Đất.** Đây là một tuyên ngôn quá vĩ đại nên biết bao học giả không dám xét tới, hoặc coi khinh.

Học giả James Legge cho là đại đột. Bình luận thế vì ông đứng ở quan niệm Triết lý bản thể, nên hiểu theo nghĩa người cũng có bản tính cao cả to lớn như trời cùng đất, nếu thế thì Tam Tài quả là điều tầm bậy. Nhưng đứng vào quan điểm năng động, định nghĩa con người là một tác năng thì không có gì là "phạm thượng" vì cái chi con người cũng phải làm ra, cũng phải tạo dựng lấy: từ nghệ thuật, thi, ca, nhạc, khoa học, tinh thần đều phải tự tay tạo dựng: tất cả đều phải là sản phẩm của nhà làm ra...

Xét về phương diện ấy thì con người quả là một tác nhân như Đất Trời, nên cũng gọi là tham thông tức con người thông với trời cùng đất. Chữ tham có nghĩa là cả ba (tam) tham dự với nhau: đây là **người tham dự với Trời cùng Đất.**

Trời cho con thịt, người tham dự vào bằng cách xào, rán, bó giò, làm gói.

Cũng là **Tình người mà làm ra biết bao liên hệ nào Vợ / Chồng, Cha / Con, Vua / Tôi, nào Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ...** Nhân chủ ở tại chỗ tham dự nọ. Vậy phải xét theo quan niệm hành động của con người mới đúng thuyết Tam Tài, thấy **không có việc nào của con người không liên hệ với Trời Đất.**

Nói cụ thể là tùy Nơi tùy Thời. Một việc tốt là một việc do người làm ra ở một lúc xứng hợp, trong một nơi thích đáng: "**the right man in the right place at the right time**" nói kiểu Triết thì một việc phải có cả "**Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa**" mới là tốt: công việc nào cũng phải nương theo Thời và Nơi thì tất phải dành cho con người một chỗ để quyết định Thời và Nơi ấy.

Đó gọi là thuyết Tam Tài. Hậu quả trên đọt triết là **thuyết Tam Tài giúp tránh được tai họa định Mệnh: cái chi cũng phó mặc cho Trời. Còn đây thì "có Trời mà cũng có Ta".**

Vì vậy **không là Cưỡng Mệnh cũng không Định Mệnh mà là Thiên Mệnh được hiểu là Tính con người,** nên thường nói: "**Tận Nhân lực nhi qui Thiên số**": Thiên số đã vậy mà cũng không quên Địa hay **Duy Địa: không Kinh tế chỉ huy tất cả con người vì còn có những cái cao hơn nhiều như Tình và Lý.**

Minh Triết ở tại xếp đặt các yếu tố đó cho hòa hợp: cho cao trên thấp dưới để không có Duy nào hết:

Nhân chủ là vậy .

Ngoài ra quan niệm **Tam Tài còn là con đường tốt nhất để dẫn đến chỗ trọn hảo:** người tốt là gì, là người nghĩ đến việc theo đuổi cái tốt cho mình, mà cũng luôn cho người khác, ít nhất không gây hại cho tha nhân. Lý tưởng là cảm thức được nhân loại tính ở cùng khắp nơi để nói được là "**vũ trụ nội mạc chi phận sự**" không gì tôi không tham dự: nếu vừa tầm sức thì tôi làm hết mình, nếu vượt quá tầm sức tôi thì tôi cũng **vẫn tham dự bằng cả Ý, Tình, Chí** tức chấp nhận cách thành khẩn: vì đó cũng là tham dự vào kiểu cách con người tức bằng tán thành tận tâm. Như vậy cũng là sáng tạo ra cái gì riêng của mình làm như ấn tích mình ghi trên những cái vượt sức, tức mình không những chấp nhận mà còn thành thực mến yêu, đó gọi là amor fati, **không mất chút thì giờ nào vào việc trách Trời trách Đất, trách Người: "bất oán Thiên, bất vu Nhân".**

Nhờ thế vẫn nói được rằng Việc đó là của tôi, Bử trụ của tôi, trong đó tôi có phần đóng góp..

Số 5. Thời / Không lưỡng nhất: Time – Space – Continuum (Einstein)

Đây là bộ phạm trù lớn lao của Thời gian, Không gian quen gọi vắn tắt là Ngũ hành. Chính Ngũ hành làm cho ra cụ thể hai chữ Thời Không quá trừu tượng.

Nó cụ thể hóa bằng cung ứng cho một Cơ cấu nền tảng trên hết mọi Cơ cấu.

Nhờ vậy nó giúp giải quyết không biết bao là vấn đề rắc rối trong Triết để đưa đến chỗ hiện thực bản tính trung thực của con người. Vấn đề rắc rối sâu xa hơn hết trong Triết là vấn đề Hữu hay Vô, hoặc Nhất hay Đa.

Vũ trụ là Nhất hay Đa, vạn vật Nhất thể hay Đa thể.

Chủ trương nhất như Ấn Độ hay Lão Trang thì chối đa tạp biểu lộ bằng không nhận phân biệt cao thấp, tốt xấu, sống chết...

Nếu chủ trương Đa thì chỉ biết có những vật trong hiện tượng, gọi là **Duy-Vật-thể** (chosisme) hoặc hình thức quen thuộc hơn là **Duy Vật** (materialisme). Đó là đẩy vô thể ra khỏi cặp đôi Hữu Vô tương sinh. Nói thấp xuống một bậc là đẩy Trời ra khỏi Đất, đẩy Thời gian ra khỏi Không gian. **Áp đặt vào người là đẩy Vô biên tính ra khỏi con Người, tức vất bỏ linh thiêng tính của nó.**

Nói Ngũ hành cũng là nói **Âm Dương, Không ./ Có, Đất / Trời, Thời / Không**... Tuy nhiên nói thế rất có thể mới ở đợt Lý trí mà không đi vào Cơ cấu, thì rồi tuy miệng nói ra thế nhưng lại mâu thuẫn với mình liền, như Lão Trang chỉ nhận có chung mà thiếu riêng, nhận có trời mà thiếu người. Vì thế cần gắn liền Ngũ hành vào cõi Nhân sinh bằng Ngũ luân (Vợ / Chồng, Cha / Con, Vua / Tôi, Anh / Em, Bè / Bạn) và ngũ thường (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín).

Đó là cụ thể hóa Ngũ hành để nó dễ ăn nhập vào mọi việc. .

Do đấy mà đem hình Việt Tĩnh tức hình Ngũ hành nguyên thủy là kép lên thành Hồng Phạm cửu trù : Hồng Phạm là cái gương_mẫu_cao_cao cả rộng lớn vô biên được tượng trưng_bằng Trù ở giữa. Mọi ô vuông là một Trù, chính chữ Trù lá bờ cõi Trù trung ương gọi là vô biên_vì_ quả thực nó không có bờ cõi Nếu ta lấy 8 trù rời ra khỏi Hồng Phạm thì trù (ô) giữa biến mất. Vì thế cái "trù" giữa gọi là vô Hình, vô Biên, vô cùng tận. **Chính sự vô biên đó mới làm trọn vẹn con người, mới đem lại cho con người hạnh phúc chân thực gọi là Việt Tĩnh tức ví như cái giếng thiêng luôn chảy nước ra linh nhuận mọi việc.**

Việc nào làm theo hướng đó thì sẽ trường tồn, sẽ tạo niềm An lạc, gây Hạnh phúc, nên gọi là nước Cam tuyền (tuyền là giếng gợi ý do chữ Giếng ẩn trong khung ông phạm).

Do đấy trong Huyền sử nước Việt mới có truyện Việt Tinh Cương tức nói đến Đạo lý, cái mẫu mực đem lại An vui, Hạnh phúc.

Việt Tinh Cương cũng gọi là Cứu Lạc vì nó đem lại cho Thân Tâm một sự an lạc do sự quân bình nội khởi làm cho Tâm hồn trở nên An nhiên Tự tại.

Theo quan niệm cổ xưa thì bệnh hoạn phát xuất do sự chênh lệch của Khí Huyết. Lập lại được sự quân bình là khỏi bệnh.

Trên cấp Siêu hình cũng có một sự bình quân siêu tuyệt gọi là "quân thiên" : heavenly equilibrium, khi nó chỉ huy toàn bộ Thân Tâm thì sẽ đem lại sức mạnh làm cho sống hết tuổi đời cách đầy đủ an vui như được uống nước cam tuyền tự trong lòng mình luôn luôn trào vọt.

Chính bản gốc con người là vô Biên tính, những cái làm nên khác biệt của con người không là những cái Hữu hình, Hữu hạn, trật trờ ra trước mắt, mà là **những cái vô Hình, vô Tượng, vô Thanh, vô Xú, những Tình cảm bao la, những Ý nghĩ quảng đại, những Động cơ cao viễn, có đáp ứng được những cái vô Hình đó mới là chí Thành: tức Thành con Người trung trực trọn hảo.**"

Kim Định

LỜI NÓI CŨNG LÀ VIỆC TU HÀNH NGÀY CỦA CÁ NHÂN

Phân trên kia chúng ta đã bàn về Cách Học Ăn , nay tới cách Học Nói , Học Gối học Mở.

để chúng ta nhận ra Bản chất của Tiếng Nói, Mặt Trái mặt Phải của Lời Nói và cách Nói sao cho vừa lòng Mình và thỏa Lòng người .

Lời Nói phát ra từ Lỗ Miệng, nên :

MIỆNG LÀ CÁI CỬA CỦA HỌA / PHÚC

Nguồn của Họa Phúc là ở nơi Ba luật lớn trong Vũ trụ:

DỊCH LÝ (Âm Dương Hòa.) GIÁ SẮC. LOẠI TỰ

TIẾNG NÓI NƠI CỬA MIỆNG LÀ HOI THỞ CỦA TÂM HỒN

TÂM HỒN CHÍNH LÀ HỒN THIÊN SÔNG (ĐỨC NGHĨA) NÚI (ĐẠO NHÂN)

CỦA VĂN HÓA DÂN TỘC

Tiếng Nói là Tấm gương của Tâm hồn, Anh nói thế nào, Anh là như vậy.

Sức mạnh của Lời Nói

Lời Nói Hay giúp người ăn hơn vài lạng, lời Nói Dở hại người đau như Gừng già ~
Lưỡi sắc như Gươm .

Mặt Tích cực và mặt Tiêu cực của Lời Nói

‘Có khi một Lời Nói mà Nước thịnh và một Lời Nói làm Nước Suy (Không Tử)

Đôi voi Phụ nữ , Im lặng là một Trang sức.

Người có Đức Ăn Nói hay. những kẻ Nói hay vị tất đã có Đức

Nói Ngọt lọt đến Xương.

Roi Song đánh đoạn rồi thôi. Một lời Xiết cạnh muôn đời chẳng quên

Đừng bao giờ nguyên rủa, đó là dấu hiệu của một Tâm hồn tội lỗi và Kiêu ngạo

Nói chuyện chớ châm chọc để người buốt. Nói đùa chớ cạnh khốc để người đau!

Sa Chân thì chết Đuối, Sây Miệng thì chết Oan .

Ba điều đuối Đàn Ông ra khỏi nhà: Một là Khói, Hai là Mưa, Ba là Vợ hay cần nhân.

Nghe nhiều Nói ít.

Người khôn Nói ít hiểu nhiều, Đừng như người Dại Nói nhiều nhằm tai.

Nói mà không Nghĩ cũng như Bắn mà không nhắm

Chớ Nói lắm, Nói lắm thì lỗi nhiều!

Thóa mã là lý lẽ của kẻ làm lỗi.

Lời Nói đáng tin thì giọng không đẹp, Lời Nói Giọng đẹp thì không đáng tin

Xảo Ngôn lịnh Sắc tiền hỷ nhân:Nói khéo và hình dáng đẹp bề ngoài là ít có lòng Nhân vậy

Ăn lắm thì hết miếng ngon, Nói lắm thì hết Lời Khôn hóa Rồ

Bề ngoài thon thót Nói Cười , mà trong nham hiểm giết người không Dao

Người Khôn ăn nói nửa chừng. Để cho kẻ Đại nửa mừng nửa lo.

Ngôn ngữ phải cho lịch sự cũng như Y phục phải cho chỉnh tề

Kẻ nào không có Trí tuệ thì không thể Nói năng dịu dàng

Lòng tốt và Từ ngữ đẹp là hai chiếc Cánh giúp con người bay lên Đỉnh cao của sự Hiểu biết và Tình Thương.

Lời Nói có sức mạnh nhưng chỉ có Ý nghĩa khi nó được Nói từ Trái Tim và nhắm Mục đích Tốt lành.

Lời Nói mang Minh triết Cuộc sống

Người Hay ít Nói, người Nông Nói lắm Lời

Ăn có Nhai, Nói có Nghĩ , Ăn không Nói có

Nói hay hơn hay Nói

Phải uốn lưỡi 7 lần trước khi Nói

Ăn bớt đọi (Bát), Nói bớt Lời

Kim vàng ai nữ y uốn câu, Người khôn ai nữ Nói nhau nặng Lời

Chim khôn kêu tiếng rảnh rang, người Khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe

Khi ăn thì phải lựa Nồi, khi Nói thì phải lựa Lời chớ sai

Ăn ngay Nói thật, mọi Tật mọi Lành

Nói là Bạc, Im lặng là Vàng . Lời Nói gói Vàng.

Lời Chào cao hơn mâm cỗ

Một câu nhin, Chín câu lành

Biết thì thưa thốt, không biết dựa cột mà nghe

Lời Nói là một Món Nợ

Nói lời phải giữ lấy Lời, đừng như con Bướm đậu rồi lại bay
Nói 9 thì phải làm 10. Nói 10 Làm 9 kẻ cười người chê
Một câu nhịn Chín câu lành
Nói thì dễ, Làm thì Khó
Tiếng Lành đồn xa, tiếng Dữ đồn xa
Người Giàu tặng Cửa, Người Khôn tặng Lời
Thuốc đắng giã tật, sự Thật mất Lòng
Nói gần nói xa, chẳng qua nói Thật
Bạn chỉ nên mở miệng khi bạn chắc chắn rằng là bạn sắp nói ra sẽ tốt hơn sự im lặng
Lanh lẹ việc làm, Cẩn thận câu Nói
Lời Nói giản dị mà Ý sâu là lời Nói hay
Nói là Gieo, Nghe là Gặt
Quân tử nói bằng việc Làm, Tiều nhân nói bằng đầu Lưỡi
Khôn ngoan đối đáp người ngoài, Gà cùng một Mẹ chó hòaai đá nhau
Cái tiểu Khê (tuổi nhỏ) róc rách ồn ào, con Sông cái thì giòng chảy lại êm đềm.

TRAU DỜI
“ NÓI CHO HAY,
“ LÀM CHO PHẢI “
LÀ “ CÁCH TU THÂN HÀNG NGÀY”
MỘT CÁCH TUẦN TỰ NHI TIẾN
MÀ MỌI NGƯỜI VN NÊN CÙNG GIÚP NHAU TRAU DỜI.

CÔNG VIỆC LÀM THƯỜNG XUYÊN CỦA DÂN TỘC

NẾP SỐNG THEO DỊCH LÝ

Tuy nếp sống của từng Cá nhân, từng Cộng đoàn, từng nền Văn Hóa, từng Tôn giáo, có muôn màu muôn vẻ, nhưng đại loại cũng chỉ có thể xếp lại thành Ba nếp sống:

1.- DIỆT DỤC 滅欲 滅 Diệt : Giết, dập tắt 欲 Dục : Ham muốn

Diệt Dục có lợi là sống vừa Hãm Xác thịt vừa Hãm Ước muốn nơi Tinh thần, nhưng khi hãm xác quá không có đủ nhu cầu cho Thể xác để phát triển toàn diện con người, nên cũng ảnh hưởng đến Tinh thần.

Cách tu Nơi Dòng khổ tu Công giáo vừa hãm xác vừa mặc áo nhặm vừa đánh roi để hãm ham muốn xác thịt cũng như Tinh thần.

2.- ĐA DỤC 多欲 多 Đa: Nhiều 欲 Dục : Ham muốn

Đa dục là lối sống của Tư bản. Tư bản là Capitalist, Capitalist is Greed, Greed is good; Tư bản là tham lam lợi, tham lam lợi là tốt, nên chỗ nào, cách nào có lợi là Tư bản tới, hết lợi là tư bản bỏ đi. Nền tảng của Chế độ Tư bản là **Tự do kinh doanh**, và **Tự do cạnh tranh** nhưng cũng có chính sách **Lao tư lương lợi**

Đây là **nếp sống to Thuyền Sóng**, con người làm việc rất cật lực để thu được nhiều lợi, nhiều khi sa vào cảnh Lạm dụng thừa và gây ra căng thẳng Tinh thần, như bệnh Tâm thần phân liệt (schizophrenia symptom). Nho giáo bảo là “**Hà dĩ thân nhi hành dịch**: Sao đem thân ra mà hành hạ quá đáng ?

3.- QUẢ DỤC 寡欲 寡 : Ít, suông, nhạt nhẽo 欲 Dục : Ham muốn

Quả dục là lối sống không theo Diệt dục mà hãm thân xác quá đáng không giúp cho con người có đủ nhu cầu phát triển toàn diện, và cũng không theo Đa dục, làm việc quần quật, để sống lạm dụng mọi thứ kiểu “to thuyền to sóng” làm cho cuộc sống con người luôn căng thẳng gây ra bệnh Tâm thần phân liệt (Schizophrenia syndrome), bệnh Tâm thần có liên quan tới nạn xả súng bắn hàng loạt cũng do lối sống quá căng thẳng mà ra!

Quả dục là lối sống **Tiết độ** (Moderation) mọi thứ “**Không Hơn không Kém** (No more no less) “**biết đủ là đủ** (Tri túc thời túc: enough is enough), **nên không lạm dụng Năng lực của Minh và cũng như lạm dụng Tài nguyên thiên nhiên**.

Vậy Quả dục là nếp sống **Chiết trung** (eclectic) giữa Diệt dục và Đa dục theo Dịch lý Âm Dương Hòa.

CÁC CHẾ ĐỘ: TƯ BẢN / CỘNG SẢN lương nhất : BÌNH SẢN

Không những trong nếp sống mà đến chế độ cai trị Dân Tộc Tiên chúng ta cũng theo Dịch lý Âm Dương Hòa.

Tư bản chủ trương quyền Tư hữu / Cộng sản chủ trương quyền Công hữu.

Tổ Tiên Việt chủ trương chế độ chính trị theo Dịch lý Âm Dương Hòa, do đó mà có chế độ Nhân trị gồm Lễ trị / Pháp trị lưỡng nhất với nền tảng **Công Hữu / Tư hữu lưỡng nhất**, tức là:

TU BẢN / CỘNG SẢN lưỡng nhất: BÌNH SẴN

(**Lấy Công điền điều hòa với Tư điền** giúp cho cuộc sống mọi người dân được tương đối xứng với Nhân phẩm)

Còn nền Công nghiệp Hoa Kỳ lấy **Thuế Lũy Tiến** (Công hữu) lập nên **Quỹ An sinh Xã hội** để thiết lập nền **Công bình xã hội tương đối** giúp những người có Lợi tức thấp sống xứng với Nhân phẩm.

ĐÂY LÀ NỀN TẢNG

“ TRIẾT LÝ NHÂN SINH “ VÔ CÙNG QUAN TRỌNG

CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM

Xưa nay, Khi làm Văn Hóa chúng ta chỉ quan tâm đến **Văn học Nghệ thuật** mà ít đã động tới **Triết lý Nhân sinh**, có lẽ cho rằng việc Ăn uống, Tinh dục là công việc mà ai cũng biết và cho là vấn đề tầm thường tế nhị không nên bàn tới, mà không để ý tới điều mà Tổ Tiên chúng ta bảo “ **Vật khinh Hình trọng: Việc tuy tầm thường nhưng tác dụng của việc lại quan trọng cho cuộc sống !**

Ngoài ra, do ảnh hưởng của **nét Gấp đôi** (Twofoldness). nên Văn Hóa Tổ Tiên gồm có hai phần:

“Văn học Nghệ thuật “ là phần “ Nghệ thuật vị Nghệ thuật “.

“Triết Lý Nhân sinh “ là phần “ Nghệ thuật vị Nhân sinh “

Nghệ thuật vị Nhân Sinh / Nghệ thuật vị Nghệ thuật lưỡng nhất : Văn Hóa Thái Hòa Việt

Nam, mang tên: VIỆT NHO & TRIẾT LÝ AN VI.

Văn hóa lại còn có nét Gấp đôi khác, đó là **Kinh điển** của **Văn gia** và **Văn chương Truyền khẩu** (Ca dao Tục ngữ) của **Chất gia**, nên được “ phổ biến cho toàn dân, gồm cả thành phần ít hay vô học “, khác với Văn hóa của Tây phương chỉ riêng cho Quý tộc, còn lớp Bình dân không có Văn hóa riêng cho giới mình !.

Nhờ Văn chương truyền khẩu mà suốt trường kỳ Lịch sử 5000 năm, các nhà cầm quyền Hoa Hán đã tìm hết cách tiêu diệt Văn Hóa để nhằm Tiêu diệt Dân tộc Việt Nam , nhưng đã thất bại !

Kinh điển Việt Nho / Văn chương truyền khẩu lưỡng nhất làm nên : Văn Hóa Việt Nam.

KẾT LUẬN

Qua Đường **ĂN LỐI Ở** của Dân tộc Việt Nam từ Việc **ĂN Uống, Đi Đứng, Việc Nhà, việc Nước, việc Nghỉ ngơi, đời sống Vợ Chồng, đời sống Gia đình, đời sống Cộng đồng** , cũng như **Hội hè đình đám**, từ **Tư tưởng** cho đến **Việc làm** nhất nhất việc gì đều được làm thuận theo **Dịch lý**, tức là **Thiên lý**.

Đây là “ **lối Tu thực tiễn hàng ngày phổ biến cho Toàn dân Việt Nam** “, cách Tu Dân già này vừa nhẹ nhàng, vừa tùy theo khả năng từng người, tuy mức độ khác nhau , nhưng ai ai cũng làm được, nhất là trong cuộc sống hàng ngày, khi gặp nhau là mọi người nói chuyện, hò hát vui vẻ với nhau, hằng lưu tâm đến nếp sống thường nhật của nhau , nên vô cùng quan trọng cho sự thắt chặt “ **Tình Nghĩa Đồng bào** “ để nhắc nhở nhau về hai việc quan trọng lớn lao :

“ **Hoàn Thiện mọi Việc làm bất cứ Nhỏ To** “ , và
“ **Hoàn thiện mối Liên hệ Hòa với Tam Tài: Trời Đất, Người** “

Trời: Nguồn Tâm linh, Trời ở khắp mọi Nơi, mọi Thời, ở ngay trong Lòng Minh, nên tu Đạo Nhân là tu Tâm, phải Tu trong đời sống thường nhật.

Đất: Nguồn Khoa học : Đức Nghĩa: Lễ Công bằng. phải học hỏi cho rõ ràng và hành xử công bằng với nhau.

Người: Trách nhiệm hành xử với Đồng bào và tha nhân : khi giao tiếp với nhau trong cuộc sống thì phải Sống sao cho được Hòa vui với nhau.

Tóm lại , mọi người luôn phải luôn hành xử theo Tinh thần:

“ **NHÂN NGHĨA, BAO DUNG** “

Nên nhớ Tu Thân trong cách sống hàng ngày là “ **Tu từ từng trong mọi việc làm** “ , Minh tự ý chăm lo sửa đổi Tính Nết mình một cách nhẹ nhàng suốt đời theo “ **Hiện tại miên trường trong mọi Nơi và mọi Lúc** “ , không bao giờ ngừng nghỉ và luôn cần Tinh tiến.

Có Tu Thân mới Tề Gia được, còn Tề gia thì còn phải tiếp tục tu Thân trong mọi sinh hoạt hàng ngày của mình.

Có Tu Thân mới Trị Quốc và Bình Thiên hạ được, khi nào hết Trị Quốc Bình Thiên hạ thì vẫn còn Tu Thân, nghĩa là khi còn Sống thì vẫn còn Tu Thân.

Toàn dân sống được như vậy, thì làm sao mà chẳng ám no hạnh phúc, đâu phải cần đôn đảo ngược xuôi Đông, Tây, Nam, Bắc mà tìm “ độc dược xa lạ “ về mà làm phân tán Dân tâm “ gây ra cảnh phân hóa tàn Dân hại Nước.

Cây Đũa Thần cứu con Người, Gia đình và Dân tộc đã nằm sẵn trong Tâm Trí của mọi Người, cứ “ làm Người theo Thiên lý NHÂN NGHĨA BAO DUNG “ thì Hạnh phúc sẽ tìm đến với Mình, Mình chẳng cần đi tìm đâu xa, mình càng rượt đuổi nó thì cái bóng Hạnh phúc trong mình càng lánh xa mình , vì “ Đạo bất viễn Nhân “ : Đạo không xa con Người, Đạo xa con Người không phải là Đạo Thật, Đạo ở khắp mọi Nơi, mọi Thời và cũng ở ngay trong trong Tâm Trí con Người, đó là Đại Đạo Âm Dương Hòa, Đạo của nguồn sống Hòa vui Hạnh phúc cùng nhau, nhờ đó mà ngay nếp Sống “ thanh bần cũng được thường lạc “ !

Tổ Tiên chúng ta đã chứng nghiệm được nếp sống Thái hòa nhưng Bất khuất này qua hàng ngàn thế kỷ để tồn tại cạnh một nước rất lớn “ Tham tàn và Cường bạo “

Không may có một số không muốn tu Thân theo Thiên lý, vì Lạc Hồn NHÂN NGHĨA BAO DUNG của Dân tộc, ăn phải của độc lạ, nên a theo chủ nghĩa Vô Thần, cứ tưởng tìm cách Gian giáo Cướp dật cho mau hạnh phúc, nhưng hãy trưng mắt ra mà xem “ Cái Gì dễ Đến thì dễ Đi “ mà còn có Tai họa kèm theo, Tai Một thì Họa Trăm ! “

Trong cách Tu thân thì bên Phật giáo cho Thời gian là cơ hội làm theo dục vọng Tham, Sân , Si, nên Chấp mà vướng mắc vào nghiệp chướng oan trái ở đời, nên phải tỵ thế bầu Diệt dục: Tham, Sân, Si để giải thoát.

Còn Nho giáo thì chia đời ra làm một số giai đoạn để Tu Thân, một mặt thì từ khi trưởng thành đến tuổi 50 là lúc đã “ tri Thiên Mệnh “ đã thấm được mùi vị cuộc Đời, giai đoạn này là lúc Suy tư vào đời để “ Chấp “ mà sống, và cũng giúp “ có đủ phương tiện sống “ để có dịp Quy tư vào Tâm hầu “ Phá Chấp “ , sao cho Suy tư (Chấp) / Quy tư (Phá chấp) được lưỡng nhất hầu đạt trạng thái Phong Lưu: An nhiên tự tại.

Nên nhớ, khi còn sống trong thế giới ĐỘNG theo Hiện tượng thiên nhiên thì mọi sự đều tương đối, vì Thời gian biến đổi không ngừng, nên trong hai giai đoạn Suy tư và Quy tư con người đều “ cần nương theo cánh Thời gian “ mà Chấp “, để rồi mà “ Phá chấp “ hầu thăng hoa nếp sống bằng cách xả bỏ mọi thứ để cho nhẹ gánh, như Thánh Gandhi đã bảo “ Je me reduit à zero : Tôi triệt giảm mọi thứ cho thành con số không, còn Khổng thì theo bước đường “ Tử tuyệt tứ : Vô tư, vô cố, vô tất, vô ngã “ theo Dịch lý:

“ Dịch : Vô tư dã , Vô vi dã , tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi Cố “ bằng cách vô tư vô vi để “ Định nhi hậu năng Tĩnh. Tĩnh nhi hậu Năng Yên, Yên nhi hậu năng Lự, Lự nhi hậu năng Đắc “ : Đắc đại Đạo “ Âm Dương Hòa “. với mục đích là để xả cho nhẹ Gánh trần gian , khi đó mới mong chui qua được Cửa Hẹp, hầu đạt tới cảnh giới TĨNH, nơi vắng bóng Không Thời gian, không còn có biến hóa đổi thay, nơi đây mới là cảnh giới của lãnh vực Tuyệt đối vĩnh hằng:

Chân (Hữu: Dương) Không (Vô: Âm) Diệu Hữu của đạo Phật.

Đạt “ Huyền (Dương) Tấn (Âm) chi môn “ vì bao quát được Âm Dương của đạo Lão,

Và đạt Phong thái An vi, đó là cảnh giới Phong (Gió Trời:Dương) Lưu (Nước : Đất:Âm) của Nho giáo: An nhiên tự tại !

SÁNG TAI HỌ, ĐIẾC TAI CÀY

Nước ta trước đây là một nước Nông nghiệp còn thô sơ, Nông dân chỉ dùng Trâu Bò Cày Bừa ruộng nương để Gieo Trồng, nên mới có Thành ngữ **SÁNG TAI HỌ, ĐIẾC TAI CÀY**

“ Thành ngữ “**sáng tai Họ điếc tai Cày**” trước hết chỉ hiện tượng trâu bò lười biếng khi cày ruộng. Nếu người cầm cày hô **Họ** (ở miền Trung và miền Nam hô “ **Hò**”) tức là dừng lại, thì trâu bò nghe rất tinh nhanh, lập tức dừng lại ngay, ấy thế mà khi nghe hiệu lệnh **Cày** thì chúng cứ ùng ùng ùng ùng, như chẳng nghe thấy gì.

Dần dần trong tiếng Việt, thành ngữ này được dùng để chỉ những người có ý lười biếng, không muốn làm việc, lười khùng trong công việc: Khi cần làm việc thì cứ như là không hay biết gì, lảng tránh, làm việc ẻo oải chỉ mong chóng đến giờ nghỉ; rất tinh tường khi nghe hiệu lệnh nghỉ và điếc khi có hiệu lệnh làm việc.

Điều lý thú hơn, thành ngữ này được mở rộng nghĩa để chỉ những người am hiểu sâu sắc về cuộc sống, về thế sự nhưng vì một lý do nào đó lại tỏ ra bàng quan, giả vờ như không hay biết gì, không quan tâm, thậm chí như là kẻ ngốc nghếch. Nấp trong cái vỏ ngô nghê mà họ biết tường tận việc đời, việc người. Ta thường gặp những con người như vậy trong cuộc sống, trong văn thơ:

**Trong thiên hạ có anh giả điếc
Khéo ngo ngo ngác ngác ngơ là ngậy,
Chẳng ai ngờ Sáng tai Họ Điếc tai Cày.**

(Nguyễn Khuyến, "Anh giả điếc")

Vậy thì đánh giá con người đâu phải chỉ có căn cứ vào bề ngoài, cách nói, cách làm mà phải căn cứ vào điều họ nghĩ, chiều sâu trí tuệ của họ. Làm được như vậy quả là không đơn giản. “

(Theo QuehuongOnline.vn)

Trong thời đại mà cái Chế độ được tự tôn là “ **Dân chủ, Văn minh, công bằng Tiên bộ,**” thì câu Thành ngữ trên lại mang một tinh thần mới, rằng là khi nói tới câu : “ **Huyết khí chi dũng** “; Cái tính khí **hung hăng làm điều bất Nhân bất Nghĩa, khi chưa nghe hết câu thì tai đã rất tỏ tường,** cứ hè nhau vác Liềm Búa ra đường Đấu tranh giết cướp, thì rần rật từng đàn từng lũ kẻ trước người sau, hò hét kích động nhau làm rung Trời chuyển Đất., làm cho khí thế Khách mang tràn dâng, chỉ vì chỉ **muốn ăn nhiều, ăn cả mà không phải đổ mồ hôi, sôi nước mắt, mà chỉ tốn nước Bọt mà thôi,** .

Còn với câu: “ **Nghĩa khí chi dũng** “ của **Tinh thần Bất khuất của Tổ Tiên** nhằm xây dựng và duy trì sự sống công bằng Xã hội, hầu sống hòa vui, đoàn kết với nhau thì lại xảy ra tình trạng **Điếc tai Cày. Cày** đây là **dân nông nghiệp nghèo của nền Văn hóa Tổ Tiên** dưới sự lãnh đạo của **đảng CSVN.**

Khi nghĩ kỹ lại, sở dĩ tình trạng này xảy ra là sau khi bị áp bức bóc lột lâu ngày trong thời **Nô lệ Tàu và thực dân Pháp** . Vì bị áp bức bóc lột khổ đau quá, chỉ lo tìm mọi cách để sinh tồn, một số đã quên mất **Tinh thần Nhân, Nghĩa, Bao dung** của dân tộc, lại theo Mới nói Cũ, học được cái thói tranh dành miếng ăn theo lối : “ **Mâu thuẫn thống nhất** “ của **Các Mác**, rồi lại theo Mao nữa để học cho thấu triệt cách hành xử **Bạo động độc tài** để làm **Khách mạng Triệt để** hầu **độc trị** mà dành miếng ăn, cứ nhìn vào tình trạng **đốt lò** của **đảng trưởng VN** đang **thieu** những người **cao cấp nhất** của **đảng CSVN**, chính họ là kẻ tham những những vớ cực kỳ to lớn và trắng trợn nữa , họ **hăng hái thật, nhiệt tình thật, hy sinh thật** nhưng chỉ **hăng hái nhiệt tình hy sinh** trong việc **dùng nước bọt** để **tuyên truyền** mà **xây dựng** **đảng độc tài độc trị** mà **chiếm tài sản quốc gia**, để cái gì cũng **biến thành** của **đảng hết**, đến nỗi **Nhân dân** , **Quốc gia** cũng được **hóa thành** của riêng của **đảng**, **Quốc gia Dân tộc** chỉ còn là “ cái **KHIÊN** “ **bao che** **đảng**, không ai được **đụng tới**, **hễ đụng tới** là **phản Nhân dân, phản Quốc gia Dân tộc**, là **đương nhiên** **đụng tới** **đảng**, thì **đảng phải tự động** có **nhiệm vụ** **dùng luật Bỏ túi** **nghiêm minh** của **đảng** mà **nhốt vào tù** cho **thân tàn ma dại**, để ra uy cho mọi người **biết rằng** là **phải yêu nước** theo **lối Đồng nhất** của **đảng** như **Cụ Phan Khôi** đã chỉ ra là thứ “ **Hoa Cỏ Cù Hồ** “ thì mới được **sống yên thân**.

Theo **đảng**, đó là thứ **Tự do Dân chủ** thực sự **tốt đẹp**, nên **xã hội** được **vô cùng công bằng** **tiên bộ** và **Văn minh!**

Đảng đã nói rõ, **đảng** chỉ có **Tự do Dân chủ** trong **đảng**, nghe **đâu** mọi việc trong **đảng** đã có **Ban Ám sát** **ương lo**, nhưng **phải** **độc tài** với “ **Đám kẻ Thù giàu có và Trí thức** “ , còn **nhân dân** **nghèo khổ** thực **chất** **chẳng** **qua** là **đàn nô lệ** **trá hình** của **đảng** chỉ để **phục vụ** **đảng** mà **thôi**, nên **xã hội** chỉ **cần** đến **Dân quyền** cho những **kẻ nai lưng** làm việc để **đóng góp** **xây dựng** **đảng** , còn trong “ **chế độ Vật bản** “ của **Mác Mao** thì **đâu** **cần** đến **Nhân quyền** làm gì **thêm** **vô ích!** , Thế mới rõ **đảng** chỉ **lật** **thế** **cờ Chủ / Nô, Nô / Chủ** chỉ làm cho **xã hội** **mất** **Luân thường** **Đạo lý** mà **ról ren** , **con người** **mắc** **vào** **vòng** **lao lý** **đau thương** !

Do đó mới rõ ra là đảng đã “ Sàng tai Mác Mao “ , mà điếc tai Cày Dân tộc: Điếc về “ Đạo lý Nhân Nghĩa Bao dung của Tổ Tiên “

Đã nửa thế kỷ nay , biết bao người yêu Nước thương Nòi đã đem giòng huyết lệ rải Tâm tình trầm thống tang thương của Dân tộc lên trang giấy bằng lời Ca tiếng Hát, Lời Thơ lâm ly hùng tráng, những giòng Tâm tư da diết, nhưng chỉ sáng Tại họ - những người Quốc gia yêu nước- mà lại vẫn điếc Tai Cày : những người phản bội đuổi Tổ Tiên đi, mà rước hồn Ma Quỷ Mác Mao lên Bàn Thờ Tổ !

Xem ra cái lối sinh hoạt của Quốc gia không còn tác dụng bao nhiêu, công việc đấu tranh đã kém phần hứng khởi, vì chưa kết hợp được hoạt động của từng Cá nhân, từng Phe nhóm, từng đảng phái, từng Tôn giáo theo Chủ đạo Hòa chung, có chăng là chỉ xoa dịu được chút nào lương tâm của một số con dân yêu nước. mà chưa có gì làm lay chuyển được Quốc nạn Quốc nhục chung của Dân tộc, vì chưa quật khởi được Tinh Thần Hùng Dũng Bao dung của nền Văn hóa Tổ Tiên , nên chưa cổ vũ được sự đoàn kết toàn dân, thì làm sao có đủ Nội lực để tẩy sạch được những vết nhơ Quốc nạn Quốc nhục đã bị ô nhiễm lâu ngày!

Xem thế, nền Văn Hóa Thái Hòa Tổ Tiên quan trọng đến Vận mệnh của con Người và Dân tộc biết chừng nào, nên mọi người dân nhất là các nhà Giáo dục, các nhà Truyền thông. các nhà làm Chính trị, không thể quên lãng!

Nhu cầu của những người Quốc gia Yêu Nước Thương Nòi hiện nay trước tiên là phải phục hoạt cho được nền Văn hóa Bất khuất của Dân tộc, không có Tôn giáo nào , đảng phái, Phe nhóm nào có thể thực hiện được sự Đoàn kết toàn dân, mà Dân tộc không bị phân hóa .

Văn Hóa Dân tộc mới là mẫu số chung của toàn dân không trừ một ai , CSVN đã bỏ Nhân Nghĩa của Tổ Tiên, mà a đua theo Hận thù Mác Mao thì cứ tìm về nơi đất nào của Mác Mao mà ở, mà xây dựng chủ nghĩa CS một cách Tự do, không còn ai mất công để phản đối.

Việt Nam không là quê hương của CSVN, chỉ là Quê hương của Dòng Giông Tiên Rồng, của Đồng bào VN, của những ai tôn thờ Tinh thần NHÂN NGHĨA HÙNG DŨNG BAO DUNG của Giòng dõi Tiên Rồng, của Quốc Tổ Hùng Vương, để sống được như con người đúng nghĩa ,chứ không có chỗ cho “ Hận thù Giai cấp “ để đưa nhau xuống hầm tai họa ! .

Công trình Cứu và Dựng nước vô cùng to lớn và khó khăn chỉ cậy trông và các vị lãnh đạo Tinh thần , các Ngài là những Vị không những có bổn phận truyền giáo mà còn có khả năng giúp Đòi hiệu lực hơn mọi thành phần khác , vì không giúp để cho Đòi có tự do Tôn giáo và Văn hóa thì làm sao có môi trường để sống, để tu trì, để có môi trường truyền Đạo.

Các Đảng phái cũng không thể tách rời tinh thần Dân tộc, vì không có tinh thần Dân tộc thì làm sao phục vụ được con Người toàn dân, chứ không chỉ phục vụ riêng cho đảng.

Các Vị Truyền thông, các Vị trí thức lại càng quan trọng cho công cuộc truyền bá việc Phục quốc, thất phu còn hữu trách hưởng chi các Vị thành phần ưu tú của Dân tộc này!.

Theo tác giả Nam Thiên, Công Tử Lang Liêu đã kết tinh Tinh thần Dân tộc vào trong cái Bánh Trời Tròn (Bánh Dầy) và bánh Đất vuông (Bánh chưng), trong đó mỗi người Dân ví như những hạt nếp tinh tuyền, đã được ngọn Lửa Tình thương nung nấu kết lại thành một khối quện vào nhau không thể tách rời *(: Bánh Chưng), còn Bánh Dầy thì lại được sức mạnh của cối chày quét nhuyễn làm cho các hạt nếp quện đều vào nhau như là nguồn Lý công chính liên kết mọi người sống hòa với nhau , nhờ tinh thần **NHÂN NGHĨA BAO DUNG** mà mọi người trong nước đoàn kết khăng khít với nhau thành một khối độc nhất theo Tình Nghĩa Đồng bào, chưa có một nước nào có được cái Tinh thần bao dung cao cả như vậy, vì:

Con Rồng là Dòng Trai hùng biết sống theo Nhân Nghĩa mà không cần dơ nắm tay ra đấu đá nhau mà dành miếng ăn như loài Lang Sói!

Cháu Tiên là Giống Gái đảm cao cả với Lòng Nhân ái bao la, khiêm cung tốt đĩnh, nên khi mọi người sống chung với nhau thì nhờ vào lòng Bao dung, giúp “ Lá Lành dùm Lá rách “ hầu sống hòa vui với nhau , đó là lối sống mà Tổ Tiên gọi là “ Tình Lý tươngTham “ hay theo Tổ Tiên ta là “ Nhân Nghĩa nhập Thần “ hay : Nhân Nghĩa lưỡng nhất (: Dual unit), chứ không hận thù theo Giai cấp của chế độ Nô lệ Tây phương mà Giết Cướp nhau.

Nếu có ai bắt Nhân mà phạm tội bắt Công thì phải được xét xử công minh, chứ không thể vu oan giá họa ,rồi dùng số đông lấy Thệt dè người mà đày đọa sát hại nhau !

Tổ Tiên chúng ta đã có chế độ Nhân trị gồm Lễ trị và Pháp trị. Lễ Trị là phương cách giáo dục mọi người biết yêu thương , kính trọng nhau mà ăn ở công bằng với nhau để tự mình tránh phạm pháp. Là con người không ai toàn thiện cả, tất phải mắc sai lầm, nên cần có Pháp trị, dùng luật lệ công minh để duy trì trật tự xã hội.

Lễ trị là “ hàng rào cảnh phạm pbáp bên trong nơi từng Cá nhân “, Pháp trị là ” hàng rào cảnh ngoài xã hội “. một xã hội chỉ có Pháp trị dẫu cho pháp luật có được soạn thảo chi tiết bao nhiêu thì vẫn có nhiều chỗ hở. Hoa kỳ là nước Pháp trị rất công minh, nhưng không tránh được nhiều tội phạm. Do đó mới nhận ra là đời sống Tâm linh “ về Tình thương và Lý công chính “ không được giáo dục ở Học đường là thiếu sót quan trọng! Việc tách tinh thần Tôn giáo ra khỏi lãnh vực Chính trị cần phải được xét lại!

Nói tóm lại, đã gần nửa thế kỷ, đa số chúng ta đã viết những lời thổ lộ nỗi uất ức trào dâng của mỗi chúng ta, mà chưa có kế hoạch liên kết chung để làm việc lớn, đó là sự đóng góp đặc lực của Toàn dân , muốn thế, thì tiên vàn phải có một Chủ đạo Hòa của nền Văn Hóa làm nền tảng cho sự đoàn kết toàn dân, đó là mẫu số chung cho công cuộc Cứu và Dựng nước, chúng ta không thể không nương theo con đường Thái hòa của Văn Hóa Tổ Tiên đã dày công xây dựng và đã thực hiện một cách hiệu quả suốt trường kỳ Lịch sử 5000 năm. tuy hoàn cảnh và thời gian khác nhau, nhưng Lộ đồ Tu, Tề, Tri, Bình thì vẫn không mất thời gian tính.

Con Đương Chấn hưng tinh thần Hùng Dũng của Dân tộc là không thể bỏ qua, và Chiến lược và Chiến thuật cũng y nguyên như thời Hậu Lê vẫn đặc dụng , đó là:

Chiến lược: “ Lấy Đại Nghĩa để thắng Hung tán. Đem Chí Nhân mà thay Cường bạo” (Nguyễn Trãi)

Chiến thuật: “: Dĩ Nhu thắng Cương, dĩ Nhược thắng Cường “

Chiến lược và Chiến thuật của Tổ Tiên chúng ta không những theo Dịch lý mà còn thuận với Thiên Lý nên trường tồn với Thời gian,

Các nhà làm chính trị cần nắm vững tình hình cụ thể của Đất nước trong từng lãnh vực, cùng Chủ đạo chung của Dân tộc mà hoạch định ra Chiến lược và Chiến thuật cụ thể thích hợp với hoàn cảnh nước nhà mà vận động toàn dân phát động Phong trào Cứu và Dựng Nước cho được hữu hiệu. Do đó mà phải có Tổ chức rộng lớn cùng sinh hoạt thường xuyên của Ban Chỉ đạo Phục Quốc để giúp mọi người dần thân.

Quốc nạn đã trải dài thế kỷ rồi, bây giờ không còn là thời gian chửi rửa than van tội ác nữa, mà phải ngồi lại cùng nhau, chung Lòng chung Trí, góp sức với nhau mà lo việc lớn chung, khi có được nhiều tay thì chúng ta mới vỗ nên BỘP.

Thiền nghĩ là từ Tôn giáo đến Giáo dục, tới truyền thông xã hội cùng “ mọi Thành phần trong cộng đồng, thành phần nào liên kết theo thành phần đó, chịu khó liên kết với nhau, tương thân, tương ái, tương trợ trong cuộc sống hàng ngày, trong nghề nghiệp, khi mọi thành phần đều được liên kết tương thân tương ái với nhau, thì tình Đồng bào sẽ dẫn đưa chúng ta tới đoàn kết Dân tộc.

Khi chúng ta yêu thương, Kính trọng nhau, thành Tâm khấn Ý với nhau thì Hồn Thiêng Sông Núi tức là Tinh thần Nhân Nghĩa sẽ là Thần khí dẫn lối chúng ta tới Đoàn kết Dân tộc.

Khi Dân tộc đã đoàn kết thì việc gì mà con người Nhân Nghĩa Bao dung chẳng làm xong ! Tương thân tương ái là cây Đũa Thần giúp chúng ta phục Quốc hữu hiệu, miễn là mọi chúng ta đều kiên trì gắng công.

Cầu Xin Ôn Trên soi sáng độ trì cho mọi chúng ta trên bước đường tìm về Hồn Thiêng Nhân Nghĩa Bao dung của Dân tộc !

Hy vọng quý Vị lãnh đạo Tinh thần và các vị truyền thông, các vị Trí thức, các Giáo chức. . . liên kết với nhau khởi công đem lại những đóng góp tiên khởi cho Công cuộc to lớn “ Vạn sự khởi đầu nan “ của Dân tộc !

Đây là thiện ý gợi ý của chúng tôi, kính mong quý vị tài cao đức trọng công hiến cho toàn dân những công trình Cứu và Dựng Nước một cách thực tiễn và hữu hiệu.

Kỳ vọng thay!

Công Dân Việt Nho

THAM KHẢO

[I]

Bức thư đầy xúc động mà nhà vật lý vĩ đại Albert Einstein gửi tặng cô con gái Lieserl của mình, ông kể về một thứ năng lượng vĩ đại nhất thế gian này.

Đó là TÌNH YÊU.

Vào cuối những năm 80 của thế kỉ 20, Lieserl, con gái của nhà vật lý học nổi tiếng nhất thế giới [Albert Einstein](#) đã gửi 1.400 bức thư được viết bởi cha mình cho Đại học Hebrew. Điều kiện được cô đưa ra là những bức thư này chỉ được công bố 20 năm sau khi cha cô qua đời. Phía dưới là một trong số những bức thư được đăng tải.



"... Khi cha giới thiệu về thuyết tương đối, có rất ít người hiểu được cha, và thứ mà cha giới thiệu sẽ mâu thuẫn và gây khó hiểu với thế giới hiện tại. Hãy lưu giữ bức thư này càng lâu càng tốt và chỉ đưa nó ra khi xã hội đủ phát triển để hiểu và chấp nhận những gì cha nói dưới đây. Đây là một trong những năng lượng mạnh mẽ nhất trên thế giới, mạnh tới nỗi mà khoa học chẳng thể chứng minh nổi.

Loại năng lượng này xuất hiện ở khắp mọi nơi, ảnh hưởng tới tất cả mọi người và thậm chí xuất hiện đằng sau những hiện tượng không thể lý giải nổi trên Trái Đất.

Năng lượng này chính là tình yêu. Khi các nhà khoa học nghiên cứu về vũ trụ, họ đã quên mất loại năng lượng không thể nhìn thấy này.

Tình yêu là ánh sáng, nó soi sáng những người cho đi và nhận về. Tình yêu là trọng lực, bởi vì nó khiến người ta xích lại gần nhau hơn.

Tình yêu là sức mạnh, bởi nó tổng hợp tất cả những thứ tốt nhất mà chúng ta có, cho phép con người không đắm chìm trong sự ích kỉ mù quáng. Tình yêu gọi mở mọi vấn đề.

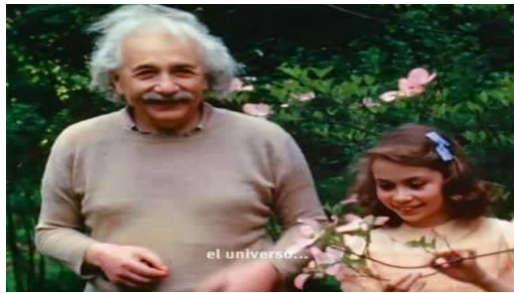
Vì Tình Yêu mà chúng ta Sống, rồi Chết.

Tình Yêu chính là Chúa và

Chúa cũng chính là Tình Yêu.

Năng lượng đặc biệt này giải thích tất cả mọi điều và gieo ý nghĩa vào cuộc sống. Chúng ta đã bỏ mặc nó quá lâu, có thể vì chúng ta sợ phải yêu do yêu là năng lượng duy nhất trên đời con người không điều chỉnh được.

Để nhìn thấy được tình yêu, cha đã thay đổi một chút trong công thức của mình. Thay vì **$E=mc^2$** , chúng ta chấp nhận rằng năng lượng để phục hồi thế giới có thể thu được qua chỉ số tình yêu nhân với tốc độ ánh sáng. Có thể thấy rằng chẳng có đáp số đúng vì tình yêu không có giới hạn. Sau khi con người thất bại với việc sử dụng, điều khiển những loại năng lượng khác thì vũ trụ đã phản bội chúng ta, sẽ cấp bách để con người tìm hiểu về loại năng lượng mới...



Nếu chúng ta muốn giống loài của mình tồn tại, chúng ta phải hiểu ý nghĩa của cuộc sống. Nếu chúng ta muốn cứu Trái Đất cùng tất cả những sinh vật tồn tại trên đó, tình yêu là thứ duy nhất, đáp án chính xác nhất của vấn đề. Có thể chúng ta chưa sẵn sàng để tạo ra những quả bom tình yêu và thả nó đi khắp thế giới hay một thiết bị đủ mạnh để có thể huỷ diệt sự hận thù, ích kỉ hay lòng tham đang tàn phá thế giới.

Thế nhưng, mỗi người đang mang trong mình một cỗ máy mạnh nhất thế gian, một cỗ máy tình yêu chỉ chờ để được sử dụng. Chúng ta học cách cho đi và nhận lại thứ năng lượng diệu kì này. Lieserl thân mến, tình yêu sẽ vượt lên tất cả, nó có thể trung hoà mọi thứ vì tình yêu là tinh hoa của cuộc sống này.

Cha rất hối hận vì đã không thể mô tả hết những gì trong trái tim mình, thứ luôn yếu ớt đập trong suốt cuộc đời cha. Có lẽ đã quá muộn để xin lỗi, thế nhưng thời gian chỉ có tính tương đối, cha cần nói với con rằng cha yêu con và cảm ơn con, cha đã tìm thấy câu trả lời chính xác nhất!

Cha, Albert Einstein."

Thông điệp từ Einstein tới loài người 5.000 năm sau

Einstein Letter To His Daughter on the Universal Force of Love

This force explains everything and gives meaning to life.



The following is scientific proof that LOVE CONQUERS ALL, and helps explain why I'm so focused on transforming toxic human energy to positive human energy. That's the key to fixing everything.

...”When I proposed the theory of relativity, very few understood me, and what I will reveal now to transmit to mankind will also collide with the misunderstanding and prejudice in the world.

I ask you to guard the letters as long as necessary, years, decades, until society is advanced enough to accept what I will explain below.

There is an extremely powerful force that, so far, science has not found a formal explanation to. It is a force that includes and governs all others, and is even behind any phenomenon operating in the universe and has not yet been identified by us.

This universal force is LOVE.

Albert Einstein

There is an extremely powerful force that, so far, science has not found a formal explanation to. It is a force that includes and governs all others, and is even behind any phenomenon operating in the universe and has not yet been identified by us.

This universal force is LOVE.

When scientists looked for a unified theory of the universe they forgot the most powerful unseen force.

Love is Light, that enlightens those who give and receive it.

Love is gravity, because it makes some people feel attracted to others.

Love is power, because it multiplies the best we have, and allows humanity not to be extinguished in their blind selfishness. Love unfolds and reveals.

For LOVE we Live and Die.

LOVE is GOD and GOD is LOVE.

This force explains everything and gives meaning to life. This is the variable that we have ignored for too long, maybe because we are afraid of love because it is the only energy in the universe that man has not learned to drive at will.

To give visibility to love, I made a simple substitution in my most famous equation.

If instead of **$E = mc^2$** ,

we accept that the energy to heal the world can be obtained through love multiplied by the speed of light squared, we arrive at the conclusion that love is the most powerful force there is, because it has no limits.

After the failure of humanity in the use and control of the other forces of the universe that have turned against us, it is urgent that we nourish ourselves with another kind of energy...

If we want our species to survive, if we are to find meaning in life, if we want to save the world and every sentient being that inhabits it, love is the one and only answer.

Perhaps we are not yet ready to make a bomb of Love, a device powerful enough to entirely destroy the Hate, Selfishness and Greed that devastate the planet.

However, each individual carries within them a small but powerful generator Love whose energy is waiting to be released.

When we learn to give and receive this universal energy, dear Lieserl, we will have affirmed that Love conquers all, is able to transcend everything and anything, because Love is the quintessence of life.

I deeply regret not having been able to express what is in my heart, which has quietly beaten for you all my life. Maybe it's too late to apologize, but as time is relative, I need to tell you that I love you and thanks to you I have reached the ultimate answer! “.

Your father Albert Einstein

[Regarding the controversy surrounding this letter: “‘The writings were not donated by Einstein himself, nor his daughter, Lieserl. The letters were donated by Margot Einstein, the scientist’s stepdaughter,’ claims Diana Kormos — Buchwald, editor — in — chief at the Einstein Papers Project.]

HOA KỲ VÀ THẾ CHIẾN LƯỢC TOÀN CẦU –

TỰA

Nhân loại đang bước vào thời hậu Công nghệ. Khuôn mặt của bước tiến hóa mới này sẽ ra sao? Nước nào sẽ hướng dẫn? Tập này sẽ trả lời những câu hỏi trên.

Và xin thưa ngay nước lãnh đạo cuộc tiến hóa này phải là Mỹ. Chỉ Mỹ mới có đủ quyền lực và kỹ thuật nhưng hiện nay Mỹ còn thiếu bó đuốc soi đường là một nền Triết lý Nhân sinh ưu thắng.

Hệ quả của sự thiếu đó là sự thảm bại của nền ngoại chính nước Mỹ trong ba mươi năm qua. Vậy nước Mỹ cần gấp kiến tạo một nền **Triết Nhân sinh** nọ.

Triết Việt có thể góp công trong vụ kiến tạo như sẽ trình bày trong quyển này, gồm ba phần. Đây là tập đầu, trước lấy tên là Tương lai nước Mỹ sau có bạn đề nghị tựa đề “**Nước Mỹ với thế chiến lược toàn cầu**”. Tôi đã chấp nhận vì sách được viết đầu mùa hè 81 lúc người Việt đang thăm thi về mặt trận Kháng Chiến và cũng là lúc tổng thống Reagan đang lưỡng lự so đo để tìm một lối chống xâm lược của Nga. Tiếc rằng sách không ra kịp cuối năm 1981, nên mũi nhọn của tính chất thời sự có bớt đi một phần.

Hoa Kỳ Và Thế Chiến Lược Toàn Cầu –

I.-CÁI HAY CỦA MỸ

Trước khi nói đến cuộc cách mạng cũng như sứ mạng, cần nhìn rõ cái hay cũng như cái dở của Mỹ. Một số người Mỹ đã hỏi tôi về cảm tưởng lúc mới tới Mỹ. Tôi đã thưa đại để rằng điều tôi ngạc nhiên hơn cả là thấy nước Mỹ thành đạt ghê sợ, những xa lộ mệnh mang dài tấp tít là biểu chứng; còn người Mỹ thì tốt quá sự tôi ngờ. Trước khi tới Mỹ tôi tưởng dân Mỹ cũng súyt soát như dân các nước Tây Âu nơi tôi đã ở trên 10 năm, nhưng thực tế tôi lại gặp một dân trẻ trung, quảng đại, vui tính, lạc quan, đầy nghị lực và óc sáng tạo đến trình độ ngôn ngang.

Hình ảnh đập vào mắt tôi hơn hết là đoàn cô múa vui trong các cuộc chơi ball: tôi cho đó là tinh hoa nước Mỹ, là biểu hiệu của thiên sứ Mỹ: **nước Mỹ có thể sẽ dẫn đầu nhân**

loại đi lên đợt sống mới đầy vui nhộn trong cảnh dư thừa, mà điềm triệu là những cheerleaders!

Đó là cảm tưởng đầu tiên của tôi về nước Mỹ và người Mỹ.

Ý nghĩ đó vẫn còn trĩu nặng trong tâm tư tôi mặc dầu tôi biết nó phản lại ý nghĩa của phần đông người khác. Ở ngoại quốc mỗi khi nói đến Mỹ là người ta thường nghe thấy nói đến đế quốc Mỹ với các điều xấu xa vốn gắn liền với danh từ đế quốc: nào là dân Mỹ chỉ biết có tiền, duy vật, thiếu ý chí chiến đấu, thiếu hy sinh, thiếu tinh thần.

Solzhenitsyn nói người Mỹ sống như con vật... Sở dĩ có quan niệm thông thường về người Mỹ như thế là vì sự tuyên truyền ráo riết của phía Cộng sản luôn luôn kể xấu về Mỹ. Điều đó đã đành, nhưng còn bạn hữu Mỹ kể cả đồng minh cũng đều oán hận Mỹ, coi Mỹ là dân chỉ biết có lợi, chẳng tinh cảm chi, thiếu hai chữ tín nghĩa,

Mỹ là anh khổng lồ ngây thơ, khờ khạo, luôn luôn bị đánh lừa... Tại sao người ta nghĩ về Mỹ như thế, chúng tôi sẽ nói sau. Ở đây tôi hãy biện minh cho Mỹ, hay đúng hơn biện minh cho quan niệm tốt của tôi về Mỹ. Mặc dầu tôi cũng nhận thấy những điều xấu của Mỹ: bê bối đủ thứ, lộn xộn có đầy, tội ác, giết người, hiếp dâm, trộm cướp... và rất nhiều tiểu tiết tôi chưa thấy ai nói tới, nhưng không tiện nói ở đây, vì là bài tổng quát.

Dầu biết vậy mà tôi cứ giữ ý tưởng tốt về người Mỹ là vì tôi theo quan niệm tương đối: cho rằng trong đời này không thể tìm được cái gì hoàn thiện: cái gọi là tốt nhất thì cũng còn đến hai ba chục phần trăm là xấu; một nước gọi là rất tốt cũng chỉ được chừng 70% đến 80% dân tốt.

Ở cuộc hội thảo về văn hóa Việt Nam được tổ chức ở Minneapolis tháng 12/1977 gồm chừng mười vị tai mắt, trong một buổi mạn đàm về các thứ sponsors, chúng tôi đã đi đến kết luận là chỉ mất chừng 20% người xấu, làm cho qua lẹ, trong đó chừng 5% còn muốn lợi dụng bóc lột sức lao động của tị nạn là khác. Nhưng số còn lại tức đến 80% thì có thể công nhận là tốt, trong đó chừng 5% phải kể là rất tốt, giúp đỡ tận tình, hy sinh rộng rãi...

(Áy là nói về cá nhân chứ về các hội thiện nguyện thì không đạt được mức đó).

Điều chúng tôi cảm nghĩ về sponsors thì riêng tôi, tôi nghĩ cũng áp dụng được cho dân Mỹ nói chung. Đó là điều rất đặc biệt vì có nhiều dân khi ở xa nghe tốt lắm nhưng sống gần thì phải nghĩ ngược lại.

Còn dân Mỹ khi sống gần gũi thì tôi lại thấy cần cải chính những điều người ta nói xấu Mỹ. Người ta nói người Mỹ rất ích kỷ, thiếu óc vị tha. Câu đó không đúng: tôi thấy người Mỹ rất giàu óc vị tha, sẵn sàng hy sinh tiền của, không thiếu người hy hiến thân tâm để cứu giúp người bị tai họa, những dân tị nạn chẳng hạn. Người Mỹ cũng có mặt ở các nơi xảy ra tai nạn đông đủ như người các nước khác. Hồng Thập

Tự cũng luôn luôn tích cực ở bên Mỹ cũng như bên Tây Âu. Người ta đòi Mỹ hy sinh hơn nữa...

Tôi thấy không cần: có thì hay hơn, không cũng chẳng sao.

Cái dở của Mỹ là tiêu không đúng chỗ, nếu đúng thì bằng ấy đã đủ.

Người ta trách Mỹ chỉ biết hưởng thụ. Tôi thấy câu trách đó là quấy: y như hưởng thụ là một điều xấu. Tôi quan niệm ngược lại hưởng thụ là điều tốt, rất tốt. Nó là điều kiện để lên tinh thần, cho nên một nền chính trị mà muốn lành mạnh thì phải liệu sao cho dân được hưởng thụ.

Chẳng may vì lẽ nọ hoặc có kia mà cho tới nay hầu hết loài người chưa được hưởng thụ, nên gọi sự không hưởng thụ nọ là Nhân đức để tránh người được hưởng thụ thì chẳng qua đó là Nhân đức tiêu cực ai cũng hiện thực được, bởi vì có đâu mà hưởng thụ, mà chả phải “nhân đức”! Bảo rằng sự hưởng thụ của người Mỹ làm hại cho các dân khác thì hãy chứng minh đi: chắc lại nói đến vụ mua nguyên liệu rẻ bán sản phẩm đắt chẳng? Thì đó là tội của nhiều nước thực dân đã mắc phải khi trước, sao lại trách riêng có Mỹ, trong khi **Mỹ đã đi đầu trong quá trình giải thực.** Nên nhận xét điều này là Nga luôn luôn nói đến Mỹ như đế quốc rồi nhiều người tiện miệng cũng nói theo mà không ngờ rằng đã vô tình tiếp tay cho tuyên truyền Nga. Bởi vì đế quốc là chuyện đã qua rồi:

Mỹ cũng như các nước dân chủ Tây Âu đã giải thực rồi, có còn ở giai đoạn đế quốc nữa đâu.

Bản chất của đế quốc làm thành bởi 5 đặc tính sau:

Nô lệ

Quyền thần

Độc tôn

Chiến tranh chiếm đoạt

Thiếu số Sống xa hoa trên lưng Đại chúng nghèo khổ.

Cả 5 yếu tố đó có còn bên Mỹ nữa đâu mà gọi là Đế quốc.

Sở dĩ Nga và Chư hầu la lối om sòm là để át đi sự thực trước mắt là chính Nga không những là Đế quốc mà còn là Đế quốc cùng cực như chưa bao giờ có như vậy:

cả 5 yếu tố làm nên đế quốc thì Nga đều đẩy đến tận cùng.

Hay nói riêng rẽ về chiến tranh chiếm đoạt thì hầu hết các đất thuộc địa được Âu Mỹ nhả ra nay đã lọt vào tay Nga rồi. **Người ta cũng chê dân Mỹ thiếu Tinh thần.**

Ở đây nữa cũng xin coi lại nội dung hai chữ tinh thần như đã làm ở hai chữ đế quốc: và ta sẽ thấy đó là một cặp từ hồ lớn, muốn cho chưa chi cũng được, nhưng người ta lại gán cho nó một giá trị thật cao để hạ tha nhân. **Tinh Thần là gì?**

Nếu hiểu theo nghĩa tôn giáo thì tinh thần là sự chăm chuyên cầu kinh, dự lễ, tham gia các hoạt động nhà thờ, góp phần tích cực vào việc truyền bá đức tin... thì ta phải nhận là người Mỹ rất có tinh thần, còn gấp bội hơn Âu Châu; cứ xem số tiền nhiều chực tí mà người Mỹ tiêu và việc truyền Đạo thì đủ biết. Ai trong chúng ta từ khi đến trại cho tới tận nay mà không gặp rất nhiều người Mỹ đến truyền Đạo cho, cũng như chúng ta đã nhận từng nhiều tá sách báo về Đạo...?

Nếu ai trách Mỹ thiếu tinh thần theo lối hiểu cộng sản thì đúng, vì với người cộng sản thì tinh thần là vâng phục chính phủ, càng vâng phục tối mặt bao nhiêu càng giàu tinh thần bấy nhiêu.

Nhưng nếu đứng về mặt Nhân đạo mà hiểu tinh thần là lòng tốt đối với tha nhân, sẵn sàng giúp đỡ, kính nể, không can thiệp vào đời sống tư riêng, không phạm đến tự do người khác bằng nhiều cách như làm ồn ào, mở radio điếc tai... thì phải nhận là người Mỹ có tinh thần rất cao.

Tôi đã gặp nhiều người Mỹ xử đối rất lịch sử, ăn nói dịu dàng, cư xử tế nhị, cần đến sự giúp đỡ như chỉ đường thì làm hết mình. Tôi đã nhiều lần được nghe các bạn hữu kể lại cách cảm phục khi gặp tai nạn xe đã nhận được sự giúp đỡ tận tình. Hiện trong lòng nhiều bạn tôi còn đầy những kỷ niệm đẹp để biết ơn và quý mến người Mỹ như thế.

Bởi vậy tôi cho người Mỹ rất không thiếu Tinh thần.

Bạn muốn đo tinh thần đó cao bao nhiêu thì chỉ việc so với mấy sắc dân thiểu số sống gần mình sẽ thấy: kỳ thị một cách lộ liễu sỗ sàng, trẻ con vô giáo dục, xác láo, xả rác cùng đường, phá cây cối, vườn cỏ, làm hư hỏng ống nước, vạ đèn, đập kiếng xe, ăn trộm, ăn cướp...

Ai đã đi mua nhà trong xóm không có những thứ thiểu số nọ sẽ gặp giá đất hơn rất nhiều. Đó có thể là thước đo độ cao tinh thần người Mỹ.

Ta hãy so sánh cách ta được người Mỹ tiếp nhận với tình trạng khốn khổ của nhóm tị nạn ở Brazil, thí dụ: đã không được giúp đỡ, còn bị tẩy chay, còn không được đi học, tiền trợ cấp của Cao Ủy bị bớt xén...

Có so sánh vậy mới biết tinh thần người Mỹ cao hay thấp. Đừng ai nghĩ rằng vì Brazil không có tham chiến ở Việt Nam nên không có “nghĩa vụ” rước tị nạn, nên họ xử như vậy.

Nếu thế thì Anh, Đức, Ý, Canada... có tham chiến ở Việt Nam đâu mà họ vẫn sẵn sàng chu đáo tị nạn? **Nên bỏ ý nghĩ nhận tị nạn như nghĩa vụ.** Điều đó có thể thực cho ta, nhưng chỉ riêng ta, cho nên đó là ý nghĩ chủ quan, nó không có ở trong thực tế, vì chính trị không có Tâm tình: “La politique n’a pas d’entrailles”. **Bám theo ý đó là lầm, nhiều khi là đầu mối cho những câu nói bất lịch sự, thiếu ngoại giao. Cùng lắm với người Mỹ chỉ có đợt đầu còn về sau thì Mỹ cũng như các nước Tây Âu nhận tị nạn chỉ vì óc Nhân đạo.**

Tôi gọi đó là tinh thần... Xin coi lại nội dung từng chữ cho cẩn thận, để tránh sự phát ngôn bừa bãi, nói cho hả giận, không có kể đến phép lịch sự và ngoại giao, làm hại cho lời của mình không có công hiệu như mong muốn. **Ấy là chưa kể nhiều khi vô tình lặp lại y nguyên những lời tuyên truyền Cộng sản, chẳng hạn nói rằng Tư bản cũng độc ác như cộng sản là câu nói thực cho lý thuyết lúc xưa, chứ đến nay thì không thật nữa vì đã xảy ra những biến chuyển trong các nước Tư bản khiến cho nó đã khác xa thời Karl Marx. Lúc ấy Marx nói Tư bản sẽ rẫy chết, thợ thuyền một ngày một cùng khổ. Nhưng nay Tư bản đã không chết, Thợ thuyền không ngày thêm cùng khổ, mà trái lại mức sống càng ngày càng cao nhờ phương thức thuế Lũy tiến và chế độ An sinh nên tài sản quốc gia được phân phối tương đối công bằng. Tuy giàu nghèo còn chênh lệch không xuất hiện một cách xúc phạm so sánh với những nước kém mở mang thì nơi được là ở Mỹ ai cũng giàu, người giàu nhiều kẻ giàu ít: ai ai cũng có thể tậu xe hơi nhà lầu, bơi sữa. Có thể gọi là có Bình sản phần nào, và vì vậy Tư bản không chết.**

Lenine lấy điều đó làm ái ngại vì nó cải chính lời Karl Marx, nên y đã đưa ra thuyết Đế quốc Tư bản dùng Thuộc địa gánh chịu thay cho Thợ thuyền Âu Châu.

Nhưng thuyết đó đã không đứng vững vì Tư bản đã nhả hết Thuộc địa rồi.

Lại một lần nữa thuyết Cộng sản tỏ ra nhận định thời cuộc sai lầm, đành dựng nên những vu khống để tuyên truyền, nếu người đứng về phe bên vực Tự do không xem xét kỹ thì vô tình lặp lại những điều dựng đứng kia, chẳng hóa ra làm hại cho chính nghĩa của mình sao?

Phê bình gắt gao đến độ không nhìn nhận những điều hay, những khả thể mệnh mông của Mỹ chính là phê bình tự diệt chứ không phải phê bình xây dựng. Thế không phải là bắt mạch đúng để chỉ ra con bệnh đau chỗ nào mà tra thuốc, con bệnh nhưc đầu mà cứ cho uống thuốc tẩy ruột: lang mo nhi dĩ hĩ!

Dù muốn dù không thì nước Mỹ vẫn đang giữ vai trò lãnh đạo Thế giới Tự Do: vận hệ của các nước Tự do gắn liền với vận hệ của nước Mỹ. Từ hơn ba chục năm nay Thế giới Tự Do như miếng da lừa cứ ngay một co rút lại thì chính tại sự vụng về của Mỹ. Nhưng vụng về thì khác mà xấu lại khác. Mỹ không xấu, nhưng vụng về, nên làm

hại và làm hại đồng minh; nhưng không phải là Mỹ không còn đầy đủ khả năng vùng dậy.

Công nhận những khía cạnh hay của Mỹ là giúp vào việc vùng dậy nọ. Tôi coi dân Mỹ như bột rất tốt, nhưng chẳng may lại gặp tay làm bánh dở, nên bánh không ngon; bánh dở tại người làm bánh, không tại bột. **Tôi thích so sánh dân Mỹ với dân miền Nam nước Việt, còn Âu Tây như miền Trung và Bắc ta.**

Kinh tế hai miền Trung Bắc kém cõi, nhất là miền Trung;

Trái lại miền Nam thì phong phú, người lại là dân mới nên xảy ra hiện tượng này là tuy cùng một nền Văn hóa, thế mà dân miền Nam tốt hơn rất nhiều, sống với dân Nam rất dễ chịu, hầu hết dễ tính, rất lạc quan, yêu khách, xuê xòa, quảng đại...

Thật là tốt vào bậc nhất thế giới. Miền Nam trước đây quả là một Thiên đường khác, dân được hưởng tự do và công bằng xã hội tương đối cao, đời sống dư dật, cũng giống miền Nam nước Việt Nam. Khác nhau vì ở Mỹ mức sống cao hơn, ở kia tình người nổi vượt.

Cái mộng của tôi là ước mong hội nhập hai điểm tốt nọ lại một, thì lúc ấy nước Mỹ sẽ là một cảnh Thiên đường, nếu có thua thì chỉ thua có Thiên đường tưởng tượng.

Còn Hỏa ngục thì ai cũng công nhận dễ dàng, đó là các nước Xã hội chủ nghĩa nơi tinh thần xã hội là “ chuyên chế ”.

Thủ tướng Begin (Do Thái) đã ở tù Nga lâu năm có nhận xét trong quyển “Đêm Trắng” của ông hai điểm: một là người Nga đã xóa bỏ hai chữ thương xót, trong báo Pravda người ta thấy trở đi trở lại chữ bezposhchadon nghĩa là “không ân huệ”, hai là sự sắp hàng từng nhiều giờ đã làm biến đổi người Nga đến độ không còn gì là tử tế, nhường nhịn lịch sự nữa, cả các bà bồng con dại cũng chẳng ai thương, người già cũng chẳng được nhường một bước...

Loài người đâu đâu cũng như nhau, nhưng nếu phải sống trong Văn hóa xây trên căm hờn và trả Thù như xã hội Cộng sản thì không thể tốt được.

Ngược lại được sống trong nước có Hiến pháp đặt nên trên Tự do, còn Vật chất dư thừa thì không cần phải cố gắng phi thường mà vẫn tốt.

Ý nghĩ tốt của tôi về người Mỹ y cứ trên hai Cột cái nọ.

Nghĩa là tôi bảo người Mỹ tốt không vì bản tính người Mỹ khác thiên hạ, nhưng vì Mỹ được hưởng hai điều rất quý hóa là Tự do và Bình sản (tương đối) nên rất tốt.

Ai được hưởng hai điều kiện nọ cũng sẽ tốt như vậy.

Tóm lại cả người miền Nam nước Việt cũng như người Mỹ chỉ khác nhau chút ít.

Ở Mỹ mức sống cao, ở miền Nam tình người đậm thắm, cả hai đều tốt nhưng thiếu mất đức Kiên nhẫn của dân Trung, thiếu Mưu trí của dân Bắc, nên đã quá tốt đến độ mất nước. Nước Mỹ cũng vậy. Đừng chê Mỹ là xấu bụng, mà chỉ nên lo cho Mỹ là quá tốt. Mà cái gì đã quá thì cũng hóa dở.

Mục sau chúng ta sẽ bàn về cái dở của Mỹ

III. BẤT MẠCH MỸ

Mục trên đã bàn về phương thức tiêu một được trăm, tức giúp các kháng chiến phục quốc thì ơn ích vô kể, vừa lấy lại uy tín cho Mỹ, vừa cứu được cả túi tiền Mỹ đang cần tiêu vào những việc tích cực hơn nhiều...

Nhưng tại sao Mỹ không dùng? Tại sao Tổng thống chỉ đưa ra như một điều tùy phụ? Và tại sao Quốc hội bác bỏ liền mặc dầu mới đề nghị một phần nhỏ? Tại sao? Lý do tất phải có nhiều và phức tạp thuộc cả chiến thuật, chiến lược, kinh tế, tình hình thế giới, ngoại giao v.v...

Nhưng lý do sâu xa hơn cả là thiếu Triết.

Điều này mới nghe tưởng không ăn nhằm chi, nhưng chính thực đó mới là lý do quan trọng nhất.

Sở dĩ không mấy ai để ý tới vì nó nằm dưới tầng sâu, không còn thuộc Chiến thuật, cả chiến lược nữa, mà đã là Chiến lược nên chỉ sai một li là đi một dặm.

Vì thế cần phải tìm cho ra cái chỗ một li đó để sửa chữa từ căn, vì tuy chỉ một li nhưng hậu quả lại vô cùng to lớn. Không tìm đâu ra vài tí cho những việc Văn hóa Xã hội, nhưng lại tiêu cả trăm tí cho những việc có hại cũng chỉ vì cái một li đó.

Khi điều sai lầm nào xảy ra một hai lần, thì được quyền cho đó là sự nhờ nhàng thuộc lối hành xử. Nhưng khi điều đó xảy đến thường xuyên hầu như định kỳ thì đấy là dấu hiệu căn bệnh thuộc Tâm lý, Triết lý.

Vậy mà đó là bệnh của Mỹ.

Vì Mỹ bị lừa cả trăm lần rồi mà vẫn còn đang đi trong con đường sai quấy như vậy, nên đó là bệnh trí óc gọi là thiếu Triết.

Dấu hiệu trước tiên là sự **Mâu thuẫn nền tảng:**

Một đảng Mỹ tôn thờ lý tưởng tuyệt đẹp là **thần Tự Do** không những cho mình mà còn thật tình mong cho mọi người đều được hưởng Tự do như vậy và nhiều lần đã hiện

thực như thế. Nhưng **đàng khác lại nhấn tâm để cho hàng trăm triệu người lọt vào vòng nô lệ tàn khốc của Cộng sản, đang khi chỉ giờ tay ra búng một cái là xong mà không chịu búng.**

Thế mà điều đó không do Mỹ xấu bụng. Vậy kết luận đó là bệnh Tâm lý có thể gọi là bệnh “khổng lồ”, căn nguyên sâu xa là thiếu một nền Triết Nhân sinh vốn gắn liền với Minh triết.

Vì khả năng của Minh triết là hội nhập hai bên bờ trái ngược do sự nhìn ra được những cái bé nhỏ nhưng đầy hiệu lực, nhờ đó chữa được chứng bất minh vãng từ cực nọ sang cực kia: từ Dấn thân đánh giặc hộ người rồi khi chiến tranh trở nên quá sức thì lại Bỏ cuộc trốn vện.

Đó là mâu thuẫn bệnh hoạn.

Thực ra, mâu thuẫn nọ không riêng là bệnh của Mỹ nhưng người ta chỉ nói tới Mỹ vì Mỹ đang ở địa vị đứng mũi chịu sào nên ai cũng thấy, cũng chịu sự phiền hà do đó.

Nhưng công bằng mà nói thì **mâu thuẫn đó là bệnh chung của Âu Tây.**

Âu Tây có tiếng là tranh đấu cho Tự Do, và quả đã thiết lập được nền Dân Chủ, nhưng xưa kia Âu Châu chính là lò đẻ ra và duy trì Chế độ nô lệ, đến nay thì chế độ Nô lệ đó đổi dạng và xuất hiện ở khối Liên Xô. Người Âu Mỹ tuyên ngôn ngăn chặn Nga nhưng thâm tâm lại đầy thiện cảm với Nga, thì chính là do cái họ máu hàng ngang đó, tức Cộng sản là đứa con rơi của Tây Âu. Nhờ nó mà Âu Mỹ tránh được mâu thuẫn trong nội bộ là liên hệ Chủ Nô và đấu tranh giai cấp, đó là nhờ mâu thuẫn đã được người anh em vĩ đại hiện thực.

Mỹ hay gọi Nga là Big Brother là do lẽ đó: anh thi hành chuyên chế cùng cực ư?

Không sao, đã có tôi thi hành Tự do cũng cùng cực. Cả hai đều cùng cực.

Đây là lý do sâu xa tại sao Mỹ bỏ rơi hàng ngàn triệu người đồng minh với mình để mặc cho khối Nga nô lệ hóa mà lương tâm không mấy hổ người về sự đã nuốt lời...

Đây là mâu thuẫn nền tảng.

Phân tích cho tới cùng thấy nó phát xuất ở chỗ **thiếu Triết lý nhân sinh**. Thực ra Triết học Tây Âu đâu có thiếu, nhưng **toàn một loại Duy lý**, không có niềm tin, không chờ theo mỗi hy vọng nào để huy động nghị lực, để đẩy bầu nhiệt huyết, mà chỉ là những ý niệm suông được hệ thống hóa nên tôi gọi là **Ý hệ**; Ý hệ có cái tật là rút tĩa hết chú ý người theo, không còn để dư chỗ nào cho người đó nhìn thấy sự cần thiết của chiều trái ngược đáng nhận ra mối tương quan cần thiết giữa hai cực như giữa **Tur bản và Cản lao**, giữa **Rút lui và Can thiệp**... Vì không nhìn thấy nên thường nghiêng hẳn về một bên tức

chọn một, bỏ một. Nhưng sự vật lại không độc khối như vậy, mà bao giờ cũng thành bởi hai chiều trái ngược như hai dòng tiêu tích của điện lực, không được con người nhìn nhận, mặc kệ, nó vẫn có đó, vẫn hiện ra lù lù, nên lại phải thấu nhận nó cách nào đó, thế là mắc mâu thuẫn.

Mâu thuẫn là nét đặc trưng nổi nhất của văn hóa Tây Âu. Mỹ di cư sang Tân thế giới, nó cũng theo sang bển gót. Người Mỹ cũng lờ mờ nhận thấy thế.

Trong quyển “Triết học bách khoa” của Mỹ có câu này:

“ **Hiện tượng trở đi trở lại trong lịch sử nước Mỹ là những bước tiến tới Tự Do lại cứ định kỳ bị chặn đứng do sự chỗi dậy của phái bảo thủ**” (Encyclopedia of Philosophy, vol I p.85).

Câu trên không nói trực tiếp là Mỹ thiếu Triết, nhưng nói gián tiếp bằng chỉ ra sự đi từ **Thái cực nọ sang Thái cực kia**, đó là thứ động ứng do mâu thuẫn, do hai khía cạnh ngược chiều chưa được hội nhập.

Thí dụ thứ ba mới chính cốt vì nó trở đi trở lại nhiều lần, tức là **Mỹ tỏ ra rất nhạy cảm trước những lời tố cáo tầm bậy của Cộng sản Nga, trong lúc Nga dùng tay sai phá rối để cướp chính quyền các nước bạn mình thì Mỹ phản đối, nhiều khi đưa quân đến đánh thay bạn, nhưng một khi Nga đã thành công, thì Mỹ tỏ ra quá dễ dàng chấp nhận.**

Nước của bạn mình nó mới cướp chưa kịp nuốt trôi, thế mà Mỹ đã coi đó là chính quyền hợp pháp, vội vàng công nhận. Nhiều nơi như Việt Nam, lại còn van xin để được đặt ngoại giao, đặt tòa đại sứ, và quai gở thay: còn sẵn sàng viện trợ nữa.

Trong khi đó mặc cho bạn mình rên la dưới ách báo thù khốc liệt của nó, cũng như đang khẩn khoản nài xin giúp đỡ để giành lại nền tự do vừa bị cộng sản cướp đoạt, thì Mỹ làm ngơ giả điếc một cách không thể tưởng tượng được, mặc dầu cuộc chiến đấu phục quốc đó cũng cứu cả danh dự cho Mỹ, tránh cho Mỹ mang tiếng là nuốt lời thề. Kỳ dị thay,

Mỹ đã trợ trợ bất động y như thần kinh bị tê liệt không còn cảm thấy xấu hổ trước uy tín mình bị tổn thương, bạn mình bị khỗ lụy.

Tại sao kỳ cục như vậy?

Thưa vì trọn bầu nhạy cảm của Mỹ đã đổ dồn vào lời tuyên bố của Nga và chur hầu rằng: đừng xen vào “nội bộ” của người khác, đừng “quấy rối nước của chúng nó”.

Có khác nào kẻ cắp lấy trộm được xe đem về vườn nhà nó; cảnh sát đến nơi biết rõ xe ăn trộm, nhưng không dám vào, sợ phạm đến tư sản của quân cướp. Lòng trọng pháp luật của Mỹ thực là kỳ dị. Trí nhớ của Mỹ quá vấn, vấn đến nổi nước rõ là

nước bạn của mình, mới hôm qua mình đã tốn hao cả hàng trăm tỉ để bênh vực, bỗng dưng hôm sau coi là nước thuộc phe Cộng sản Nga trọn vẹn, đến nỗi không dám giúp du kích giành lại, coi đó là chuyện không đứng đắn.

Ấy đây, rõ rệt là Mỹ thiếu cảm quan về sự cân xứng. Chính sự thiếu vắng này giải nghĩa tại sao Mỹ quá tốt với Nga và chư hầu của nó, mà lại quả ngặt nghèo tàn nhẫn với bạn cũ, mặc dầu họ đang ở trong tình trạng bi thảm đáng thương hơn nhiều.

Cho nên người ta không biết ơn Mỹ mà còn oán trách căm hờn Mỹ là do vậy.

Ấy vì thiếu Triết mà đặt nặng cái chỗ lẽ ra phải bỏ nhẹ. Lại đi bỏ nhẹ cái chỗ lẽ ra phải đặt nặng.

Cũng vì thiếu Triết mà nền ngoại giao Mỹ đặt ngược.

Theo Triết, ngoại phải mềm dẻo, nhưng trong phải cương nghị.

Đàng này Mỹ làm ngược hẳn: Ngoại cương, Nội nhu.

Bên ngoài thiết lập vô số căn cứ để bao vây Nga, van xin các nước Âu Châu để được đứng đầu NATO với sự đóng quân tốn kém để cầm chân Nga, cùng với biết bao lời cảnh cáo mạnh dạn gởi đến Nga mỗi khi Nga lăm le xâm lấn.

Nhưng đến phần nội công thì lại non choẹt.

Sau thế chiến thứ hai vì tin tưởng hoàn toàn vào lòng yêu chuộng hòa bình của Nga, nên bãi bỏ các nhà máy đúc súng đạn, xe tăng, xếp xó các tàu chiến, thậm chí tháo gỡ cả hệ thống radar phòng thủ, rồi mỗi lần Nga xâm lấn nước nào thì Mỹ hầu hết chỉ phản đối suông.

Đó là “Ngoại cương, Nội nhu” mà trẻ con Việt Nam gọi là “già giỏi non hột”.

Hậu quả là ngay chính Nga cũng khinh dễ Mỹ, vì biết Mỹ chỉ nói mà không làm. Đó, chỗ yếu nhất của Mỹ là như vậy.

Chỗ làm cho uy tín của Mỹ xuống đến cực độ là thế. Mỹ đã bị lừa nhiều lần quá rồi. Người có trí chỉ bị lừa đến lần thứ ba là đã tỏ ra kém mưu trí. Cảnh cáo cũng vậy, cùng lắm là cảnh cáo đến lần thứ ba mà vô hiệu thì phải dừng. Đi xa hơn sẽ bị khinh bỉ là đàn độn, gọi là “sửa mà không cần”.

Mỹ phải chấm dứt hẳn lối đại ngôn vô hậu đó, lối mà người ta gọi là “núi để ra chuột”. Tiếp tục cảnh cáo kiểu đó, tỏ ra chính trị quá dở.

Chính trị dở ở chỗ đó làm cho cái dễ hóa ra khó.

Đang khi chính trị hay tốt phải ngược lại: làm cho cái không thể hóa ra cái có thể, thí dụ như phương thức mà tôi gọi là hoạn gấu, hiệu nghiệm hơn cảnh cáo suông vô vãn.

Nhưng cho tới nay Mỹ làm ngược lại hết: tiêu trăm được một. Đã như vậy, hàng nhiều chục lần không rút được chút kinh nghiệm nào.

Tại sao đường tốt không đi, lại cứ đâm vào con đường quá thất lợi cho mình, cho thế giới Tự do và rồi ngay cả đến nền an ninh của Mỹ nữa?

Ấy chỉ vì thiếu Triết, không biết nhìn xa, cứ tưởng “không can thiệp” là chính trực, là đảng hoàng (giúp kháng chiến là không đứng đắn!).

Có ngờ đâu rằng cái mà Mỹ coi là đảng hoàng thì cả thế giới coi là ngu ngốc, là hèn nhát, hèn vì sự thực là đi theo phe đàn áp bỏ rơi người thất thế cô đơn, nhất là những người thất thế đó lại là bạn mình.

Ấy chỉ vì thiếu Triết nên thiếu những cái nhìn xa ơn ích.

Nói cho thực, nếu biết nhìn xa thì phải đi đến triệt cùng là diệt Cộng chứ không chặn Cộng. Phải diệt Cộng vì Cộng đã tuyên bố mục tiêu cuối cùng của chúng ta là tiêu diệt Tư Bản, để bắt thế giới phải lọt vào tròng của chúng.

Chúng đã tuyên bố toạc móng heo ra như vậy, hơn thế nữa đã hiện thực một cách kiên trì, thành khẩn, cả đến cuồng nhiệt nữa, và hiện đã nuốt hơn nửa loài người.

Thế là quá đủ để thấy đó là trận chiến một sống một còn: mình không diệt nó, nó sẽ diệt mình.

Nên bằng bất cứ giá nào, mình cũng phải diệt nó, chứ không cầm chân, không ngăn chặn. Ngăn chặn chỉ làm cho nó thêm mạnh. Thế mà người Mỹ không dám nghĩ đến điều đó, có lẽ cho rằng làm thế là bất Nhân hoặc cho rằng Nga là siêu cường chẳng thể diệt được.

Nếu cực chẳng đã phải làm thì phải dùng đến khí giới nguyên tử. Mỹ chỉ có một chiều nghĩ như vậy, cho nên biết dùng Nguyên tử là tự sát mà vẫn làm thêm bom nguyên tử!

Có ngờ đâu rằng phương thức diệt Cộng hiệu nghiệm hơn cả là giúp Kháng chiến phục quốc. Vì diệt Cộng nghe rất dữ tợn, nhưng sự thực có chi quá đáng đâu, chỉ diệt cái chính thể phi nhân, chứ không diệt nước “theo Cộng”.

Diệt Cộng sản Nga không phải là diệt nước Nga, mà chỉ là giúp người quốc gia Nga lấy lại nước họ khỏi tay bọn vô nhân tàn bạo.

Tại sao quan niệm hữu hiệu như thế, hợp Tình người, hợp lý tưởng của Mỹ, Mỹ lại không theo, mà chỉ đi theo chính sách mơ mộng (tấn công bằng nguyên tử) hết sức tốn phí và nguy hiểm. Ấy chỉ vì thiếu Triết mà sau bao thất bại,

Mỹ vẫn còn tiếp tục con đường ngoại chính khờ dại, vô bổ như hiện nay.

Sự thiếu Triết còn được bộc lộ ngay trong đời sống chính trị của Mỹ.

Đảng phái chính trị có bốn mục tiêu thì việc quan trọng hơn hết là huấn luyện đảng viên. Nhưng không có Triết thuyết làm chủ đạo thì huấn luyện cái chi?

Chẳng qua đưa lý tưởng ra tuyên dương, trình bày cương lĩnh, loan tin thời sự... Bấy nhiêu chỉ là Thông báo (inform) chứ có phải Huấn luyện đâu!

Huấn luyện (form) phải có cái gì đôn đốc Tâm hồn, thao luyện Ý chí, huy động Tinh thần đi lên một hướng cao thâm, đến nỗi huấn luyện cũng gọi là Huấn linh, tức phải có một Chủ đạo vững chắc với một mẫu mực tối cao để động tác tinh thần mà người Pháp kêu là mystique. Phải có một mystique, một Huyền niệm thường ẩn trong một Huyền thoại nào đó mới làm cho đảng viên say mê thành khẩn.

Về điểm này không cứ Mỹ mà cả Tây Âu đều thua Cộng sản.

Chúng có một Triết lý, một Chủ đạo làm cho chúng đầy nhiệt tình, nhiều kẻ còn trở nên cuồng tín. Chẳng may đó là Triết thuyết phi nhân nên gieo tai họa cho Nhân loại.

Nhưng xét về đảng Có với không thì chúng Có, mà thế giới Tự do thì Không. Bởi vậy sự chống cộng cho tới nay chỉ vòng vo ngoại diện đủ kiểu, nhưng đảng nào thì cũng là tiêu cực.

Còn lối tích cực ở chỗ đưa ra Chủ đạo của mình thì không. Vì thế chống đối kẻ: cộng sản vẫn được nhiều người theo, nếu không cũng đầy thiện cảm, là vì quay lại thế giới tự do chỉ thấy một sự trống không rất đáng ngại, chẳng biết y cứ vào đâu, nên không theo Cộng thì đứng ngoài hờ hững như những người vô Hồn vô Hướng vậy.

Ấy là tại thiếu Triết.

Nói cho cặn kẽ, Âu Mỹ không thiếu Triết, thừa là khác. Nhưng toàn một loại Triết Duy Lý trừu tượng vận hành ngoài đời sống.

Người ta đã nhận ra điều đó, nên sinh hoạt Triết lý của Âu Mỹ trong vài thế kỷ vừa qua chỉ nhằm phá cho bình địa thứ Triết học Duy Lý Ý niệm nọ, vì coi ngoài thì nó vô ích, mà xem xét sâu xa thì tệ hại hơn nhiều.

Cộng sản chính là kết tinh cùng cực của thứ Triết học lý niệm Duy vật no.

Thế giới Tự do ruồng bỏ nó là việc rất tốt. Đó là bước xả đầu tiên cần thiết để có thể xây một nền Triết mới, nhưng Triết mới chưa có, nên như cây thiếu gốc rễ không hút được chất bổ để nuôi thân. Thiếu Triết là thiếu cái quy Hướng mọi ước vọng tiềm ẩn vào một mối, lôi những điều cảm thấy lơ mơ lên bình diện nhận thức, hệ thống hóa chúng lại làm thành như một Bó đuốc soi đường để cho toàn dân có chỗ hướng Tâm hồn về để có Lý tưởng mà hy hiến Thân Tâm.

Cái Triết đó hiện Âu Mỹ còn thiếu. Vì thiếu Triết nên có thể nói là người Mỹ thiếu lòng ái quốc, chỉ coi nước Mỹ như mảnh đất chung sống vì những liên hệ kinh tế thôi, chứ chẳng mấy ai chung một Tâm Tình quê Nước, nên Tâm tình phần lớn hướng về Nga.

Các sách dạy sử hầu hết tỏ ra thiện cảm với Cộng sản. Nếu lấy chiến tranh Việt Nam làm cứ thì phải nói là phần lớn dân Mỹ thiện cảm với Nga, kể cả báo chí và Quốc hội. Mỹ thua ở Việt Nam một phần vì Quốc hội và Báo chí Mỹ. Cái lý do sâu xa của tai họa nọ là thiếu Triết, nên thiếu Tinh thần Ái quốc. Có được un đúc đầu mà chẳng thiếu!

Giáo dục Mỹ không có Triết làm sao un đúc? Bộ Quốc gia Giáo dục không đáng mang tên đó: nó chỉ là bộ Trí thức chứ không đáng tên là bộ Giáo dục. Để “dục” (nuôi), Giáo dục phải có một Chủ đạo để rèn luyện Cả Tính Tình, nuôi dưỡng Tâm trí, tài bồi những mối Nhân luân, Tình Nước, Tình Nhà... thế mới đáng tên là Giáo dục. Thiếu nó chỉ là Học vấn suông, không mấy giúp vào việc rèn đức tính và nhất là luyện sự phán đoán đúng đường.

Trí thức kênh coi thiếu sợi dây Nhất quán xô qua, không mấy giúp vào việc đó. Trái lại, càng chông chát lắm, càng rối loạn nhiều. Việt Nho cho đó là “bác nịch tâm” (sự học thức bác vấn không được nhất quán chỉ tổ làm chết cái Tâm, tức sự nhìn thấu triệt).

Vậy mà sợi dây Nhất quán đó Mỹ chưa có, vì thế Tâm hồn Mỹ đang trải qua giai đoạn trống không như Âu Châu (nihilisme occidental).

Tất cả đang đói khát Tinh thần, đang đi tìm kiếm lao lung. Vụ James Jones dụ hoặc được hơn chín trăm người tự tử tập thể một trật là bằng chứng sự đi tìm thành khẩn, nhưng không được hướng dẫn nên ăn phải của độc. Tai họa đó nói lên sự đói khát Tâm linh.

Vì thế con đường phải đi là cần thiết lập ngay một nền Triết lý cho nước để nước đáng tên là “văn hiến chi bang” tức có một Đạo lý làm dưng Hồn dân tộc để hướng dẫn không những phép cai trị mà còn soi tỏ lối tu Thân, tề Gia nữa.

Đó là con đường linh thiêng của toàn quốc. Đó mới là gốc nước không những có Văn minh mà còn có Văn hóa.

Hiện nay Mỹ mới có Hiến pháp là cao hơn cả, trên nữa không còn gì. Nhưng Hiến pháp không phải là “Đạo”, không làm nên “Hồn thiêng Sông Núi”.

Hiến pháp mới là Luật tối cao, tuy tối cao nhưng vẫn còn là Luật, chưa phải là Triết lý.

Hiến pháp chưa có Triết lý. Hiến pháp mà thiếu Triết cũng ví như cây không rễ hút nhựa sống, sẽ sinh ra đủ thứ bệnh.

Đành rằng thiếu Triết cũng vẫn có thể nảy sinh những nhà lãnh đạo xuất sắc tài ba như những Washington, Lincoln... nhưng đó là những hiện tượng khác thường không thể cầu mà có. Các vị đó ví được với những đóa hoa rừng không trồng mà mọc. Ôn ích có thực, nhưng không vượt khỏi đọt Lương tri, không để lại được một chủ thuyết để huấn luyện ra những người xứng đáng nối ngôi mình.

Đàng khác, họ chỉ thành công trong những điều kiện nhất định, nhờ những thuận lợi riêng chẳng hạn lúc đầu nước Mỹ đất đai mênh mông lại ở xa các chiến trường, xa các tay phá rối, nên dễ thành công. Nhưng nếu gặp cảnh ngộ đảo điên như hiện nay: ăn không nói có, xâm lấn hoài hoài, vị tất các vị đó đã tránh nổi những sơ hở như trong ba thập niên vừa rồi.

Nhưng đó là việc đoán phỏng, không cần bàn đến.

Điều cần phải chú ý là Mỹ hiện nay đang tỏ ra quá kém cỏi trong việc Lãnh đạo, thế mà lại không có môi trường để đào luyện ra những nhà lãnh đạo thì đó là một thiếu sót trông thấy rất cần được lấp đầy. Đành rằng có huấn luyện vị tất đã có được những nhà lãnh đạo xuất chúng bằng các vị lãnh đạo tự nhiên xuất hiện. Tuy nhiên không nên căn cứ vào sự cầu may như vậy mà tránh né bổn phận đào luyện. Đó là điều vẫn tối cần.

Nhân loại đã có nhiều dấu hiệu thông báo sự hết thời của giai đoạn Ý hệ để mon men bước vào giai đoạn Tâm linh.

Không nên diễn trì lại đọt Duy lý Ý hệ nữa.

Phải sửa soạn bước lên đọt mới. Tôi cho rằng thời đó đã lộ dạng. Mỹ đã có thêm cả **Thiên thời** nữa, cộng với **Địa lợi**, chỉ còn thiếu **Nhân hòa** tức là còn thiếu có sự quyết tâm đi vào con đường cách mạng.

Tuy Mỹ mắc bệnh “khổng lồ”, nhưng đó là bệnh sốt rét vỡ da, phần nào cần thiết để Mỹ t rút được cái ngây thơ vụng dại thuộc tuổi ấu trĩ đang tiến lên đọt cao hơn.

Vì ngây thơ có hai thứ: có thứ do ít Tuổi chưa đủ kinh nghiệm; song cũng có thứ ngây thơ của Thiên tài.

Đó là cái ngây thơ do sức sống lan tràn không kể chi đến ước định xã hội, cái ngây thơ mà Nietzsche gọi là innocent devenir, thứ ngây thơ vô tội vô vạ mà lại chứa đầy hứa hẹn trên bước đường tiến hóa.

Mỹ có cả ngây thơ vì trẻ trung, cả ngây thơ của bậc thiên tài, cho nên tương lai Mỹ hãy còn rực rỡ.

Nhiều người cho rằng Mỹ đang đi đến chỗ suy tàn lụn bại... Cái đó không đúng. Mỹ có bệnh thật, nhưng đó chỉ là bệnh quáng gà hoặc sốt rét.

Mỹ thụt lùi là tại Nga có tình xâm lấn, không ngần ngại dùng những thủ đoạn đê hèn, nên Mỹ phải lui. Nhưng xét nội bộ Mỹ, ta không thấy dấu suy tàn như đã xảy ra cho các đế quốc xưa vào kỳ tan rã:

Mỹ đã bỏ được đấu tranh Giai cấp; sự tái phân phối Tài sản quốc gia đã thi hành khả quan, những sự ăn chơi trác táng không đến nỗi lớn lao...

Trái lại ta thấy người Mỹ rất vui nhộn, lạc quan, mặt người nào cũng tung tung như trong ngày lễ trọng, tinh thần làm việc còn rất hăng say, xây dựng ào ạt, kỹ thuật vận dẫn dầu... chứng tỏ người sinh lực còn rất mạnh. Như vậy Mỹ đâu đã hết thời!

Trái lại còn đang trên đà tiến vào thời sung túc hơn, và hơn thế nữa còn có sứ mạng dẫn đầu nên cũng hy vọng tiến vào được Vận hội mới.

IV.- VAI TRÒ CỦA MỸ TRONG ĐỢT TIẾN HÓA MỚI

Cuộc Tiến mới là gì?

Thưa là cuộc sống Phong lưu Nhân tản mà con Người phải đạt tới.

Đó là câu thưa chắc làm ngạc nhiên nhiều người. Cả thế giới đang tung hô Triết lý lao động, cộng sản còn gắn vinh quang với lao động: bắt dân lao động quần quật, “làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm”. Sao lại có người mơ mộng dám nói cuộc tiến tới phải là làm ít, chơi nhiều! Ấy thế mà đó là chủ trương của triết lý An Vi, một Triết lý xây trên nền tảng Tác hành: cho rằng bản tính con Người là Tác nhân.

Cho nên thưa thế bởi vì cái lý đương nhiên nó phải như thế, nếu không thì căn cứ vào đâu để nói “nhân linh ư vạn vật”? Linh gì mà con vật thì thanh thản hơn con người?

Chim ca hát cả ngày, Cá tung tăng bơi lội, chỉ mất chút giờ Kiếm ăn.

Đang khi con người xưng là Linh hơn chúng lại phải lao động tới tấp tới tấp mà còn sợ chưa đủ sống. Hẳn là có điều gì bất ổn trong sự vụ, cần phải phanh phui.

Khi nghiên cứu thấu triệt bản tính con người mới thấy cái tác hành làm nên bản tính của nó rộng mênh mông, bao gồm không những lao động cần cho sự sinh sống của xác thân, mà còn gồm cả những việc vô biên viển dụng coi như “vô ích”, nhưng lại thuộc về Tâm linh tinh thần.

Thế mà để làm được những việc viển dụng đó lại cần thời giờ rảnh rỗi thư nhàn, bởi vì đó là những cái viển dụng so với sự kiếm sống thì gọi được là vô ích, nên bị những người chủ trương Duy vật thái độ, nhưng chính những cái đó mới làm nên phẩm giá con người, mới biểu lộ được phần vô biên cao cả của nó.

Chính vì thế trong loài người xưa rày chưa thấy tìm được cái gì hữu ích đắt giá bằng những cái “vô ích”, một cái chén cổ đời Khang Hy nhỏ xíu chẳng dùng được việc gì mà người ta dám mua tới giá 23.000 đô.

Vậy mà sử gia W.Durant còn cho là phạm thượng, là bỉ báng, vì hễ ai được mắt thấy tay sờ để mọi sợi thần kinh run lên thì đều phải thấy rằng thế giới tiền tài có chất lên bao nhiêu cũng không thể chạm tới thế giới cái đẹp: nó vô giá (Civ I. 759).

Bởi giá nó vượt xa hẳn những cái hữu dụng.

Một thí dụ nhỏ đó đủ tỏ rằng con người không chỉ là Tiểu ngã suông, nhưng còn hàm chứa cái chi bao la, cái chi siêu việt cần được phát triển. Mà cho được phát triển thì cần có giờ rảnh rỗi, càng rảnh rỗi càng có cơ phát triển Tinh thần. Phải đạt độ sống thanh thoi như Chim trời Cá nước mới phát huy hết được, mới đáng gọi là Nhân linh u vạn vật. Linh thiêng gì mà cả đời chỉ lặn độn lo cho có miếng ăn chưa rồi.

Tục ngữ quen nói: miếng ăn là miếng hèn, là câu nói mà người ta chỉ thấy được chiều sâu của nó nơi những con người đó lả, trong các trại giam, lúc ấy miếng ăn trở nên to vô ngần, to át cả phẩm giá khiến người ta không ngần ngại hạ mình đến chỗ dê hèn, sẵn sàng chửi nhau thậm tệ để được phần hơn.

Dân Nga hóa hèn cũng vì bị bó buộc chỉ lo cho miếng ăn.

Ngược lại khi miếng ăn đầy đủ, con người tự nhiên cao hẳn lên một bậc, có thể nói tinh thần lên cao theo đà dư dật của đồ ăn thức uống, vì thế mục tiêu tối hậu của xã hội loài người phải là đi đến chỗ làm cho mọi người được hưởng phong lưu nhàn tản, sống nhơn nhơn như chim trời cá nước, không phải lo đến miếng ăn để ai cũng có cơ hội phát triển đầy đủ khả năng Tâm linh nơi mình.

Xin hỏi nếu quả thế thì con Người thật đã thua con Vật quá xa rồi?

Thưa rằng không thua miễn khi hiểu chữ Linh đúng nguyên nghĩa của nó là hữu hiệu tự nội, sẽ thấy con người quả có chỗ linh hơn. Linh hơn ở chỗ nó phải tự làm lấy hết.

Con vật sinh ra, trời đã cho đầy đủ, cả bộ phận che mình như áo mặc, cho tới những cái cần thiết để sống còn, nó không hề phải bận tâm đến “miếng cơm manh áo”.

Ta quen nói Trời sinh Voi trời sinh cỏ là đúng. Nhưng người không phải là voi; nếu không biết lo liệu thì chết đói cả nút. Câu đó chỉ dùng để cổ võ con người phải làm ra cỏ, làm ra rau, làm ra mọi thức ăn.

Cái Linh của con người ở đó, ở chỗ phải tự làm ra tất cả từ những cái hữu dụng cho tiểu ngã đến những cái “vô dụng” cho đại Ngã Tâm linh. Linh ở đó, thần ở đó.

Vậy đừng hiểu Tinh thần như cái chi trừu tượng xa xôi, mà hãy hiểu nó là Tâm linh, phát xuất từ sâu thẳm mà tỏa ra nơi động tác như ánh triều dương chói dọi trên muôn vật, để linh động nhuần thấm cho chúng thêm phần Chân, Thiện, Mỹ: từ vật dụng cho đến các động ứng, từ ngôi nhà xinh xinh, bộ quần áo đẹp đẽ, những bữa ăn khéo nấu cho tới những màu sắc đều hòa, những âm thanh vi vút, những lối xử đối lịch sự, những lời nói ý nhị tế vi... đều là bấy nhiêu tia sáng của tinh thần đó.

Phương chi còn đi lên cao nữa đến Tôn giáo, Nghệ thuật, Văn hóa, Hobbies thì còn là tinh thần xiết bao! Tinh thần ở những cái đó từ nhỏ tới to, chứ không có trừu tượng xa cách.

Thế mà nếu không có những phút thư nhàn, không có cuộc sống phong lưu nhàn tản thì Tâm trí đâu mà lo đến những cái “viễn dụng” như vậy được.

Ngay nhận thức ra sự cần của những điều đó còn chưa xong hướng nữa là hiện thực.

Việt Nho định nghĩa người là nơi giao hội của Đức Trời và Đức Đất, thì lý tưởng là con người phải lo cả về Trời lẫn Đất.

Đất là sinh sống hai phần, còn ba Trời là phần phải lo đến Tâm linh (3 Trời 2 Đất).

Nếu chỉ lo cho sinh sống như nay thì chính là Duy Vật vậy.

Cho nên liệu được cho đời sống có những phút thư nhàn là điều nằm trong chương trình thành Nhân, nằm trong bước đường Tiến hóa của con người, Cứu cánh con người phải tới đó.

Tiền nhân ta gọi đó là Phong Lưu.

Chẳng may vì hoàn cảnh túng nghèo, chỉ một số nhỏ được hưởng, nên hai chữ phong lưu mất chiều kích phổ quát và tích cực. Hiểu theo nghĩa tích cực thì mỗi con người phải được phong lưu để có thể phát triển hết khả thể của mình, cả Thân lẫn Tâm, và khi đạt Thân phải được như chim trời cá nước tung tăng bơi lội bay nhảy.

Đó là lý tưởng mà Tiên Nhân ta đã gói ghém vào hai chữ **Phong Lưu**, và cụ thể hóa bằng hình ảnh:

Mẹ Tiên cha Rồng. Mẹ Âu Cơ ở trên núi Phong Châu như chim Âu bay lượn trong gió (phong là gió),

Bố Lạc sống dưới nước lưu chảy (Lưu là dòng nước).

Vậy nên hai chữ Tiên Rồng là hình ảnh Nhân sinh của Vũ trụ quan là hai chữ Phong lưu mà Tiên Tổ Lạc Việt đã có lúc hiện thực được và tạc lại trên mặt Trống đồng để gửi lại cho dòng tộc làm lý tưởng. Chẳng may vì cảnh nghèo nên sau lu mờ dần nhưng đó chính là lý tưởng của con người phải đạt tới.

Vì thế cần phải được làm sáng tỏ trở lại. Tục ngữ Việt Nam nói “**Có thực mới vực được đạo**”. Ta có thể lấy câu này làm chuẩn để đo cuộc tiến con người: mỗi nấc tiến có hai bước là **Thực và Đạo**. Ta hãy gọi **Thực là Sinh còn Đạo là Tâm** và dùng hai chữ như tiêu điểm mà nhìn xem lịch sử nhân loại sẽ thấy rằng:

Nhân loại cứ đi được một bước Sinh thì lại kiện toàn bằng một bước Tâm:

Sinh cao bao nhiêu thì Tâm có cơ hội đi lên bấy nhiêu.

Nghĩa là khi của Nuôi dễ kiếm thì Tâm trí con người được thảnh thơi lo những việc không cần cho sự sống còn: như Văn hóa, Nghệ thuật, Đạo lý.

Ta hãy chia lịch sử nhân loại ra làm 5 giai đoạn:

Một là Săn hái: thời một người kiếm ăn đủ cho một người, cùng lắm là hai.

Hai là thời Du mục: một kiếm cho ba bốn người.

Ba là thời Nông nghiệp: một kiếm cho năm sáu (khoảng đất săn chỉ nuôi được một người, có cày cấy sẽ nuôi được 50 người).

Bốn là kỹ nghệ: một cho mười trở lên.

Năm là thời kỳ Hậu kỹ nghệ: một cho hai mươi người trở lên. Những con số trên rất cơ giã chỉ đưa ra để tạm có một ý niệm về đo lường đi lên của bước sinh, hầu có căn cứ khách quan đặng đo khả năng tinh thần theo sau. Tuy nhiên điều đó không được nhận ra vì hai sự kiện sau:

Một là có những trường hợp ngoại lệ, những bậc sinh nhi tri chi, những thiên tài đại thánh có khả năng vượt điều kiện thường tình, rồi được người đời đặc biệt chú ý mà quên đại thể là phải có: No ra Bụt, đói ra ma.

Sinh đi trước Tâm đi sau là luật chung trong thiên hạ

. Điều thứ hai mới quan trọng là lòng Tham đậm ra tính Bóc lột.

Tính này khởi xuất từ một đức tốt là “**tích cốc phòng cơ**” nên khi của nuôi càng khó kiếm, nó càng xuất hiện mạnh như ở những chặng đầu, của ăn hiếm, khó bảo đảm cho ngày mai, thế là lòng tham dễ trở nên vô đáy, dẫn đến tình trạng mạnh hiếp yếu;

Ở đợt cá nhân thì ra bên Chủ bên Nô,

Ở đoàn thể ra chính quyền chuyên chế: bóc lột tận cùng,

Thế là có cảnh Nô lệ hoặc toàn dân phải đầu tư hết Tâm trí vào lao lực để kiếm ăn, kiếm cho mình và nhất là cho lãnh chúa đủ loại, không còn giờ rảnh dỗi nữa để mà lo việc Tinh thần. Điều này đã xảy ra cho cả thời Du mục lẫn thời Kỹ nghệ, cả hai đều đi với Đế quốc, với chế độ Nô lệ, với Chiến tranh cướp đoạt, với cảnh thiếu số sống trên lưng đại chúng điêu linh...

Chỉ còn lại Nông nghiệp nhưng cũng bị Du mục đồ khuôn hầu hết, trừ có các xã hội Việt Nho nơi đây tránh được nạn chuyên chế cũng như liên hệ Chủ Nô, nên dân có được ít giờ nhàn rỗi, vì thế tinh thần cao, biểu lộ bằng các thứ nghệ thuật Nhân sinh, tức nghệ thuật gắn liền với cuộc sống, với những đồ dùng thường nhật, thí dụ điển hình là đồ sứ khởi đầu bằng một đồ dùng, rồi được mỹ thuật hóa, và có những lúc đi tới hoàn thiện, nhưng vẫn giữ kích thước vừa tầm tay đại chúng, nên rất nhiều người được hưởng dùng.

Ngoài ra còn rất nhiều Nghệ thuật bình dân như Thi ca, Múa hát cũng như làm Thơ đều rất phổ cập trong dân chúng.

Sau cùng nên nhắc đến **những Hội hè Đình đám** kéo dài đã có từ xa xưa, nói lên cách cụ thể lối sống ung dung của dân chúng mặc dầu còn rất nghèo nhưng nhờ có Minh triết, nên nghèo mà vẫn có được những phút phong lưu

. Ở các xã hội du mục tuy có thể giàu hơn nhưng của cải phân chia bất đều nên dân chúng không được như thế.

Do vậy chỉ có những Nghệ thuật phục vụ cho Giai cấp thống trị là giai cấp khỏi lo ăn lo mặc, vì thế là thứ nghệ thuật tách rời khỏi đời sống đại chúng, như những đèn điện nguy nga đồ sộ thường mang kích thước khổng lồ.

Đó là những Nghệ thuật man rợ mọc hoang trên lưng dân chúng rút tía sinh lực của họ để vươn lên, đại chúng càng khổ lụy, Nghệ thuật càng vươn cao, càng phong phú.

Rõ rệt đó chưa phải là những nghệ thuật đã chín mùi, để lặn vào cuộc sống thường nhật hầu nâng cao hương vị cuộc đời cho toàn dân, cho đời sống chung được tinh thần tẩm nhuận.

Bước sang thời kỳ kỹ nghệ, mức sống cao hơn nhiều lẽ ra phải được phong lưu, nhưng không may chưa thoát ra khỏi ách Du mục đế quốc: vẫn còn nô lệ. Nô lệ mới là như thợ thuyền trước rồi các thuộc địa sau: bao nhiêu sản vật thợ làm ra chính họ không được hưởng thụ, vì các chủ nhân rút đĩa để đầu tư vào máy móc mới. Điều ấy có nghĩa là để mở phạm vi bóc lột rộng thêm.

Tai họa đó đang được chế độ cộng sản tiếp nối đến tận cùng, con người trong chế độ nọ phải dốc hết tâm trí, nghị lực vào miếng ăn, chẳng còn được chút giờ rảnh mà ngẩng mặt lên đặng hưởng những phút thư nhàn lo cho Văn hóa, lo cho Tinh thần. Lần này chính quyền cũng không được hưởng thụ nữa mà phải để hết tâm trí vào đàn áp dân chúng, bắt làm việc lao tác đến kiệt lực hầu có thêm phương tiện để đi bóc lột toàn cầu: Văn học Nghệ thuật cũng bị buộc phải quy hướng theo đó.

May thay còn sót lại những nước dân chủ trong thế giới tự do đã dần dần tái phân chia lợi tức quốc gia, nên toàn dân đã có được những bước thư nhàn thanh thoát.

Tuy nhiên việc đó mới xảy đến theo sự ép buộc của đấu tranh, sự thúc đẩy của hoàn cảnh, mà chưa phải do một nền Đạo lý, một Triết thuyết Chỉ đạo nên chưa đi hết cỡ có thể đi, thì giờ nhàn rỗi cũng chưa biết dùng làm gì.

Nói theo chữ của Eric Fromm mới là đạt freedom from chưa đạt freedom to, mới giải được Trí, nhưng Trí được giải rồi quy hướng đi đâu chưa biết. Vậy cần phải có Triết lý.

Ai sẽ làm nhiệm vụ này?

Đến đây ta thấy vai trò của Mỹ, chỉ Mỹ mới có thể nhận sứ mạng nọ.

Tại sao Mỹ mà không nước khác? Thưa, phi siêu cường không thể làm được: trước hết muốn dẫn Đạo phải đi Tiên phong trong việc diệt chế độ cộng sản, vì nó gây cảnh bất an khắp nơi, bắt buộc các nước phải tăng quân phí quá nhiều, nếu không tăng hay không diệt được, nó sẽ dần dần bắt hết mọi người trở lại y như thời săn hái: một người làm tận lực chỉ đủ nuôi miệng mình, chẳng còn thảnh thơi tâm trí mà lo tinh thần. Vậy mà nó đã nô lệ hóa được quá bán phần nhân loại, và còn quyết tâm xâm chiếm trọn hoàn vũ.

Vì thế việc đầu tiên phải làm là diệt nó. Việc này chỉ có Mỹ mới đảm đương được.

Các nước khác cũng phải làm theo sau, nhưng lãnh đạo thì chỉ có Mỹ mới có khả năng để không sợ Nga trả đũa. Đó là bước tiêu cực.

Còn tích cực là đưa nhân loại vào thời hậu kỹ nghệ mà nét đặc trưng là máy điều khiển máy để con người được giải phóng khỏi ách nô lệ của máy móc. Đây là tinh hoa cuối cùng của máy. Điều này cần phải có lợi tức quốc gia rất lớn để đương đầu với những xáo trộn xã hội sẽ xảy ra; một xưởng kỹ nghệ đang dùng 50.000 nhân công, khi đã tự khiển hóa rồi, chỉ còn 200 nhân công: vậy là một người làm đủ nuôi hàng trăm người. Lẽ ra tha hồ phong lưu nhàn tản, nhưng phong lưu vẫn còn xuất hiện như giấc mộng viễn mơ là tại thiếu Đạo lý.

Làm ra của ăn dư dật mới là bước Sinh, cần thêm bước Tâm tức phải có một nền Triết lý ứng hợp mới đi vào được cảnh Phong lưu.

Nếu không, có làm ra nhiều nhưng cứ tích lũy thì phong lưu sao nổi.

Hiện nay chính nạn thất nghiệp cản ngăn con người không dám dùng robots, không dám thuê nhận phương thức tự khiển. Tổng thống Mitterand Pháp quốc đã đi đúng đường khi định rút giờ làm việc từ 40 xuống 35, nghĩa là thêm một tuần thành năm, hưu sớm vào tuổi 55 thay vì 60. Người ta nghi ngờ liệu nước Pháp thành công hay chẳng, vì có thể đi quá sớm hoặc kinh tế nước Pháp chưa đủ cỡ đi vào lối nọ...

Tôi cho rằng thành công hay chưa, đó là chuyện chiến lược, chiến thuật.

Nhưng trên phương diện chính lược Triết lý, đó là phương thức con người sẽ phải đi theo, nghĩa là sẽ xử dụng càng ngày càng nhiều robots, rồi lần lần đi cả đến 16 máy tự khiển, nạn thất nghiệp sẽ gia tăng và chỉ có giải quyết bằng rút giờ làm việc, tức là đi vào thời làm ít chơi nhiều mà Việt nho gọi là thời phong lưu.

Người ta không ý thức tích cực như vậy mà mới lo phía tiêu cực là giải quyết nạn thất nghiệp như nước nọ hay nước kia đã khởi đầu hiện thực.

Nhưng có thành công cũng quá nhỏ không thể lãnh đạo. Lãnh đạo phải là Mỹ. Nhưng dù Mỹ hay ai, dù Mỹ có muốn bước lên hay không, con người sẽ tiến đến đó, nhưng tiến lên với đầy đổ vỡ đau thương cũng như ở đầu thời kỹ nghệ, những hãng dệt khởi đầu dùng máy hơi nước đã bị thợ thuyền đập phá vì máy cướp việc của họ.

Rồi đây máy tự khiển cũng gặp khó khăn tương tự, nhưng nó sẽ cứ tiến như cơ khí đã tiến: cản ngăn không được, vì đó là đường Tiến hóa của con người, chóng thì trong dăm chục năm, lâu thì vài ba thế kỷ.

Nhưng sớm hay muộn, ít hay nhiều, rồi con người cũng đi vào. Nếu có lý thuyết thì công việc sẽ suông sẻ hơn, còn không sẽ đầy đau thương như đã xảy đến cho thời kỹ

nghệ, thời người điều khiển máy mà tai họa còn lưu đến nay dưới hình thức cộng sản.

Cộng sản là kết quả do sự xáo trộn thời đầu kỹ nghệ. Để tránh tai họa trong thời hậu kỹ nghệ (máy điều khiển máy) cần phải thiết lập ra một nền Triết lý ứng hợp vừa để hướng dẫn cuộc đổi thay trong xã hội nọ, vừa để dùng được sự chơi cho đúng hướng đi lên của nó là phát triển những khả năng vô biên của phần đại ngã.

Chính điều đó đem lại cho việc dẫn đưa cái tên cao cả là sứ mạng.

Hỏi Mỹ có đủ sức dẫn đường sứ mạng đó chăng?

Ta đã thừa là có về phần Sinh. Bây giờ ta xét về phần Tâm.

Liệu Mỹ có khả năng trong phần này chăng? Khả năng kiến thiết một nền Triết dựa trên Tâm linh gọi vắn tắt là Minh triết.

Minh triết khác với Triết học ý niệm ở chỗ nó đòi nhiều kinh nghiệm gắn liền với tuổi tác. Phải đến một tuổi nào mới đạt Minh triết.

Vì thế trước hết ta cần bàn về tuổi của Mỹ trước khi nói đến Minh triết.

Xem sử nhân loại ta có thể chia cuộc Tiến hóa loài người thành những đợt khác nhau: đợt đến sau cao hơn đợt trước.

Người Âu Tây da trắng thuộc đợt sau nên mức Văn minh cao hơn người Á Châu da vàng rất nhiều.

Thế tại sao dân Á Châu đã có Minh triết mà Âu Tây lại chưa?

Thưa đó là tại Á Châu thuộc đợt tiến trước nên đã đạt tuổi chín chắn, vì thế cao hơn Âu Mỹ ở chỗ đã có Minh triết. Âu Mỹ còn đang ở tuổi trẻ, nhất là Mỹ sánh với Âu còn trẻ hơn một độ, nên chưa đạt Minh triết. Nhưng rồi sẽ tới và khi tới thì nền Minh triết này sẽ cao hơn nền Minh triết của Đông phương nhiều...

Vậy bây giờ Mỹ đang ở đâu?

Đã sắp đến tuổi chín chắn chưa? Muốn trả lời phần nào, ta có thể mượn những nấc tiến trong tâm thức mà xưa Khổng Tử nói về mình, nhưng câu nói có tầm phổ biến nên Việt Nho đã tổng quát hóa để làm như thước đo độ cao thấp của con người trên đường tiến tới minh triết, nên sự phân tích câu nó có thể soi sáng cho bước tiến đang đi tới của con người. Câu đó như sau:

1.- Tam thập nhi lập: ba mươi tuổi có lập trường của mình.

2.- Tứ thập nhi bất hoặc: bốn mươi tuổi không lầm nữa.

3.- **Ngũ thập nhi tri thiên mệnh:** năm mươi tuổi biết được mệnh trời.

4.- **Lục thập nhi nhĩ thuận:** sáu mươi tuổi tai nghe thuận với Đạo.

5.- **Thất thập nhi tòng Tâm sở dục bất du cử:** bảy mươi tuổi mà có nghe theo lòng muốn, cũng không lỗi Đạo của con người. (LN. II 4)

Đó là năm nấc thang mà Tâm thức con người phải leo để đạt Minh triết.

Có thể thu gọn vào ba đợt sau: -

Đợt một gồm tuổi 30 đến 45 thuộc **Ý hệ** (trước tuổi 30 là bái vật). –

Đợt hai từ 45 đến 60 là **Minh triết**. –

Đợt cuối cùng, tuổi 70 là **Quyền biến, tức uyển chuyển khôn lường**, có mà như không, không mà lại có.

Đó là Minh triết ứng dụng vào cuộc sống luôn luôn biến chuyển. Áp dụng mức thang trên vào Văn hóa, có thể nói được là Á Châu đã 70 tuổi nên đã có Minh triết rồi, nay đã hết thời lãnh đạo, phải trao đức văn minh cho Âu Tây, và đã trao rồi vào khoảng thế kỷ 12 -15, từ lúc mà nguồn sáng tạo bên Đông phương tự nhiên ngưng đọng, mạch Suy tư trở nên khô cằn. Tìm được một người viết lách có ý tưởng là chuyện họa hiếm. Trái lại cũng từ đây Âu Tây bắt đầu đi vào thời Phục Hưng. Lý trí nở mạnh, óc phê bình được đẩy thực xa, đập đổ mọi lưu truyền, vượt ra khỏi biên giới Âu Châu nhỏ hẹp để đi thám hiểm hoàn cầu, đồng thời truy tầm những sự thực khách quan, thiết lập khoa học, kỹ thuật, khởi công tạo lập Triết lý Nhân bản.

Vào khoảng từ thế kỷ 18 trở đi, có thể nói Âu Tây đã tới tuổi “tam thập nhi lập”, tức có lập trường Nhân bản: thiết lập Văn hóa trên nền tảng con Người.

Tuy nhiên mới là Nhân bản còn non nớt nên đây vấp ngã: nào là Thực dân, nào là Thuyết tôn thờ Chủng tộc, nào là Phát xít, nào là Cộng sản...

Nhưng rồi Âu Mỹ đang bước vào tuổi 40 “**tứ thập nhi bất hoặc**” – không làm nữa. Vì thứ nhất đã nhận ra các **Triết lý ý niệm là thiếu sót**, ít ra quá chật hẹp không còn hợp thời. Thứ hai đã nhả **hết Thuộc địa**. Thứ ba, **cải tổ Tư bản**, làm cho nó có thể sống được bằng cách tái phân chia lợi tức quốc gia (xuyên qua thuế Lũy tiến, chế độ An sinh xã hội), khiến cho toàn dân được tham dự vào tài sản chung của nước. Xã hội không còn ai ngheo khổ (có nghèo nhưng không khổ. Còn thế nào là nghèo giàu thì bờ cõi chập chờn chủ quan không biết đâu mà nói).

Như vậy là đang tới tuổi “ Tứ thập bất hoặc”.

Riêng Cộng sản vì muốn vọt lên đợt Nhân bản toàn diện, chối bỏ cả Thần linh, nên đã vô tình lộn lại kiếp Bái vật: thay vì đi lên “bất hoặc” thì lại trở xuống “rất hoặc”, nào Nô lệ hóa toàn dân, Chuyên chế bạo tàn, nào chiến tranh chiếm đoạt, bắt cả nước lao tác cực khổ cho một số hưởng thụ. Nói được chính cộng sản là cái túi thâu hứng hết mọi điều sai lầm tai hại của Tây Âu cả Trung cổ lẫn thời Kỹ nghệ. Có thể gọi Cộng sản là cái chốc mông của Tây Âu theo tục ngữ “ăn độc chốc mông”.

Cộng sản là thứ độc hữu hơn hết, nên đáng tên là cái chốc mông to bự, nhức nhối vô cùng.

May thay, đã có triệu báo chốc mông này đang mừng mủ: nội tình khởi đầu tan rã. Từ năm 1975, có rất nhiều người trước kia coi Cộng sản như hy vọng duy nhất để cứu loài người khỏi nạn bất công, nay đã bắt đầu vỡ mộng. Niềm tin đặt vào Cộng sản để thiết lập một thế giới công bằng, vắng bóc lột, đang tiêu tan; và thế giới hiện nay đang ngơ ngác chưa biết đi đường nào, chỉ còn sống theo ánh sáng le lói của lương tri ngắn hạn, không đủ soi sáng đường trường, nên tâm hồn đầy bất an xao xuyến. Đây là dấu phải đổi đời, nói theo nấc tiến trên là phải bước vào tuổi 50 để biết sâu xa về bản Tính con người. Việt Nho gọi đó là “tri Thiên mệnh”

Để được vậy, phải quyết liệt đi trọn tuổi 40. Tứ thập bất hoặc là không được sai lầm nữa. Như Mỹ phải chấm dứt cái nạn ngây thơ, cứ thấy Cộng nói sao tin như vậy v.v...

Đây là sự lầm mà Mỹ cần khử bỏ. Đã hết thời được phép ngây thơ rồi, phải trưởng thành.

Để chắc ăn phải **mạnh dạn bước vào tuổi 50**, phải “tri Thiên mệnh” để có tiêu chuẩn vững vàng trong việc xử kỷ tiếp vật. Thiên mệnh đây là yếu tính con người, phải dùng nó để đo mọi giá trị, phải tẩy rửa tiêu chuẩn cũ y cứ trên tài sản trọng hơn người.

Nay đã lớn rồi, phải bước vào đợt Nhân chủ, đặt con người lên trên hết. tri Thiên mệnh thực sự phải thế. Tính con người là Thiên Địa chi Đức gồm cả đức Trời cũng như đức Người.

Nói theo tiếng Việt Nho là gồm cả Sinh lý và Tâm linh.

Sinh lý tượng trưng bằng hình Vuông chỉ đức Đất.

Tâm linh tượng trưng bằng vòng Tròn chỉ đức Trời.

Hàm ý rằng vòng tròn không góc cạnh tức không có giới hạn, nghĩa là Tự do. Nói bản tính con người làm bằng đức Trời cũng là nói làm bằng Tự do, tức con đường tiến hóa thực của nó không có giới hạn. Việt Nho gọi là tiến đến chỗ như Thần.

Cho nên Tự do phải là thành phần cốt cán hơn hết để làm nên con người. Mỹ đã đi đúng đường khi dùng tượng Nữ thần Tự do, khi đặt Hiến pháp trên nền Tự do và đã đi bằng đôi hia bầy dặm trên đường thực thi Tự do: nào giải phóng nô lệ, nào liệu cho toàn dân được hưởng nền Tự do rộng rãi hơn ở đâu và bao giờ hết.

Tuy nhiên bấy nhiêu mới là công việc của lương tri, chưa là của Triết: dân Mỹ còn bị ám ảnh bởi sự mất Tự do, chưa hiểu nền tảng Tự do, chưa hiểu rằng “Tự do phải có giới hạn tức là Tự do bị giới hạn bởi những gì phá hại Tự do.”

Theo câu giải nghĩa Tự do chính đáng như vậy thì bao nhiêu người Mỹ thiện cảm với cộng sản, bênh vực cộng sản, đương nhiên là kẻ thù của Tự do.

Mặc dầu là vô tình nhưng vẫn thế, nhiều khi còn tai hại sâu xa hơn. Theo đó phần lớn dân Mỹ đều chống Tự do, chống Hiến pháp được đặt trên nền tảng cao quý là Tự do. Có lẽ cái Chuông Tự do của Mỹ đặt tại Pennsylvania nứt từ đầu chí cuối là biểu hiệu cho sự hiểu sai lạc hai chữ Tự do nọ.

Vì thế mà có hiện tượng kỳ cục là các sách dạy sử ở trường hầu hết thiên Cộng. Đó là những rơi rớt do tuổi ngây thơ cần phải gột rửa. Sự gột rửa hiệu quả hơn hết là tiến vào tuổi 50 rồi đến 60 “nhĩ thuận” là nghe theo tiếng tế vi của Tâm linh.

Trong đường siêu linh, tai cao hơn mắt, vì mắt xem hình, còn tai thấu thanh là thứ vô hình. Vậy câu nói “lục thập nhĩ thuận” là có ý thúc đẩy hành giả phải tiến sâu vào đường tri Thiên mệnh bằng thiết lập nền Triết lý tế vi hơn.

Từ trước đến nay, siêu hình Tây Âu đặt trên mắt: tuy không xoay quanh ảnh tượng trừ hình nữa, nhưng còn căn cứ trên tượng ý thuộc lý trí là phantasma. Không xem hình ảnh trừ hình đã là bước tiến, nhưng phải đi lên nữa tới độ từ bỏ cả Tượng ý. Ở lại đó là bệnh Duy mục gọi là visibility để nói theo Heidegger.

Vì bám vào Tượng ý tuy là hình vắng mặt nhưng vẫn còn là Tượng. Phải tiến lên đọt nữa đến tai nghe mới đặt “Vô thanh, Vô xứ”.

Đông phương đã bỏ đoạn Mắt để tiến vào Tai nên nhấn mạnh đến Nghe hơn Xem.

Thấu hiểu Đạo gọi là “triêu văn Đạo”: sáng nghe được tiếng Đạo. Vua và triều thần xưa bao giờ cũng bàn việc nước vào buổi sáng tinh sương nên gọi là triều (triều cũng là triêu: ban sáng) hàm ý cai trị phải theo Đạo nghe được lúc ban sáng. Nói nghe Đạo vì coi Tai nghe sâu hơn Mắt thấy, nên Đạo không những gọi là vô hình mà còn là “vô thanh, vô xứ”.

Vô Thanh tế vi hơn vô Hình.

Đọt cuối cùng là tuổi 70: tông Tâm sở dục bất du cử, có theo lòng ước muốn cũng không lìa xa quy luật. Đó là kết quả của sự thanh lọc. Đã qua đọt vô hình, vô tượng để

lên đến đợt “vô thanh vô xứ”, tức nói lên độ trong suốt của Tâm hồn tất sẽ gồm thấu được rất nhiều, **bao dung cả có lẫn không, cả cứng lẫn mềm, trở thành mềm dẻo gọi là quyền biến**, mềm dẻo mà cương kiện, mạnh mẽ mà êm êm: **firmiter sed suaviter**. Khác với đợt lập chỉ có cứng, nhiều khi dồn hết sức ra để cứng, nên bên trong mềm xèo, như trước đã nói về đường lối **ngoại giao của Mỹ “ngoại cương, nội nhu”**. Cái tệ đó là **do bệnh duy lý, chỉ có một chiều của Triết học Tây Âu đã mắc phải từ xa xưa và hiện đang vùng vẫy để thoát ra. Dấu hiệu bên ngoài là sự đập phá Văn minh hiện đại, Văn minh chỉ có tiêu thụ không biết gì hơn.**

Trong khắp các ngành từ Triết lý, Văn học qua Nghệ thuật đủ loại đang xảy ra những cuộc đập phá tung bừa như vậy.

Đây là bấy nhiêu điều triệu triệu thông báo sự sửa soạn cho một bước tiến mới trong Tâm thức con người. Bước đó ở tại cố gắng thoát ra khỏi gông cùm của các ý hệ cũ vì nó đã trắng trối Tâm hồn không cho vươn lên miền bao la cao cả để đáp ứng nhu yếu của con người toàn diện.

Vậy hỏi bước này sẽ xảy ra ở đâu? Dân nào sẽ dẫn đầu?

Tôi cho đó là Mỹ. Hiện Mỹ cũng như Âu châu còn đang trì trệ ở đợt Lập: luật là luật, mặc cho Đất sứt trời sa, nghĩa là cứng đơ, chưa đi lên được đợt Quyền.

Xin hãy lấy một **thí dụ thông thường là vụ trợ cấp tiền nhà cho người nghèo**, thay vì trả 500 thì người được hưởng trợ cấp chỉ phải trả 100, chính quyền trả cho 400. Lúc cấp mới có 8000 đơn vị. Đến nay số gia đình nghèo tăng lên gần gấp đôi (hay cho là 12000) mà tiền quỹ không đủ để cho thêm. Nếu đã đạt quyền tất sẽ chia số tiền trên cho 12000, mỗi người sẽ được 250 đồng thí dụ. Nhưng chính quyền lại chỉ cấp cho 8000 người, còn 4000 không được chi cả. Đó là thứ Lập thiếu Quyền, tức thiếu uyển chuyển, ngã vào bất công ngay trong việc làm ơn, tạo nên 4000 người oán trách không cần thiết.

Lấy thí dụ nọ cho dễ hiểu. **Trong việc ngăn chặn Nga cũng vậy.**

Mỗi khi Nga xâm lăng nước nào xong, Mỹ liền công nhận nước đó, xử đối “đúng luật” quốc tế, không dám giúp kháng chiến, cho là quấy rối nước người ta, trái luật!

Âu Mỹ phải mau mau vượt qua cái thứ lập trường trọng luật kiểu đó. Nếu không rồi chỗ đứng cũng chẳng còn để mà Lập. Khi nào Âu Mỹ bước vào được Quyền, lúc ấy sẽ có Minh triết.

Rồi Âu Mỹ sẽ bước vào và nền Minh triết ấy sẽ phải do chính Âu Mỹ tìm ra, không thể lấy của Đông phương được.

Tuy nhiên về nguyên lý và định đề, nền Minh triết nào cũng như nhau.

Xa xưa cũng như sau này đều là một.

Vì thế, sự giới thiệu nền Minh triết Đông phương cho Âu Mỹ rất có lợi.

Nó sẽ đóng góp vào việc kiến tạo nền Minh triết Âu Mỹ. Đó là lý do tại sao chúng tôi viết quyển này, ưu tiên gửi đến dân Mỹ. Trước là để tỏ lòng biết ơn Mỹ đã đón nhận tị nạn chúng tôi cách quảng đại, sau là để bênh vực nước Mỹ mà tôi được nhận làm quê hương thứ hai. Trong ý hướng đó, tôi cảm thấy hãnh diện vì nước Mỹ đã đi tiên phong trên đường khoa học, kỹ thuật, nên kể là đã đi được bước Sinh, bây giờ chỉ còn thêm bước Tâm, tôi cảm thấy có nghĩa vụ giúp quê hương thứ hai của tôi tiến thêm trong bước này, để nước Mỹ có thể tiến mạnh vào đời sống mới, đời sống phong lưu chân thật: làm ít chơi nhiều hầu phát triển những khả năng cao quý con người rất mực, cũng như hưởng cuộc sống hạnh phúc đầy đủ no tròn.

NHỮNG PHẠM TRÙ CHÍNH TRONG TRIẾT LÝ AN VI

An Vi chính là **Triết lý Việt Nho** nhưng được đào sâu và quảng diễn hợp với cảm quan thời đại nên cần đặt cho tên mới để dễ nhận diện. Nền Triết lý này chia sử trình Tâm thức con người làm ba nấc là **BÁI VẬT**, **Ý HỆ**, và **TÂM LINH** (bộ phạm trừ đầu tiên).

BÁI VẬT là thời **mông muội**, lý trí con người chưa phát triển đủ nên dễ nghe sao tin vậy: bất cứ vật nào hề xem ra có mòi quyền phép đều được coi như thần linh, được tôn thờ bái lạy, nên gọi là bái vật (animistic totemic). Con người thờ đủ thứ vật, từ con to như hổ, báo, voi, hùm, sư tử cho đến con nhỏ như cóc, ngóe, bọ cạp, gà, chó, mèo, heo... Cao lên một bậc là ma thuật: khi thấy van xin không được thì tìm cách sai khiến quỷ thần, đó gọi là ma thuật; ma thuật kể như nghi lễ của bái vật. Như vậy Bái vật là tên rất chung chỉ mọi thứ dị đoan tràn ngập đời sống lúc con người chưa bước vào tuổi dùng lý trí, còn y cứ trên những định đề của Bái vật, những đế quốc cổ xưa như **Babylon, Assyria, Egypte, Perse, Ấn Độ** thuộc vào thời này, thời “**Nhĩ bất thuận Tâm**” nên rất hoặc.

Ý HỆ là **giai đoạn chống lại Bái Vật**. Con người không tin nữa mà chỉ muốn nhìn tận mắt bắt tận tay, quay ra phê bình chỉ trích những niềm tin trước, lấy sự vật thực tế làm nền tảng. Đây là thời kỳ sẽ mở vào khoa học xán lạn mang lại ơn ích lớn cho loài người. Nhưng trong phạm vi Triết, vì cũng muốn theo kiểu khoa học chỉ bằng vào có tai mắt nên hẹp hòi: tai mắt chỉ có thể thấu nhận những hình ảnh của vật trứ hình, gọi là ý niệm. Nếu xây triết lý trên ý niệm suông sẽ gây ra ngoài biết bao cái tế vi, vô hình, thí dụ những gì linh thiêng hoặc tình cảm con người, tình nhà, tình nước đều kể như không có. Chỉ phát triển có lý trí nên gọi là duy lý một chiều, rồi hệ thống hóa các ý niệm cách chặt chẽ nên gọi vắn tắt là Ý hệ.

Ý hệ là Triết làm bằng ý niệm suông rất khô khan, người ta gọi đó là Triết lý vô hồn: không có niềm hy vọng lớn lao để thôi căng cánh buồm nghị lực.

Các đế quốc được thiết lập theo ý hệ thì như Tây Âu nhất là thời chiếm thuộc địa, hoặc Nga Xô nay.

Còn La Hy có thể coi như ngồi giạng chân lên cả hai: cả Bái vật lẫn Ý hệ.

Tâm Linh là giai đoạn của lý trí được mở rộng để bao gồm cả Tình cả Chí, cả Thiên năng, Tiềm thức, Siêu thức, gọi chung là Tâm nên chữ Tâm rất rộng nghĩa.

Ta có thể tạm dùng mấy chữ Thiên năng, Siêu thức để chỉ tổ cửa ngõ của Tâm đang có một ý niệm sơ sai. Vì tính cách bao trùm đó nên Triết lý xây trên nền Tâm cũng gọi là Triết lý toàn thể, bao trùm cả Vũ trụ gọi là “Vũ trụ chi Tâm”. Tâm biểu lộ ra bằng Tình.

Tình ở đợt Bái vật là thứ tình bị tràn ngập chưa được lý trí kiểm soát:

ý hệ thì đẩy tình ra để Lý trí chiếm trọn.

Đến TÂM LINH mới hội nhập cả TÌNH cả LÝ, cả TIÊN NĂNG, TỀM THỨC, nên rất hiệu nghiệm, gọi vắn tắt là Linh. Linh với Thần như nhau đều không ở nơi nào nhất định mà ở khắp chốn, nói Tâm linh cũng là nói lên sự hiệu nghiệm bao trùm vì có mặt khắp nơi, không gì không tiếp cận.

Các nước y cứ trên Tâm linh xưa có Tàu, Việt, Đại Hàn, Nhật Bản gọi chung là Việt Nho.

Để nhận diện rõ hơn tính chất của ba đợt Tâm thức trên, Triết lý An Vi đưa ra bộ phạm trù thứ hai là: **Dụng, Từ, Ý, Cơ** làm thước đo sự sâu rộng của một nền triết.

Triết nào khởi từ Cơ thì đi xuyên qua Ý và Từ để xuống mãi tới Dụng.

CƠ là Nguyên lý cùng tột.

Ý là Ý tưởng, là **Triết học** (hệ thống của ý).

TỪ là lời Nói, **Văn học**.

DỤNG là việc Làm, **Định chế, Thói tục**.

Triết nào khởi từ Cơ đi qua Ý, Từ rồi thấu đến Dụng là Triết sâu và rộng nhất.

Nói Dụng Từ Ý Cơ là bắt đầu ở chỗ cụ thể hiện hình mà lần lên cũng thấy hợp với Từ và Ý rồi đến Cơ thì cũng vậy.

Triết học lý niệm khởi từ ý, tận cùng ở từ hầu không tới được việc làm cụ thể, hậu quả chỉ là những thuyết lý trừu tượng hoặc không tưởng (utopie) chẳng có chân nào trên mặt đất, như Cộng hòa của Plato hay các thuyết trong Triết học cổ điển Tây Âu, mà nền tảng Siêu hình xây trên ý niệm Hữu thể rất trừu tượng thuộc lý trí rỗng đến độ nó đẩy lui Tình và Chí là những cái có sức huy động nghị lực con người, nên Triết trở thành trừu tượng son đẹt.

Triết làm ra là để bàn luận trong trường ốc, chứ không thực thi vào đời sống được.

Nếu chẳng may người ta cưỡng thi hành như Cộng sản cố tình làm với Triết học Karl Marx thì phải bù bằng đủ thứ Công an mật vụ để ép buộc, Khủng bố mới có làm, vì cái làm đó không do tự trong phát xuất thường trái với bản tính con Người, nên chỉ có làm bao lâu còn có sự khủng bố, ép buộc.

Ngược lại, triết lý đặt trên Cơ tức trên nhu yếu thâm sâu của con người tất nhiên có Dụng theo, khỏi cần phải thúc đẩy từ ngoại... Vì thế nó khác với Ý hệ ở chỗ không đưa ra utopia hoặc nên lý tưởng rất cao cũng vẫn còn làm được.

Thứ đến, nó cũng khác ý hệ, nhất là khác bái vật ở chỗ không dùng “**muu gian Đạo đức**” (vì Đạo đức mà đánh lừa, pia fraus), thí dụ Mặc Dịch hứa tìm việc cho môn đệ, nhưng khi học xong ông nói có việc đâu, đó chỉ là đánh lừa môn sinh để chịu khó học.

Bái vật dùng tràn ngập pia fraus đã đành, cả đến Triết lý nhiều khi cũng không chê, thí dụ ông Tô triết Tây là Plato cũng dùng bộn.

Còn Cộng sản thì khởi nói: **luôn luôn sống trên những lời hứa cuội (lợi hành) kèm thêm khủng bố (cưỡng hành) tại Ý hệ là Triết học xây trên ý niệm, không đủ sâu để khơi động nguồn nghị lực Tâm hồn, đành phải dùng những trợ lực ngoại khởi như pia fraus. Hãy so sánh các xã hội cổ sơ vừa nhắc đến, để có sự minh họa.**

Đang khi các xã hội theo Việt Nho đều có cả bốn đọt: dụng, Từ, Ý Cơ.

Cơ là Đạo nghĩa. Ý là Triết lý, Đạo học. Từ là văn học nghệ thuật, cũng tuân theo Đạo lý. Còn Dụng là áp dụng Triết học vào đời sống gọi là Định chế, là Thói tục mà từ vua tới dân đều cố theo.

Vì thế tất cả bốn chặng đều ăn chịu với nhau như một Cơ thể, nên có hiện tượng này là dù Triết đưa ra lý tưởng hết sức cao (Cơ) nhưng vẫn hiện thực (dụng) được, không những thấu nhập vào Triết học (ý), Văn học (từ) nhưng còn thấu tới thân Tâm con Người.

Lịch sử văn minh đã phải khen là “**nền luân lý hiệu nghiệm hơn hết gặp được trong các dân ở bất cứ thời nào**” (W. Durant, Story of Civil. vol I. 6-40).

Một xã hội đông người nhất, với phương thức cai trị bền bỉ nhất, và tạo được hạnh phúc hơn hết cho con người: không có chế độ Nô lệ hay nếu có cũng đã được bãi bỏ rất sớm. Tuy có chuyên chế nhưng là chuyện từng giai đoạn với từng ông vua, chứ nói chung thì không.

Người ta không thấy chỗ đó vì lẫn lộn Độc tài, độc Chuyên với Chuyên chế.

Độc tài (authoritarianism) thì nhất định các vua xưa đều độc tài, nhưng không hẳn chuyên chế theo nghĩa mạnh của từ tyranny hay là totalitarianism, nó đòi kiểm soát hết mọi chuyện không những Chính trị, mà hết cả Đời sống; nó định đoạt Tiêu chuẩn cho mọi giá trị, từ Kinh tế, Nghệ thuật, Văn học đến Bản thân, Tư tưởng, Cảm tình, Tôn giáo như ta thấy thực thi trong các xã hội cộng sản: người dân mất hết mọi tự do.

Trong chế độ Quân chủ xưa mà ta gọi là Độc tài, người dân còn hưởng rất nhiều Tự do: từ Tôn giáo, Tư tưởng, Nghệ thuật đến Kinh tế, Đì lại, cả đến Tài sản...

Có thể so với Dân chủ ngày nay tuy đời sống thấp hơn nhiều, nhưng về Tự do không thua bao lắm, thường chỉ cho Chính trị, ngoại trừ một số người sống bên cạnh Vua bị giàng buộc nhiều hơn, còn toàn dân sống trong thôn làng vẫn có thể nói mà không sợ bị cải chính là “phép vua thua lệ làng”.

Ngược lại, trong các nền văn minh khác như Babylon, Perse (Ba Tư), Egypte (Ai Cập), phải gọi là Đế quốc vì thường có những điếm đi cùng như Chuyên Bóc lột hết mọi Tự do.

Đây là những cái diệt hạnh phúc con người, các xã hội đó đều có cả bấy nhiêu một cách nền móng.

Đó là kết quả của sự xây trên ý hệ cũng như bái vật.

Dĩ nhiên xây trên ý hệ đã có nói rộng hơn bái vật, đã bao gồm một vài giai cấp được hưởng tự do như quý tộc trong xã hội La Hy. Nhưng nói chung, định chế vẫn đặt liên hệ Chủ Nô kéo theo sự giàu nghèo chênh lệch quá đáng.

Đây là lý do căn để gây nên sự suy sụp các đế quốc nọ.

Ngoại trừ Ân Độ, không một đế quốc nào sống được một phần ba tuổi của các xã hội Việt Nho.

Là vì Bái vật và Ý hệ không có sự hiệu nghiệm phát xuất từ cơ thể nên không bao được Dựng, Trì, Ý, Cơ, mà trơ ra chỉ có Trì và Ý.

Ý thì từ đầu óc sản xuất, rồi phát biểu ra miệng, không đủ sức huy động Tâm tình.

Trái lại Cơ phát xuất từ Tâm tình nên huy động toàn thân, tự nhiên thi hành ra, và khi thi hành thì sinh ơn ích, gây hạnh phúc cho con người.

Các xã hội Dân chủ Tây Âu nay dù đã bỏ được chuyên chế, không phải do Cơ, mà hầu hết do Lương tri như tranh đấu, do Kinh tế phồn thịnh, do Tâm thức con người đã phát triển đủ...

Vì không do Cơ, nên xã hội chỉ có Luật pháp, trên nữa không có Đạo nghĩa, dưới không có gì hướng dẫn việc Tu Thân, Tề Gia và các Liên hệ tinh tế của con Người.

Đây là chỗ cần nói đến sự khác biệt giữa cơ cấu học hiện nay và cơ cấu của An Vi.

Tuy cả hai cũng dùng phương pháp như nhau: cùng Số độ, Đồ hình, Huyền thoại, Huyền sử, cũng đối chiếu với các Văn minh, cũng nhìn bao trùm...

Nhưng cái khác là Cơ cấu hiện nay còn mang nhiều tính chất Lý trí, phần lớn được Lý trí kiến tạo ra (construit) để tìm hiểu các Văn hóa cổ sơ hay giải nghĩa các tác phẩm Văn học, chứ không chủ chốt nhằm vào hướng dẫn đời sống.

Vì vậy bộ phạm trù Dụng, Từ, Ý, Cơ chỉ áp dụng riêng cho Việt Nho, ít ra cách trung thực hơn cả.

Để thấy điều đó ta hãy phân tích cái Cơ của Việt Nho về phương diện Triết.

Vậy Cơ ở đây được biểu diễn ra ba nguyên lý tối cao nên đứng ra phải gọi là Định đề (premises) đó là: Nguyên lý Lương hợp, Nguyên lý Nhân chủ, Nguyên lý An vi.

Ba nguyên lý này thuộc Cơ vì nó không còn ở trong tầm tay lý lẽ để mà chứng minh, mà lý luận nữa: nó đã ăn sâu vào Tiềm thức phần lớn rồi.

Thứ nhất, nguyên lý Lương hợp: hai mà một, một mà hai; có mà như không, không mà lại có, đó là một, không thể nhập nhằng nước đôi, vậy mà đó là định đề căn bản của Triết lý An vi.

Nhờ đó nó đưa ra được Vũ trụ quan động ngược hẳn với nguyên lý tĩnh của ý hệ gọi là nguyên lý Đồng nhất: A là A, Động là Động, Tĩnh là Tĩnh. Đã động thôi tĩnh, đã tĩnh thôi động. Nó rất hợp lý trí nên làm nền móng cho logic.

Khoa luân lý y cú trên Ý niệm là do lẽ đó.

Trái lại, Việt Nho thì Động mà Tĩnh, Tĩnh mà lại Động. Đó là nguyên lý Đồng thời, trong A đồng thời có B, trong B đồng thời có A; một mà hai, hai mà một, các học giả kêu là dual unit (hai mà một), nó bao gồm cả hai bên.

Đợt cao nhất của nó thuộc siêu hình là có không, không mà lại có. Có nương không mà sinh, không nương có mà xuất hiện.

Đợt hai thuộc thực tế cụ thể hơn, nên nói Trời / Đất, Núi / Sông, Mưa / Nắng...

Những chữ đối đáp này chỉ thị hai hạn từ đối lập nên là phạm trù tổng quát chỉ các cặp đối lập khác như Sáng / Tối, Cứng / Mềm, Ngày / Đêm, Nam / Nữ.

Triết học Lý niệm chỉ có một bên, một cực, quen gọi là Duy: một là một, A là A, đã A thì không B, không thể có trường hợp thứ ba được: tertium non datur, excludes middle.

Triết lý An Vi không những nhận có trường hợp thứ ba, còn tôn lên gọi là Tam tài và lấy làm nền tảng. Tam tài là Trời Đất Người. Đó cũng là điều nghịch lý, hay siêu lý vì người bé nhỏ đặt ngang hàng với Trời cùng Đất sao được: không thấy vô lý sao?

Nhưng vậy mới nói là nó vượt khỏi phạm vi Lý trí để ăn sâu vào Tiềm thức và thuộc về Cơ. Cơ chú ý tới mọi liên hệ giữa hai Thái cực; nói trong Tam tài có người ở giữa Trời cùng Đất cũng là nói Người là liên hệ giữa Trời và Đất.

Triết học cổ điển chỉ chú ý đến từng hạn từ (term) hoặc Trời hoặc Đất, hoặc Có hoặc Không. Do vậy hoặc Duy Vật hoặc Duy Tâm mà không chú ý đến mối tương quan của nó như Triết Việt Nho chú ý đến cả hai: cả Âm lẫn Dương, “Âm Dương tương thai”.

Huyền sử Việt nói Mẹ Âu Cơ gặp Bố Lạc Long trên cánh đồng Tương là hàm ngụ ý đó. Nói cụ thể là không đặt ưu tiên vào Trời với Đất, mà đặt vào Người được quan niệm là mối liên hệ giữa Trời cùng Đất.

Do việc đặt đề này mà Việt Nho chính là tổ sư Cơ cấu: vì Cơ cấu không quan tâm đến hạn từ, nhưng đặt nặng trên Tương quan của hạn từ. Tương quan là cái gì năng động. Nói người là Tài cũng là nói người là tác năng, là tạo hóa con (không là Tạo Hóa viết hoa) là do vậy.

Hậu quả của sự nói Cơ với Dung là thế.

Đó là Nguyên lý đầu tiên có thể gọi là Vũ trụ quan động.

Nguyên lý thứ hai thuộc Nhân sinh quan cũng phải thuận theo thế động của vũ trụ quan. Gọi là Nhân chủ theo nghĩa người là chủ Nhân ông.

Chủ là cái gì? Thừa là Chủ Trời cùng Đất. Nói đúng ra là chủ Thân Tâm mình (bao gồm Đất ở trong) ngược với vật chủ ở hai đợt Bái vật và Ý hệ, nơi ấy con người vong thân bị sự vật sai xử nên gọi là vật chủ (chosisme), sự vật lôi con người xuống cùng cỡ với vật, Mỹ gọi là “reified man” hoặc “thingified man”.

Nguyên lý thứ ba là An vi. Đây là nguyên lý khó hiểu nên cần bộ phạm trù thứ ba gồm **Cưỡng hành, Lợi hành và An hành.**

Cưỡng hành chỉ những việc mà động cơ ở ngoài con người như làm vì sợ trời đánh thánh vật, làm vì bị bắt buộc như tù nhân phải lao động, mất hết tự do, tự lực.

Lợi hành thì động cơ là lợi lộc, tuy ở ngoài nhưng còn để cho con người ít tự lực; được tự do khỏi cưỡng buộc, chỉ mất tự do luân lý.

An hành không còn tìm động cơ từ ngoài nhưng tìm ngay trong mình, thấy đáng làm thì làm, thành bại là thứ yếu.

Loại này hợp cho con người được quan niệm như Nhân chủ, nó không phạm đến Tự do Tâm lý con người, con người vẫn là chủ cả ngoài lẫn trong, tâm lý vẫn đủ sức tự cường tự lực, khỏi cần sự thúc đẩy từ ngoài. Nó là loại việc cốt cán cho Triết lý xây trên Nhân chủ gọi là An Vi.

Gọi thế để đặt vị trí giữa hai khuynh hướng Triết ở hai Thái cực là Hữu vi và Vô vi.

Hữu vi là có làm hiểu là sự làm gắn liền với đối tượng, nô lệ cho đối tượng. Điều đó kéo theo sự nguy hiểm rất tệ vi là nó sẽ dẫn con người đến tai họa bị vật hóa (thingification) vì thế đã có sự phản động lại để tránh tiếp xúc với sự vật để khỏi bị vật hóa (một thứ chính sách Monroe trong Triết cũng gọi là chính sách đà điều).

Nhưng không làm thì sống sao, nhãn tiền là không có ăn: theo nguyên tắc tay có làm hàm mới có nhai. **Thế là Vô vi cũng mắc kẹt như Hữu vi.**

Đàng nào cũng chết: làm thì bị vật hóa, không làm thì làm sao sống. Vậy phải tìm lối nào đây để thoát khỏi gọng kìm một bên hữu một bên vô. Và câu thưa là An Vi.

Triết lý An Vi lấy An hành làm lý tưởng, nhưng không gây bọ lợi hành và cưỡng hành. Nhưng cái đó thuộc Tiểu ngã, thuộc vòng Hiện tượng không dễ gì bỏ đi được, lý tưởng là phải có thêm nhiều tác động ở đợt An hành, để nó làm chủ, để nó bao phủ lấy việc hai đợt dưới hầu làm cho chúng trở nên thánh thoát lấy. Còn chính chủ tịch của thanh thoát phải là các việc thuộc đợt an hành: chính những việc này mới giúp vào công cuộc thanh nhàn hơn cả. Vì thế Tiên hiền Việt Nho đã đưa ra định chế tứ quý để giúp thực thi.

Tứ quý là bốn tuần cuối bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, hay tuần cuối của các tháng 3, 6, 9, 12. Đó là bốn tuần mà tứ quý mượn của bốn tháng nọ. Mượn để làm chi? Thưa để không làm chi hết, mà chỉ ngồi không, chữ Nho nói về vua là “**thùy y thường**”: thả lỏng áo quần xuống như người không phải đi làm.

Nếu cứ muốn nói “có làm” thì là làm cái “không làm”, vì việc chính của Tứ quý là trút sạch những cái có trong lòng mình ra, những cái đó thuộc Hữu vi đây sức

ngãng trở Tâm hồn, không để cho cái cơ trời lên mặt Tâm thức để nói lên tiếng nói Thiên mệnh, tức là những nhu yếu thâm sâu của bản tính con người.

Thành thử con người chỉ nghe được lệnh truyền của Bái vật hoặc Ý hệ hoàn toàn ngoại khởi, không nghe được Nguyên ngôn là mệnh lệnh của Nhân tính Tâm linh.

Những ngãng trở đó có nhiều nhưng được quy vào hai cặp danh từ là Bái vật và Ý hệ. Đó là những động cơ từ ngoài, có sức vật hóa người nên lâu lâu cần thì giờ không làm gì mà chỉ lo xả bỏ. Khi xả hết rồi sự làm sẽ thông dong, để trở nên An vi, làm vì đáng làm là làm, không phải làm vì sợ Trời đánh Thánh vật, hoặc vì bôn ba lợi danh nữa.

Những thứ làm đó đều bắt con người nô lệ cho Đối tượng, nô lệ cho sự thúc đẩy bên ngoài, nó làm sa sút Nhân chủ tính, chỉ có An hành mới xứng là việc của con người nhân chủ. Đó là đại để cái khung cửa triết lý An Vi đặt trên Cơ cấu với ba nguyên lý lưỡng hợp, nhân chủ, an hành. Đó là cơ cấu thượng thặng ta có thể diễn tả bằng Hình vẽ, bằng Huyền số, bằng Huyền thoại.

Xem lại lịch sử cũng như quan sát con người sẽ dễ dàng nhận ra cả ba loại việc kể trên cưỡng hành, lợi hành và cả an hành. Nhưng nhiều khi có an hành mà không có an vi. Đó là những bậc “Sinh nhi tri chi” tức là bẩm sinh được như thế: rất cao thượng, không màng công danh. Nhưng đó là những đóa hoa vĩ đại không được vun tưới tự nhiên mọc lên được giữa rừng hoang.

Triết lý An vi muốn phân tích hành vi của những bậc cao cả nọ để rút lấy cái cơ cấu đặng thiết lập ra một nền Triết hản hoi để giúp nhận thức ra hiện thực. Điều đó Việt Nho đã làm rồi nhưng chỉ đủ cho đợt tiến trước, không còn hợp cho cảm quan của đợt tiến mới có thêm khoa học thuộc cả Sinh (sống) lẫn Tâm (linh).

Sinh như kỹ thuật cơ khí nâng cao mức sống.

Tâm như các khoa tân nhân văn: xã hội, khảo cổ, nhân học, uyên tâm, cơ cấu... Các khoa học đó sẽ giúp con người có thêm rất nhiều những xác định cặn kẽ hơn, những cái nhìn thấu triệt mới lạ. Vì thế cần một nền Triết lý hội nhập tất cả các sở đắc mới nọ. Đó là nền Triết mà nước Mỹ, dân Mỹ phải làm và rồi họ sẽ làm được.

Khi nào làm được thì Mỹ sẽ dẫn đầu cuộc cách mạng Tâm linh đang thiếu đường hướng.

Hiện nay Mỹ còn đang ở tuổi Ý hệ, Lợi hành. Chỉ cần đặt trên Lợi hành một đợt An hành nữa là xong. Muốn được thế cần mạnh dạn đi vào cuộc cách mạng Tâm linh mà việc đầu phải là xây đắp nền t=Triết mới trên Cơ cấu, rồi bắt toàn dân phải học biết như biết Hiến pháp vậy.

Nói đến đây nhiều người sẽ la ó cho là phạm đến Tự do, phạm đến Hiến pháp xây trên Tự do nên phải để mọi người Tự do!

Mỹ phải theo chế độ đa phương nghĩa là nhiều Triết. Nhưng bạn có biết đa phương thực sự là chi chằng? Thừa là chắn che sự ngu dốt, sự bất lực. Nói rõ ra, cả Mỹ cũng như Tây Âu không sao thiết lập nổi một nền Triết Nhân sinh có đủ sức làm lãnh chúa, phải ở lì lại trong ý hệ tất nhiên mắc cảnh “thập nhị sứ quân”, cả đối bằng đầu. Nên phải lấy “đa phương” làm tôn chỉ, cốt để tránh cái họa chuyên chế độc hữu vốn là đặc tính của Ý hệ. Tưởng như vậy là trọng kính tự do, có ngờ đâu rằng nước thiếu một nền Triết của quốc gia cũng y như không có một nền Hiến pháp.

Nếu ở đợt hiến pháp không thể “đa phương” thì ở đợt Triết cũng vậy. Sở dĩ người ta không nhận ra điều đó vì không biết đến thứ Triết lý đặt trên Cơ vốn có tính cách bao dung nên thường không xuất hiện như nền Triết lý độc nhất nhưng như Triết lý ưu thắng, nghĩa là vẫn dung chứa các nền Triết lý khác, nhưng thường những Triết lý này chỉ có để làm cảnh, người nào thích thì đem ra bàn cãi vậy thôi, chứ giả có trao cho tay lái con thuyền đời sống thì chẳng biết mà rờ.

Thí dụ cụ thể trong lịch sử Tàu, đời Hán ban đầu rất trọng Lão Trang, đã đem quyền hành đặt vào tay Đạo giáo, nhưng chỉ ít lâu tỏ ra bất lực, lại phải moi Nho lên mà trao cả vì Nho đặt trên Cơ.

Cái phiền của Âu Mỹ là chỉ có loại Triết lý làm cảnh chứ không có triết lý xây trên Cơ. Triết lý đặt trên Cơ phải đi rất sát đời sống, nhưng đi sát mà lại không đi vào những xác định chi li, nên vẫn giữ được tính chất Bao dung.

Vì mỗi xác định là mỗi bám sát vào một biến cố, một sự việc. Thí dụ nói về chính trị, Triết lý An vi chỉ đưa ra những nguyên lý ở đợt đầu gọi là Chính lược, không xuống đến đợt Chiến lược, càng không đến đợt Chiến thuật. Vì càng xuống càng cá thể hóa cho hợp sự việc phải làm, việc nào cũng có một Không điểm, một Thời điểm nhất định nên chỉ có một không thể hai, là những cái phải quyết định tùy hoàn cảnh mỗi lúc mỗi khác.

Triết học Duy lý y cứ trên ý niệm là cái đã xác định nhiều, khó có thể xuống tới Dụng là việc làm. Việc làm nào cũng là một cá thể có một không hai, phải luôn luôn quy định riêng cho nó. Muốn tổng quát hóa ở đợt này sẽ dễ dàng đi vào độc đoán và chuyên chế. Đây là lý do khi theo Triết học lý niệm dễ câu nệ chấp một, thiếu sự mềm dẻo quen đi với Triết học xây trên Cơ. Cơ không có hệ thống nên không kèn càng, dễ thể nhập vào bất cứ đâu, vào bất cứ tổng hợp mới nào.

Triết học Ý hệ rất khó lột xác để đi vào Tổng hợp mới, do cái Hệ thống kèn cơi của nó với những xác định chi li, vì thế mà nó thất bại và chịu để thế giới hiện đại như thuyền không lái: bởi thiếu một Triết lý đặt trên Cơ.

Đây là nền Triết lý con người đang mặc nhiên mong đợi, vì chỉ có nền Triết đầy Tâm tình nó mới ứng hợp cho con người thời hậu kỹ nghệ, thời nó sửa soạn bước vào giai đoạn Phong lưu, làm ít chơi nhiều, sống thanh thoi như Chim trời Cá nước.

TÁI BÚT

Trên đây là một mẫu thử áp dụng Triết lý An Vi vào chính trị Mỹ. Triết Việt mênh mông, ai muốn biết thêm nên tìm đọc cuốn “Kinh Hùng Khải triết” và nhất là quyển “Sứ Điệp Trống Đồng” nơi bao Góc rẽ của Văn hóa Việt được minh chứng bằng những hiện vật khảo cổ. Con người sẽ được sống nhơn nhơn như đàn chim đang ca múa trên mặt trống đồng Ngọc Lũ. Trong đó là Hiến chương quê hương thứ nhất của tôi, nay tôi muốn quê hương thứ hai của tôi cũng được như vậy, nhưng cao hơn vì thuộc đợt Tiến sau.

Tôi tin tưởng nước Mỹ sẽ đi được. Nước Mỹ có sứ mạng đó.

Những điềm triệu đã hiện ra rồi kia trong các cô cheerleaders sống động, nhí nhảnh, tràn ngập hạnh phúc, báo hiệu quang cảnh của thế giới mai sau nọ.

Phải, hình ảnh các cô đã đập vào mắt tôi ngay khi vào Mỹ: tôi thích xem thấy trong các cheerleaders cái điềm triệu quý giá báo trước đợt Sống cao hơn, đầy Ca vũ, Nhảy múa... Trong đó mọi con người được thoát lao tác nặng nhọc, cũng như thoát ách chuyên chế để hưởng trọn nền Dân chủ, chỉ còn làm ít giờ (32 giờ thí dụ), hưu sớm, kỳ nghỉ dài (năm, sáu tuần hay vài ba tháng) tùy theo cái đà dùng thêm các robots và máy tự điều khiển. Thì giờ nhàn rỗi sẽ thêm lên theo đà. Chỉ còn Cần kiến tạo một nền Minh triết am hợp nữa là xong. Con người có thể bước vào Vận hội mới để sống thanh thoát như Chim trời, tung tăng như Cá nước, báo trước đợt sống cao hơn này sẽ không còn là đặc ân cho phái Thống trị hoặc quyền quý, nhưng mở ra cho Toàn dân như trong xã hội Việt Nho xưa, nhưng không còn bị chật vật nghèo túng mà là dư dật tràn lan. Ai nấy đều có đủ giờ rảnh rang để lo những việc bên ngoài tự kiếm sống: Văn hóa, Nghệ thuật, Xã hội, Tôn giáo, Du lịch và cả một rừng Hobbies.

Mỹ đã đi được bước đầu trong lãnh vực Sinh. Nhưng phía Tâm còn thiếu một nền Triết ám hợp.

Nền Minh triết này chưa có, cần phải kiến tạo. Có kiến tạo được, Mỹ mới đủ sức lãnh đạo và mới là “Văn hiến chi bang” mà không chỉ là “dollar chi xứ”.

Khi đã kiến tạo rồi, nó sẽ cao hơn Minh triết Á đông, nhưng chỉ cao hơn về những xác định, những cái nhìn soi rọi thấu triệt và phong phú hơn, để được nhiều người nhận thức hơn. Nhưng xét về nguyên lý căn để thì minh triết Á đông với của Âu Mỹ đều như nhau. Vì thế mà sự học hỏi về nền Minh triết Đông phương trở nên ơn ích

cho người Mỹ. Chúng tôi sẽ giới thiệu khuôn mặt của nền Minh triết đó ở mục sau, tựa đề là “những phạm trù của triết lý An vi” (một quảng diễn mới của nền Minh triết cổ đại).

TỔNG LUẬN AN VI

(Phong thái An vi. Kim Định)

An Vi là nền triết lý mới nhất được đề nghị với thế giới hiện đại coi như xứng hợp để dẫn đến cảnh phong lưu, một cảnh sẽ trái ngược với mối đe dọa loài người hiện nay là nạn cơ tâm: tâm hồn trở nên khô cạn như cơ khí.

Trang Tử có lần nói: "cơ Tâm là do hữu cơ khí". Làm thế nào để "hữu cơ khí mà không bị cơ Tâm". Có làm được như thế mới đạt lý tưởng là mưu hạnh phúc cho toàn cầu: đưa nhân loại đến thời phong lưu nhân bản, để phát triển những khả thể cao siêu nơi con người. Đó là vấn đề mà Triết học nhân loại đã cố giải quyết nhưng chưa thành tựu. Ta hãy phân tích tình hình để rút kinh nghiệm.

1.- Trước hết hãy xét các **Thuyết lý lấy Hạnh phúc đời này làm cứu cánh cuộc sống** có chấp nhận được chăng. Thừa rằng có, đó là con đường mọi người đều theo cách bền bỉ, mặc dù những người đi lối thanh giáo khác khổ coi như chống lại. Kỳ thực chỉ chống trong phương thức do sự đặt hạnh phúc ở đời này hay đời sau, chứ kỳ thực cũng là theo đuổi hạnh phúc, chỉ khác là họ không đặt ở thế giới hiện tại, nên dùng phương pháp coi như chống lại hạnh phúc thí dụ cách sống khổ hạnh, cực nhọc...

2.- Kỳ thực đó chỉ là phương tiện để tìm hạnh phúc cao hơn theo niềm tin càng khổ cực bao nhiêu lại càng tỏ ra say xưa thành khẩn đi tìm hạnh phúc bấy nhiêu, chịu cực là để chắc đạt hạnh phúc hơn, và để đạt hạnh phúc một cách lâu bền toàn triệt. Như vậy ta có thể coi hạnh phúc là cứu cánh cuộc đời này; đối với những người muốn đạt hạnh phúc ở đời sau cũng không cần thay đổi lập trường vì có thể cho rằng tìm hạnh phúc ở đời này chính là điều kiện cho được hạnh phúc đời sau. Đời này có hạnh đời sau mới phúc.

3. Nên ta có thể dùng hạnh phúc đời này làm tiêu chuẩn vững chắc hơn cả: vì gồm cả chân, thiện, mỹ. Ngược với tiêu chuẩn y cứ vào một mặt thí dụ chân hoặc mỹ: những tiêu chuẩn này tỏ ra không đủ tầm bao quát vì chân lý là gì? Các triết gia đã tranh luận hàng bao thế kỷ chưa ngã ngũ. Ngạn ngữ nói cái bên này núi cho là thật thì bên kia lại cho là giả. Vì con người bị trói vào một quan điểm: chỉ thấy được một chiều của sự vật làm sao có được sự thật toàn triệt để đem ra làm tiêu chuẩn phổ biến. Chỉ như hạnh phúc thì mọi người trực cảm nghiệm được: nó hiện hình ngay ra trước mắt ai cũng có thể thấy phần nào. Vậy phải lấy hạnh phúc làm cứu cánh cuộc đời này, lấy trọn vẹn đến nỗi hạnh phúc trở nên tiêu chuẩn đo lường mọi giá trị. Nó không có tính cách phổ biến vì hạnh phúc mỗi

người một khác, nhưng nó trung trực thiết cận ngay vào thân tâm con người ở đây và bây giờ nên rất cụ thể. Con người trong cõi hiện tượng không thể cầu hơn được nữa.

4. Bàn luận xong về cứu cánh và tiêu chuẩn, bây giờ phải quyết định phương thức hành động sao cho đạt tới. Hành động cao nhất Việt Nho gọi là đốc hành. Phân tích đến cùng cực cách hành xử của con người ta thấy nó qui ra ba hạng tùy với sự đối đãi của chủ thể và đối tượng. Khi đối tượng đoạt chủ thể ta hãy gọi là hữu vi Chủ thể đoạt đối tượng là vô vi Chủ thể và đối tượng hòa hài là an vi. Đối tượng đoạt chủ thể xảy ra như câu nói trên của Trang Tử: "Hữu cơ khí tất hữu cơ tâm" = có cơ khí tất có cơ tâm hay là khi con người dùng nhiều máy móc thì tâm hồn tất bị cơ khí hóa, bị máy móc hóa tróc hết tình người. Tâm hồn không giữ được tính thể riêng của nó nữa mà bị sát nhập vào đối tượng, gọi là đối tượng-hóa (objectivation) hay vật thể hóa (thingification). Duy vật là một hình thái của sự vật thể hóa này, người ta không nhận ra được vì trong trạng thái đó con người vẫn giữ được phần tiểu ngã như ai, không ngờ rằng thú vật nào cũng có bấy nhiêu: cũng ăn uống cũng làm tình... nhưng phần Đại Ngã là phần riêng biệt của con người thì không còn, như tâm tình cao thượng, lòng yêu thương khắp hết, sự quý chuộng chân, thiện, mỹ; không còn nữa những cố gắng vươn lên miền cao cả. Tất cả không còn, từ sự vật, thú vật đến con người chỉ khác nhau 68 về hơn kém chứ không còn cái đặc trưng gọi là linh thiêng nữa. Tai họa như thế kể là toàn triệt: con người bị vong thân giữa đám sự vật.

5. Tai họa này nói chung Âu Tây đã đi vào tự đầu kể từ Thales chủ trương bản thể cuối cùng của vạn vật là nước hay Democritus với thuyết nguyên tử...trải dài qua Plato, Kant, Hegel; đều kinh doanh trên sự vật, học về tượng ý của sự vật. Tuy có nhiều lần phản đối, cựa quậy nhưng không thoát được, vẫn sấp một chiều dưới sức nặng của ý hệ. Ficht đã đưa ra một duy tâm luận giống lạ lùng với thuyết của Shankara, Schopenhauer thì hầu như hội nhập toàn bộ thuyết lý của Phật, của các kinh áo nghĩa thư giống như tổng hợp Vedanta, còn Nietzsche cuối đời đã bị ám ảnh bởi ý niệm "sự trở lại vĩnh cửu" (eternal recurrence). Đó chẳng qua là một dị-bản của thuyết luân hồi. Tất cả những cố gắng này thực ra chỉ là những bắt tay với hàng xóm theo định lý hai thái cực (hữu, vô) ở liền ngõ nhau nên đôi khi bắt tay nhau, và nhờ sự mới lạ nên đã gây được ít nhiều chú ý nhưng cuối cùng cũng chỉ vang bóng một thời vì sự mới lạ của nó, nhưng rồi cũng xẹp xuống như tại nơi xuất xứ. Ta hãy xét tận gốc của chúng là Ấn Độ quê hương của thuyết vô vi.

6. Để phản pháo lại hữu vi thì vô vi nhận thái độ quay lưng lại đời. Họ chủ trương rằng muốn tâm không bị cơ khí thì đừng thân dụng cơ khí, cho chắc ăn nên li lìa thế giới đối tượng gọi là "tị thế" như Lão Trang chủ trương. Nhưng Lão Trang chỉ là hai cánh nhận lẻ loi ở cõi trời Đông, còn chính ỏ của vô vi là Ấn Độ. Ấn Độ không còn thềm trốn sự vật nữa mà chối tuột là không có. Vạn vật đang phơi mình quanh ta chỉ là ảo ảnh, là maya "tuồng ảo hóa đã bày ra đó" khỏi cần để tâm, khỏi cần trốn, có gì đâu để mà phải trốn, trốn đi đâu, vì đâu cũng là ảo hóa. Cả tấm thân này nữa trốn cái chi. Thế là hết: không còn chủ thể lẫn đối tượng, khỏi lo gì về tai họa bị đối tượng hóa.

7. Thành công chẳng? Thừa đó chỉ là những suy tưởng chủ quan không xóa bỏ nỗi đối tượng, nên vẫn bị như thường, kiểu đà điều vùi đầu vào cát để khỏi thấy người sấn, nhưng thợ sấn càng dễ bắt. Chúng có là các Tăng Lữ Brahmana đã trở nên những người làm giàu mạnh nhất: không từ chối cả những phương tiện phi nhân: thí dụ tục bắt các bà góa phải lên giàn hỏa chết theo chồng được Tăng Lữ cổ võ duy trì thành khẩn, vì sau khi các bà chết, của cải đương nhiên thuộc về các Brahman (tên gọi Tăng Lữ của thần Brahma).

8. Do thế mà tài sản bị thu dồn vào đẳng cấp Tăng Lữ quá nhiều gây nên sự chênh lệch lớn lao, đưa đại chúng vào cảnh khổ cực. Đến nỗi các cuộc chống đối Brahman cũng mang hơi hướng kinh tế, chẳng hạn kinh Upanishad Chandogya ví các cuộc kiêu của Tăng Lữ đương thời với đoàn chó cắn đuôi nhau sủa om om (om là tiếng thánh của đạo Bà La Môn). "Om chúng ta hãy ăn! Om chúng ta hãy uống!" Luật phép đã được Balamon đặt ra nên rất có lợi cho các Tăng Lữ: thí dụ nếu giết Tăng Lữ thì phải chết vì đó mới chính là tội giết người, còn giết các đẳng cấp dưới chỉ phải đền bằng bò: giết Sudra đền 10 bò, giết Vaysia 100 bò, Kshatriya 1000 bò, nhưng không phải đền cho nạn nhân mà dâng cho Brahman. Trách gì Tăng Lữ không giàu sụ và bị chống đối. Người chống đối Balamon hơn hết là Phật Thích Ca đã được tiếng là đập tan hai triệu thần của Bà La Môn. Trong thực tế Phật cực kỳ khinh thị các sãi Bà La Môn và đã làm cho đạo Bà La Môn lu mờ hẳn. Mãi đến thời Shankara mới phục hồi lại được bằng cách hội nhập Phật vào Bà La Môn giáo, tuyên dương Phật là một hiện thân (avatar) của thần Brahma, cũng như chấp nhận nhiều giá trị mới của 69 Phật tức là rút tìa hết giá trị của Phật; kết quả là Phật giáo trở nên lu mờ hẳn trên đất Ấn Độ. Ngày nay chỉ còn không đáng kể. Xem bao quát lịch sử Ấn ta thấy Bà La Môn đàn áp con người đã vậy, mà cả đến những người cố gắng vươn lên như Shankara cũng không để ý giải thoát người dân Ấn Độ. Dù thấy rằng vô vi cũng thất bại như hữu vi, có phần hơn là khác. Vì hữu vi đã đi vào cơ khí tuy có hữu cơ tâm, nhưng cơ khí giải thoát con người được bước sinh. Chỉ còn tìm ra triết nào giúp cho dẫu hữu cơ khí mà không hữu cơ tâm. Có chẳng? Thừa đó phải là An Vi.

9. **An Vi hòa giải chủ thể với đối tượng cách ôn hơn hết.** Vì thế nói đến An Vi ai mà chẳng ung. Thế nhưng nói dễ làm khó. Khó đến nỗi không nói lên được "lời ràng buộc". Vì thế ở đợt triết cùng này thì cần xoay ngược câu "nói dễ làm khó" thành "nói khó làm dễ". Sau đây là những lời nói cần thiết để làm nên triết lý An Vi, có xét qua ta mới thấy khó vô cùng đến độ biết bao đời triết mà chưa nói lên nổi.

10. **Lời nói khó thứ nhất: người là gì?** Hầu hết câu thừa đã đánh mất tính thể con người, chỉ còn lại có "con vật biết suy lý", "con vật kinh tế", "con vật hợp quần". Tất cả đều đánh mất chiều kích vô biên làm nền tảng tinh cốt của con người Đại Ngã, nên bị sự vật đàn áp dễ dàng. Vì thế An Vi chính hiệu đưa ra một con người cực kỳ to lớn, to đến nỗi đặt ngang hàng cùng trời đất, hàm ý rằng trời đất có vô biên đi nữa cũng không đàn áp được ta vì: "Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh, Trời Đất Ta đây đủ hóa công." Ta cũng "đội Trời đạp Đất ở đời Làm nên động Địa kinh Thiên đùng đùng" Như vậy về to lớn địa

vị vững rồi, khỏi lo vong thân, có đáng lo là bị trách phạm thượng, hay nông, hoặc không tương. Nhưng trách mà chi: đó chẳng qua là thuật tâm lý chiến, nói già dặn để tránh khỏi bị nuốt trôi mà.

11. Bây giờ ta **hãy xem đến yếu tính của con người Đại Ngã**, có mạnh chẳng hay yếu xèo. Nếu yếu thì có to như Trời Đất cũng bằng nằm phơi xác ra đó cho Trời Đất giày. Phải vậy chẳng? Thừa không phải chút nào hết. Trái lại yếu tính con người là động tác, là hành, là ngũ hành; con người bị dị chứng với thụ động tính (man is allergic to passivity) nghĩa là con người sống được là do "có làm" là do "không thể không làm được", y như thời gian không thể ngừng nghỉ. Con người cũng vậy, vì con người làm nên bởi chữ thời, cũng cùng một yếu tính như thời gian. Thời gian không hề ngưng chạy, con người cũng vậy, không thể ngừng nghỉ, luôn luôn phải là tác hành, tác hành cùng cực. Thời là Trời, là thiên "hành kiện" quân tử cũng phải hành kiện theo đó: "thiên hành kiện quân tử dĩ tự cường bất tức"

12. **Nhân sinh muốn tác hành cùng cực tất nhiên vũ trụ phải năng động.** Vũ trụ quan ví như cái đồ đựng con người: nó in dạng thức nó lên con người trọn vẹn đến nỗi tục ngữ nói được là "ở bầu thì tròn ở ống thì dài" tức vũ trụ quan in bản chất nó lên con người: vũ trụ tĩnh con người cũng tĩnh, cũng thụ động. Đó là trường hợp của con người theo quan niệm hữu vi, vì vũ trụ quan của nó tĩnh chỉ nên con người cũng tĩnh chỉ ù lì, thụ động trước định mệnh, như con người Âu Châu đã bị thế, xuyên qua dòng sử mệnh của họ: luôn luôn nằm dưới ách định mệnh moira. Cho đến nay tuy vậy vùng tưởng là thoát, kỳ thực lại bị ông Địa đê 70 cổ, nhưng nói kiểu văn hoa để che đậy rằng "hạ tầng kinh tế chỉ huy thượng tầng văn hóa". Hèn chi mà văn hóa đó "thù nghịch với sự động" để nói theo Nietzsche: người sao chiêm bao làm vậy: người mà yếu xiu thì văn hóa, sản phẩm của người cũng yếu xiu, như quả thật quan niệm con người trong triết cổ điển. Ấy cũng vì thụ động tính mà con người bị sự vật nó cơ khí hóa (đây là nói theo triết, chứ còn người Âu Tây rất hoạt động, nhưng hoạt động theo lương tri chứ không theo triết, ít ra triết học ở nhà trường)

13. Vậy **muốn có và duy trì được hoạt động tính, con người tất phải được "đựng" ở trong vũ trụ quan động; động giữa âm dương, sáng tối, cứng mềm, nam nữ, lớn nhỏ**, có không để dẹt lên tấm vải tương quan đặng làm môi trường hoạt động cho con người. Đó là bí quyết thành công của An vi: nó ở tại đặt trên tương quan mà không trên sự vật. Như cơ cấu luận nay đã hé thấy điều đó và đang cố gắng đi tới việc đặt nặng trên tương quan mà không trên hai hạn từ là năng hay sở, tâm hay vật. Chưa biết có thành công hay chẳng. Vì tuy đó là cơ cấu nhưng quá nhiều chất lý trí, chưa phải là cơ cấu thực thụ, ít ra cơ cấu chính tông. Vậy ta hãy đi về với cơ cấu tổ của An Vi để xem cái chất chính tông của nó.

14. Đến đây mới thấy hiện lên **bí mật của ngũ hành** mà xưa rầy người ta quen dùng theo nghĩa ma thuật không phải theo nghĩa cơ cấu. Theo nghĩa cơ cấu thì "ngũ hành" chính là

hành hướng về với ngũ tức là về chỗ "không có gì" (có thể dịch là "to be") nên hành ngũ gọi là "hành vô địa, hành vô hành". Hành vô địa là không có phương, hành vô hành là không có mùa mà là hành vô biên bên ngoài phạm trù thời gian và không gian bé nhỏ : nó vô biên trong không gian, vô cùng trong thời gian. Đây mới là trường hoạt động của triết lý an Vi cũng là của Con Người viết hoa tức chính là yếu tính Con Người. Con người cần được nuôi dưỡng bằng cái trống không vì đó mới thực là nền tảng của Tinh Thần, được Kinh Dịch định nghĩa cách tuyệt vời là "thần vô phương". Xem vào cơ cấu ngũ hành sẽ thấy rõ. Thủy Kim - Thổ - Mộc Hỏa Thủy Hỏa ở hai cực trên dưới đối đãi nhau thì tương quan là Thổ. Kim Mộc ở hai cực phải trái đối đáp nhau: tương quan cũng là Thổ.

15. Vậy mà **Thổ là chính Con Người ngự giữa Thủy Hỏa (trời đất) cũng như ở giữa Kim Mộc** (vạn vật) nên nói Người là đầu ngũ hành (là nõi là tinh túy ngũ hành) hoặc nói theo cơ cấu thì Con Người là hành Thổ. **Kinh Dịch nói "an Thổ đôn hồ nhân"** là nói lên tác động căn bản của Con Người: Con Người phải hướng vào mối Tương Quan to lớn nhất giữa Trời với Đất là Người. Đó là kiểu nói của cơ cấu, nói thường là "tồn tâm dưỡng tính", nói theo cơ cấu là "An Thổ". Điều đó kéo theo hai hệ luận, một: yếu tính con người nằm trong chỗ vô hình. Cho nên đường lên cá tính phải đi theo lối rời "to have" tới "to be" nói đơn sơ là từ to tới nhỏ. Khi đi đến chỗ cùng cực thì chạm vào cõi vô biên. Vậy nên làm những cái nhỏ, những cái "vô dụng" cũng chính là đường lên tinh thần.T

16. **Do đó đường lên cá tính đi ngược kim đồng hồ.** Việt Nho gọi là đường Trời hay **hình nhi thượng** với ý nghĩa tìm về với cái bé nhỏ, cái phẩm, đó là đường ngược với lối đi xuôi gọi là hữu nhậm là **hình nhi hạ** hay đường Đất cụ thể là tìm về cái to lớn, cái gì có khối lượng, như nghệ thuật đồ sộ, những đèn điện khổng lồ vượt tầm mức con người gây cho người xem cảm tưởng bị đè bẹp. Tai nạn đó xảy ra do cái đối khối lượng (gọi là tham). Đó là tại đi theo hữu nhậm là đường về địa hay vật chất. Đó là lý do giải nghĩa tại sao Đông phương coi trọng nghệ thuật vi tế, chuyên về những nghệ thuật bé nhỏ như ngọc thạch, cái dù, bộ chén, đồ chơi, cái quạt, những tranh sơn mài chạm trổ công phu. Càng nhỏ và càng lẩn vào cuộc sống càng hay. Đó không là những sự chơi suông vô ích, mà chính là con đường dẫn đi xa khỏi vật chất để đưa gần đến tinh thần. Vì thế ở miền Việt Nho hầu như không ai lưu danh hậu thế vì tài kiến trúc chạm trổ, nhưng lại có cả hàng trăm hàng ngàn người lưu danh trong hội họa, thi ca ... tức cố đi đến lý tưởng là "sống ở đời như thi sĩ" (Molderlin) tức sống gần tinh thần theo nghĩa sẵn sàng bỏ miền "to have" để đi sang miền "to be", mà cụ thể là trọng nghĩa khinh tài. Tinh thần biểu lộ cách cụ thể là vậy: đi tự to tới nhỏ. Sự vật càng nhỏ, càng vô dụng, con người càng dễ dàng buông thoát, không bám sát vào của cải, lòng sẽ sẵn sàng chịu phân chia tài sản. Mà đó là điểm then chốt để con người tiến vào giai đoạn phong lưu, giai đoạn coi người trọng hơn của, lấy những đức tính cao cả, những tình người nồng hậu làm quý nhất ở đời.

17. Bởi vậy **để tâm vào những việc vô vị lợi chính là con đường dẫn đến chỗ làm chủ đối tượng.** Làm chủ mà không chối bỏ nên cơ người chiêm ba, nói bóng là Bán Dầy Bán Chung (Thiên viên Địa phương). Đây là Hình vương Nội và Ngoại tiếp, nói khác

đi thì_vuông mà tròn, tròn mà vuông. Đó là điều Triết học Lý niệm không thể tưởng tượng, đã tròn thôi vuông, đã vuông thôi tròn, không sao vẽ được cái vòng vuông. Căn do sự bất lực nọ phải tìm trong câu định nghĩa con người bé nhỏ, trong vụ tôn thờ lượng chất lớn lao, trong vũ trụ quan tĩn. Đây là căn do gây nên sự đổ vỡ của văn hóa một chiều hoặc tròn hoặc vuông. Trái với tròn ôm vuông cân đối, nó lâu bền như trời cùng đất vậy.

18. Như vậy **sự giữ được cả tròn lẫn vuông, tức pha độ sao cho đúng quả là một nghệ thuật tối cao**. Huyền sử nói là Lạc Long Quân (tổ Việt) "đóng đô ở Nghệ An xứ" là có ý nói người là NGHỆ TỔ viết hoa tức đã đạt được nghệ thuật thượng thừa ở tại nối trời với đất, trời cao đất thấp mà nối lại được quả là trác việt. Chữ nghệ cổ xưa thành bởi hai nét ngược chiều: một nét phẩy, một nét móc Nét phẩy tiến theo kim đồng hồ có thể chỉ triết hữu vi mà tượng trưng là chữ vạn Đức Quốc Xã chỉ "extraverti" hướng ngoại. Nét móc tiến ngược kim đồng hồ có thể chỉ triết vô vi mà tượng trưng là chữ vạn "intraverti" hướng nội. Triết Việt lồng cả hai thành chữ nghệ với hai nét ngược chiều giao nhau.

19. Còn thực tế là khi đọc Triết hữu vi ta thấy nó bàn về các cái thực tế như lửa, nước, nguyên tử, hoặc về kinh tế, chính trị, khoa học, máy móc, hoặc về ý niệm sự hữu "ontology". Ta có cảm tưởng sự kiện được kết cấu chồng lên cao ngất như tháp Eiffel hết sức đồ sộ nguy nga, bụng bảo dạ rằng thế mới là triết, triết phải hệ thống hóa như vậy mới ra hồn. Nhưng chỉ ít lâu sau ta thấy như có cái gì bất an: trước thấy như giá lạnh và ngộp thở, rồi sau cảm tưởng như bị tù túng không có lối thoát. **Thực tế là cảm tưởng tù túng biến ra một thứ xiềng xích để xích hồn vào sự phục vụ cho chuyên chế**. Nói kiểu trừu tượng là con người bị nô lệ cho sự vật, cho vũ trụ... lúc ấy ta mới hiểu tại sao bao điều hay trong Plato, Kant, Hegel không được áp dụng mà chỉ có những điều tai hại được họ tung hô như thần thánh hóa chính quyền là được thực thi.

20. Đến khi **đọc sang Triết Ấn Độ thoát tiên ta cảm thấy cái gì như thanh thoát cao xa**, quả như học giả Âu Mỹ xưa đã gọi là cảnh tiên siêu hình. Lúc ấy ta coi thường triết Tây vì quá hữu vi, còn triết Việt Nho không đáng nhắc đến nữa vì không hiện ra hình hài như hệ thống hay những suy luận cao vút tận ngọn Meru, mà chỉ là những câu cụt ngủn bò lè tè trên mặt đất. Nhưng qua một hai năm trên triết Ấn ta thấy như mình mất chân đứng trên đất, cảm thấy đúng là bị dẫn ra khỏi vũ trụ con người. Không còn gì về vũ trụ, ta cảm thấy mình rơi vào chốn trầm không u tịch (acosmic unconsciousness) không còn biết trời đâu đất đâu nữa. Cái gì cũng bị chối, để rồi có lúc lại quyết. Quyết rồi lại chối khiến ta phải quay cuồng chóng mặt trong các rừng kinh sách muôn trùng giằng co giữa có với không. Ít nhất có thể nói nó khó hợp với văn hóa của Việt, nếu không được biến đổi sâu rộng.

21. Lúc ấy **ta thấy bó buộc trở về với "ao nhà"**. Thoạt đầu thấy quả là ao đục, nông sò, toàn nói những chuyện quá thông thường tẻ gia, trị quốc, tu thân .. rồi cũng kinh tế, chính trị, xã hội như Tây Âu nhưng kém hơn ở chỗ nó lộn xộn rời rạc, không hệ thống gì cả, toàn là bã mía, là hủ học. Nhưng đột nhiên trong mớ hủ học đó có lẫn vài lời chỉ dẫn lên

đường tổ nguyên, nó thúc ta phải gạt sang bên tất cả để lần về cội gốc. Lúc ấy và chỉ lúc ấy thôi ta mới cảm thấy triết Việt có cái chi khác hai bên Âu Á, đồng thời cũng giống hai bên: nếu áp dụng bộ số "vài ba tham lưỡng" là ba trời hai đất ta liền nắm được chỗ dị biệt của Việt Nho. Nó có giống mà cũng có khác: giống hữu vi vi cùng ở trên đất, cũng làm việc, nhưng thay vì để lòng vào đó tới 4 thì Việt để vào có 2, còn 3 thì để lên siêu tượng gọi là tâm linh, nên lại giống với Án. Án để lên siêu hình cả 5, chẳng còn chi cho thực tại, thành ra coi tất cả là maya, là huyền ảo. Theo ba chữ thông dụng ở Việt Nho thì: Nhập thế cho hữu vi Xuất thế cho vô vi Xử thế cho An Vi.

22. Hữu vi đặt nặng trên Vật thể, đúng hơn trên ý niệm của vật thể. Vô vi đặt nặng trên Chủ thể (tâm) trên thái hư, nên tị thế, không làm. An Vi đặt nặng trên chữ tác hành.

Cũng tác hành như Tây Âu nhưng không đi đến lao tác, lao động, bó sát đối tượng, làm đến không còn được ngẩng mặt lên, đánh mất chữ tiết trong việc làm, nó ở tại một nhịp vào một nhịp ra: một làm một chơi. Hầu hết các triết lý lao động hiện nay đều bệnh hoạn vì thiếu tiết nhịp, chúng xuất hiện do phản đối sự không làm của triết học xưa xây trên ý, dừng lại ở từ, không xuống đến dụng, đến việc, coi việc là hèn. Vì vậy ngày nay mới hô làm, làm trôi chết. Vô vi là không làm. Đã quan niệm tất cả là hư vô, là ảo hóa thì còn chi để mà làm. Thế nhưng không làm sống được chẳng? Thế là phải có nô lệ để nó "làm". Chung cuộc cũng như hữu vi chỉ có nô lệ gánh chịu hậu quả quá đáng của triết: dẫn đến kết luận là không có chi, nên không có làm, hoặc coi việc là hèn hạ dành cho tôi tớ. Cả hai không đặt nền tảng cho triết lý tác hành. Không đề cao lao động. Cả hai đều có chế độ nô lệ để chúng làm.

23. An Vi đứng giữa coi việc làm như thành tố cấu tạo nên con người: con người được định nghĩa là tác năng, như vậy làm việc không còn là cái gì tùy phụ, mà chính là thuộc bản tính con người, vì thế mà có làm. Có làm mới hợp bản tính con người nhưng con người gồm hai đợt (lưỡng thể = amphibious) nên làm cũng phải có hai nhịp một làm một nghỉ (chơi). Làm cho tiểu ngã chiếm 2, chơi cho Đại Ngã chiếm 3. Tác hành cũng có hai đợt như vậy (2+3) gọi là ngũ hành, hoặc gọi là An Vi. Vi chiếm 2 An chiếm 3. Cụ thể là có làm mà cũng có chơi. Chơi cũng là làm theo ý niệm làm được mở rộng có cả chơi. Như vậy chơi được hiểu theo nghĩa tích cực là để phát triển khả năng vô biên của con người. Hiểu theo đó thì chơi mới chính là phần cốt trong việc làm người. Vì Người là linh, linh là thần. Vậy chơi là hiện thực chiêu kích thần linh nơi con người mà diễn tiến có thể tóm tắt như sau: "Chơi là ngời ra khỏi những việc ích dụng gắn liền với sự sống còn, để đưa xa dần khỏi sự vật (ích dụng gắn liền với vật chất, với địa ta nói địa lợi) để bay lên Tinh Thần." Tinh Thần hiểu như vậy nó không có xa đâu : nó gắn liền ngay trong đời sống, nó tô điểm, nó làm đẹp đời sống, làm cho đời sống lên hương. Đời lên hương chính là Tinh Thần : Tất cả những thứ đó từ nghệ thuật, văn hóa, khoa học đều gọi được là chơi: "Chơi nhiều là lãi đấy" không thêm lãi tiền lãi bạc mà lãi được thần linh. Cuộc

đòi thiếu chơi là cuộc đời lỗ vốn. Một nước no ăn đủ mặc, nhưng không ai có được chút giờ nhàn rỗi để sống cho mình thì vẫn minh đó còn lỗ vốn.

24. Người lái tối đa là Đấng Tạo Hóa bởi Tạo Hóa chơi nhiều hơn ai hết. Kinh Thánh Ki-Tô Giáo nói : "Bay hãy nên trọn lành như cha bay ở trên trời". Triết Đông quan niệm "cha trên trời" như "hóa nhi đa hí lộng". Bản tính hóa công là đa hí đa lộng, là chơi giỡn nô đùa, đời đời kiếp kiếp cũng chỉ có chơi giỡn. Cả vũ trụ càn khôn cũng chỉ là một trò hí lộng của hóa công. Con người là những hóa công nhỏ cũng phải bắt chước Đại Hóa Công mà hí lộng mà chơi nhiều để được lái nhiều. Ở đời chẳng có gì đáng trịnh trọng quá đáng, hãy để sự trịnh trọng vào hết cuộc chơi, sống đến độ như chơi, chơi mạnh là sống mạnh. Đừng thờ một lý tưởng nào. Thờ là tuyệt đối hóa. Chính những lý tưởng được tuyệt đối hóa đã giết người nhiều nhất, giết tận tình, giết tàn nhẫn, vì nghĩ là giết cho lý tưởng nên vô tội. Chính những lý tưởng nọ biến đời thành u buồn, thành bề khổ. Đừng tin chúng mà lỗ vốn. Hãy ca lên, hãy mặc cánh chim hồng hộc vào để bay cao, cao vút đặng cùng với muôn loài trong đất trời đồng múa bản "nghê thường vũ y khúc"

25. Đây là hậu quả của sự xếp đặt giữa xuất nhập, giữa có không, giữa vạn vãn, nó giúp con người sống được cuộc sống như chơi: thanh thoát nhẹ nhàng không bám vào cái chi cả; có mà như không, không mà lại có. Cái đó không phải muốn mà được. Muốn được trước hết phải nắm vững những nguyên lý đặc biệt về vũ trụ và nhân sinh (như đã bàn về âm dương Tam tài, Ngũ hành). Muốn cho những nguyên lý đó thấm nhập vào tâm can con cháu, các hiền triết đã đưa ra vô số định chế, thói tục, phương ngôn. Nói khác trong sách có bàn dài về những điều đó, thí dụ bài "Quốc túy với ngày Tết" nói lên việc xử dụng thời gian. Bài "Đường cong duyên dáng": không tròn không vuông có thể coi là biểu tượng cho muôn vạn những động ứng tế vi khác. Chúng làm nên lối ở riêng biệt gọi là lối ở đời: không xuất thế, cũng không nhập thế, mà là xử thế. Đó chỉ là mấy bài mẫu, còn nhiều vô số như có thể đọc trong toàn bộ Việt Nho.

26. Tất cả đều hợp nhau để trình bày nền triết lý An Vi, thứ triết đã sản xuất ra bao người thanh thoát, tuy chưa hoàn bị nhưng trong nguyên lý đã vượt cả hữu vi lẫn vô vi. Vượt hữu vi đã đành rồi vì lấy tư sản làm thiêng liêng nên phân chia ra không đồng đều, giam phần lớn con người lại cảnh nô lệ, chuyên chế. Mặc dầu tài sản dồi dào vượt xa những xã hội Việt Nho xưa nhưng chưa đi đến được đợt phong lưu. Đến như vô vi của cải vẫn dồn vào mấy nơi to tiếng giảng khuyên, đến nỗi khi một tâm hồn nào muốn vươn lên chỗ cao cả đều phải bắt đầu bằng một cuộc khởi loạn với nền văn hóa đã được thiết định, như đã nói về Upanishad, Phật Thích Ca hay cả những người mới đây như Tagore, Gandhi, Ramakrishna. Tất cả đều chống chế độ đẳng cấp, thiêu sống đàn bà, chối bỏ thần Brahma, một thứ thần minh được "sáng tạo" hợp với óc thâm đoạt của người thống trị, khác hẳn cách mạng bên Việt Nho: chỉ chống lạm dụng, gọi là vô đạo, còn chính đạo không hề dám nghĩ đến chối bỏ, trái lại là tuyên dương 'thế thiên hành đạo'

27. Đó là đại đề về triết lý An Vi, một nền triết lý rất lâu bền vững mạnh đã làm nảy sinh những hậu quả ơn ích có thể kiểm chứng được cách rất rõ ràng khách quan. **Vậy đó phải là nền triết cho thế giới hiện nay, một thế giới đang ngất ngư con tàu vì thiếu bàn la kinh chỉ dẫn.** Đó là điều lương tri đã hé thấy trong hội nghị quốc tế về triết lý tại Honolulu khi mà đại biểu của hơn năm mươi nước đã bầu Không Tử làm nhạc trưởng cho cuộc hòa tấu Đông Tây mai hậu. Nhưng sau cuộc hội đó không còn nghe thấy bao nhiêu âm hưởng, tuy vô số sách đã được viết ra nhưng xem lại cũng chỉ nói đi nói lại bấy nhiêu kiểu bác học, sử ký, ghi nhận, dữ kiện, tài liệu.. cùng lắm thì trình bày theo kiểu suy tưởng có hệ thống chứ không thấy kiểu cơ cấu. Kiểu cơ cấu khác với lối đọc ăn sẵn ở chỗ phải sáng tạo, phải khám phá nghĩa là mình phải là tác nhân, phải tạo dựng. Phải từ dăm ba định đề, một vài bộ số, ít huyền thoại, một lô phương ngôn tục ngữ chứa trong kinh điển... đi đến việc xây lên được một triết thuyết hợp cảm quan thời đại. Đó là điều chưa được làm và đó là điều chúng tôi muốn thúc đẩy để người Âu Mỹ khởi đầu làm vì cờ đã đến tay rồi đó.

28. Tôi rất tiếc cho Trung Hoa đã không duy trì nổi vai trò lãnh đạo của mình đã từ ngàn xưa trong một nền văn hóa vững mạnh lâu bền nhất thế giới, để đến nỗi trụt xuống địa vị học trò bằng đi rước về một triết thuyết ngoại trái với văn hóa mình, hơn thế còn trái với bản tính con người khắp nơi. Tuy nhiên nhìn lại khắp hết nhân loại thì thấy sự nhờ nhờ ngu ngốc không là của riêng Trung Hoa, nhưng là của chung loài người, kể cả những người được xưng tụng là triết gia. Đọc lịch sử nhân loại Đông Tây kim cổ toàn thấy sự ngu dốt bao trùm như đêm tối, trong đó sự khôn sáng chỉ nhấp nháy thưa thớt như đom đóm lập lòe. Tuy nhiên vẫn thấy được sự yên ủi vì những đom đóm đó tuy chỉ là một hai ánh le lói đối với hàng triệu triệu âm u nhưng vẫn đẩy được cuộc tiến con người. Nghĩa là con người trải qua hàng ngàn vạn lầm lẫn lỡ mờ nhưng vẫn tiến lên cao dần cả trong việc sinh sống lẫn tinh thần.

29. Thứ đến cũng tìm ra được sự an ủi ở chỗ loài người có ngu dốt lầm lẫn như thế mới có đủ việc làm cho mọi người, mọi nơi, mọi đời, giả như thế giới tốt đẹp ngay từ đầu, tất con người cũng chỉ như con vật: cái gì cũng ban ra cho rồi không phải trả lệ phí, con người sẽ không còn là tác năng, không là tiểu hóa công, hết linh hơn vạn vật. Điều yên ủi nữa là thế giới luôn biến dịch, sự đi trước của Trung Quốc trong Triết nay đã hết, sứ mạng đi đầu nhân loại đã chấm hết.

Cờ lãnh đạo đã trao sang tay Âu Mỹ rồi, và Âu Mỹ đã đi được một bước sinh rất cao. Bây giờ chỉ còn thiếu bước Tâm, liệu Tây âu có đủ sức làm chăng?

Muốn vậy cần kiến tạo lấy một nền Triết lý mới xứng hợp cho giai đoạn mới. **Triết lý là sự thấu góp những kinh nghiệm sống tốt đẹp vào một hệ thống gọi là Đạo lý.** Kinh nghiệm mới này đã chùng chất lên muôn vàn nhất là những khám phá mới, vậy chỉ còn cần tổ chức theo mẫu mực nào. Không thể có mẫu khác ngoài ba mẫu đã sẵn có: hữu vi, vô vi, an vi; chọn mẫu nào đây? Trong việc này hãy lợi dụng bài học lịch sử, hơn hai

mười thế kỷ qua đã chứng minh đủ cho thấy sự vô hiệu của hai đường lối cả hữu vi lẫn vô vi, và hiện cả hai còn đang phơi bày sự phá sản của mình bằng bị chối bỏ do những triết gia và các nhà tư tưởng của hai nơi đó. Vì chúng chỉ có một chiều không đủ chỗ sẵn để hội nhập các kinh nghiệm và hiểu biết mới rất phong phú.

30. Nói cho cùng các điều hiểu biết về Triết trình bày ở trên đều đã có rồi, còn nhiều và cặn kẽ hơn nữa ở các Triết học Âu Mỹ, nhưng hầu hết là thiên lệch thiếu cơ cấu, chỉ bàn nhiều về bản thể mà không về tương quan tác hành. Vì vậy làm cho Triết học trở nên quá khó khăn cũng như quá xa thực tại, đại chúng không thể cảm nhận.

Vậy chỉ còn mẫu mực cổ đại An Vi tỏ ra hữu hiệu bền bỉ hơn cả, vì nó đơn sơ, nó xây trên Cơ cấu, nói về những mối Tương quan tác hành nên quần chúng dễ cảm nhận, lại rất quân bình nên có đủ chỗ chứa đựng những kinh nghiệm mới cả Khoa học lẫn Nhân văn.

Trong dĩ vãng nó đã chứng tỏ khả năng kiến tạo và duy trì cuộc an lạc cho nhiều thế hệ Việt Nho nên tỏ ra xứng đáng được dùng làm mẫu mực trong việc xây đắp mới để đưa Nhân loại vào giai đoạn sống an vui đặng hành hương về chốn Chân không diệu hữu.

Phụ Trương: NGỘ KHÔNG CÔNG TRẠNG TỰA Tây Du là một tiểu thuyết luận đề, nhưng cho tới nay hầu như chưa ai nhận ra chủ đề đó nên bao lời bàn luận đều trật lất. Vậy chủ đề đó là thế này: bất cứ cái gì hễ lên thì cao, hễ xuống thì thấp. Xuống biểu lộ bằng HỮU VI.

DỊCH LÝ ÂM DƯƠNG HÒA là LINH HỒN CỦA VIỆT NHO

TRIẾT LÝ AN VI

Triết lý An vi mang Tinh thần Dịch lý Âm Dương Hòa.

Triết Lý Vô thể (VÔ :ÂM) của Án Độ (Đông phương) / Triết Lý Hữu thể (HỮU: DƯƠNG) của Tây phương Lương nhất thành Triết Lý An Vi. Triết Lý An Vi là Triết Lý Hòa hợp hay Hòa giải.

Triết Lý An vi có Ba NGUYỄN LÝ :

1.- Nguyên lý Lương hợp hay LƯƠNG NHẤT (Dual unit: Cặp đôi) : Âm Dương Hòa.

2.- Nguyên lý NHÂN CHỦ : Tự Chủ, tự Lực, tự Cường (cặp Ba)

3.- Nguyên lý AN HÀNH : Không Lợi hành, không Cường hành, mà An hành.

An hành là khi thấy việc làm hợp với Nhân Nghĩa thì quyết làm, còn việc sai với Nhân nghĩa tức là bất công thì quyết không làm, đây là hành động hiếu HÒA để sống an vui với nhau.. Do đó mà Tổ Tiên Việt không chọn chế độ Tư bản (Lợi hành), không chế độ cộng sản (Cường hành), mà chọn chế độ Bình sản (An hành).

Chế độ Bình sản không Duy Tâm cũng không Duy vật , mà Tâm Vật lưỡng nhất.

Trong chế độ Nông nghiệp xưa, Tổ Tiên chúng ta đã lấy công Điền công Thổ cấp phát cho những người nghèo khó mỗi người được cấp phát một số sào ruộng đất, để họ tự canh tác lấy, thu hoa lợi mà sống, nên không có người vô gia cư (homeless) .

Chế độ này mang tên Bình sản. Các cặp đôi cực trong Vũ trụ quan, Nhân sinh quan cùng Lộ đồ Tu, Tề, Trị Bình đều được các cặp đôi cực Tương ứng liên kết lại thành Việt Nho: Một Hệ thống Cơ thể có Mạch lạc Nội tại nhờ sợi chỉ Hồng nối kết là cặp đôi vực mang tinh thần Âm Dương Hòa

DIỆT DỤC

THEO PHẬT GIÁO

TT. Thích Chân Quang

Làm sao để người tu hành dứt khoát chọn lựa con đường giải thoát? Vì họ cũng là những con người và tăng ni cũng là những con người. Bằng cách nào để dứt khoát chọn con đường giải thoát mà diệt dục?

Chuỗi vòng may mắn của bạn, xem ngay!.

Thứ nhất là phải có lý tưởng tuyệt đối. Bởi vì bản năng tình dục là thường xuyên, nếu không có một lý tưởng tuyệt đối thì ta không thể chiến thắng ái dục. Muốn có lý tưởng giải thoát thì người đó phải hiểu ý nghĩa của việc giải thoát, giác ngộ. Nhưng thực sự không phải dễ hiểu vì nhiều khi học cả đời nhưng cũng chưa chắc hiểu được **giải thoát giác ngộ** là gì.

Khi nào người tu sĩ có lý tưởng giải thoát, tuyệt đối, hoàn toàn, quyết tâm cực kỳ cao thì mái nhà mới cực kỳ kín thì mưa không xâm nhập vào. Nếu một người xuất gia không có

lý tưởng giải thoát rõ ràng thì như mái nhà vụng lợp, mưa đã xâm nhập vào. Khi nhìn lại thì cả nhà đã ngập lụt. Nếu người mang hình thức xuất gia nhưng lý tưởng không tốt cùng, không chính xác, không tinh cần thì bảo đảm tâm hôn

Khi nào ta có lòng tôn kính Phật tuyệt đối thì ta mới có cái nhân để vượt qua được ái dục.

Thứ hai, khi nào ta có lòng tôn kính Phật tuyệt đối thì ta mới có cái nhân để vượt qua được tình dục. Còn nếu ta lễ Phật với cái tâm hời hợt thì ta không đủ sức. Cho nên khi nào ta lễ Phật với lòng tôn kính tuyệt đối thì ta gieo cái nhân để làm Thánh, tức là chúng ta gieo cái nhân để chiến thắng hoàn toàn tình dục.

Do đó chúng ta phải có lý tưởng giải thoát cực mạnh và mỗi ngày phải có tu tập, phải tôn kính bậc Thánh giải thoát tuyệt đối. Mỗi ngày phải tọa thiền để làm chủ nội tâm mình, để kiểm soát từng ý niệm nhỏ. Khi ý niệm về tham dục khởi lên thì mình thấy rõ và phải tiêu diệt liền. Còn người nào tu thuần rồi thì ý niệm tham dục không khởi lên được. Nhưng người mới thì có khởi lên, nhưng mỗi ngày ta đều có tu tập, chúng ta thấy rất rõ và chúng ta vượt qua dễ dàng.

Cho nên bây giờ người xuất gia cũng vậy, mà người cư sĩ cũng vậy. Chúng ta phải thấy rằng tình dục là món nợ, là gánh nặng, là bóng đêm, là bất thường, là tội lỗi, là sa đọa. Đừng nghĩ tình dục là bình thường và tự nhiên. Vì thấy tướng như bình thường, tự nhiên rồi chính nó sẽ dụ mình vào bất thường và tội lỗi. Nếu người nào là cư sĩ mà đã có lý tưởng giải thoát thì phải quyết tâm Diệt Dục.

Trích "Quy Luật Tâm Lý

gày nay ăn chay đang dần trở thành xu hướng âm thực trong cuộc sống hiện đại ở các nước phát triển. Giữa cuộc sống bận rộn, hối hả, giới trẻ hiện đại thích đến những quán cơm chay để tìm cho mình những giây phút bình yên, hay tự chế biến những món ăn chay giàu dinh dưỡng, ấm cúng tại nhà để cùng thưởng thức với bạn bè và người thân. Hiện nay, ở Việt Nam, phong trào “ăn chay vì môi trường” và sức khỏe trong giới trẻ đang diễn ra khá phổ biến.

Vì sao giới trẻ thích ăn chay?

Ăn chay trở thành xu hướng vì không chỉ những người theo tín ngưỡng tôn giáo hay giảm cân mới thực hiện ăn chay, mà tất cả mọi người không phân biệt tuổi tác hay giới tính đều có thể lựa chọn ăn chay như là một phương pháp phòng chống bệnh tật, giữ gìn vóc dáng, kéo dài tuổi thọ và nhiều người quan niệm ăn chay là để tâm hồn thanh tịnh, bình an. Nhìn những món ăn chay được trình bày một cách đẹp đẽ và ngon mắt khiến cho chúng ta vô cùng thích thú. Có thể khẳng định rằng, các thực phẩm chay cung cấp cho con người đầy đủ các chất dinh dưỡng cơ bản nhất bao gồm: chất bột, chất béo, chất đạm, chất xơ, các vitamin và muối khoáng. Nếu một người ăn chay mà ăn uống đủ lượng và có

thành phần thực phẩm cân đối thì cũng có thể cao hơn và to lớn hơn người ăn thịt. Đặc biệt là có thể sống lâu hơn. Thực tế đã cho thấy, người Eskimo hoàn toàn ăn thịt thì tuổi thọ trung bình của họ chỉ là 36 năm, còn người Kogi (bộ tộc ở Peru – Nam Mỹ) ăn thuần chay thì tuổi thọ trung bình của họ lên tới 100 năm.

Ăn chay có lợi cho sức khỏe

Tổ chức Y tế Thế giới cho biết khoảng 1/3 số bệnh ung thư có thể được ngăn ngừa bằng chế độ ăn uống. Theo đó, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng nếu ăn chế độ thuần chay có thể ngăn ngừa ung thư, theo Express.

Một nghiên cứu cho thấy ăn các loại đậu thường xuyên sẽ làm giảm nguy cơ ung thư đại trực tràng khoảng 9%-18%. Đồng thời, ăn nhiều trái cây và rau quả tươi mỗi ngày có thể làm giảm nguy cơ tử vong do ung thư tới 15%. Chế độ ăn chay chứa nhiều sản phẩm đậu nành được chứng minh là bảo vệ chống ung thư vú.

Bên cạnh đó, một số nghiên cứu cũng cho thấy rằng nếu chúng ta không ăn một số sản phẩm động vật có thể giảm nguy cơ ung thư tuyến tiền liệt, vú và ruột kết. Nhiều nghiên cứu cho thấy ăn thịt hun khói, thực phẩm chế biến, thịt nướng ở nhiệt độ cao có thể thúc đẩy một số loại ung thư.

Nghiên cứu mới đã bổ sung thêm bằng chứng cho việc ăn chế độ ăn dựa trên thực vật có thể giúp mọi người sống lâu hơn. Ăn nhiều thực phẩm dựa trên thực vật cũng có thể giúp tim mạch khỏe mạnh và giảm nguy cơ tử vong do tim mạch.

Công bố trên tạp chí của Hiệp hội Tim mạch Hoa Kỳ, nghiên cứu đã kiểm tra dữ liệu từ 12.168 người trung niên đã đăng ký vào nghiên cứu rủi ro xơ vữa động mạch ở cộng đồng (ARIC) và những người tham gia được theo dõi từ năm 1987 đến 2016. Kết quả nghiên cứu cho thấy người nào tiêu thụ thực phẩm có nguồn gốc thực vật cao nhất sẽ có khả năng mắc bệnh tim mạch thấp hơn 16%, như đau tim, đột quỵ hoặc suy tim, so với người tiêu thụ lượng thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật ít nhất.

Casey M. Rebholz, trợ lý giáo sư dịch tễ học tại Trường Y tế Công cộng Johns Hopkins Bloomberg ở Baltimore, cho biết: “Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy rằng ăn nhiều thực phẩm dựa trên thực vật, giảm thực phẩm từ động vật có thể giúp giảm nguy cơ bị đau tim, đột quỵ hoặc các loại bệnh tim mạch khác”.

Ăn chay giúp Tâm Tính hiền hòa, an vui

Rõ ràng, ngựa, voi, trâu bò và các động vật ăn rau quả khác đều hiền hòa và gần gũi hơn so với cọp, gấu, sói... Thậm chí, loài chó nhà được nhiều người yêu mến đôi khi cũng cắn lại chủ nó.

Quá trình sát sinh hoặc săn bắt cũng khiến con người và loài ăn thịt trở nên tàn bạo, hung tợn hơn. Thịt và máu động vật cũng chứa nhiều chất kích thích hơn thảo mộc nên làm loài người và thú ăn thịt dễ bị kích động.

Ngược lại, người ăn chay với thức ăn chính là rau quả, ngũ cốc và trái cây thường có tâm tính hiền hòa hơn. Việc tiêu thụ các thực phẩm từ thiên nhiên cũng khiến người trường chay có cảm giác thanh bình, an nhiên.

Hơn nữa, các loài động vật cũng như con người, đều biết đau, biết sợ cái chết. Chúng cảm giác được giây phút sắp bị tàn sát nên có con la hét thất thanh, con thì khăng khăng không chịu bước đi, con thì bất lực mà rơi nước mắt.

Chúng ta đều cảm giác đau khi đứt tay, chảy máu, thể thì nổi đau sẽ cùng cực như thế nào nếu bị cắt cổ, thọc tiết... Do đó, việc ăn chay giúp con người thể hiện tình thương yêu muôn loài, gia tăng lòng bát ách và vị tha. Từ đó tâm được yên vui và thoải mái.

Cụ tay đấm của Mỹ, Mike Tyson, một trong những nhân vật thể thao nổi tiếng nhất mọi thời đại vừa tiết lộ trong một chương trình truyền hình rằng nhờ chế độ ăn chay trường mà anh giảm được “cái điên” trong tính khí và trở thành người sống có trách nhiệm với gia đình và xã hội hơn.

Ăn chay tiết kiệm

Nguyên liệu để chế biến món chay là thực vật nên giá rẻ. Các bạn có thể tự chế biến những món ăn chay đơn giản như đậu hũ chiên, súp rau quả, các món rau xào thập cẩm, các món chế biến từ nấm... tại nhà đảm bảo vừa tiết kiệm, vừa an toàn vệ sinh thực phẩm. Món chay cũng có rất nhiều cách chế biến từ đơn giản đến cầu kỳ không thua gì món mặn. Nếu bạn nào khéo tay có thể mua sách hướng dẫn nấu món chay để thay đổi khẩu vị và đảm bảo dinh dưỡng. Theo các nhà khoa học, để sản xuất đạm động vật, ta phải tiêu tốn từ 3-15 lần lượng nước so với sản xuất đạm thực vật, để sản xuất 1 calorie thịt bò thì mất khoảng 78 calorie năng lượng nhiên liệu hóa thạch; 1 calorie thịt heo mất 35 calorie năng lượng nhiên liệu hóa thạch... nhưng 1 calorie đậu nành thì chỉ bằng 1 calorie năng lượng nhiên liệu. Do đó, việc ăn chay sẽ giúp tiết kiệm nguồn nước cũng như nguồn nhiên liệu hóa thạch (than đá, dầu mỏ...). Tài nguyên nước, đất, rừng và các loại tài nguyên không tái tạo như than đá, dầu mỏ sẽ được hạn chế khai thác bởi việc ăn chay.

Ăn chay để bảo vệ môi trường.

Khi nhận thức được ăn chay là một trong những giải pháp thiết thực và dễ dàng nhất để bảo vệ môi trường thì xu hướng ăn chay lại càng trở nên phổ biến, nhất là trong giới sinh viên. Các bạn trẻ đang ý thức được trách nhiệm của mình đối với môi trường và nhận biết được những tác động tiêu cực của ngành chăn nuôi đối với môi trường sống, để từ đó thấy được rằng việc giảm lượng thịt tiêu thụ trong các bữa ăn sẽ là một cách bảo vệ cân bằng sinh thái. Bảo vệ môi trường là nghĩa vụ của mỗi người, nhất là đối với các bạn trẻ. Nhiều người loay hoay với những chiến dịch lớn lao mà chưa biết rằng ăn chay cũng là

một biện pháp bảo vệ môi trường hữu hiệu. Trong tình hình biến đổi khí hậu và sự nóng lên của trái đất, ngành chăn nuôi là một nguồn phát thải khí nhà kính rất lớn – là một trong những nguyên nhân gây ra sự biến đổi khí hậu, việc phá rừng để dành đất trồng trọt các thức ăn cho gia súc có ảnh hưởng rất lớn đến môi trường. Khí CO2 phát thải từ ngành chăn nuôi nhiều hơn so với tất cả khói xe, tàu, máy bay trên toàn thế giới này thải ra. Vì ngành chăn nuôi là một trong những ngành có môi nguy hiểm đối với môi trường như vậy cho nên giảm lượng thịt tiêu thụ trong các bữa ăn là một biện pháp bảo vệ môi trường sống thiết thực.

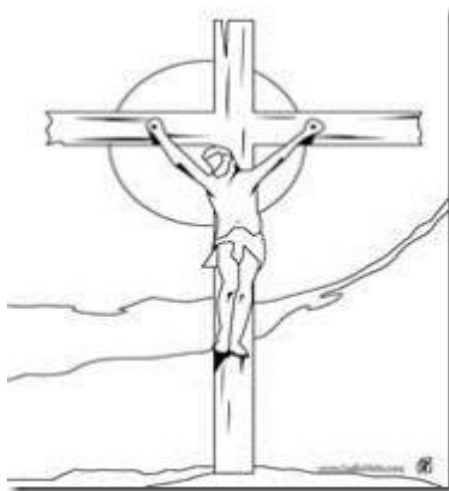
Chúng ta có thể hiểu đơn giản rằng, ăn chay là không sát sinh. Các loài động vật sẽ được bảo vệ, được yêu thương che chở. Bảo vệ môi trường không còn là những điều xa vời nữa mà thực sự đơn giản nếu mỗi người thực hiện ăn chay và kêu gọi mọi người cùng giảm lượng thịt tiêu thụ trong các bữa ăn. Chiến dịch “ăn chay vì môi trường” là một chiến dịch mang ý nghĩa rất thiết thực để bảo vệ hành tinh của chúng ta.

Các cá nhân, câu lạc bộ hướng ứng chiến dịch có thể ăn chay theo từng cá nhân, ăn chay theo nhóm, kêu gọi bạn bè, người thân, đồng nghiệp ăn chay tại nhà hoặc các cửa hàng ăn chay tại khu vực bạn đang sống và làm việc. Ăn chay mỗi tuần một ngày, mỗi ngày một bữa để tăng cường, bảo vệ sức khỏe, giúp cho cân bằng sinh thái và chống lại biến đổi khí hậu là việc làm thiết thực bảo vệ môi trường

DIỆT DỤC

KHỔ HẠNH KITÔ GIÁO: PHÁ VỠ GỌNG KÌM TAI ÁC CỦA CHỦ NGHĨA TIÊU THỤ (2)

Posted on 24 / 06 / 2011 by Xuân Bích Việt Nam



**KHỔ HẠNH KITÔ
PHÁ VỠ GỌNG KÌM
NGHĨA TIÊU THỤ
(Xem phần 1 ở đây)**

**GIÁO:
TAI ÁC CỦA CHỦ
(2)**

NHÂN ĐỨC:

PHƯƠNG CHỮA TRỊ CHỦ NGHĨA TIÊU THỤ

Giáo Hội phải làm gì trước tình hình như thế? Biết bao người đã nhận Phép Rửa trong cái chết và sự Phục Sinh của Đức Kitô, nhưng đang bị dính vào bẫy của “các quyền lực thế gian”, trong khi lẽ ra họ phải đang cảm nếm được sự tự do của con cái Thiên Chúa (x. Gl 4,1-9).

Nếu họ nhìn ra và hiểu được nỗi khốn cùng của mình, ắt hẳn họ sẽ bước vào lối bước ân sủng để thoát ra khỏi cơn bế tắc, nhưng lối sống tiêu thụ cuốn chặt họ trong đủ thứ hoạt động và lo toan đến nỗi hầu như không bao giờ họ có thể bắt chợt giật mình nghĩ lại và nhận ra Thiên Chúa nữa.

Xem ra chẳng có ý nghĩa gì việc khuyên những người ấy dành nhiều thời giờ hơn cho việc cầu nguyện với Chúa, vì việc gắn thêm “Thiên Chúa” và “cầu nguyện” vào núi công việc của họ thì không đủ để vãn hồi lòng đạo đích thực.

Người ta cần ý thức rằng môi hiệp thông cá vị với Thiên Chúa phải là nguồn và là chóp đỉnh của đời sống, chứ không thể giảm trừ nó chỉ còn là việc đầu tiên trong danh sách “các việc phải làm.”

Để có thể giúp người ta, Giáo Hội cần một cách thế hữu hiệu để đối đầu với lối sống tiêu thụ, một cách thế khả dĩ đưa được Thiên Chúa trở lại vị trí trung tâm của đời sống người ta.

Để tìm ra một cách thế, chúng ta phải nhìn thẳng vào những gốc rễ luân lý của lối sống tiêu thụ. Chủ nghĩa tiêu thụ vận hành bằng cách khơi lên những khát vọng và làm cho người ta không bao giờ cảm thấy thỏa mãn, dẫn người ta tới tâm trạng hụt hẫng và nỗi lo sợ mất mát.

Theo một quan điểm nhân học Công Giáo cổ điển (như thấy nơi tư tưởng của Thánh Augustinô và Thánh Tôma Aquinô), có hai loại khao khát căn bản:

khao khát thiêng liêng liêng diễn tả trong ý chí,
và khao khát xác thịt diễn tả nơi các bản năng và nơi những hưởng ứng liên quan tới sự khoan khoái (nhục dục) và sự chiến đấu (tính bức xúc).

Chủ nghĩa tiêu thụ xúi quẩy người ta ước muốn có nhiều hơn những gì mình đã kiếm được, hưởng thụ một cách vô độ các thứ tiện nghi, phản kháng một cách mù quáng sự an phận đối với điều kiện sống thực tế của mình, và sợ hãi một cách vô lý cái viễn ảnh đánh mất điều kiện sống ấy.

Vì thế, nếu chúng ta muốn giúp giải thoát người ta khỏi chủ nghĩa tiêu thụ, trước hết chúng ta phải giúp họ điều chỉnh lại các khát vọng của họ, sao cho họ có thể cảm thấy hài lòng với một mức tương đối trong đời sống thể chất và tinh thần.

Theo nhân học Công Giáo, thì đây là việc rèn luyện các nhân đức, nhất là đức công bình (theo đó người ta mong muốn nơi mình và nơi tha nhân những gì hợp lẽ) và đức tiết độ (theo đó người ta hưởng thụ các tiện nghi vật chất một cách vừa phải).

Một người công bình và tiết độ thì không thể bị những trò lừa của chủ nghĩa tiêu thụ làm lung lạc ý chí và các dự vọng của mình.

Tuy nhiên, chỉ hai nhân đức trụ cột ấy vẫn chưa đủ. Thần học Công Giáo dạy rằng xét như là một dữ kiện hiện sinh, duy chỉ bằng sức riêng mình thì không ai thành công trọn vẹn trong việc sống các nhân đức. Chúng ta cần ân sủng.

Hơn nữa, một người theo chủ nghĩa tiêu thụ cần được giải độc khỏi nỗi hỷ hăng và nỗi lo sợ của mình, vì người ấy không thể bình an cho tới khi có thể cảm nghiệm được sự hài lòng đúng đắn đối với những phương tiện thực sự cần cho đời sống con người.

Người ấy rất cần đức Ái và đức Cây, để nhận ra sự sung mãn đích thực của con người trong tương quan với tha nhân và để có được niềm tin tưởng hướng vọng tương lai.

Nơi con người Đức Kitô, chúng ta gặp nguồn ân sủng để ta kín múc được đức Ái và đức Cây như thế. Thật là ý nghĩa khi Đức Kitô mạc khải rằng yêu thương là hoàn toàn hiến mình cho Thiên Chúa và cho tha nhân, được thực hiện qua việc trút bỏ mọi sự cách triệt để (kenosis).

Ngài không giảng rằng sự viên mãn nằm ở “khả năng định chính mình” hay ở “cuộc sống có đầy đủ mọi thứ”, trái lại, Ngài đã trút bỏ chính Ngài cho chúng ta trên Thập Giá. Chỉ qua sự hiệp thông với cái chết và sự Phục Sinh đầy yêu thương của Đức Kitô chúng ta mới có thể nhận được Thánh Thần và ân sủng để sống một đời sống công bình và tiết độ được làm sống hoạt bởi các nhân đức Tin, Cây, Mến.

KHỔ HẠNH KITÔ GIÁO: LỐI BUƯỚC TỰ DO

Vì thế, để đương đầu một cách hữu hiệu với lối sống tiêu thụ, Giáo Hội phải đào luyện đời sống nhân đức trong sức mạnh của Thánh Thần Đức Kitô.

Cái khó khăn trong việc đào luyện nhân đức nằm ở chỗ các nhân đức không thể đơn thuần được dạy bằng các qui định kiểu “cho toa”. Những loại nhân cách khác nhau và những hoàn cảnh đời sống hằng ngày khác nhau không cho phép chúng ta cung cấp một danh mục chi tiết “những cách thức” để sống các nhân đức. Đành rằng người ta có thể mô tả các nhân đức và chỉ ra chúng khác thế nào so với những điều xấu đối ngược với chúng, nhưng người ta cần các mẫu gương và cần thời gian để thực hành và quen dần với các nhân đức.

Và trên hết mọi sự, người ta cần ơn Chúa để tấn tới trên con đường luyện nhân đức. Đây là chỗ mà Giáo Hội đóng một vai trò quyết định: qua việc cung cấp sự chỉ dẫn, cung cấp những mẫu gương sự huấn luyện thường xuyên, và cung cấp ân sủng của Chúa Kitô. Kinh nghiệm dạy ta rằng cộng đoàn có thể là một phương tiện rất hữu hiệu để đào luyện nhân đức, và quả thực Đức Kitô đã thiết lập Giáo Hội đầu nhằm mục đích nào khác hơn là làm cho người ta trở thành môn đệ của Ngài.

Truyền thống Kitô giáo cung cấp cho chúng ta những lối sống đặc biệt thúc đẩy đức công bình và tiết độ, vốn cần thiết để vượt qua các khát vọng lệch lạc gây ra bởi chủ nghĩa tiêu thụ, và đồng thời nuôi dưỡng đức Ái và đức Cây, vốn cần thiết để chữa lành các vết thương của chủ nghĩa này. Những lối sống ấy chính là những kỷ luật thiêng liêng bao gồm sự thực hành khổ hạnh Kitô giáo, với rất nhiều phương thức cụ thể mà qua đó các Kitô hữu trải bao thể kỷ sống đời sống mới của mình trong Đức Kitô. Tôi muốn nêu ra ba thực hành hiệu nghiệm cách riêng trong việc đương đầu với những sự dữ của chủ nghĩa tiêu thụ, đó là: sống đời sám hối, giữ ngày của Chúa, và dâng cúng.

Thực hành sám hối là một phương thế đầy năng lực chuyển hóa, bởi vì đó là cách thể hiện tình yêu mà Chúa ban cho mọi Kitô hữu đã được tái sinh trong cái chết và sự Phục

Sinh của Đức Kitô. Được kết hiệp với Đức Kitô nhờ tình yêu này và được đầy tràn Chúa Thánh Thần, người Kitô hữu có thể bước theo Đức Kitô trong tình yêu “hủy mình ra không” đến mức trao hiến mạng sống làm hy lễ cho Thiên Chúa và nên ơn ích cho con người.

Theo truyền thống, sự “hủy mình ra không” này của người Kitô hữu được hiểu như một cuộc hoán cải không ngừng (metanoia) bao gồm ba hành động: ăn chay (hay tiết chế), cầu nguyện, và bổ thí (làm phúc).

Trong đời sống sám hối này, người Kitô hữu muốn đáp trả lại tình yêu Thiên Chúa bằng cách bắt chước tình yêu “hủy mình ra không” của Đức Kitô trong đời thường của mình. Với thực hành tiết chế, người Kitô hữu xa tránh những khát vọng vô bổ nơi ý chí và xác thịt mình, và sống thuận theo thánh ý Chúa cho cuộc đời mình.

Qua việc Cầu nguyện, người Kitô hữu tìm kiếm sự hiệp thông sâu xa hơn với Thiên Chúa, và tìm kiếm ân sủng để kiên trung bước đi trên con đường hẹp của tình yêu.

Qua việc Bổ thí, người Kitô hữu không chỉ chia sẻ của cải vật chất với người khác mà còn chia sẻ chính bản thân mình nữa.

Giáo Hội đào tạo các môn đệ Đức Kitô phần lớn bằng việc giảng dạy, nêu gương, bồi dưỡng, và tổ chức đời sống sám hối của cộng đoàn. Một đời sống như vậy tự bản chất sẽ kéo người Kitô hữu ra khỏi việc theo đuổi một “đời sống tiêu chuẩn cao” đầy ích kỷ, để hướng đến một tình yêu vô vụ lợi đối với Thiên Chúa và tha nhân. Bằng cách đề xuất những thực hành đặc biệt qua đó toàn thể cộng đoàn cùng khổ chế, cầu nguyện và làm việc phúc đức,

Giáo Hội có thể thúc đẩy một công cuộc thánh thiện đích thực có sức giải phóng các thành viên mình khỏi sự cột trói của chủ nghĩa tiêu thụ. Các Kitô hữu đến lượt mình sẽ làm cho xã hội mà mình sống có tính nhân văn hơn, nhất là qua việc đưa đức Ái và đức Cậy vào một thế giới đã sa ngã.

Một Kitô giáo như thế không phải là thuốc phiện cũng chẳng phải là tạo loạn; đó là một chứng tá đầy chất ngôn sứ phát tỏa từ Giáo Hội, có năng lực chuyển hóa chính con cái Giáo Hội và toàn thể giới.

Ta hãy xem xét việc giữ ngày Chúa Nhật. Trong một nền văn hóa vốn nặng tính hoạt động và tiêu thụ, chúng ta dành ngày Chúa Nhật cho Thiên Chúa và cho tha nhân, đó là thời gian để nghỉ ngơi, để sống các mối tương quan liên vị và để thưởng ngoạn các hoa trái của trái đất. Nhịp hoạt động căng thẳng của công việc được ngưng lại để ta có thời gian dành cho bao giá trị khác mà Chúa ban cho đời sống. Việc nghỉ ngày Chúa Nhật có thể là một kinh nghiệm sống động về “kairos” tức “thời gian viên mãn”, thay vì là một “chronos” tức thời gian được đo lường, được tiêu pha, hay được “giết”.

Thời gian của ngày Chúa Nhật chỉ đạt được ý nghĩa khi chúng ta chấp nhận trả giá – đó là, chúng ta “cứu độ” thời gian này bằng cách không dùng nó cho việc tranh thủ vật chất, cho lao động cật lực, hay cho những theo đuổi nhiệm nặng tính tiêu thụ.

Trong hoàn cảnh của chúng ta hiện nay, điều này có nghĩa là toàn bộ tuần lễ phải được tổ chức xung quanh trung tâm là ngày Chúa Nhật. Khi chúng ta điều chỉnh các hoạt động mỗi ngày theo hướng tạo điều kiện để đề cao ngày Chúa Nhật, thì ngày của Chúa sẽ trở thành trung tâm chi phối cách sắp xếp thời gian cho cả tuần lễ. Ngay cả trong trường hợp

một Kitô hữu phải làm việc trong ngày Chúa Nhật, người ấy vẫn có thể thể hiện ý thức về ngày của Chúa bằng một hình thức thờ phượng đặc biệt nào đó, và dành một ngày khác trong tuần để thực hành việc nghỉ lễ.

Với việc giữ ngày Chúa Nhật, một giới hạn hữu hiệu sẽ được lập ra cho công việc làm ăn, và chúng ta sẽ có cơ hội để chăm lo cho các mối tương quan với Thiên Chúa và với tha nhân.

Thực hành dâng cúng cũng có một hiệu quả tương tự việc giữ ngày Chúa Nhật. Để dâng cúng 10% cho công việc của Chúa, chúng ta không thể chi tiêu tất cả cho chính mình. Và để có được 10% trong một ngân sách vốn quen đầy ắp những món phải chi tiêu, chúng ta phải thay đổi toàn bộ cách sống. Ngân sách chi tiêu hằng tháng cần phải được hoạch định có tính tới việc dâng cúng. Như vậy, một giới hạn chi tiêu sẽ được thiết lập qua việc ưu tiên trao về Thiên Chúa điều thuộc về Ngài. Thực hành này sẽ tạo điều kiện cho chúng ta học biết rằng thu nhập của mình không phải chỉ dành để chi tiêu cho riêng mình, mà phải cân nhắc việc chi tiêu từng xu trước mặt Chúa.

Trong giáo xứ tôi, các gia đình thực hành hai bước cụ thể là giữ ngày Chúa Nhật và thực hành dâng cúng đã phản hồi rằng hiệu quả cách chung là có sự thay đổi tích cực trong đời sống gia đình của họ cũng như trong cách họ nhận hiểu về thời gian và tiền bạc. Việc dành một ngày trong tuần và dành 10% thu nhập dạy họ rằng toàn bộ thời gian và tiền bạc của họ thuộc về Thiên Chúa. Để có thể giữ ngày Chúa Nhật và thực hành dâng cúng, họ phải không ngừng tự nhắc mình rằng mọi hoạt động và chi tiêu phải được soi sáng bởi điều mà Chúa mời gọi họ trong tuần lễ ấy. Họ học biết rằng có một số việc không nên làm, một số món hàng không nên mua, nhưng vậy là tốt, vì quỹ thời gian và tiền bạc giới hạn phải được sử dụng theo ý Chúa.

Nói tóm lại, họ bắt đầu phát triển một cảm thức về Chúa Quan Phòng. Họ kinh nghiệm rằng cuộc sống của họ nằm trong bàn tay Thiên Chúa, chứ không phải trong tay của thời vận, và rằng họ không cần phải đạt cho được tất cả những gì mình có thể đạt, mà chỉ cần đạt được điều Chúa muốn thôi. Đây là kinh nghiệm của đức Ái và đức Cây.

Họ học biết cách hài lòng với những gì mình có xuyên qua việc tìm kiếm thánh ý Chúa khi họ kiếm tìm và sử dụng của cải mà Chúa ban cho. Họ có thể hướng nhìn tương lai với ít lo lắng hơn, bởi vì họ đã bắt đầu biết sống trong niềm tín thác vào Chúa Quan Phòng. Điều này tạo ra không chỉ một loại cảm nghiệm hài lòng hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa tiêu thụ, mà còn giúp người ta có được sự ổn định kinh tế tối thiểu mà chủ nghĩa tiêu thụ không thể đem lại cho họ. Hài lòng với số thu nhập ít hơn, điều đó có nghĩa là người ta có khả năng tiết kiệm một phần thu nhập của mình để dự phòng cho tương lai, qua hình thức sở hữu và làm chủ thực sự.

KẾT LUẬN

Tôi từng chứng nghiệm những ích lợi thực sự, về vật chất và thiêng liêng, đạt được bởi các gia đình thực hành con đường khô hạnh này để giải thoát mình khỏi chủ nghĩa tiêu thụ. Đây là một con đường không dễ bước đi, và trong kinh nghiệm của tôi, người ta chỉ có thể bước đi được nếu họ chấp nhận giữ ngày Chúa Nhật, chấp nhận dâng cúng, và chấp nhận sống đời sám hối. Các gia đình ấy đã dạy tôi rằng bằng cách tạo ra một môi trường khuyến khích thực hành khô hạnh, Giáo Hội có thể cung ứng rất nhiều sự nâng đỡ cần thiết và cung ứng tâm nhìn cho những ai bị kẹt trong chủ nghĩa tiêu thụ. Rất nhiều

anh chị em trong đàn chiên Chúa muốn vượt thoát; chỉ có điều là họ không có khả năng nhận hiểu vấn đề hay xác lập một giải pháp cho chính họ.

Điều kỳ diệu về những thực hành khổ hạnh này, đó là ngay cả dù không hoàn toàn hiểu chúng, người ta vẫn có thể thực hành chúng và nhận được kết quả do chúng mang lại. Giống như những đức tính tốt mà cha mẹ chúng ta giúp chúng ta tập tành thuở nhỏ, chúng hữu ích cho ta ngay cả trước khi ta hoàn toàn nhận hiểu và trân trọng chúng. Những thực hành khổ hạnh sẽ chống lại chủ nghĩa tiêu thụ tận trong gốc rễ của nó, tức chống lại dục vọng và nỗi sợ hãi mà chủ nghĩa tiêu thụ tạo ra. Những thực hành ấy thúc đẩy người ta đánh giá lại mục đích của cuộc sống mình, của việc sử dụng thời gian và tiền bạc. Khi được đảm nhận dù chỉ với một chút thiện chí muốn đáp lại ân sủng Chúa, khổ hạnh sẽ đem lại những hoa quả không ngờ. Cũng giống như việc Đức Kitô hủy mình ra không cho đến cái chết trên Thập Giá, khổ hạnh là một cố vấp phạm và là sự điên rồ đối với thế gian. Nhưng cho những ai tin, thì đó là sức mạnh và là sự khôn ngoan của Thiên Chúa đem lại năng lực biến đổi thế giới này.

THIÊN PHONG

dịch từ “Christian Asceticism: Breaking Consumerism’s Destructive Hold”
của Fr. Timothy V. Vaverek, trong Houston Catholic Worker, Vol. 21, No. 1,
January 2001.

ĐA DỤC

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Chủ nghĩa tư bản ([Tiếng Anh](#): capitalism) là một hệ thống [kinh tế](#) dựa trên [quyền sở hữu tư nhân](#) đối với [tư liệu sản xuất](#) và hoạt động [sản xuất](#) vì [lợi nhuận](#).^{[1][2][3][4]} Các đặc điểm đặc trưng của chủ nghĩa tư bản bao gồm: tài sản tư nhân, [tích lũy tư bản](#), lao động tiền lương, trao đổi tự nguyện, một hệ thống giá cả và thị trường cạnh tranh.^{[5][6]} Trong nền kinh tế thị trường tư bản, việc điều hành và đầu tư được quyết định bởi chủ sở hữu tài sản, tư liệu sản xuất hoặc khả năng sản xuất trong thị trường tài chính, trong khi giá cả, phân phối hàng hóa và dịch vụ chủ yếu được quyết định bởi sự [cạnh tranh trong thị trường](#) hàng hóa và dịch vụ.^{[7][8]} Chủ nghĩa tư bản xuất hiện đầu tiên tại [châu Âu](#) và phát triển từ trong lòng xã hội [phong kiến](#) châu Âu và chính thức được xác lập như một hình thái xã hội tại [Hà Lan](#) và [Anh](#) ở [thế kỷ XVII](#). Sau [cách mạng Pháp](#) cuối [thế kỷ XVIII](#), hình thái [chính trị](#) của "nhà nước tư bản chủ nghĩa" dần dần chiếm ưu thế hoàn toàn tại [châu Âu](#) và loại bỏ dần hình thái [nhà nước](#) của [chế độ phong kiến](#), [quý tộc](#). Và sau này hình thái [chính trị](#) – [kinh tế](#) – [xã hội](#) tư bản chủ nghĩa lan ra khắp châu Âu và thế giới.

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản (với tư cách một hình thái kinh tế) từ [chủ nghĩa phong kiến](#) không do một lý thuyết gia nào xây dựng. Tuy nhiên [Adam Smith](#) là người có đóng góp to lớn nhất xây dựng một hệ thống lý luận tương đối hoàn chỉnh về [chủ nghĩa tư bản](#) [tư do](#) hay [tư do kinh tế](#). Chủ nghĩa tư bản không đồng nhất với [chủ nghĩa tư do](#) dù nền tảng là kinh tế tư hữu, nói cách khác chủ nghĩa tư bản là một trong các hình thái kinh tế

của sản xuất tư hữu và đối lập với [chủ nghĩa xã hội](#) trên nền tảng sở hữu công cộng, sở hữu tập thể. Các chính sách [an sinh xã hội](#) trong nền kinh tế tư bản không phải là thành tố của chủ nghĩa tư bản, và cũng không phải biểu hiện đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Chính xác hơn là nó là một biểu hiện của một nền kinh tế được điều chỉnh ít nhiều bởi nhà nước.

Các nhà kinh tế, nhà kinh tế chính trị, nhà xã hội học và nhà sử học đã áp dụng những quan điểm khác nhau trong các phân tích về chủ nghĩa tư bản và đã công nhận nhiều hình thức tư bản có trong thực tế, bao gồm [laissez-faire](#) hay chủ nghĩa tư bản [thị trường tự do](#), [chủ nghĩa tư bản phúc lợi](#) và [chủ nghĩa tư bản nhà nước](#). Các hình thức khác nhau của chủ nghĩa tư bản có mức độ khác nhau ở thị trường tự do, sở hữu công cộng,^[9] trở ngại cho cạnh tranh tự do và các chính sách xã hội bị nhà nước xử phạt. Mức độ cạnh tranh trên thị trường, vai trò can thiệp và điều tiết và phạm vi sở hữu nhà nước khác nhau giữa các mô hình chủ nghĩa tư bản khác nhau.^{[10][11]} Hầu hết các nền kinh tế tư bản hiện tại là các nền [kinh tế hỗn hợp](#) kết hợp các yếu tố của [thị trường tự do](#) với sự can thiệp của nhà nước và trong một số trường hợp là [hoạch định kinh tế](#).^[12]

Các nền kinh tế thị trường đã tồn tại dưới nhiều hình thức của chính phủ và ở nhiều thời điểm, địa điểm và nền văn hóa khác nhau. Các xã hội tư bản hiện đại, được đánh dấu bằng sự phổ cập các quan hệ xã hội dựa trên đồng tiền, một nhóm công nhân lớn và toàn hệ thống phải làm việc để kiếm tiền, và một tầng lớp tư bản sở hữu các phương tiện sản xuất được phát triển ở Tây Âu trong một quá trình dẫn đến cuộc cách mạng công nghiệp. Các hệ thống tư bản với mức độ can thiệp trực tiếp khác nhau của chính phủ đã trở nên chiếm ưu thế trong thế giới phương Tây và tiếp tục lan rộng ra thế giới. Theo thời gian, tất cả các nước tư bản đã trải qua sự tăng trưởng kinh tế nhất quán và sự nâng cao mức sống của con người.^[13]

Các nhà phê bình chủ nghĩa tư bản cho rằng hệ thống chủ nghĩa tư bản thiết lập quyền lực trong tay một tầng lớp tư bản thiểu số tồn tại thông qua sự bóc lột giai cấp công nhân đa số và lao động của họ; nó ưu tiên lợi nhuận hơn lợi ích xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường, chủ nghĩa tư bản là một động cơ của bất bình đẳng, tham nhũng và bất ổn kinh tế. Trong khi những người ủng hộ chủ nghĩa tư bản lập luận rằng nó cung cấp các sản phẩm tốt hơn và đổi mới thông qua sự cạnh tranh, thúc đẩy đa nguyên và phân cấp quyền lực, phân tán sự giàu có cho tất cả những người sản xuất sau đó đầu tư vào các doanh nghiệp hữu ích dựa trên nhu cầu thị trường, cho phép hệ thống khuyến khích linh hoạt trong đó ưu tiên hiệu quả và bền vững. vốn, tạo ra sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và mang lại năng suất và sự thịnh vượng có lợi cho xã hội.

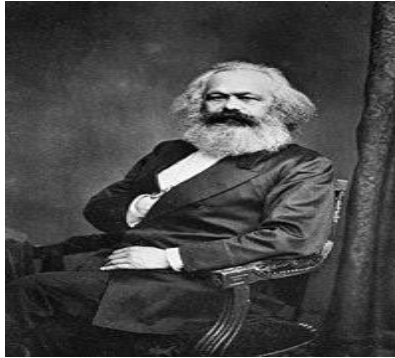
Adam Smith - cha đẻ [kinh tế học cổ điển](#) với tác phẩm: Sự giàu có của quốc gia

BỘI DỤC

Lý tưởng Cộng sản là:

Không Làm mà chiếm đoạt ăn hết trơn, nên Bội thực

CHỦ NGHĨA MARX



Trong thế kỷ XIX, trong khi nhận thức về các giá trị giải phóng con người, các quyền của con người, nhận thức về nhu cầu mở ra tối đa khả năng phát triển nhân tính và các khả năng của con người đã có những bước tiến bộ lớn thì hình thái kinh tế tư bản chủ nghĩa đương thời với [quan hệ sản xuất](#) của chủ nghĩa tư bản lại đang kìm hãm những khả năng nhân bản đó. Đại bộ phận quần chúng lao động bị tách ly khỏi phương tiện sản xuất phải làm thuê cho [giai cấp tư sản- chủ sở hữu](#) các [phương tiện sản xuất](#). [Giai cấp công nhân](#) bị đối xử bất bình đẳng trong phân chia của cải xã hội, và thực tế cuộc sống của họ hầu như không thể tiếp cận được với những cơ hội để phát triển con người. Sự phát triển vượt bậc không ngừng với tốc độ chưa từng có trong lịch sử loài người của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đã mở ra khả năng thỏa mãn phần lớn nhu cầu cơ bản của con người, làm nền tảng để xây dựng một xã hội nhân văn hơn. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa tạo ra những vấn đề không thể giải quyết triệt để của thị trường ảnh hưởng xấu đến nền sản xuất đồng thời tạo ra sự bất bình đẳng thu nhập xã hội hoàn toàn tương phản với sự phát triển của nền sản xuất. Sự bất bình đẳng trong hình thái kinh tế tư bản chủ nghĩa ở thế kỷ XIX là sâu sắc và nhu cầu giải phóng xã hội là cấp thiết.

[Karl Marx](#) là nhà tư tưởng có ảnh hưởng lớn đến phong trào công nhân, đến nền học thuật và nền chính trị thế giới hiện đại. Ông được xem là học giả có ảnh hưởng nhất thế

giới^[23]. Ông có tầm nhìn xa vượt thời đại của mình với kiến thức rất uyên thâm trên nhiều lĩnh vực rộng lớn. Các tác phẩm của Marx có rất nhiều nhưng ông viết có hệ thống nhất là các lĩnh vực:

Kinh tế chính trị: tác phẩm quan trọng nhất là [Tur bản luận](#) (Das Kapital) nghiên cứu hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa trong đó ông rút ra bản chất của việc tích lũy tư bản là nhà tư bản chiếm giữ [giá trị thặng dư](#) do người lao động (công nhân) làm ra. Khác với các trường phái kinh tế khác ông cho rằng tư bản là lao động tích lũy lại. Từ đó ông giải thích các hiện tượng của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa như lợi nhuận, địa tô, lãi suất, quan hệ cung cầu, khủng hoảng kinh tế...

Triết học: Các tác phẩm của ông tự viết hoặc cùng với người đồng chí thân thiết của mình là [Friedrich Engels](#) phát triển trường phái triết học [chủ nghĩa duy vật biện chứng](#) trong đó coi triết học của mình là kết hợp giữa trường phái [duy vật](#) của [Ludwig Feuerbach](#) và phương pháp suy luận theo trường phái [biện chứng](#) của [Georg Wilhelm Friedrich Hegel](#).

Chủ nghĩa duy vật lịch sử lý giải sự vận động của lịch sử bằng cách chỉ ra mối liên hệ giữa nền sản xuất và các định chế xã hội như nhà nước, gia đình, luật pháp, đạo đức... Trình độ sản xuất thay đổi khiến quan hệ sản xuất cũng thay đổi dẫn đến những mối quan hệ xã hội thích ứng với những quan hệ sản xuất đó cùng với những tư tưởng nảy sinh ra từ những quan hệ xã hội đó cũng thay đổi kéo theo sự thay đổi hệ thống pháp lý và chính trị. Đó chính là sự tiến hóa của xã hội loài người cũng là sự vận động của lịch sử.

Chủ nghĩa cộng sản là ý tưởng của Marx về một mô hình xã hội tốt đẹp hơn dựa trên tiên đoán về sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản vì mâu thuẫn không thể giải quyết được giữa nền sản xuất đã đạt đến mức xã hội hóa cao độ và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn này sẽ được giải quyết bởi [giai cấp công nhân](#) thông qua một cuộc cách mạng thế giới để lật đổ trật tự thế giới cũ bằng con đường bạo lực cách mạng. Chủ nghĩa cộng sản của Marx là bộ phận lý thuyết gây ảnh hưởng lớn đến lịch sử thế giới trong thế kỷ XX.

Theo Marx, các mặt của hình thái kinh tế-xã hội tác động qua lại với nhau tạo nên các quy luật vận động, phát triển khách quan của xã hội. Chính sự tác động của các quy luật khách quan đó mà hình thái kinh tế xã hội tuy là phạm trù xã hội nhưng lại có khuynh hướng phát triển như một quá trình lịch sử tự nhiên tương tự với sự tiến hóa của giới tự nhiên, nó vận động phát triển từ thấp đến cao. Trong sự phát triển đó cũng có những đột biến, những sự suy thoái tạo ra những biến thể xã hội khác nhau. Nhìn chung xã hội loài người đã phát triển trải qua nhiều hình thái kinh tế - xã hội nối tiếp nhau. Trên cơ sở phát hiện ra quá trình phát triển khách quan của xã hội, K.Marx đã đi đến kết luận rằng:

“ Tôi coi sự phát triển của các hình thái kinh tế-xã hội là một quá trình lịch sử-tự nhiên ”

Chủ nghĩa Marx có thể xem là một [Hoc thuyết Darwin](#) trong khoa sử học. Lịch sử xã hội do con người làm ra, con người tạo ra các quan hệ xã hội của mình và đó là xã hội.

Nhưng sự vận động của xã hội là một quá trình lịch sử khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn của con người mà nguồn gốc sâu xa của sự thay thế nhau giữa các hình thái kinh tế-xã hội nằm ở chỗ:

Sự phát triển của [lực lượng sản xuất](#), gây nên sự thay đổi của quan hệ sản xuất.

Và rồi đến lượt mình, sự thay đổi của quan hệ sản xuất (với tư cách là cơ sở hạ tầng) sẽ làm cho kiến trúc thượng tầng (hệ thống chính trị, tư tưởng xã hội...) thay đổi.

Do vậy, từ những thay đổi ngày càng tiến bộ hơn của [lực lượng sản xuất](#) sẽ dẫn đến hình thái kinh tế-xã hội này được thay thế bằng hình thái kinh tế-xã hội khác cao hơn, tiến bộ hơn.

Khi nghiên cứu chủ nghĩa tư bản, Marx cho rằng với sự sản xuất tập trung xã hội hoá cao độ với trình độ cao, hình thái kinh tế tư bản chủ nghĩa sản xuất ra một lượng của cải khổng lồ, trong khi đó [giai cấp tư sản](#) chỉ là một bộ phận nhỏ của xã hội nhưng lại sở hữu phần lớn tài sản xã hội thông qua việc chiếm giữ giá trị thặng dư. Còn đại bộ phận xã hội là [giai cấp công nhân](#) (giai cấp làm thuê) chỉ sở hữu một phần nhỏ của cải vì họ không có quyền sở hữu [phương tiện sản xuất](#) đang nằm trong tay các chủ tư bản. Đây là hệ quả của việc lao động của người công nhân bị tha hóa "người công nhân quan hệ với sản phẩm của mình như đối với một vật xa lạ,... người công nhân càng tự do phát tiết ra trong lao động thì thế giới xa lạ khách quan do bản thân anh ta sáng tạo ra đối diện với anh ta lại càng mạnh; bản thân anh ta, thế giới bên trong của anh ta lại càng nghèo đi; của cải thuộc về anh ta lại càng ít đi... Người công nhân đặt đời sống của mình vào vật, nhưng như vậy, đời sống đó đã không thuộc về anh ta nữa, mà lại thuộc về vật. Vậy hoạt động ấy của công nhân càng lớn thì công nhân càng trở thành không có vật. Anh ta không phải là cái mà lao động anh ta sản xuất ra. Cho nên sản phẩm đó càng lớn thì anh ta càng ít là anh ta. Sự tha hóa của công nhân vào sản phẩm của anh ta không những chỉ có ý nghĩa là lao động của anh ta trở thành một vật, một tồn tại bên ngoài, mà còn có ý nghĩa là lao động của anh ta tồn tại ở bên ngoài anh ta, không phụ thuộc vào anh ta, xa lạ với anh ta, và lao động ấy trở thành một lực lượng độc lập với anh ta, có nghĩa là đời sống mà anh ta chuyển vào vật, chống lại anh ta như một đời sống đối địch và xa lạ."^[26] Điều này dẫn đến "người công nhân trở thành nô lệ cho vật của mình: một là anh ta nhận được một vật để lao động, nghĩa là nhận được lao động và hai là anh ta nhận được những tư liệu sinh hoạt. Do đó chỉ có vật ấy mới đem lại cho anh ta khả năng sinh tồn, một là như một người công nhân và hai là như một chủ thể thể xác. Điểm cao nhất của sự nô lệ đó là: chỉ có cái tư cách công nhân của anh ta mới cho phép anh ta còn tự duy trì được như một chủ thể thể xác và chỉ có với tư cách chủ thể thể xác thì anh ta mới là công nhân... Theo những quy luật mà kinh tế chính trị học đề ra thì sự tha hóa của công nhân vào vật của mình biểu hiện như sau: công nhân càng sản xuất nhiều thì anh ta càng có ít để tiêu dùng; anh ta càng tạo ra nhiều giá trị thì bản thân anh ta càng bị mất giá trị, càng bị mất phẩm cách; sản phẩm của anh ta càng đẹp thì anh ta càng xấu đi; vật đó do anh ta tạo ra càng văn minh thì bản thân anh ta càng giống người dã man; lao động càng mạnh mẽ thì người công nhân càng bất lực; lao động của anh ta càng có tinh thần thì bản thân anh ta càng mất hết trí óc và càng bị nô lệ vào giới tự nhiên."^[27] Chính vì thế "lao động của anh ta không phải là tự nguyện mà là bắt buộc; đó là lao động cưỡng bức. Lao động đó không phải là sự thỏa mãn một nhu cầu mà chỉ là phương tiện để thỏa mãn những nhu cầu khác

nhu cầu lao động. Tính xa lạ của lao động biểu hiện rõ rệt ở chỗ là một khi không có sự cưỡng bức thể xác hoặc sự cưỡng bức nào khác thì người ta trốn tránh lao động như trốn tránh bệnh dịch hạch vậy... Do đó ta đi đến kết luận là con người (công nhân) chỉ cảm thấy mình tự do trong khi thực hiện chức năng động vật của mình... còn trong những chức năng con người của anh ta thì anh ta cảm thấy mình chỉ là con vật. Cái có tính súc vật trở thành cái có tính người, còn cái có tính người thì biến thành cái có tính súc vật."^[28]

Trong chủ nghĩa tư bản, lao động bị tha hóa của người công nhân sẽ biến thành sở hữu tư nhân. Marx viết "sở hữu tư nhân là sản phẩm, kết quả, hậu quả tất nhiên của lao động bị tha hóa, của quan hệ bên ngoài của công nhân với giới tự nhiên và với bản thân mình... Chỉ đến giai đoạn phát triển cuối cùng, đến trình độ cao nhất của sở hữu tư nhân thì điều bí ẩn ấy của riêng nó mới lại xuất hiện trở lại, tức là: một mặt sở hữu tư nhân là sản phẩm của lao động bị tha hóa, và mặt khác nó là phương tiện nhờ đó lao động tự tha hóa, nó là sự thực hiện sự tha hóa ấy."^[29] Marx cũng lý giải bản chất của tiền công trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa "tiền công là đồng nhất với sở hữu tư nhân, vì tiền công trong đó sản phẩm, vật của lao động, trả công cho bản thân lao động, chỉ là hậu quả tất nhiên của sự tha hóa của lao động và vì trong tiền công, lao động biểu hiện ra không phải là mục đích tự nó mà là tôi tớ của tiền công. Việc cưỡng bức tăng tiền công... chẳng qua sẽ chỉ là sự trả công tốt hơn cho nô lệ và sẽ không đem lại cho công nhân và lao động mục đích của con người và phẩm chất con người của họ. Ngay cả bản thân sự ngang nhau về tiền công mà Proudhon đòi hỏi, cũng sẽ chỉ đem lại kết quả là biến quan hệ của người công nhân hiện nay với sản phẩm của anh ta thành quan hệ của mọi người với lao động. Trong trường hợp đó, xã hội được hình dung là một nhà tư bản trừu tượng. Tiền công là kết quả trực tiếp của lao động bị tha hóa còn lao động bị tha hóa là nguyên nhân trực tiếp của sở hữu tư nhân. Cho nên, phía này mất đi thì phía kia cũng phải tiêu tan theo."^[30]

Từ quan điểm lao động bị tha hóa biến thành sở hữu tư nhân thông qua quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa biểu hiện dưới hình thức người công nhân bán lao động cho nhà tư bản để nhận được tiền công, Marx rút ra kết luận "sự giải phóng xã hội khỏi sở hữu tư nhân, khỏi chế độ nô dịch, biểu hiện ra dưới hình thức chính trị của sự giải phóng công nhân, không phải vì vấn đề ở đây chỉ là sự giải phóng của họ, mà vì sự giải phóng của họ bao hàm sự giải phóng toàn diện của con người; và sở dĩ như thế là vì toàn bộ cái chế độ nô dịch con người bao hàm trong quan hệ của công nhân với sản xuất và vì mọi quan hệ nô dịch chỉ là những biến thể và kết quả của quan hệ ấy"^[30].

Khi nghiên cứu quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, Marx cho rằng sự tích lũy tư bản được thực hiện bằng cách nhà tư bản trả lương cho công nhân thấp hơn giá trị gia tăng mà người công nhân tạo ra trong quá trình sản xuất, phân chênh lệch này được gọi là giá trị thặng dư. Tư bản tích lũy sẽ được đầu tư tái sản xuất mở rộng. Qua nhiều lần tái sản xuất mở rộng, năng lực của toàn bộ nền sản xuất ngày càng lớn, tạo ra một giá trị được thể hiện bằng một lượng hàng hóa vượt quá sức mua của toàn xã hội. Khi nền sản xuất đạt đến trạng thái này, khủng hoảng kinh tế xảy ra. Trong thời kỳ khủng hoảng tổng cầu thấp hơn tổng cung, hàng hóa dư thừa không có nơi tiêu thụ. Do không bán được sản phẩm, các doanh nghiệp không thu hồi được chi phí để tái sản xuất nên phải thu hẹp sản xuất, cắt giảm nhân công hoặc phá sản. Trong dài hạn, các doanh nghiệp sẽ giảm giá để bán hết lượng hàng hóa tồn kho khiến tổng cung và tổng cầu dần trở lại mức cân bằng. Tuy nhiên trong suốt giai đoạn khủng hoảng, hàng triệu công nhân thất nghiệp, hàng vạn doanh

nghiệp phá sản để lại hậu quả to lớn cho xã hội trên phạm vi toàn cầu do các nền kinh tế trên thế giới phụ thuộc vào nhau. Để giải quyết tình trạng này cần thay thế quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng một quan hệ sản xuất mới trong đó sự tích lũy tư bản và tái sản xuất mở rộng được thực hiện tốt hơn cách mà chủ nghĩa tư bản đang thực hiện. Các nhà kinh tế khác như [John Maynard Keynes](#) đề ra giải pháp nhà nước sử dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ để nâng tổng cầu nhằm đưa nền kinh tế trở về trạng thái toàn dụng và đưa thất nghiệp trở về tỷ lệ tự nhiên chứ không để nền kinh tế tự điều chỉnh nhằm hạn chế đến mức tối đa những hậu quả của khủng hoảng kinh tế. Sự can thiệp của nhà nước có thể giúp cho nền kinh tế hoạt động hiệu quả hơn, các nguồn lực được phân phối hợp lý hơn và nâng cao phúc lợi xã hội. Nhà nước là người hỗ trợ cho thị trường trong việc quản lý các nguồn lực. Tuy nhiên nếu nhà nước thất bại trong việc can thiệp vào thị trường khiến thị trường hoạt động kém hiệu quả hơn, các nguồn lực bị phung phí và phân phối bất hợp lý thì sự thất bại của thị trường sẽ biến thành sự thất bại của nhà nước. Giải pháp của Marx, Keynes hoặc bất cứ một nhà kinh tế nào khác đều có điểm chung là nhà nước phải can thiệp để sửa chữa những thất bại của thị trường dù mỗi trường phái kinh tế học có cách giải thích khác nhau về những thất bại này. Marx triệt để hơn những người khác khi ông chủ trương tập trung tư liệu sản xuất dưới sự kiểm soát của nhà nước. Dù được giải quyết theo cách nào thì khủng hoảng kinh tế cũng cho thấy quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa có những hạn chế của nó mà Marx xem là quan hệ sản xuất không còn phù hợp với lực lượng sản xuất do đó kiềm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Hơn nữa, sự phát triển của các môn khoa học xã hội giúp người ta hiểu rõ hơn về sự tồn tại và vận động của xã hội. Cũng như [Saint Simon](#), người được mệnh danh là cha đẻ của [chủ nghĩa xã hội](#), Marx tin rằng xã hội loài người có thể hoạt động theo lý tính dựa trên những kiến thức khoa học đã tích lũy được chứ không còn vận động một cách tự phát như trước, loài người sẽ chuyển từ tự phát sang tự giác^[31]. Theo ông "Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, vấn đề là cải tạo thế giới^[32]". Đây là quan điểm [duy lý](#) về xã hội loài người, là lối tư duy của [chủ nghĩa duy lý](#). Marx và Engels đề ra một giải pháp giải quyết các vấn đề của thị trường bằng cách từng bước "tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị^[11]". Hai ông cũng đề xuất nhiều biện pháp cải cách kinh tế - xã hội như "áp dụng thuế lũy tiến cao", "tập trung tín dụng vào tay nhà nước thông qua một ngân hàng quốc gia với tư bản của nhà nước", "tăng thêm số công xưởng nhà nước", "giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em", "xoá bỏ việc sử dụng trẻ em làm trong các khu công xưởng"...^[11] mà ngày nay đã được áp dụng tại hầu hết các quốc gia trên thế giới. Việc các nhà nước hiện đại ban hành các quy định, thực thi những chính sách can thiệp vào mọi mặt của đời sống xã hội chứng tỏ ý tưởng của Marx hoàn toàn hợp lý. Chủ nghĩa Marx phản ánh nhu cầu cần có sự can thiệp lớn hơn của nhà nước vào các hoạt động xã hội để đáp ứng với sự phát triển của nền kinh tế và đời sống xã hội hiện đại. Chính vì thế Marx bị những nhà kinh tế theo trường phái [kinh tế học cổ điển](#) với niềm tin thị trường có khả năng tự điều chỉnh để giải quyết các vấn đề của nó và những người theo [chủ nghĩa tự do](#) chủ trương hạn chế sự can thiệp của nhà nước vào thị trường, rộng hơn là vào đời sống xã hội phản đối gay gắt dù mục tiêu của Marx khi ủng hộ sự can thiệp của nhà nước cũng là để bảo vệ các quyền tự do của con người. Chủ nghĩa Marx thường bị đả kích bởi những người ủng hộ [chủ nghĩa tư bản](#), nhưng nó thật sự là liều thuốc chữa những "căn bệnh" của chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên theo [Friedrich Hayek](#) vấn đề mà người ta gặp phải khi xây dựng một trật tự kinh tế

duy lý là "tri thức về các hoàn cảnh mà chúng ta bắt buộc phải tính đến không bao giờ tồn tại một cách tập trung hay hợp nhất mà chỉ dưới dạng những mảnh phân tán, không hoàn chỉnh và thường xuyên mâu thuẫn, được sở hữu bởi tất cả các cá nhân riêng rẽ"^[33]. Hơn nữa hệ thống giá cả như là một cơ cấu truyền đạt thông tin cho phép các nhà sản xuất riêng lẻ điều chỉnh các hoạt động của họ theo các thay đổi mà có lẽ họ chưa từng biết đến^[33]. Chính vì vậy việc lạm dụng lý tính với niềm tin rằng nền kinh tế có thể vận hành dựa trên tri thức của một nhóm người thuộc một cơ quan kế hoạch hóa thay vì tri thức của toàn xã hội dẫn đến thất bại.

Theo Marx tư bản là một lực lượng xã hội "Tư bản là một sản phẩm tập thể và nó chỉ có thể vận động được là nhờ sự hoạt động chung của nhiều thành viên trong xã hội, xét đến cùng, là nhờ sự hoạt động chung của tất cả các thành viên trong xã hội. Vậy tư bản không phải là một lực lượng cá nhân, nó là một lực lượng xã hội."^[11] nên tư bản cần được xã hội kiểm soát bằng một hình thức sở hữu tập thể. Marx lập luận "nếu tư bản biến thành sở hữu tập thể thuộc tất cả mọi thành viên trong xã hội thì đó không phải là một sở hữu cá nhân chuyển thành sở hữu xã hội. Chỉ có tính chất xã hội của sở hữu là thay đổi thôi. Sở hữu mất tính chất giai cấp của nó."^[11]. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản dẫn đến quy mô doanh nghiệp ngày càng lớn, hoạt động của doanh nghiệp ảnh hưởng đến toàn thể xã hội do đó đòi hỏi doanh nghiệp phải được quản lý, điều tiết bởi một tổ chức hoạt động vì lợi ích xã hội chứ không phải vì lợi ích của cá nhân sở hữu doanh nghiệp.



Marx tin rằng công nhân công nghiệp sẽ nổi dậy khắp thế giới để xây dựng một xã hội nhân văn và hợp lý hơn

Không chỉ lao động bị tha hóa^[34], nền kinh tế tư bản cũng khiến cả nhà tư bản và người công nhân bị tha hóa.^{[34][35]} Nhà tư bản trở thành kẻ chỉ biết chạy theo lợi nhuận còn công nhân phải hy sinh những năng khiếu, sở trường của mình cho hoạt động sản xuất công nghiệp. Do đó giai cấp công nhân phải vùng lên dùng **bạo lực cách mạng** để giành lấy phương tiện sản xuất nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa nền sản xuất tập trung xã hội hóa cao độ và sở hữu tư nhân đồng thời giải phóng giai cấp mình và toàn bộ nhân dân lao động lẫn giai cấp tư sản khỏi sự tha hóa do chủ nghĩa tư bản mang đến. Đó là **cách mạng vô sản** . Marx cho rằng "Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp... một cuộc đấu tranh bao giờ cũng kết thúc hoặc bằng một cuộc cải tạo cách mạng toàn bộ xã hội, hoặc bằng sự diệt vong của hai giai cấp đấu tranh với nhau"^[36]". Quan điểm **đấu tranh giai cấp** , dùng bạo lực làm cách mạng giành chính quyền để xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn của Marx được kế thừa từ những cuộc cách mạng ở các nước Châu Âu và Châu Mỹ trong thời đại của ông. Tuy nhiên, ông cũng không loại

trừ khả năng giai cấp vô sản có thể giành chính quyền thông qua các biện pháp chính trị và đàm phán (nếu có những điều kiện thuận lợi).

Sau khi giành được chính quyền bằng cuộc cách mạng vô sản thì sở hữu phương tiện sản xuất sẽ là sở hữu toàn dân. Nhà nước xã hội chủ nghĩa sẽ thay mặt nhân dân điều hành sản xuất và nắm quyền sở hữu này vì nhà nước bây giờ là nhà nước của toàn dân. Trong xã hội đó con người làm việc theo năng lực hưởng thụ theo lao động. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của [nền sản xuất xã hội chủ nghĩa](#) thì chức năng của nhà nước ngày càng suy giảm, sự tự giác của nhân dân ngày càng cao và đến lúc đó sẽ xuất hiện xã hội phi giai cấp, không còn mâu thuẫn đối kháng dẫn đến sự tự tiêu vong của nhà nước, sẽ xuất hiện một xã hội mà ở đó nguyên tắc phân phối của cải sẽ là "Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu" đó là chủ nghĩa cộng sản.

Tuy nhiên Marx không tin tưởng rằng cách mạng vô sản và chủ nghĩa cộng sản sẽ thắng lợi trong tương lai gần vì theo ông thì "Cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể chiến thắng đơn độc tại một nước" vì giai cấp tư sản thế giới ở các nước khác sẽ bao vây và bóp chết cách mạng để duy trì lợi ích ích kỷ của mình. Vậy cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ chỉ nổ ra khi nào mâu thuẫn đã quá khủng khiếp "trong tất cả các nước tư bản hoặc chỉ ít là số lớn các nước tư bản đứng đầu thế giới". Và khi đó sẽ là một cuộc cách mạng thế giới của giai cấp công nhân chôn vùi chủ nghĩa tư bản. Để giác ngộ giai cấp công nhân hiểu được vai trò lịch sử của mình và lãnh đạo cuộc đấu tranh đó Marx chỉ ra là phải có các [đảng công sản](#) là tổ chức của những người giác ngộ chủ nghĩa cộng sản sẽ hướng dẫn đoàn kết lực lượng của [giai cấp công nhân toàn thế giới](#).

Không nên lầm tưởng Marx chủ trương phải tiến hành cách mạng bằng giá, tại mọi quốc gia. Ông đã dự đoán khả năng giai cấp công nhân nắm chính quyền bằng biện pháp hợp pháp, Chủ nghĩa tư bản sẽ hoàn thành quá độ hoà bình lên [chủ nghĩa xã hội](#). Marx nhận định: [Công ty cổ phần](#) không xoá bỏ chế độ tư hữu, mà dùng chế độ sở hữu cá nhân cổ quyền phân tán thay thế chế độ sở hữu tư nhân của một số người, lấy đó làm hình thức thực hiện chế độ công hữu; con đường nghị viện về chính trị không phải là đập tan bộ máy nhà nước cũ, mà thông qua bầu cử nắm lấy bộ máy ấy. [Engels](#) cũng đã chỉ đạo cụ thể [Đảng Dân chủ Xã hội Đức](#) tiến hành cuộc đấu tranh hợp pháp, nhấn mạnh thành công của Đảng trong tuyên cử có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ phong trào công nhân quốc tế: "Có thể hình dung trong một nước mà cơ quan đại nghị tập trung mọi quyền lực vào tay mình, chỉ cần được đại đa số nhân dân ủng hộ là có thể tùy ý hành động theo hiến pháp, thì xã hội cũ có thể hoà bình bước sang xã hội mới, chẳng hạn trong các nước cộng hoà như Mỹ, Pháp, trong nước quân chủ như Anh".^[37]

Ngay từ Marx những người cộng sản đã quan niệm rằng người lao động trên toàn thế giới phải vượt qua những khác biệt về sắc tộc, chủng tộc, màu da, ngôn ngữ... để đoàn kết lại vì mục tiêu chung là giải phóng nhân dân lao động trên toàn thế giới khỏi chế độ làm thuê. Ông có khẩu hiệu rất nổi tiếng: "Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại". Sau này Lenin cũng có ý tưởng như vậy... Sự đối đầu giữa các quốc gia cộng sản sau này cho thấy trong một số trường hợp các lãnh đạo cộng sản đã không tôn trọng ý tưởng này. Mâu thuẫn quốc gia, dân tộc trong thực tế bao giờ cũng mạnh hơn mâu thuẫn giữa các giai cấp (ít nhất là từ thế kỷ XX trở về trước).

Marx cho rằng chủ nghĩa cộng sản là một bước tiến hóa của xã hội loài người dựa trên những điều kiện kinh tế - xã hội do chủ nghĩa tư bản tạo ra chứ không phải là kết quả của

việc áp đặt một mô hình kinh tế - chính trị lên xã hội. Theo ông "Đối với chúng ta, chủ nghĩa cộng sản không phải là một trạng thái cần phải sáng tạo ra, không phải là một lý tưởng mà hiện thực phải khuôn theo. Chúng ta gọi chủ nghĩa cộng sản là một phong trào hiện thực, nó xóa bỏ trạng thái hiện nay. Những điều kiện của phong trào ấy là kết quả của những tiền đề hiện đang tồn tại^[38]". Một điều rất cần nói về Marx và chủ nghĩa cộng sản của Marx là Marx hoàn toàn không chủ trương "mục đích bào chữa cho phương tiện". Ngay từ thời của mình Marx đã nói: "Một mục tiêu chính đáng không thể bào chữa cho biện pháp không chính đáng để đạt mục tiêu đó". Như vậy có thể nói trong Marx là thẩm nhân tư tưởng nhân đạo, ông chủ trương cách mạng nhưng phải là cách mạng trong nhân đạo để sao cho đạt được sự công bằng cho người này nhưng không lấy mất sự công bằng của người khác. Cách mạng là đi lên là để tầng lớp dưới vươn lên ngang bằng tầng lớp trên chứ không phải là cách mạng là đi xuống để kéo tầng lớp trên xuống dưới cùng. Mục tiêu của Marx là xóa bỏ sự tha hóa và nô dịch do chủ nghĩa tư bản tạo ra, kiến tạo một xã hội tự do, phi giai cấp chứ không phải thay thế sự tha hóa này bằng sự tha hóa khác, xóa bỏ sự nô dịch này bằng sự nô dịch khác.

Trong thực tiễn

Có thể nói Marx là nhà tư tưởng có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của nhân loại nhưng trong học thuyết của Marx có những hạn chế bởi khả năng thu thập tư liệu, lối tư duy của ông chịu ảnh hưởng bởi điều kiện xã hội mà ông sống (giữa thế kỷ XIX). Chủ nghĩa Marx ban đầu chỉ là những tư tưởng của một vài trí thức đã được phổ biến rộng rãi trong giới trí thức, trở thành một trào lưu tư tưởng có ảnh hưởng lớn, sau đó xâm nhập vào phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc, được truyền bá từ phương Tây sang phương Đông. Những người cộng sản tại một số nơi khi thực hành chủ nghĩa Marx đã không thật sự hiểu đúng lý luận của Marx và những lý tưởng mà Marx muốn hướng tới, dẫn tới áp dụng máy móc vào thực tế bất chấp những điều kiện kinh tế - xã hội không phù hợp với thứ họ muốn tạo ra tuy nhiên họ luôn nghĩ mình đã nắm được [chân lý](#), điều mà Lenin gọi là [bệnh kiêu ngạo cộng sản](#)^{[39][40]}. Hơn nữa, với những điều kiện kinh tế - xã hội và trình độ [công nghệ](#) ở [thế kỷ XX](#) (trong đó chủ nghĩa Marx bắt đầu được áp dụng) thì loài người chưa thể có [lực lượng sản xuất](#) đủ tiên tiến để xây dựng một xã hội lý tưởng như Marx mong muốn. Để xây dựng xã hội cộng sản, loài người cần đạt tới một trình độ công nghệ mới mà thế kỷ XX chưa hề biết đến, hiện nay chỉ mới bắt đầu được khai phá như công nghệ [robot](#), [công nghệ nano](#), [Công nghệ lượng tử](#)...

Marx (cũng như nhiều nhà lý luận khác) luôn có xu hướng tổng kết các thực tiễn phong phú trong một tổng thể hài hòa - một mô hình đáp ứng mọi lời giải của thực tế. Để xây dựng mô hình Marx đã có những phép đơn giản hóa. Có thể thấy xu hướng [mô hình hóa](#) này của Marx trong các lý luận của ông: Trong [triết học](#) ông phân triết học ra rạch ròi hai trường phái [duy vật](#) và [duy tâm](#) và phê phán trường phái duy tâm trong khi đó đây là các khía cạnh của thực thể thế giới và [nhân thức](#) của con người về thực thể đó và chúng là những khái niệm không thể tách rời. Do đó trong triết học duy vật biện chứng của chủ nghĩa cộng sản có đặc trưng nổi bật là nghiên cứu về sự tư duy của con người chỉ nhằm vào cái "chung", ít nghiên cứu về cái "riêng", yếu về nhận thức về "cái tôi" trong tư duy con người. Lý luận của những người Marxist nhấn mạnh quan hệ giữa tồn tại và ý thức theo hướng thực thể khách quan ban đầu của thế giới là vật chất, cụ thể là các điều kiện tự nhiên, sản xuất và xã hội (không phụ thuộc vào ý thức của cá nhân) thì ý thức con người (là hệ quả của vật chất có chức năng phản ánh hiện thực khách quan) cũng sẽ phụ

thuộc vào sự tồn tại của các điều kiện này. Họ ít nghiên cứu tác động ngược lại của ý thức đến tự nhiên, sản xuất và xã hội trong khi tác động của chủ nghĩa Marx lên lịch sử thế giới hiện đại lại là bằng chứng cho thấy các tư tưởng kinh tế - chính trị - xã hội có tác động mạnh mẽ như thế nào đến tiến trình lịch sử của nhân loại.

Trong khi nghiên cứu về xã hội loài người, sự tổng kết của Marx chỉ giới hạn trong [lịch sử châu Âu](#), Marx cũng công nhận mô hình của ông chưa bao quát được hết lịch sử các khu vực trên thế giới bởi bối cảnh thế kỷ XIX không cho phép thu thập đủ tư liệu để nghiên cứu. Lịch sử phát triển xã hội loài người, theo Marx tổng kết dựa trên lịch sử của châu Âu, có bản chất là sự phát triển của "[trình độ sản xuất](#)" dẫn đến sự biến đổi của "[quan hệ sản xuất](#)": đi từ [công xã nguyên thủy](#), đến [chiếm hữu nô lệ](#), đến [phong kiến](#), đến [tư bản](#) và cuối cùng là cộng sản. Các nền văn minh châu Á không hoàn toàn giống như mô hình này khi thiếu sót một số giai đoạn nào đó. Tuy nhiên tác động của trình độ sản xuất lên quan hệ sản xuất là hiện tượng có thể quan sát được ở hầu hết các nền văn minh. Chủ nghĩa cộng sản là những ý tưởng của Marx kế thừa từ những nhà tư tưởng trước ông kết hợp với những nghiên cứu của ông về chủ nghĩa tư bản ở châu Âu mà ông cho rằng đó sẽ là tương lai của châu Âu như một bước tiến hóa mới của xã hội loài người, chứ ông không coi đó là một định mệnh sẽ xảy ra giống nhau ở tất cả các nước. Đó là một tiên đoán xã hội xuất phát từ tầm nhìn của Marx mà những người kế thừa ông đã biến nó thành một quy luật xã hội theo đó chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ phát triển thành chủ nghĩa cộng sản. Tuy nhiên nhân loại sẽ chọn những ý tưởng nào tốt đẹp và phù hợp nhất với những điều kiện kinh tế xã hội mang tính lịch sử của mình để thực hiện.

Tại thời điểm của Marx (thế kỷ XIX), do ảnh hưởng của các cuộc cách mạng ở Châu Âu và Châu Mỹ, người ta thiên về các biện pháp bạo lực giành chính quyền để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội mà thường bỏ qua các cách giải quyết hoà bình bằng thoả hiệp và đối thoại. Marx đã phê phán và bác bỏ [chủ nghĩa xã hội không tưởng](#) và lấy sự thất bại của nó làm minh chứng cho sự cần thiết của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Các biện pháp cách mạng bạo lực có thể đem đến sự thay đổi chính trị nhanh chóng làm cơ sở để thực hiện những cải cách xã hội khi quần chúng bị kích động đứng lên làm cách mạng nhưng nó sẽ đi kèm những tổn thất rất to lớn cho xã hội trong một thời gian dài, và khi cần tìm hãm người dân để đưa họ về trạng thái tâm lý ôn hòa thì đó lại là một việc rất khó và mất thời gian, đôi khi còn tổn thất rất lớn khác; thậm chí các nhà cách mạng sau khi lật đổ chế độ cũ sẽ thanh trừng lẫn nhau vì bất đồng quan điểm hay vì cạnh tranh quyền lực. Các biện pháp hòa bình bất bạo động tuy phải thực hiện một cách từ từ và dường như kém hiệu quả nhưng thực tế nó có thể giải quyết mâu thuẫn một khi mâu thuẫn đó là chín muồi và các lực lượng xã hội cần phải tự điều chỉnh để giải quyết các mâu thuẫn đối kháng, nó cũng mang lại những thay đổi sâu sắc và bền vững hơn kết quả do các cuộc cách mạng bạo lực mang lại. Các cuộc cách mạng đều cho thấy phá hủy các định chế kinh tế - chính trị, các mối quan hệ sản xuất - quan hệ xã hội cũ thì dễ dàng hơn là xây dựng những nhân tố mới tốt đẹp và có hiệu quả hơn. Các định chế kinh tế - chính trị cũ có khuynh hướng tái sinh dưới hình thức mới với cùng bản chất nhưng do một nhóm người mới nắm giữ quyền lực là điều mà Karl Marx gọi là lịch sử lặp lại chính nó - lần đầu như một tấn thảm kịch, lần thứ hai như một định mệnh trở trêu. Các cuộc cách mạng không thể nào thay thế cho tiến hóa xã hội mà chỉ tạo điều kiện cho tiến hóa có thể diễn ra nhanh hơn trong một số trường hợp và kéo lùi xã hội trong một số trường hợp

khác.^[41] Ở thời kỳ của Marx thì việc các lực lượng đối kháng chịu đối thoại với nhau là rất hãn hữu và chiến tranh xảy ra khá thường xuyên, cho nên Marx không coi trọng biện pháp này. Đến giữa thế kỷ XX, tức là 100 năm sau thời của Marx, thế giới đã đổi thay sâu sắc, đã xuất hiện các phương pháp đấu tranh hòa bình hữu hiệu thông qua các thiết chế như [công đoàn](#), các [tổ chức xã hội](#), [dự luận xã hội](#), [tự do báo chí](#), [tôn giáo](#), [nghị trường](#)... Các tấm gương của [Mahatma Gandhi](#), [Martin Luther King, Jr.](#) cho thấy đấu tranh hòa bình cũng là một cách giải quyết tốt trong một số trường hợp (tất nhiên vẫn có nhiều trường hợp buộc phải giải quyết bằng đấu tranh bạo lực, nhưng nhìn chung thì đấu tranh hòa bình ở đầu thế kỷ XXI là dễ dàng hơn nhiều so với thời của Marx).

[Karl Marx](#) (và Engels) là nhà tư tưởng lớn của nhân loại và hiện nay vẫn được coi là một trong những nhà [triết học](#), nhà tư tưởng nhân đạo có ảnh hưởng nhất của loài người. Chủ nghĩa Marx là sự tiếp nối các lý tưởng của [Thời kỳ Khai sáng](#) về việc xây dựng một thế giới của nhân tính, lý tính và tự do. Các nghiên cứu của Marx, Engels trong lĩnh vực kinh tế chính trị học đã dẫn đến những ý tưởng về chủ nghĩa cộng sản khoa học. Marx tin rằng tri thức của nhân loại có thể giúp người ta xây dựng một thế giới nhân văn hơn, hợp lý hơn và tự do hơn. Nhưng đó mới chỉ là các phác thảo lý thuyết theo suy nghĩ của Marx, Engels và còn ở dạng lý tưởng. Còn lý thuyết đó được áp dụng như thế nào trong thực tế thì đó là trách nhiệm và sự nghiệp của những người kế tục Marx. Robert C. Tucker cho rằng ở một số nơi, chủ nghĩa Marx trong hoạt động chính trị được coi như một tôn giáo, một niềm tin ở những người ủng hộ nó^[42]. Trên thực tế, tại mỗi quốc gia, các đảng cộng sản cầm quyền đều cố gắng hiện thực hóa chủ nghĩa cộng sản dựa trên những điều kiện xã hội đặc trưng của quốc gia đó dẫn đến các biện pháp kinh tế - chính trị khác nhau để giải quyết các vấn đề cụ thể ở từng quốc gia.

Báo [The Economist](#) đánh giá về vấn đề này:

“ Cuối cùng, khi tượng đài đã bị kéo đổ, hình tượng của Karl Marx đã bị bôi bả một cách khinh khi cũng như Lenin và Stalin. Chủ nghĩa cộng sản đã bị từ chối trên lý thuyết cũng như thực tế; những lãnh đạo của nó đã bị gạt sang bên, những trí thức sáng lập và những nhà cai trị chống xã hội (sociopathic) cũng bị coi như nhau.

Những người sống ở phương Tây, sự phán xét không bị ảnh hưởng bởi việc sống trong hệ thống lấy Marx làm cảm hứng, phần lớn đã đưa ra một cái nhìn công bằng hơn. Marx đã bị hiểu lầm, họ hướng đến sự thông cảm. Chủ nghĩa cộng sản ở Đông Âu và Liên Xô là một sự xuyên tạc tư tưởng của ông. Những gì đã xảy ra ở những vùng đất tăm tối đó sẽ khiến Marx cảm thấy kinh hoàng cũng như chúng ta cảm thấy. Nó không phải là sự xác nhận những ý tưởng của ông.

Thật vậy, Marx đã đúng về nhiều ý tưởng tốt đẹp - về nhiều sai lầm của [chủ nghĩa tư bản](#), về [toàn cầu hóa](#) và thị trường quốc tế, về chu kỳ kinh tế, về cách thức mà kinh tế tác động đến tư tưởng. Marx đã thấy trước; những điều đó vẫn tiếp tục diễn ra. Liên Xô và Đông Âu đã từ bỏ chủ nghĩa cộng sản trên thực tế bằng cách này hay cách khác (và Trung Quốc, Triều Tiên, Cuba hoặc bất cứ nơi nào nó được áp dụng). Nhưng xin đừng loại bỏ Marx.^[43] ”

CHỦ NGHĨA LENIN



Lenin là người lãnh đạo [Cách mạng Xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga](#) và đưa ra chính sách kinh tế mới

[Vladimir Ilyich Lenin](#) là nhà kinh điển lớn thứ hai của chủ nghĩa cộng sản, và là nhà cách mạng lớn nhất của phong trào này. Lenin viết rất nhiều tác phẩm ở nhiều chủ đề bao gồm triết học, kinh tế học, lịch sử, pháp luật... và các môn khoa học nhân văn khác. Nhưng khác với Marx, các tác phẩm của Lenin hầu hết tập trung vào cuộc đấu tranh chống chế độ Sa hoàng, chống các xu hướng chính trị khác tại Nga và Tây Âu và tập trung vào những nỗ lực hiện thực hóa những ý tưởng cộng sản chủ nghĩa của Marx. Là người có trình độ học vấn và lý luận cao và có tài năng hùng biện thiên bẩm. Lenin sử dụng khả năng diễn đạt mạnh mẽ, lôi cuốn để củng cố cho quan điểm của mình. Lenin có một đặc tính cá nhân đặc sắc là người có tính thực tế, vị lợi, không câu nệ vào các lý thuyết giáo điều, nhiều thủ đoạn chính trị. Phương châm của ông là "Có lợi là làm" bất chấp các quy tắc đạo đức mà ông cho là "đạo đức tiểu tư sản". Việc Lenin sẵn sàng hiệu chỉnh cả Marx - một nhà tư tưởng có ảnh hưởng thế giới - cho thấy tính chất này của Lenin. Nếu có điều gì có vẻ trái với các lý luận của Marx và Engels thì ông sẵn sàng viết luôn các tác phẩm lý luận để chỉ đạo phong trào cách mạng Nga.

Lenin là người chủ xướng, lãnh đạo [Cách mạng Xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga](#) lập ra nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới vào năm 1917. Tên tuổi của Lenin gắn liền với giai đoạn đầu tiên hình thành lý thuyết và hiện thực phát sinh của nhà nước này. Các lý luận của Lenin có ảnh hưởng rất to lớn trong lý luận của các đảng cộng sản và các quốc gia xã hội chủ nghĩa, được coi là kinh điển và dẫn chiếu nhiều hơn cả Marx. Sau này các phát biểu và ý tưởng của Lenin được coi là hình mẫu phát triển cho các đảng cộng sản tại các quốc gia xã hội chủ nghĩa. Mọi nhận xét và ý kiến trái với Lenin (và Marx) được coi là [chủ nghĩa xét lại](#) và có thể bị khai trừ khỏi phong trào cộng sản và công nhân thế giới.^{[44][45]}

Cũng như Marx, Lenin là nhà cách mạng nhiệt thành của chủ nghĩa cộng sản. Lenin không phải là người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Marx vào Nga mà đó là một nhà Marxist ôn hòa - [G. V. Plekhanov](#) người sáng lập [Đảng Lao động Dân chủ Xã hội Nga](#). Sau này người ta gọi những người theo Plekhanov trong đảng này là phái [Menshevik](#) (thiểu số) - là những người không tán thành làm cách mạng vô sản vì họ theo lý thuyết của Marx cho rằng những điều kiện kinh tế - xã hội của nước Nga chưa chín muồi để làm cách mạng vô sản. Họ chiếm thiểu số trong đại hội đảng năm 1903. Những người theo Lenin là phái Bolshevik (đa số) - là phái tán thành cách mạng. Sau này, phái [Bolshevik](#) của Lenin tách ra thành lập đảng riêng, trở thành [Đảng Công sản Liên Xô](#).

Trong thời đại của Lenin, chủ nghĩa tư bản đã có sự biến đổi rất lớn so với thời của Marx. Các công ty tư nhân đã phát triển thành các tập đoàn độc quyền. Các nước tư bản phương Tây đã trở thành các nước đế quốc có hệ thống thuộc địa trên toàn thế giới. Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc đã biến thành chiến tranh thế giới để phân chia lại thị trường, thuộc địa cũng như ảnh hưởng địa chính trị. Chính sự biến đổi của kinh tế - chính trị toàn cầu khiến Lenin hiệu chỉnh chủ nghĩa Marx rất nhiều và sáng tạo ra rất nhiều ý tưởng lý luận mới. Nhưng điểm nổi bật và lớn nhất phân biệt Lenin với Marx là lý luận về [chủ nghĩa đế quốc](#) và ý tưởng về khả năng thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản (chủ nghĩa xã hội) trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc: Lenin lý luận rằng chủ nghĩa Marx phản ánh [chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh](#) khi các quốc gia tư bản chưa trở thành đế quốc chủ nghĩa. Marx chứng minh rằng cạnh tranh tự do sẽ dẫn đến tập trung sản xuất do đó tạo ra độc quyền. Đến đầu thế kỷ XX, khẳng định của Marx đã trở thành hiện thực. Đó là thời đại của chủ nghĩa đế quốc khi mà hình thức kinh tế chính của nó là các tập đoàn tư bản độc quyền, lũng đoạn nền kinh tế để có thể thu được [siêu lợi nhuận](#) và đặc tính đối ngoại là hiếu chiến và xâm chiếm [thuộc địa](#). Tình trạng độc quyền khiến nền kinh tế tư bản chủ nghĩa không còn có khả năng tự điều chỉnh nhờ bàn tay vô hình của thị trường tự do như khẳng định của [Adam Smith](#), không thể có hiệu quả nhờ cạnh tranh. Tình trạng độc quyền không tạo ra động lực cải tiến kỹ thuật sản xuất do đó kiềm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất đã phát triển đến mức gay gắt. Chính vì vậy Lenin xem chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản.^[46] Trong hoàn cảnh đó, nhà nước phải quốc hữu hóa các công ty độc quyền, tạo ra một quan hệ sản xuất mới để giải quyết mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Trong các điều kiện phát triển khác nhau thì trong hệ thống đế quốc chủ nghĩa đã xuất hiện các "khâu yếu" (theo lời của Lenin là các "mắt xích yếu") và "cách mạng vô sản" có thể chiến thắng tại một trong các mắt xích yếu đó (Cách mạng vô sản là cách gọi khác của cách mạng xã hội chủ nghĩa và thuật ngữ giai cấp công nhân còn được gọi là giai cấp vô sản). Xây dựng liên minh công - nông, nhà nước Xô viết cũng là một luận điểm mới của Lenin. Lý luận của Lenin phản ánh một thực tế chủ nghĩa tư bản đã tạo ra các doanh nghiệp độc quyền và các doanh nghiệp này ảnh hưởng xấu đến xã hội cũng như có sự liên kết giữa nhà nước và các công ty độc quyền, hơn nữa nhà nước phải chiếm giữ các thị trường và các vùng nguyên liệu bên ngoài cho các công ty độc quyền do đó dẫn đến chiến tranh thế giới. Về sau, các nhà nước phương Tây đã đối phó với tình trạng độc quyền bằng cách ban hành các đạo luật chống độc quyền, chia nhỏ các công ty độc quyền như ở Mỹ hoặc quốc hữu hóa chúng như ở một số nước Châu Âu.



[Lenin](#) diễn thuyết trước sự ủng hộ của binh sĩ [Hồng quân](#) và nhân dân

Đây là điểm khác biệt lớn nhất của Lenin so với Marx và được những người theo [chủ nghĩa Marx-Lenin](#) xem là sáng tạo lý luận vĩ đại nhất trong kho tàng lý luận của chủ nghĩa cộng sản. Khi đề ra chủ nghĩa cộng sản, Marx không tin rằng xã hội cộng sản có thể hình thành trong tương lai gần và cũng chỉ phác thảo ra những nguyên lý cơ bản nhất của mô hình xã hội đó. Ông cũng không chỉ ra được cách tiến hành cách mạng như thế nào, các đặc trưng của cách mạng đó ra sao, sau cách mạng xây dựng xã hội mới thế nào. Còn với Lenin thì chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội, cách mạng xã hội chủ nghĩa đã là một thực tế và mọi nỗ lực của mình Lenin dành cho sự nghiệp đưa chủ nghĩa cộng sản vào cuộc sống. Có thể nói vai trò của Lenin đối với chủ nghĩa cộng sản là người cố gắng hiện thực hóa những ý tưởng của Marx.

Cũng giống như Marx, Lenin cũng cho rằng các [đảng cộng sản](#) phải là đảng của [giai cấp công nhân toàn thế giới](#) đấu tranh theo sự phối hợp chung vì sự nghiệp chung của vô sản trên toàn thế giới. Lenin cố sức cho cách mạng lật đổ giai cấp hữu sản "Người nô lệ nhận thức được tình cảnh nô lệ của mình và đấu tranh chống tình cảnh ấy là người cách mạng. Người nô lệ không nhận thức được sự nô lệ của mình, sống mòn mỏi trong cuộc đời nô lệ im lặng, vô ý thức và nhẫn nhục, thì chỉ thuần túy là một kẻ nô lệ...". Mâu thuẫn giai cấp là quan trọng, mâu thuẫn quốc gia - dân tộc là thứ yếu. Lenin thậm chí còn đi rất xa hơn nữa khi đưa ra khẩu hiệu "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng" trong [Chiến tranh thế giới thứ nhất](#): theo ý tưởng này thì chiến tranh đế quốc phi nghĩa do quý tộc phong kiến Nga phát động sẽ làm kinh tế đất nước kiệt quệ, người dân căm phẫn, giai cấp vô sản có thể nhân cơ hội hỗn loạn trong nước, chính quyền bị suy yếu để làm cách mạng vô sản.^[47] Khi quân đội [Sa hoàng](#) thất bại trên chiến trường Chiến tranh thế giới thứ nhất, các đảng viên Bolshevik nhân tình trạng rối loạn trong nước đã đi đầu làm cách mạng. Theo một số ý kiến, điều này trái với các khái niệm và tình cảm như tính tự tôn dân tộc, tinh thần yêu nước và vi phạm quyền lợi của quốc gia trong chiến tranh, điều này khiến một số người đương thời chỉ trích, như [Maxim Gorky](#) cho rằng "Lenin và Trotsky và những người theo họ đã bị đầu độc bởi nọc độc xấu xa của quyền lực. Bằng chứng của điều này là thái độ của họ đối với tự do ngôn luận và con người và tất cả những lý tưởng mà nền dân chủ đang đấu tranh vì chúng. Những kẻ cuồng tín mù quáng và những kẻ phiêu lưu mất trí đang chạy gấp rút với tốc độ tối đa tới một cuộc cách mạng - trên thực tế, đó là một con đường tới tình trạng vô chính phủ^[48] (tuy nhiên về sau Maxim Gorky đã thay đổi thái độ, ông ủng hộ Hồng quân trong nội chiến và có những tác phẩm ca ngợi công cuộc xây dựng đất nước của Liên Xô). Đây là nguyên nhân gây ra sự bất đồng lớn trong cộng đồng Marxist của các nước châu Âu tại [Quốc tế II](#): những người ủng hộ chính phủ trong Thế chiến I, coi thắng lợi trong chiến tranh cao hơn quyền lợi giai cấp và tư tưởng. Mặt khác nhiều nhà lý luận cánh tả tại Châu Âu cũng như tại Nga như [Rosa Luxemburg](#), [Karl Kautsky](#)... phản đối Lenin vì ông chủ trương xây dựng nhà nước chuyên chính vô sản và dùng bạo lực trấn áp các nhóm đối lập. Theo Lenin, việc trấn áp các đảng phái đối lập là để đảm bảo giai cấp tư sản, với nguồn tài chính hùng hậu, sẽ không thể lợi dụng việc tài trợ tiền bạc cho các đảng phái để giành lại chính quyền từ giai cấp vô sản, "Chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản là một chính quyền do giai cấp vô sản giành được và duy trì bằng bạo lực đối với giai cấp tư sản" và "Chuyên chính vô sản, nghĩa là việc tổ chức đội tiên phong của những người bị áp bức thành giai cấp thống trị để trấn áp bọn áp bức, thì không thể giản đơn đóng khung trong việc mở rộng

chế độ dân chủ được. Đồng thời với việc mở rộng rất nhiều chế độ dân chủ - lần đầu tiên biến thành chế độ dân chủ cho người nghèo, chế độ dân chủ cho nhân dân chứ không phải cho bọn nhà giàu - chuyên chính vô sản còn thực hành một loạt biện pháp hạn chế quyền tự do đối với bọn áp bức, bọn bóc lột, bọn tư bản^[13]. Kautsky bảo vệ điều mà ông gọi là "nền dân chủ thuần túy", còn Lenin cho rằng "chế độ dân chủ thuần túy chẳng qua chỉ là một câu nói giả dối của một kẻ thuộc phái tự do tìm cách lừa bịp công nhân"^[49]. Theo Lenin "Vấn đề chuyên chính vô sản là vấn đề thái độ của nhà nước vô sản đối với nhà nước tư sản, của chế độ dân chủ vô sản đối với chế độ dân chủ tư sản^[49]". Ông chủ trương thực hiện chuyên chính vô sản và xây dựng nền chủ vô sản mà theo ông "Chế độ dân chủ vô sản so với bất kỳ chế độ dân chủ tư sản nào cũng dân chủ gấp triệu lần. Chính quyền Xô-viết so với nước cộng hòa dân chủ nhất cũng gấp triệu lần^[19]". Những bất đồng này dẫn đến sự phân hóa trong phong trào cánh tả tại Châu Âu thành hai xu hướng [Dân chủ xã hội](#) và Cộng sản. Tại Nga, những người cộng sản Nga theo chủ nghĩa Lenin đã giao chiến và đánh bại những người dân chủ xã hội trong cuộc nội chiến còn tại Tây Âu các đảng cánh tả theo khuynh hướng dân chủ xã hội đã dập tắt các cuộc cách mạng do các đảng cộng sản Tây Âu phát động và cố gắng ngăn cản những người cộng sản nắm chính quyền cũng như ngăn chặn sự mở rộng của phong trào cộng sản trên thế giới.

Sau này, những người có quan điểm dân tộc chủ nghĩa bị quy kết là theo [chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi](#), trái với tinh thần của chủ nghĩa Marx-Lenin chân chính (Nguyễn Ái Quốc khi ở Quốc tế Cộng sản trong những năm 1920-1930 cũng bị cho là có quan điểm này). Tuy các đảng cộng sản đều chấp nhận lý luận của Lenin về đả phá chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi nhưng trong thực tế họ vẫn coi quyền lợi quốc gia dân tộc đứng trên quyền lợi của giai cấp, họ chỉ nhấn mạnh luận điểm này của Lenin khi nó không xâm phạm đến lợi ích của quốc gia họ.

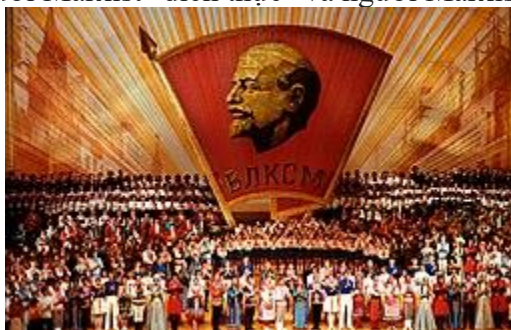
Lenin khi lý luận về khả năng thắng lợi của cách mạng tại một quốc gia đã đưa ra một ý tưởng mới rất khác lạ với Marx là hệ quả của điểm khác biệt lớn nhất của hai người - đó là khái niệm "cùng tồn tại hòa bình" (Мирное сосуществование): theo đó các đế quốc và các quốc gia xã hội chủ nghĩa cùng có thể tồn tại hòa bình với nhau (rất khác quan điểm của Marx rằng các nước tư bản nhất định sẽ tập hợp lại bóp chết cách mạng đến cùng), thậm chí có thể hợp tác trong một số lĩnh vực. Chủ nghĩa xã hội sẽ thắng lợi trên toàn thế giới thông qua "thi đua hòa bình" mà trong đó công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản sẽ là hình mẫu ưu thế của thế giới mới trước thế giới cũ và nhân dân cùng vô sản tại các nước tư bản còn lại sẽ tự đứng lên lật đổ chế độ đó.

Trong quan hệ đối với chủ nghĩa tư bản ngoài khái niệm "cùng tồn tại hòa bình" và "thi đua hòa bình" Lenin đưa vào lý luận [chủ nghĩa quốc tế vô sản](#) coi giai cấp vô sản toàn thế giới là vô biên giới và đều là anh em (như Hồ Chí Minh diễn giải: quan sơn muôn dặm là nhà, bốn phương vô sản đều là anh em): Vô sản tại các nước tư bản phải đấu tranh ủng hộ, đoàn kết với vô sản tại các nước xã hội chủ nghĩa đã thắng lợi để bảo vệ thành quả cách mạng, Vô sản tại các nước xã hội chủ nghĩa phải làm mọi cách cổ vũ giúp đỡ vô sản tại các nước tư bản vùng lên làm cách mạng vô sản. Việc giúp đỡ phát triển phong trào cộng sản ra toàn thế giới được xem là nghĩa vụ thiêng liêng và bắt buộc của các quốc gia cộng sản, để phối hợp hành động của các đảng cộng sản và lãnh đạo đấu tranh của vô sản toàn thế giới Lenin cho thành lập [Quốc tế Cộng sản](#) (Communist international) hay [Quốc tế III](#) trụ sở tại [Moskva](#) sau khi cách mạng tháng 10 Nga thành công. Từng đảng cộng sản được phân công trong từng khu vực của thế giới có trách nhiệm phát triển cách mạng

trong khu vực của mình. Mọi hành động của phong trào cộng sản đều được lãnh đạo điều phối từ đây khi Quốc tế Cộng sản còn hoạt động.

Một lý luận mới của Lenin có ảnh hưởng tích cực ở thời kỳ rối ren trong [Nội chiến Nga](#), song về lâu dài khi nó bị các thể hệ lãnh đạo sau này áp dụng máy móc thì lại gây tai hại đối với các hoạt động của các đảng cộng sản và quốc gia cộng sản sau này là lý luận về "tính đảng", "tính giai cấp" của mọi hiện tượng trong đời sống xã hội (mọi hiện tượng xã hội đều có tính đảng, tính giai cấp): Nghĩa là mọi hiện tượng đều phải được phân tích rõ ra: nó làm lợi cho ai trong cuộc [đấu tranh giai cấp](#), và trên cơ sở đó khẳng định tính "địch - ta" của hiện tượng đó, và Lenin đưa ra một công thức xác định chân lý như sau: "Miễn là có lợi cho sự nghiệp đấu tranh của giai cấp vô sản thì đều là chính nghĩa, có hại cho cuộc đấu tranh đó thì đều là phi nghĩa." Luận điểm mang tính ứng phó trước tình hình chiến tranh này của Lenin, khi được các thể hệ lãnh đạo sau đó áp dụng máy móc đã trở nên phản tác dụng: lý luận được diễn giải vô nguyên tắc miễn sao phù hợp với lợi ích trước mắt, cơ sở để đánh giá "đúng - sai" trở nên mâu thuẫn giữa các lãnh đạo, khiến người ta có thể chỉ ra rất nhiều kẻ thù và sử dụng quan điểm này vào việc quy kết bừa bãi kẻ thù của cuộc [đấu tranh giai cấp](#) và không loại trừ bị các cá nhân cầm quyền lợi dụng vào việc triệt hạ đối thủ chính trị. Chính từ lý luận về "tính đảng", "tính giai cấp" lý luận về mô hình kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Marx đã bắt đầu trở thành một lý luận chính trị, công cụ để minh họa cho các nhà lãnh đạo của [đảng cầm quyền](#). Người ta lạm dụng lý luận về "tính đảng", "tính giai cấp" của Lenin đến mức dùng nó để đánh giá các hoạt động tinh thần như tư tưởng, học thuật, văn học, nghệ thuật dẫn đến quy kết, gán ghép tùy tiện, bừa bãi cho các sản phẩm trí tuệ mang bản chất, là sản phẩm của một giai cấp nào đó.

Nếu nói đến Lenin và chủ nghĩa cộng sản hiện thực (mô hình Liên Xô) thì ấn tượng lớn nhất là khái niệm "[chuyên chính vô sản](#)". Chuyên chính vô sản theo định nghĩa của Lenin là chức năng của nhà nước vô sản trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội để trấn áp kiên quyết mọi sự chống đối của giai cấp tư sản vừa bị đập tan, tiến hành [đấu tranh giai cấp](#) để củng cố thành quả của cách mạng. Nhưng điểm đặc trưng của chuyên chính vô sản là nó không bị phụ thuộc vào các quy tắc pháp luật hay giới hạn về đạo đức, tôn giáo của xã hội đương thời, mà Lenin và các người kế tục mình gọi các quy chuẩn đạo đức đó là "đạo đức tiểu tư sản" (Буржуазные морали, Bourgeoisie morals) không cần thiết phải tuân thủ. Lenin đặc biệt đề cao tính cương quyết sắt đá chống lại kẻ thù cách mạng, ông đề cao [Maximilien Robespierre](#) và những người Jacobins của [Cách mạng Pháp](#) và coi sự hy sinh nhân mạng lớn lao của [Triều đại Khủng bố](#) trong Cách mạng Pháp 1789 là hệ quả tất yếu của một quá trình vĩ đại. Ông xem chuyên chính vô sản là "hòn đá thử vàng" để nhận ra người Marxist "đích thực" và người Marxist giả danh.



Chân dung Lenin tại lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Đoàn thanh niên cộng sản Lenin

Với tư duy thực tế, sau nội chiến Lenin đề ra "[Chính sách kinh tế mới](#) - NEP" (НЭП - Новый экономический план) cho phép sử dụng các cơ chế kinh tế tư bản chủ nghĩa kêu gọi đầu tư của tư bản trong nước và nước ngoài trong sự kiểm soát, dẫn hướng của nhà nước xã hội chủ nghĩa (theo thuật ngữ ngày nay đây chính là "[kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa](#)"). Theo đó, tư nhân được mở các xí nghiệp nhỏ, được phép tự do mua bán nguyên liệu, nông dân tự do mua bán nông sản, mở chợ và cho nước ngoài thuê xí nghiệp, khai thác hầm mỏ. Nhà nước Liên Xô chỉ nắm độc quyền các ngành kinh tế chủ chốt như công nghiệp nặng, giao thông vận tải, ngân hàng, ngoại thương^[50]. Chỉ trong thời gian ngắn, chính sách này đã nhanh chóng vực nước Nga từ bờ vực phá sản và chết đói về mức kinh tế trước chiến tranh, làm tiền đề để Stalin thực hiện công nghiệp hoá sau này. Mô hình các cuộc [cải cách kinh tế](#) của [Trung Quốc](#) và [Việt Nam](#) trong những năm 1970 - 1980 và tiếp diễn cho đến hiện nay đã tham khảo và tương tự chính sách kinh tế mới mà Lenin cho tiến hành từ hơn nửa thế kỷ trước^[51].

Cũng chính Lenin đã đưa ra ý tưởng tạo ra [chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước](#) ở nước Nga. Lenin đã coi kinh tế chủ nghĩa tư bản nhà nước là điều kiện cần thiết để chuyển sang chủ nghĩa xã hội ở một nước còn trong tình trạng tiểu nông như nước Nga thời bấy giờ. Cơ chế này không phải là cơ chế đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, mà là cho [thời kỳ quá độ](#) xây dựng cơ sở vật chất để đi lên chủ nghĩa xã hội^[52]. Ngoài ra, để công nghiệp hóa, hiện đại hóa Liên Xô ông chủ trương "Dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài: Chính quyền Xô viết + trật tự ở đường sắt Phổ + kỹ thuật và cách tổ chức các [Tơ-rốt](#) ở Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ +... = tổng số = [chủ nghĩa xã hội](#)". Thực tế phát triển của Liên Xô sau này cho thấy ý tưởng của Lenin sử dụng chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước để xây dựng nền tảng kinh tế cho chủ nghĩa xã hội không phải là ý tưởng phi lý và đã phát huy tác dụng tốt. Marx xem chủ nghĩa cộng sản là sự tiến hóa của xã hội loài người còn Lenin xem đó là thứ cần phải tạo ra. Ông chỉ trích những người dân chủ xã hội Nga là giáo điều vì họ có quan điểm trung thành với chủ nghĩa Marx.^[53] Đó là sự khác biệt lớn nhất giữa Lenin và Marx. Có thể nói Lenin đã điều chỉnh chủ nghĩa Marx vì mục tiêu chính trị của ông.

Sau khi Lenin qua đời, Stalin đã chấm dứt chính sách Kinh tế mới (NEP) và chuyển nền kinh tế, xã hội sang phương thức nhà nước sở hữu toàn bộ hệ thống tư liệu sản xuất và chỉ huy toàn diện nền kinh tế theo ý tưởng của Lenin, tuy nhiên Stalin đã thực hiện việc này trên tất cả các lĩnh vực kinh tế chứ không chỉ giới hạn trong một số lĩnh vực quan trọng.

[Chủ nghĩa Stalin](#)

Thuật ngữ chủ nghĩa Stalin (Stalinism) thường để chỉ về cung cách lãnh đạo xã hội và xây dựng [nhà nước xã hội chủ nghĩa](#), phong cách cá nhân và ảnh hưởng từ phong cách đó của Stalin (Иосиф Виссарионович Джугашвили - Сталин [Iosif Vissarionovich Stalin](#)) tại Liên Xô bao gồm kỹ nghệ hóa nhanh chóng, lý thuyết của Xã hội chủ nghĩa trong một quốc gia (đổi lập với [chủ nghĩa Trotsky](#)), một nhà nước tập trung quyền lực, hợp tác xã hóa nông nghiệp, đặt quyền lợi của các Đảng Cộng sản ngoại quốc dưới lợi ích của [Đảng Cộng sản Liên Xô](#) - được những người ủng hộ chủ nghĩa này coi là tiên phong nhất trong

cuộc cách mạng cộng sản vào thời kỳ đó^[54]. Là người lãnh đạo Liên Xô kế tục Lenin trong một thời gian dài nên ảnh hưởng của Stalin trong các đảng và các quốc gia cộng sản là rất lớn.

[Lenin](#) là người đầu tiên phát biểu lý luận về khả năng thành công của [cách mạng vô sản](#) và xây dựng chủ nghĩa cộng sản trong một nước, [Stalin](#) là người tích cực bảo vệ luận điểm này của Lenin vì đây là cuộc đấu tranh lý luận gay gắt giữa hai phe của Stalin và [Trotsky](#). [Chủ nghĩa Trotsky](#) đòi hỏi phát triển cách mạng không ngừng đưa cách mạng ra các nước khác và cuối cùng là cách mạng thế giới (quả thật sau [Chiến tranh thế giới thứ nhất](#) đã có một cuộc cách mạng tại [Đức](#) và [Hungary](#) nhưng đều bị dập tắt nhanh chóng), chỉ có thể xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản khi giai cấp vô sản đã nắm chính quyền ở hầu hết các nước văn minh nhất; còn phái Stalin cho rằng có thể xây dựng chủ nghĩa cộng sản tại nước Nga trong khi cách mạng vô sản chưa thành công ở các nước còn lại.

Stalin trong tác phẩm "Bàn về vấn đề dân tộc" đã lý luận rằng "Có thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản tại các dân tộc chưa phát triển chưa trải qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa, trong xã hội chưa có giai cấp công nhân nếu có sự giúp đỡ của giai cấp công nhân Nga làm đầu tàu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản". Đây là luận điểm của Stalin để lý luận về khả năng thắng lợi của chủ nghĩa xã hội tại Liên Xô, nơi có nhiều dân tộc còn đang lạc hậu trong thuộc địa cũ của [đế quốc Nga](#), và điều này là cơ sở lý luận để những người cộng sản ở một số nước thuộc địa khác như Việt Nam làm cách mạng xã hội chủ nghĩa "từ một nước thuộc địa nghèo nàn, nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa".

Về mặt chính trị, chủ nghĩa Stalin đặc trưng bởi nhà nước tập quyền cao độ gắn liền với đảng, trong đó đảng kiểm soát lập pháp, hành pháp, tư pháp, công đoàn và mọi chức năng nhà nước và xã hội khác, trong đó lãnh tụ đảng có quyền hạn rất lớn. [Hannah Arendt](#) cho rằng Liên Xô dưới thời Stalin lẫn nước Đức dưới thời Hitler đều là những [nhà nước toàn trị](#) trong đó nhà nước cố gắng động viên toàn thể dân chúng đoàn kết trong việc hỗ trợ hệ tư tưởng, các mục tiêu của nhà nước đi kèm với sự trấn áp không khoan nhượng đối với những hoạt động đi ngược lại mục tiêu của nhà nước; đồng thời là sự kiểm soát toàn diện các cơ quan quyền lực nhà nước (lập pháp, hành pháp, tư pháp, công an, quân đội...); sự điều khiển của nhà nước đối với các tổ chức quần chúng như công đoàn lao động, các cơ quan truyền thông đại chúng, các cơ sở học thuật, các cơ sở tôn giáo như nhà thờ, các tổ chức chính trị như là các đảng phái chính trị.^[55] Do nhu cầu công nghiệp hóa nhanh chóng để đối phó với phương Tây và nhất là có thể sống sót trong một cuộc [chiến tranh thế giới](#) mới nên Stalin chọn giải pháp xây dựng nhà nước toàn trị, đàn áp mọi khuynh hướng chính trị đối lập với ông trong [Đảng Cộng sản Liên Xô](#) nhằm tập trung mọi nguồn lực cho sự nghiệp [công nghiệp hóa](#). Mô hình nhà nước toàn trị đã được Stalin tạo ra để có thể huy động tối đa các nguồn lực cho sự nghiệp [công nghiệp hóa](#), hiện đại hóa Liên Xô. Trong điều kiện của Liên Xô khi đó, chế độ toàn trị cùng việc quốc hữu hóa phần lớn tư liệu sản xuất là cách duy nhất để có thể thay thế sự tiến hóa tự nhiên của nền kinh tế bằng sự phát triển mang tính nhân tạo dưới những kế hoạch kinh tế. Sau khi Liên Xô chiến thắng trong [Thế chiến thứ II](#) và trở thành siêu cường, mô hình nhà nước này của Stalin được nhiều nước coi là một giải pháp hay trong việc huy động nguồn lực xã hội cho những mục tiêu lớn của đất nước, nó được truyền bá ra khắp thế giới, sang những quốc

gia phương Đông như [Trung Quốc](#), [Việt Nam](#), [Bắc Triều Tiên](#), [Mông Cổ](#)... và còn tồn tại đến ngày nay. Ngay cả những nhà nước có tư tưởng [chống công](#) như [Hàn Quốc](#) thời [Park Chung Hee](#), [Đài Loan](#) thời [Trương Giới Thạch](#), [Singapore](#) thời [Lý Quang Diệu](#) cũng áp dụng mô hình này để huy động tối đa các nguồn lực cho mục tiêu phát triển kinh tế. Tuy nhiên, ở các giai đoạn sau, nếu các lãnh đạo kế nhiệm không đủ khả năng đưa ra các chính sách mới để có thể tiếp tục sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để tạo ra tăng trưởng kinh tế thì mô hình này cũng không còn ý nghĩa, đây là điều đã diễn ra ở Liên Xô trong giai đoạn trì trệ thập niên 1980. Đây là một trong những nguyên nhân khiến Liên Xô sụp đổ và mô hình kinh tế Stalinist lẫn mô hình nhà nước toàn trị không thể tiếp tục tồn tại ở nước Nga (trừ một số lĩnh vực nhà nước Nga hiện vẫn nắm độc quyền như công nghiệp quốc phòng, hạt nhân và vũ trụ). Tuy sau này nhiều người chỉ trích chế độ toàn trị do Stalin tạo ra, các biện pháp chính trị cứng rắn cùng chính sách công nghiệp hóa quyết liệt của ông nhưng nếu Liên Xô không công nghiệp hóa nhanh chóng dưới sự lãnh đạo của Stalin thì người Nga và các dân tộc khác ở Liên Xô có lẽ đã bị diệt chủng trong thế chiến thứ II.

Đặc biệt Stalin có một luận điểm gây nhiều hậu quả cho xã hội Liên Xô là luận điểm "Tăng cường [đấu tranh giai cấp](#)" cho rằng sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa cộng sản càng thắng lợi thì các mâu thuẫn trong lòng nó giữa giai cấp vô sản và tàn tích của giai cấp tư sản càng gia tăng, do đó càng cần phải đẩy mạnh [đấu tranh giai cấp](#) để tiêu diệt sạch các tàn tích đó. Đây là luận điểm tạo cơ sở lý luận để Stalin tiến hành các cuộc thanh lọc trong nội bộ đảng, nhà nước và xã hội để loại bỏ bất cứ một hành vi hoặc ý định nào được xem là suy đồi, phản cách mạng. Stalin sử dụng lý luận này và bằng các biện pháp như bắt giam, đày đến các trại tập trung, xử bắn để loại bỏ các thành phần bị xem là phản động, phản cách mạng, kẻ thù của nhân dân mà trước hết là những đối thủ chính trị của ông trong ban lãnh đạo Liên Xô. Mặt tích cực của lý luận này nào nó giúp duy trì kỷ luật xã hội và sự liêm chính của cán bộ Nhà nước ở mức khá cao, nạn lợi dụng chức quyền để [tham nhũng](#) dưới thời Stalin là rất ít, nhưng mặt tiêu cực là trong nhiều trường hợp sự thanh lọc đã đi quá mức khi áp dụng vào thực tế, gây ra thiệt hại cho hệ thống chính trị và xã hội. Theo ủy ban Schatunowskaja, điều tra theo lệnh của [Nikita Sergeevich Khrushchiov](#) thì từ 1/1/1935 cho tới tháng 7/1940, an ninh Liên Xô đã cho thẩm vấn 19.840.000 người; 7 triệu trong số đó bị xét xử với các tội danh khác nhau, trong đó khoảng hơn 700 ngàn đã bị kết án tử hình với các tội danh gián điệp, phá hoại, tham nhũng hoặc một nhãn hiệu nào đó như "kẻ thù của nhân dân", "kulak"...^[56]. Sự lãnh đạo cứng rắn của Stalin bắt nguồn từ 2 nguyên nhân: đầu tiên là truyền thống chuyên chế lâu đời của nước Nga, kết hợp với quan điểm "đấu tranh giai cấp" của Marx và chủ nghĩa "anh hùng sáng tạo lịch sử" của người dân Nga, kết hợp với kinh nghiệm từ những cuộc cách mạng và chiến tranh đầy bạo lực ở Châu Âu và Châu Mỹ (vốn là đặc trưng trong thời kỳ này). Thứ hai là việc Liên Xô thời kỳ này bị bao vây bởi các nước phương Tây, phải liên tục đối phó với các kế hoạch lật đổ của nước ngoài, cần phải có chính sách tập quyền cao độ để không bị tiêu diệt. Có nhận xét rằng, về cơ bản, chính sách này là phù hợp với tình hình Liên Xô cũng như bối cảnh chính trị thế giới lúc đó^[57].

Về mặt kinh tế, trái ngược với [chính sách kinh tế mới](#) của [Lenin](#), chủ nghĩa Stalin đặc trưng bằng sự xóa bỏ thẳng thừng nền [kinh tế thị trường](#), đưa nền kinh tế sang một mô hình tập trung quan liêu cao độ, mọi phương tiện sản xuất đều nằm trong tay nhà nước thông qua chỉ hai hình thức "sở hữu toàn dân" và "sở hữu tập thể". Sau khi Lenin qua đời, [chính sách kinh tế mới](#) (HƏII) bị bãi bỏ. Mọi công ty, nhà xưởng tư nhân đều bị

đóng cửa, toàn bộ nền kinh tế được điều hành rất nghiêm ngặt. Liên Xô liên tiếp tiến hành các kế hoạch 5 năm, kế hoạch 7 năm để thực hiện "[công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa](#)" trong công nghiệp và "tập thể hóa nông nghiệp" cưỡng bức. Bằng những kế hoạch kinh tế ngắn hạn 5-7 năm, Stalin đã đưa Liên Xô trở thành nước công nghiệp trong một khoảng thời gian ngắn chưa từng có trong [lịch sử thế giới](#). Stalin làm được điều này bằng cách sử dụng khả năng tạo ra tỷ lệ tiết kiệm lớn, tập trung các nguồn lực cho mục tiêu công nghiệp hóa là ưu thế của nền kinh tế kế hoạch kết hợp với kỷ luật lao động cứng rắn cùng các biện pháp động viên khen thưởng để kích thích tăng năng suất lao động và hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch kinh tế. Stalin đã dùng cuộc [Đại thanh trừng](#) để loại bỏ những quan chức quan liêu, tham nhũng, vô trách nhiệm trong bộ máy nhà nước nhằm đạt được hiệu quả quản trị xã hội cũng như quản lý kinh tế cao nhất. Đây cũng là một cách để ông giải quyết [vấn đề ông chủ và người đại diện](#) đi kèm với mô hình kinh tế Stalinist. Sau khi Stalin mất, do đạo đức, tinh thần trách nhiệm của công chức trong bộ máy nhà nước Liên Xô không còn bị kiểm soát chặt như trước nên vấn đề ông chủ và người đại diện ngày càng trở thành một vấn đề lớn đối với nền kinh tế Liên Xô.



Nhà máy thủy điện Dnepr được xây dựng năm 1927, đây là đập thủy điện lớn nhất [châu Âu](#) khi đó và được ca ngợi là một trong những thành tựu lớn nhất của chương trình công nghiệp hóa Liên Xô.

Các nhà kinh tế học khi nghiên cứu nghiêm túc nguồn gốc sự phát triển của nền kinh tế Liên Xô thấy rằng sự phát triển đó khá ấn tượng nhưng không có gì thần bí. Sản lượng của nền kinh tế Xô Viết phát triển nhanh chóng có thể giải thích bằng sự phát triển nhanh của những yếu tố đầu vào của nền sản xuất như số việc làm tăng, giáo dục phát triển và trên tất cả là đầu tư khổng lồ vào tư liệu sản xuất. Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Liên Xô dựa hoàn toàn vào [tiết kiệm](#), bằng cách hy sinh sự hưởng thụ hiện thời cho lợi ích đạt được trong tương lai.^[58] Theo nghiên cứu của Mankiw, Romer và Weil, tỷ lệ tiết kiệm cao sẽ dẫn đến thu nhập cao hơn trong tình trạng kinh tế ổn định đồng thời làm tăng vốn con người cũng như tăng năng suất của nền kinh tế^[59]. Việc tập trung các nguồn lực để phát triển công nghiệp nặng đã tạo ra nền tảng kỹ thuật cho Liên Xô từ đó dựa trên nền tảng này công nghiệp nhẹ và nông nghiệp cũng phát triển nhờ vào việc cơ giới hóa và tự động hóa, cải tiến kỹ thuật làm tăng năng suất lao động. Hơn nữa Liên Xô công nghiệp hóa sau các nước phương Tây nên họ có thể học hỏi những công nghệ mới nhất từ phương Tây bằng việc thuê các chuyên gia phương Tây. Kết quả là dưới thời Stalin, có những năm Liên Xô đã đạt tỷ lệ tăng trưởng lên tới 30%, tốc độ nhanh chưa từng thấy trong lịch sử thế giới ở thời kỳ đó, và sau này cũng chỉ có một số ít nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan lặp lại được thành tích này vào thập niên 1960 bằng cách thực hiện những biện pháp kinh tế tương tự với những biện pháp mà Stalin đã thực hiện^{[58][60]}. Dưới sự lãnh đạo của Stalin, Liên Xô đã công nghiệp hóa trong một khoảng thời gian ngắn chưa từng có tiền lệ. Trong lịch sử, nước Anh cần 200 năm để trở thành một nước công

nghiệp, nước Mỹ cần 120 năm, Nhật Bản cần 40 năm. Trong khi đó, Liên Xô chỉ cần 18 năm để hoàn thành về cơ bản quá trình công nghiệp hóa của mình. Nghĩa là Liên Xô chỉ cần một thế hệ để công nghiệp hóa. Đây là tốc độ công nghiệp hóa nhanh nhất mà thế giới từng ghi nhận. Tuy nhiên tăng trưởng kinh tế dựa vào tăng thêm tư liệu sản xuất và số việc làm chỉ có tác dụng trong ngắn hạn vì [quy luật hiệu suất giảm dần](#), tương ứng với việc Stalin đã lập ra những kế hoạch kinh tế ngắn hạn. Trong dài hạn chỉ có cải tiến kỹ thuật sản xuất mới có thể tạo ra tăng trưởng kinh tế.

Thành công của Liên Xô ấn tượng đến mức nhà kinh tế học [Paul Samuelson](#), người đoạt [giải Nobel kinh tế](#) năm 1970, đã viết trong một cuốn sách giáo khoa kinh tế được sử dụng rộng rãi ở các trường đại học hàng đầu phương Tây rằng nền kinh tế Liên Xô ưu việt hơn chủ nghĩa tư bản tại phương Tây và Liên Xô sẽ vươn lên hàng đầu thế giới về mặt kinh tế. Acemoglu và Robinson cho rằng Liên Xô đã tái phân bố lao động từ lĩnh vực nông nghiệp lạc hậu có năng suất thấp sang lĩnh vực công nghiệp có năng suất cao hơn nên đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế đáng kể dù chính bản thân ngành công nghiệp của Liên Xô được tổ chức hiệu quả thấp hơn so với mức đáng ra có thể đạt được. Nhưng trong các ngành công nghiệp nặng, năng suất có thể tăng cao đến mức nền kinh tế chỉ huy của Liên Xô đã tạo ra mức tăng trưởng cao.^[61] Các kế hoạch kinh tế hình thành dưới sự chỉ đạo của Stalin khá linh hoạt, có thể điều chỉnh tùy theo tình hình trong lúc thực hiện chứ không cứng nhắc. Liên Xô còn áp dụng chế độ khen thưởng khá cao như thưởng 37% lương cho ban quản lý và kỹ sư cao cấp nếu đạt chỉ tiêu sản lượng được giao nhưng điều này dẫn đến việc người ta duy trì thành tích thấp hơn khả năng tối đa để đạt chỉ tiêu và được khen thưởng (vì nếu thành tích cao hơn chỉ tiêu quá nhiều thì năm sau nhà nước sẽ nâng chỉ tiêu lên cao hơn nữa). Hơn nữa chỉ tiêu thời đó dựa trên sản lượng nên các nhà máy không chú ý đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm, vì thế Liên Xô phải áp dụng thêm cơ chế thưởng cho những phát minh, cải tiến kỹ thuật. Bên cạnh đó kỷ luật lao động hết sức cứng rắn như chỉ cần 20 phút vắng mặt trong giờ làm việc không có lý do chính đáng, hoặc cố ý chây lười thì sẽ bị truy tố hình sự, bị buộc lao động cải tạo 6 tháng hay giảm 25% lương.^[62] Đặc biệt, trong giai đoạn [Thế chiến thứ 2](#) (1941-1945), do Liên Xô cần động viên mọi nguồn lực cho quốc phòng, việc phá hoại sản xuất được coi là tội nặng, gây hậu quả nghiêm trọng sẽ bị xử tử hình^[63] Từ năm 1940 đến 1955 có 36 triệu lượt vi phạm bị xử lý, trong đó 15 triệu người từng bị giam giữ và 250.000 người bị tử hình vì các tội danh liên quan đến phá hoại sản xuất^[62]. Ngoài ra sự thành công của Liên Xô dưới thời Stalin còn có sự đóng góp của những yếu tố đặc trưng của nước Nga như lãnh thổ rộng lớn, giàu tài nguyên; tầng lớp trí thức còn sót lại từ thời Sa Hoàng có văn hóa cao; sự siêng năng, ham hiểu biết, chính trực và những nỗ lực vượt bậc của người Nga... Nếu không có những yếu tố này thì mọi chính sách, biện pháp kinh tế của Stalin đều không phát huy được tác dụng.



Nhà máy sản xuất máy kéo Chelyabinsk thập niên 1930. Năm 1940, nhà máy sản xuất 100.000 máy kéo, và trong 4 năm thế chiến đã sản xuất 18.000 xe tăng cho Hồng quân

Các nhà lý luận của chủ nghĩa Stalin và của các quốc gia cộng sản sau này coi kinh tế tập trung - kế hoạch hoá, công nghiệp hóa và tập thể hóa là các thắng lợi to lớn là đóng góp lý luận vĩ đại của Stalin trong lý luận cộng sản chủ nghĩa. Ưu thế của hình thức kinh tế này được dẫn ra như đó là nền tảng để đảm bảo thắng lợi trong [Chiến tranh vệ quốc vĩ đại](#) và bất cứ một quốc gia nào sau này theo chủ nghĩa xã hội thì cũng đều đi theo mô hình kinh tế này. Tuy nhiên, mô hình kinh tế này không giải quyết được vấn đề lao động của người công nhân bị tha hóa mà nhà nước đã thay thế vai trò của nhà tư bản do đó người công nhân lẫn toàn thể xã hội chưa được giải phóng khỏi "chế độ nô dịch con người bao hàm trong quan hệ của công nhân với sản xuất và vì mọi quan hệ nô dịch chỉ là những biến thể và kết quả của quan hệ ấy" như Marx mong muốn. Mô hình kinh tế Stalinist thực chất là [chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước](#)^{[64][65][66]} mà theo quan điểm của Lenin "Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội, là phòng chờ đi vào chủ nghĩa xã hội^[67]" và "chủ nghĩa tư bản nhà nước là cái gì có tính chất tập trung, được tính toán, được kiểm soát và được xã hội hoá^[67]", trong đó nhà nước là nhà tư bản duy nhất sở hữu phần lớn tư liệu sản xuất của xã hội. Lenin cho rằng "Không có kỹ thuật đại tư bản chủ nghĩa được xây dựng trên những phát minh của khoa học hiện đại, không có một tổ chức Nhà nước có kế hoạch khiến cho hàng chục triệu người phải tuân theo một cách nghiêm ngặt một tiêu chuẩn thống nhất trong việc sản xuất và phân phối sản phẩm thì không thể nói chủ nghĩa xã hội được"^[19]. Mục tiêu của Stalin khi tập trung tư liệu sản xuất dưới sự kiểm soát của nhà nước là công nghiệp hóa, hiện đại hóa Liên Xô, xây dựng nền tảng vật chất cho chủ nghĩa xã hội, hoàn toàn khác với mục tiêu của Marx là giải quyết các vấn đề của thị trường để xây dựng một xã hội nhân văn, hợp lý và tự do hơn.

Nhà nghiên cứu [Howard K. Smith](#) cho biết:
"Stalin đã làm được nhiều việc để thay đổi thế giới trong nửa đầu của thế kỷ này hơn bất kỳ người nào khác, những người sống cùng thời đó. Ông đã tạo cho nước Nga một quyền lực to lớn, [nhà nước xã hội chủ nghĩa](#) đầu tiên trên thế giới... Ông đã làm thay đổi toàn bộ thái độ của phương Tây đối với người lao động". Năm 1928, Liên Xô là một quốc gia gồm phần lớn là nông dân lạc hậu, bao quanh bởi một thế giới toàn những kẻ thù. Khi Stalin qua đời, ông để lại đất nước có sức mạnh công nghiệp đứng thứ hai thế giới. [Chủ nghĩa xã hội](#) đã chuyển đổi sự nghèo đói thành những xã hội hiện đại, trong đó tất cả mọi người đều có đủ thức ăn, quần áo, và nhà ở; nơi người cao tuổi có lương hưu an toàn; và nơi mà tất cả trẻ em (và nhiều người lớn) được đi học và không ai bị từ chối chăm sóc y tế. Howard K. Smith lưu ý rằng: Tất cả các ý tưởng điều tiết nền kinh tế của chính phủ các nước phương Tây, từ "[New Deal](#)" ở Mỹ cho tới "[nhà nước phúc lợi](#)" ở Anh, đều được phát triển trong cuộc cạnh tranh với các Kế hoạch 5 năm của Stalin^[68].



[Nhà máy điện hạt nhân Obninsk](#) do Liên Xô xây dựng năm 1950 là nhà máy điện hạt nhân đầu tiên trên thế giới

Sự lớn mạnh của Liên Xô đã tạo sức ép cạnh tranh rất lớn đối với các nước phương Tây. Do sức hút từ mô hình [phúc lợi xã hội](#) của Liên Xô, trong nội bộ các nước phương Tây nổ ra nhiều phong trào đòi quyền lợi cho người lao động, đòi tăng lương và giảm giờ làm, chống sa thải tùy tiện... Các đảng phái cánh tả tại phương Tây nhận được sự ủng hộ rộng rãi của công chúng nhờ những cương lĩnh cải cách xã hội theo hướng tăng phúc lợi xã hội, giảm bất công và bất bình đẳng, mở rộng dân chủ. Để thu hút cử tri, các đảng phái cánh hữu cũng phải đưa những chính sách tương tự vào chương trình hành động của mình. Điều này dẫn đến việc chính phủ các nước phương Tây dù do cánh hữu hay cánh tả lãnh đạo cũng phải đề ra những biện pháp cải tổ kinh tế, tăng ngân sách [an sinh xã hội](#) cho y tế, giáo dục, tăng quyền lợi cho người lao động... để làm dịu đi những mâu thuẫn nội bộ. Trong thập niên 1970, ở một số nước phương Tây như [Đức](#), [Thụy Điển](#), [Phân Lan](#)... đã hình thành những kiểu [Nhà nước xã hội](#) với mô hình [kinh tế thị trường xã hội](#), các nước này vẫn áp dụng kinh tế thị trường nhưng Nhà nước đề ra các chính sách [an sinh xã hội](#) rộng khắp để làm giảm đi những khiếm khuyết và bất công của chủ nghĩa tư bản đồng thời làm giảm sức hấp dẫn của mô hình xã hội chủ nghĩa do Liên Xô tạo ra. Có thể nói rằng: trong cuộc chạy đua với Liên Xô, nhiều nước phương Tây cũng phải tự biến đổi mình, giảm bớt sự bất công xã hội và người lao động đã có quyền lợi tốt hơn so với trước. Đó là sự đóng góp về [tiền bộ xã hội](#) mà Liên Xô đã trực tiếp hay gián tiếp tạo ra cho nhân loại.

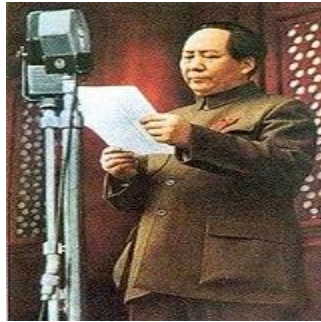
Ngoài ra Stalin còn có các tác phẩm về đề tài quân sự và được những người cộng sản quy cho là nhà tư tưởng quân sự lớn đã tổng kết và đưa ra học thuyết quân sự của chủ nghĩa xã hội. Stalin cho rằng quy luật và nghệ thuật chiến tranh của giai cấp vô sản phải khác xa so với quy luật và nghệ thuật quân sự tư sản. Trong các tác phẩm này (thường viết trước [Chiến tranh thế giới thứ hai](#)) Stalin lý luận về xây dựng lực lượng vũ trang về sự lãnh đạo chính trị trong các lực lượng vũ trang, trong đó xác định quân đội là quân đội của đảng, chịu sự quản lý trực tiếp từ đảng. Stalin lý luận về mối quan hệ của tiến công và phòng ngự, cho rằng học thuyết quân sự của giai cấp vô sản phải là tiến công không ngừng, phòng ngự là tạm thời, tiến công là chủ yếu, khẳng định tính tất thắng của giai cấp vô sản một khi có chiến tranh. Bàn về mối quan hệ chiến lược - chiến thuật. Ngoài ra còn bàn về một số vấn đề nghệ thuật chiến tranh như nghệ thuật giành quyền làm chủ trên không, cách sử dụng pháo binh tập trung trên chiến trường... Thực tế thất bại to lớn trong thời gian đầu của "Chiến tranh vệ quốc vĩ đại" cho thấy có những sai lầm trong luận điểm quân sự của Stalin, nhưng nhiều luận điểm khác của Stalin như việc Nhà nước phải huy động tổng lực nền kinh tế chỉ huy cho các nỗ lực sản xuất vũ khí, coi trọng sự phát triển của vũ khí cơ giới... đã được thực tiễn chứng minh là đúng.

Có thể nói chủ nghĩa Stalin đóng một vai trò rất quan trọng trong lý luận cộng sản và mô hình kinh tế - xã hội do Stalin xây dựng là mô hình tiêu biểu cho thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các quốc gia khác nhau. Liên Xô sau này tuy chống tể sùng bái cá nhân Stalin nhưng vẫn tiếp tục phát triển theo mô hình kinh tế do Stalin đề ra cho đến khi tan rã và từ bỏ chủ nghĩa cộng sản.^[69]

Thành công của Liên Xô thời Stalin đã thúc đẩy nhiều quốc gia trên thế giới chọn mô hình kinh tế xã hội Stalinist hoặc chịu ảnh hưởng của mô hình này^[70]. Việc xây dựng các

kế hoạch kinh tế ngắn hạn, tập trung các nguồn lực để phát triển các ngành công nghiệp quan trọng, phát triển các hình thức kinh tế hợp tác (kinh tế tập thể)... đã được nhiều nước theo các chế độ chính trị khác nhau học hỏi trong đó có cả những chính phủ chống Cộng nhất như [Việt Nam Cộng hòa](#), [Hàn Quốc](#), [Đài Loan](#)... Một số nước Đông Bắc Á đã sử dụng một biến thể của [chủ nghĩa tư bản nhà nước](#) để phát triển quốc gia trong đó nhà nước hỗ trợ cho các công ty lớn phát triển, ngược lại các công ty này phải ủng hộ nhà nước và thực hiện các mục tiêu kinh tế - chính trị do nhà nước đề ra; thậm chí nhà nước còn thành lập các công ty lớn để phát triển một số ngành công nghiệp mà nhà nước muốn ưu tiên. Sự phát triển của các nước Đông Bắc Á có vai trò nổi bật của nhà nước trong đó nhà nước là người hỗ trợ cho các doanh nghiệp và định hướng cho nền kinh tế. Các nước này đã đi ngược lại với ý thức hệ về thị trường tự do không cần sự can thiệp của nhà nước của phương Tây và họ đã công nghiệp hóa nhanh chóng. Các kế hoạch kinh tế giúp các nước kém phát triển định hướng cho nền kinh tế, tạo ra một tỷ lệ tiết kiệm lớn, tập trung các nguồn lực cho những mục tiêu cụ thể, hỗ trợ các ngành công nghiệp quan trọng phát triển. Ví dụ, một số nhà phân tích cho rằng [Park Chung Hee](#) (tổng thống có công đưa Hàn Quốc từ một nước nghèo trở thành một nước phát triển) có những chính sách rất giống với Stalin, như việc kế hoạch hóa nền kinh tế, thanh lọc mạnh tay [tham nhũng](#), hạn chế chi tiêu để tiết kiệm vốn cho việc xây dựng các nhà máy quy mô lớn, phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ các ngành công nghiệp quan trọng như luyện kim, cơ khí, hóa chất, đóng tàu... phát triển; cùng với việc xây dựng các hợp tác xã tại nông thôn để thực hiện những chính sách phát triển nông thôn và loại trừ ảnh hưởng của phe đối lập cũng như tạo ra lực lượng quần chúng ủng hộ Park^{[60][71]}.

CHỦ NGHĨA MAO



Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vào năm 1949

Chủ nghĩa Mao (Maoism) là một thuật ngữ chỉ các học thuyết về chủ nghĩa cộng sản do chủ tịch [Đảng Cộng sản Trung Quốc Mao Trạch Đông](#) đưa ra. Tại [Trung Quốc](#) thì được gọi là "Tư tưởng Mao Trạch Đông" và trong [thập niên 1960](#) tư tưởng Mao Trạch Đông được in thành các sổ tay bìa đỏ để trang bị về tư tưởng cho cán bộ và nhân dân Trung Hoa đại lục. Tại các nước cộng sản Đông Âu các năm 1960 - 1980 thì thuật ngữ chủ nghĩa Mao được xem như một biến thái tiêu cực "[tả khuynh](#)" xa rời chủ nghĩa Marx-

Lenin, còn tại một số nước cộng sản châu Á, thuật ngữ này được đánh giá tích cực như sáng tạo của chủ nghĩa Marx-Lenin trong điều kiện châu Á.

Điều khác nhau lớn nhất của chủ nghĩa Mao so với các học thuyết của Marx, Lenin và Stalin là ở quan niệm về động lực chính của cách mạng. Marx, Lenin, Stalin đều coi động lực của cách mạng là "giai cấp công nhân" và coi nhẹ [giai cấp nông dân](#), coi nông dân là lạc hậu không có tính cách mạng tiên phong. Lenin, Stalin chỉ coi nông dân như một đồng minh cần tranh thủ mà thôi, họ coi thành thị là đấu trường cách mạng chính. Mao Trạch Đông xuất phát từ điều kiện của Trung Quốc là nước nông nghiệp, giai cấp công nhân và tư sản còn rất nhỏ bé, mâu thuẫn xã hội lớn nhất là mâu thuẫn nông dân - địa chủ nên tuy vẫn coi giai cấp công nhân là tiên phong cách mạng nhưng đã coi lực lượng cách mạng chủ lực là giai cấp nông dân và nông thôn là căn cứ địa của cách mạng, và coi học thuyết của mình là học thuyết của chủ nghĩa cộng sản cho các nước chưa phát triển thành tư bản.

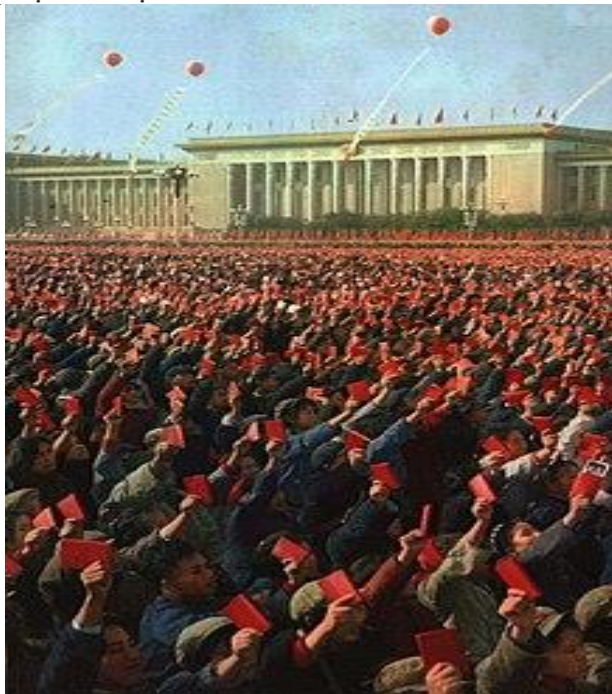
Chủ nghĩa Mao được truyền bá sang nhiều nước trên thế giới^[72], và đến lượt chủ nghĩa Mao cũng trở nên biến dị tại mỗi địa phương. Tại Campuchia, chủ nghĩa Mao pha trộn với [chủ nghĩa dân tộc cực đoan](#) để trở thành hệ tư tưởng của [Khmer Đỏ](#), với các chính sách cực đoan đã gây ra cái chết của khoảng 2 triệu người^[73]. Khmer Đỏ trở thành một hiện tượng lịch sử kỳ dị, vượt quá khả năng nhận thức thông thường của con người. Tuy về danh nghĩa là một phong trào đi theo chủ nghĩa cộng sản (cụ thể là chủ nghĩa Mao), song về bản chất, Khmer Đỏ đi ngược lại với chủ nghĩa cộng sản ở phương châm hành động của nó: Khmer Đỏ ủng hộ [chủ nghĩa Sô vanh](#) và có tư tưởng bài ngoại rất cực đoan^[74], thể hiện qua việc Khmer Đỏ liên tục gây chiến với Việt Nam (một nước cũng ủng hộ chủ nghĩa cộng sản). Tới năm 1981, Khmer Đỏ chính thức tuyên bố rằng phong trào này không còn đi theo chủ nghĩa cộng sản^[75].

Cùng với sự khác nhau này kéo theo sự khác nhau về "phương pháp tiến hành cách mạng". Lenin và Stalin quan niệm về cuộc cách mạng vô sản có tính đồng loạt tại thành thị như một cuộc khởi nghĩa của giai cấp vô sản. Nhưng khi đó, Trung Quốc vẫn chủ yếu là nông thôn, và Mao Trạch Đông cho rằng cách mạng phải được tiến hành theo phương thức một cuộc chiến tranh du kích kéo dài, lấy nông thôn làm căn cứ địa lan dần dần và đi đến thắng lợi hoàn toàn. Hai câu nói của Mao Trạch Đông về vấn đề này rất nổi tiếng là "Súng đẻ ra chính quyền" và "Nông thôn bao vây thành thị" và Mao Trạch Đông thực sự đã có rất nhiều đóng góp trong lý luận quân sự về chiến tranh du kích và chiến tranh nhân dân nhất là trong tác phẩm "[Du kích chiến](#)". Trong đó xem xét đồng loạt các khía cạnh quân sự, chính trị, tâm lý và các biện pháp xây dựng căn cứ địa, tiến hành chiến tranh nhân dân ở nông thôn.

Sau khi giành được chính quyền, Đảng Cộng sản Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông đã tiến hành nhiều cải cách kinh tế - xã hội như cải cách ruộng đất, quốc hữu hóa tất cả các doanh nghiệp tư nhân, giải tán các đảng phái chính trị cánh hữu, các hội kín, triệt hạ các băng đảng tội phạm... Sinh ra và lớn lên trong xã hội phong kiến Trung Quốc trên đà suy tàn cuối thế kỷ XIX và đã chứng kiến nạn quân phiệt cát cứ cuối thời [nhà Thanh](#), Mao Trạch Đông chịu ảnh hưởng lớn từ các bài học trị quốc trong [lịch sử Trung Quốc](#), đây là điểm khác biệt nhất của ông với các nhà tư tưởng khác của chủ nghĩa cộng sản. Lịch sử Trung Quốc có đặc trưng là lãnh thổ rộng lớn và đông dân nhất thế giới, đa sắc tộc và có lịch sử nhiều lần xảy ra nội chiến, ly khai, cát cứ nên các nhà lãnh đạo cần phải có chính sách tập quyền cao độ, và chịu ảnh hưởng từ lịch sử đó, Mao Trạch

Đông tin rằng cần phải mạnh tay trấn áp mọi lực lượng chống đối thì mới có thể giữ ổn định được đất nước. Trong công cuộc cải biến xã hội của Mao có hàng chục vạn địa chủ, doanh nhân, trí thức bị bắt hoặc xử tử vì bị kết tội hữu khuynh, phá hoại, phản cách mạng, tay sai của chủ nghĩa đế quốc, Hán gian...^{[76][77][78][79]}

Trong quản lý kinh tế và quản lý xã hội, cũng giống như chủ nghĩa Stalin, chủ nghĩa Mao cũng theo phương châm tập trung hoá cao độ theo nền kinh tế kế hoạch hoá vĩ mô. Quản lý nhà nước cũng bằng hệ thống nhà nước - đảng với sự sùng bái cá nhân cao độ. Trong Kế hoạch 5 năm lần thứ 1 (1953-1957), Trung Quốc lấy xây dựng và phát triển công nghiệp nặng làm trung tâm, gồm những ngành điện lực, than, gang thép, hóa chất... Với sự giúp đỡ nhiều mặt của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, 246 công trình công nghiệp quan trọng, được coi là xương sống của nền công nghiệp Trung Quốc được xây dựng. Tốc độ của sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 18%. Đến năm 1957, sản lượng công nghiệp đã tăng 140%, sản lượng nông nghiệp tăng 25% so với năm 1952. Thành công của Kế hoạch 5 năm lần thứ 1 khiến Mao Trạch Đông trở nên lạc quan quá mức. Với mong muốn đưa Trung Quốc trở thành một siêu cường trong thời gian còn nhanh hơn cả Liên Xô từng làm, Mao phát động phong trào Đại nhảy vọt và Công xã hoá. Đây là kế hoạch với mục tiêu nhân mạnh biện pháp sản xuất quy mô nhỏ, sản xuất thủ công, tiến hành cuộc thực nghiệm chủ nghĩa xã hội lớn chưa từng thấy với mục tiêu công nghiệp hóa nhằm đưa Trung Quốc thành siêu cường trong thời gian chỉ 10 - 20 năm. Sự nóng vội quá mức dẫn tới việc kế hoạch bị thất bại và phải hủy bỏ. Cùng với thiên tai và lũ lụt, những chính sách kinh tế sai lầm đã gây ra một nạn đói rất lớn trong lịch sử loài người, khoảng 37,5 triệu người (khoảng 5% dân số Trung Quốc) đã chết vì nạn đói do sản xuất nông nghiệp bị đình trệ.^[80]



Hình ảnh các Hồng vệ binh tập hợp trước quảng trường Thiên An Môn năm 1967.

Chủ nghĩa Mao cho rằng để xây dựng chủ nghĩa cộng sản thì cần có con người cộng sản, cần đấu tranh liên tục để chống lại những tàn dư tập quán, tư tưởng, văn hóa, phong tục, thói hư tật xấu của xã hội cũ. Mao muốn làm một cuộc cách mạng xã hội thay đổi tư

tương và bản chất của con người lẫn mối quan hệ giữa người và người. Để làm việc đó cần loại bỏ hết tàn dư văn hóa, tư tưởng, tập quán, lối sống phong kiến, tư sản, phản động. Đồng thời Mao cũng muốn xây dựng một xã hội dân chủ và bình đẳng hơn theo cách hiểu của ông. Biện pháp thực hiện là tiến hành "[cách mạng văn hoá](#)". Sự suy đồi đạo đức xã hội, những tệ nạn xã hội và sự hủ bại của bộ máy nhà nước Trung Quốc, một yếu tố khiến [Trường Giới Thạch](#) thất bại, trước khi người cộng sản nắm quyền là một thực tế góp phần thúc đẩy Mao làm cuộc cách mạng văn hóa. Mao đã áp dụng những biện pháp để thực hiện điều này như bãi bỏ hệ thống quân hàm trong quân đội, khuyến khích dân chúng đả kích giới lãnh đạo nhà nước, thực hiện phê bình và tự phê bình trong nội bộ Đảng Cộng sản và nhà nước Trung Quốc... Tuy nhiên, với mặt bằng dân trí thấp khi đó, những biện pháp này trở nên cực đoan hóa khi được thực hiện bởi những cán bộ và công chúng quá khích, thiếu trình độ, thiếu kinh nghiệm, khiến xã hội Trung Quốc rơi vào tình trạng hỗn loạn và bạo lực trong một thập kỷ. Cách mạng văn hóa có thể hiểu là một thử nghiệm của Mao nhằm hướng tới một xã hội tốt đẹp, dân chủ và bình đẳng hơn cùng một bộ máy cầm quyền trong sạch và hiệu quả hơn, nhưng cách thực thi vụng về của cán bộ cấp dưới và người dân đã khiến nó thất bại. Cách mạng văn hóa đã bị các phe phái, cá nhân trong Đảng Cộng sản Trung Quốc và cả những người dân quá khích lợi dụng để quy chụp, kết án, thanh trừng lẫn nhau, trong khi những người phản đối Mao thì cho rằng đây là thủ đoạn chính trị để ông loại bỏ các đối thủ sau khi bị mất uy tín do những sai lầm trước đó. Nhiều lãnh đạo cấp cao trong Đảng, nhà nước, quân đội phản đối Mao như [Bành Đức Hoài](#), [Lưu Thiều Kỳ](#), [Đặng Tiểu Bình](#)... lần lượt bị Hồng vệ binh (một lực lượng gồm toàn các thanh niên trẻ quá khích ở các địa phương) kết tội là chạy theo chủ nghĩa tư bản, phản bội đất nước và bị bắt giam. Nhiều cá nhân, tổ chức trong bộ máy Đảng và nhà nước Trung Quốc cũng bị Hồng vệ binh tấn công, phần lớn trong số họ là cán bộ cấp thấp và chẳng quen biết gì Mao. Cũng giống như [Đại thanh trừng](#) của Stalin, cách mạng văn hóa đã trở nên mất kiểm soát khi được tiến hành ở các địa phương, [Hồng vệ binh](#) kéo nhau đi tiêu diệt những điều mà họ cho là xấu xa, là đi ngược với nền văn hóa mới, dù chẳng có chứng cứ cụ thể nào. Theo một số liệu thống kê, cuộc cách mạng văn hóa của Mao Trạch Đông đã trực tiếp hay gián tiếp gây ra cái chết cho khoảng 1 triệu người.^[81] Tháng 12 năm 1968, để dập tắt sự quá khích của Hồng vệ binh, Mao Trạch Đông đã phải ra lệnh cho hàng trăm ngàn thanh niên (nòng cốt của Hồng vệ binh) về nông thôn để trải nghiệm cuộc sống và lao động nông thôn, thực chất là tước bỏ khả năng gây loạn của họ, Hồng vệ binh tan rã từ đây. Trong [thập niên 1980](#), [Tổng bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc](#) khi đó là [Hô Diệu Bang](#) nhận xét rằng khoảng 100 triệu người Trung Quốc đã chịu đau khổ do phải chịu một hình thức đối xử thô bạo nào đó trong thời kỳ này. Đặng Tiểu Bình nhận định Mao Trạch Đông có một phần lỗi trong sự thất bại này, nhưng phần khác là do những người thi hành cấp dưới có trình độ kém còn công chúng dễ bị kích động khiến mục tiêu đề ra bị bóp méo: "Cách mạng Văn Hóa là một sai lầm. Chúng ta phải mạnh dạn chối bỏ sai lầm này của Mao trong những năm tháng cuối đời của ông. Nhưng cũng cần nhìn vào sự thật. Sự thật là không phải mọi sai lầm và quá đáng trong cuộc Cách mạng Văn Hóa đều do Mao Trạch Đông."^[82] Nếu không đặt cuộc cách mạng văn hóa trong bối cảnh lịch sử Trung Quốc khi đó thì không thể hiểu được động cơ đã thúc đẩy Mao làm cách mạng văn hóa và những hậu quả cả tốt lẫn xấu mà nó mang đến (trong cùng thập kỷ đó, [Hàn Quốc](#) cũng đề ra [Phong trào Nông thôn Mới](#) có mục đích tương tự, và cũng dẫn đến nhiều hậu quả cả tốt lẫn xấu bởi những lý do tương tự).

Điều dễ nhận thấy của chủ nghĩa Mao là lý luận và thực hành của họ trong việc "phát động quần chúng". Phát động quần chúng của chủ nghĩa Mao là kết hợp của rất nhiều yếu tố chính trị, xã hội, tổ chức và đặc biệt là yếu tố mê hoặc tâm lý của quần chúng. Trong thực tế thì chủ tịch Mao rất giỏi trong việc mê hoặc và phát động quần chúng. Ông có thể phát động quần chúng thực hiện những việc tưởng như không thể tưởng tượng nổi từ phong trào tiêu diệt chim sẻ, các phong trào "[Đại nhảy vọt](#)", "ba ngọn cờ hồng" cho đến việc phát động quần chúng dùng [Hồng vệ binh](#) gây bạo loạn trong "[đại cách mạng văn hóa vô sản](#)" để tạo sự lãnh đạo tuyệt đối của mình. Chủ nghĩa Mao luôn coi chính trị là có vai trò tối thượng trong đời sống xã hội. Mao Trạch Đông nói "Chính trị là thống soái" khi có đối thủ chính trị cần phê phán thì không những phải loại bỏ quyền lực chính trị của đối phương mà còn phải tiêu diệt "tư tưởng" chính trị của đối phương bằng cách kiểm điểm, đấu tố, dùng áp lực quần chúng đập tan ý chí của địch thủ, đó là biện pháp tâm lý mà chủ nghĩa Mao gọi là "cải tạo tư tưởng".

Tâm lý xã hội của chủ nghĩa Mao mang nặng đặc điểm tâm lý của giai cấp tiểu nông ở một nước nghèo, coi chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội là gắn liền với sự trong sạch coi thường vật chất, coi lối sống giản dị là tốt đẹp, là cách mạng. Đề cao tính đóng kín, chủ trương "tự lực cánh sinh" mọi yếu tố tiện nghi, xa hoa và nhất là từ nước ngoài đều bị đánh giá là "biểu hiện tư sản" phải đả phá. Chủ nghĩa Mao coi cách mạng chỉ đơn giản là hoán đổi vị trí của giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, của những người cai trị và quần chúng bị trị. Chủ nghĩa Mao cũng gán ghép những quan điểm bất đồng với Mao Trạch Đông trong nội bộ Đảng Cộng sản Trung Quốc, trong phong trào cộng sản thế giới là "tư sản", "hữu khuynh" từ đó dùng các biện pháp hành chính, tuyên truyền thậm chí là bạo lực để đả kích, loại trừ. Chủ nghĩa Mao cho rằng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô sau [Chiến tranh thế giới thứ hai](#) khi mà đời sống nhân dân được cải thiện nhiều và có các tiện nghi cao cấp là biểu hiện xa rời lý tưởng cộng sản, chạy theo "lối sống và đạo đức tư sản". Chủ nghĩa Mao coi mô hình của mình là thực sự cách mạng chân chính và là đầu tàu cách mạng cho [thế giới thứ ba](#). Giai đoạn những năm 1960 - 1970 là cao trào của Trung Quốc cạnh tranh với Liên Xô trong việc lãnh đạo thế giới cộng sản và tranh luận về sự trong sạch của chủ nghĩa cộng sản.

Chủ nghĩa Mao đã làm cho [Trung Quốc](#) thành một xã hội đóng kín với bên ngoài đồng thời tạo ra những phong trào kinh tế, văn hóa và chính trị huy động toàn bộ xã hội nhưng lại dẫn đến những tổn thất to lớn cho Trung Quốc, nhưng chính vào những năm cuối đời chủ tịch Mao Trạch Đông đã tiến hành những hoạt động ngoại giao để bắt tay với Mỹ đưa Trung Quốc thoát dần khỏi sự đóng kín và cởi bỏ dần các đặc trưng xã hội của Chủ nghĩa Mao trong thập niên 1960. Dù mắc phải nhiều sai lầm nhưng dưới sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông, Trung Quốc đã bước đầu xây dựng được nền tảng [công nghiệp nặng](#), [công nghiệp nhẹ](#), [công nghiệp quốc phòng](#). Nền kinh tế Trung Quốc đã tự sản xuất được hầu hết các sản phẩm công nghiệp thông dụng, các loại vũ khí thông thường và đặc biệt chế tạo được bom nguyên tử. Cũng giống như Stalin, Mao đã tận dụng được tài nguyên thiên nhiên cũng như tiềm lực con người của Trung Quốc vào công cuộc hiện đại hóa quốc gia nhờ vào sự thống nhất lãnh thổ và tập trung quyền lực cao độ tạo ra khả năng huy động các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu kinh tế, điều mà đối thủ của Mao là [Tướng Giới Thạch](#) đã không làm được. Đây là nền tảng để Trung Quốc tiếp tục phát triển dưới sự lãnh đạo của người kế thừa ông là [Đặng Tiểu Bình](#).

Tác phong Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh đã thú nhận rằng là : Ông chỉ có Tác phong mà không có Tư tưởng, vì Mác Mao đã viết hết rồi , nên Khi gặp Chủ nghĩa Mác Ông Hồ cảm thấy có cách làm thỏa mãn Hận thù “ chế độ Vua quan “ đã cách chức Thân phụ ông vì ngộ sát và “ Chính phủ Bảo hộ Pháp “ không nhận ông vào học trường Bảo hộ, Ông bèn reo to rằng đã ngộ Đạo Mác Lê, Mao

Tư tưởng Hồ Chí Minh có chăng là do Ban Tuyên Giáo Trung ương “ vẽ rắn thêm râu “ cho ông Hồ mà thôi .

Khi gặp Chủ nghĩa Mác Ông Hồ cảm thấy có cách làm trả thù “ chế độ Vua quan “ đã cách chức Thân phụ ông vì ngộ sát và “ Chính phủ Bảo hộ Pháp “ không nhận ông vào học trường Bảo hộ, Ông bèn reo to rằng đã ngộ Đạo Mác, Lê, Mao

Về phương diện Nhân bản thì ông Hồ quả là thông minh trác tuyệt, nên có tên :

Hồ Chí Minh 胡至冥 [明-]

[冥 Minh : Mờ mịt, ngu dốt về Nhân đạo]

Vài Cảm nghĩ về Nền tảng (Cái Rốn)

của Chủ nghĩa CỘNG SẢN

Chủ nghĩa Mác, Chủ nghĩa Lênin, Chủ nghĩa Stalin, Chủ nghĩa Mao Trạch Đông đều có chung 3 cái Gốc :

1.- Duy vật Biện chứng theo Mâu thuẫn thống nhất là lối biện chứng khi hai Cực

(hai bên) mâu thuẫn nhau thì một bên dùng Bạo lực và mưu gian (có Gốc tư chế độ Bạo động Du mục Trung Đông và Tây phương) để nuốt chửng bên kia hầu độc chiếm gọi là thống nhất, để độc tài mà độc trị, đây là loại “ Văn hóa Vật bản trực vật “ để cai trị Súc vật chứ không thể phục vụ con Người.

2.- Duy vật Sử quan. Mác vạch sẵn cho Lịch sử Nhân loại theo phải đi theo Lộ

trình: Từ CS nguyên thủy, Tư sản, Tư bản, Xã hội chủ nghĩa rồi tới Chủ nghĩa Cộng sản, đến giai đoạn này thì CS đã tiêu diệt hết Mâu thuẫn trong Vũ trụ , không

còn có gì chênh lệch để “ tương thối “ mà biến hóa nữa, Vũ trụ cũng hết cựa quậy , nên chế độ CS hết biến đổi, trở nên trường tồn bất diệt!.

Chẳng cần lý luận gì cho lôi thôi, chủ nghĩa CS mạnh nha từ năm 1917 đến 1997 thì thành trì Liên Bang Xô viết đã đổ cả mảng, ngày nay chỉ còn nước Nga, CS Tàu, Triều tiên, Việt Nam Cu ba đang còn làm ăn theo Tư bản chống đỡ để sinh tồn. Quen thói cấp nấp cướp giật xưa nay, Tàu cộng đã tài tình ăn cắp sản phẩm Trí tuệ Tây phương, bỏ cách làm ăn theo “ Định hướng XHCN “ mà học cách làm ăn theo “ kinh tế Thị trường “ cho mạnh lên để tiếp tục gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng !

3.- Kinh tế Chính trị học

a.- Kinh tế. Làm kinh tế là để sản xuất ra của cải Vật chất để nuôi sống vật chất con người, nhưng Mác thiếu hoạn con người mất hai cái Hoạt lực nền tảng, đó là Nhân quyền và Tự do.

Vì Vô thần, nên người CS không cần Nhân quyền. Nhân quyền là Nhân Tình (Tình Yêu) và Nhân Tính (Lễ Công bằng) .

Nhân tình giúp mọi người tìm đến với nhau tương thân tương trợ mà xây Tổ ấm Gia đình và xây dựng Quốc gia để cho mọi người đều có đời sống Vật chất và Tinh thần ấm no hạnh phúc .

Nhân Tình là lễ Công bằng giúp con người hành xử “ phải Người Phải Ta “ với nhau mà sống Hòa với nhau.

Tự do là yếu tố giúp con người được tự do tìm về Văn hóa cũng như Tôn giáo để thăng hoa nếp sống hầu tu dưỡng Đạo Nhân, giúp hành xử với nhau theo Đức Nghĩa. Nghĩa là trách nhiệm hành xử hai chiều “ Có Đi có Lại “ tức là lễ công bằng, giúp sống Hòa với nhau mà xây Tổ ấm Gia đình và Đất nước an vui.

Khi bị tước mất hai Thiên Tính nền tảng đó thì con người bị xuống cấp, mà trở về trạng thái nguyên thủy gần như súc vật, khi đó chỉ biết “ Đạp Đi Hò Đứng “ trong trại “ Làm ăn Tập thể với “ lệnh Kềng sớm chiều “,

b.- Chính trị Để đối phó với đàn người như súc vật, nên Chính trị cần phải độc tài sắt máu, hễ có Cá nhân nào muốn đòi lại Nhân quyền, Tự do thì dùng luật rừng (luật dành cho Thú vật) đem vào trại giam cho thân tàn ma dại, nên trước tiên là phải làm KM triệt để hầu giáng cấp con người từ từ để trở thành con người thật sự CS .

Mao đã dày công tìm cách Tẩy xóa Lương tâm con người để mong xóa đi ” óc chiếm hữu Của cải “ mà Mác cho là nguồn của bất công, nên phải trước quyền Tư hữu thành Công hữu để giao cho đảng quản lý được công bằng, tuy Mao bị thất bại nhưng đảng vẫn khư khư nắm chặt lấy nền Kinh tế, đó chính là mục tiêu hàng đầu của đảng , do đó mà ngày nay đảng trưởng phải đốt Lò để thiêu đảng viên cao cấp ngay cả đảng viên trong Tứ trụ để cứu nguy đảng , thế mới rõ đảng là Đỉnh cao Trí tuệ và Lương tâm của Nhân loại vì đã làm cạn được được Nhân Tình và Nhân Tính của con Người, nhưng một số con người trong chế độ vẫn liên tiếp nổi lên đòi Nhân quyền và Tự do không ngừng, vì nếu thiếu hai nền tảng đó thì hết còn là con người con người đã biến thành loài súc sinh!

Cạnh đó thì người bạn vàng Trung cộng cần người bạn “ Môi hở răng lạnh ” giúp Tiêu diệt cho hết thành phần tinh hoa đó, để tiêu hủy “ Hồn Thiêng Sông Núi Việt Nam “ thì mới đồng hóa nổi Dân Việt Nam được, tuy các nhà cầm quyền Tàu đã cố tâm tiêu diệt Văn Hóa Việt Nam suốt 4712 năm và 20 cuộc chiến lớn nhỏ, nhưng đều thất bại chua cay! !

Rõ là nhà cầm quyền CS có làm bất cứ cách hủy diệt Nhân Tình Nhân Tính nào nào đi nữa thì Nhân quyền và Tự do vẫn còn mãi mãi là khát vọng của con Người !

HÔM NAY CÁC BẠN ĐÃ ĂN GÌ ?

Tủ Sách Đan viện Xitô Thánh Mẫu Tâm Mỹ Ca, Nha Trang. Kính mời theo dõi video tại đây: <https://bit.ly/49eb4k>

Chúng ta hãy nên dành cho Lời Chúa chỗ nhất, và xin Chúa dạy cho chúng ta hiểu điều chính Lời của Ngài nói với chúng ta. Chương 55 của Sách ngôn sứ Isaia sẽ giúp chúng ta. Chính từ suy niệm về bản văn Kinh Thánh này mà chúng tôi khởi sự trình bày về Lectio divina. Suy niệm chương 55 Sách Ngôn Sứ Isaia

Đến cả đi, hỡi những người đang khát, nước đã sẵn đây!

Dầu không có tiền bạc, cứ đến mua mà dùng;

Đến mua rượu mua sữa, không phải trả đồng nào.

Sao lại phí tiền bạc vào của không nuôi sống, tốn công lao vất vả vào thứ chẳng làm cho chắc dạ no lòng?

Hãy chăm chú nghe Ta, thì các con sẽ được ăn ngon, được thưởng thức cao lương mỹ vị (Is 55, 1-2).

Ngôn sứ tác giả của Sách An Ủi (Sách Isaia chương 40 đến 55) ngỏ một Lời hy vọng, cứu độ, ban sức sống với dân của mình đã kiệt quệ, bị bóc lột tơi tả trong thảm cảnh Lưu Đày. Với một dân bất trung, ngôn sứ mặc khải sự trung thành không lay chuyển của Chúa; với một dân thấy mình coi như bị tiêu diệt, ngôn sứ loan báo “một điều mới”, một khởi đầu, lời hứa một tương lai rộng mở. Để có thể thành lời hứa như vậy, Lời cần phải được tiếp nhận; theo hình ảnh của Người Tội Tớ dân cần phải để cho Chúa mở tai mình, ngõ hầu lắng nghe như một môn đệ và dân phải chấp nhận để cho Lời này đánh thức mình vào mỗi buổi sáng. Con đường sống mà ngôn sứ mặc khải hệ tại ở việc chấp nhận thay đổi từ cảnh bị làm cho hổ nhục đến sống khiêm tốn. Dân đã tưởng rằng tự sức mình, mình đã đủ mạnh, đến độ dám chắc là mình không còn cần đến Chúa, lại đã bị hổ nhục vì mất đi tất cả những gì dân tưởng là có, tất cả những gì tích lũy và cậy dựa trên đó. Chính trong hoàn cảnh này, vào cuối sứ điệp, ngôn sứ đã đề nghị một điểm tựa mới, vững chắc và trường cửu, điểm tựa do chính Chúa ban tặng “Ân Huệ Lời Chúa”. Chương 55 xoay quanh thực tại chính yếu này, sự hoán cải của dân: đổi từ ý muốn quyền lực, tự chủ đến khiêm tốn và dễ dạy, để tiếp nhận một Lời đã được ban cho như nước ban sinh lực, bánh mỹ vị nuôi sống. Con người là một hữu thể khát vọng “Thật vậy, tư tưởng của Ta không phải là tư tưởng của các con, và đường lối các con không phải là đường lối của Ta - sấm ngôn của Đức Chúa. Trời cao hơn đất chừng nào thì Quà Tặng Tin Mừng - Mt 15 103 103 đường lối của Ta cũng cao hơn đường lối các con, và tư tưởng của Ta cũng cao hơn tư tưởng các con chừng ấy” (Is 55, 8-9). Lời sấm của ngôn sứ Isaia diễn tả qua những câu trên đây có hai ý nghĩa: Con người mang trong mình khát vọng to lớn và không thể thỏa mãn, đó là muốn hiểu thấu ý nghĩa cuộc sống của mình, và hiểu thấu lý do hiện hữu trong thế gian này. Con người tìm hiểu những tư tưởng của Chúa, muốn điều khiển những đường lối của chương trình sáng tạo; nhưng con người thất bại không thể đạt được kết quả nó muốn đắc thủ do chính nó tìm kiếm. Những cố gắng vô ích này, trong Kinh Thánh, mang những tên kiêu ngạo, thờ ngẫu tượng. Con người, tìm kiếm chiếm đoạt trái của cây biết lành biết dữ, thực tế mắt của nó chỉ mở ra để nhìn thấy sự trần trụi của mình (St 3). Có đem tất cả sự khôn khéo tài giỏi để dựng một tháp chạm tới trời, con người cũng chỉ gặp thấy một kinh nghiệm phũ phàng về cái hão huyền của dự phóng của nó, về cái hỗn độn, cái tàn phế, sập đổ (St 11). Có tìm mọi cách trèo lên trời cao, vượt qua ngàn mây để sánh ngang với Đấng Tối Cao, con người cũng sẽ phải nhào xuống vực thẳm (x. Is 14). Vâng, đó là kiêu ngạo, một cảm đồ to lớn của con người tự đắc chế ngự sự khởi đầu của cuộc sống của mình để điều khiển lúc kết thúc và xếp đặt suốt thời gian sống theo ý mình. Bởi vì con người tìm kiếm để trở thành là khởi nguồn của chính mình, muốn chiếm chỗ của Đấng Hóa Công, không muốn lệ thuộc vào ai khác ngoài chính mình. Với tất cả những cố gắng, tất cả khoa học của mình, con người phải nhận một sự thật hiển nhiên này là trong thực tế con người chỉ như gió thoảng. Những công nghệ giàn giáo thông minh nhất, những kỹ thuật cao siêu nhất, thay vì có thể lấp đầy khoảng trống giữa

thế giới trên trời và thế giới nhân loại, lại chỉ làm cách xa trời hơn nữa, hoàn toàn và mãi mãi ngoài tầm với của con người, vượt qua tất cả những phương tiện con người dùng. Chỉ cần đọc Sách Giảng Viên để có thể chân nhận điều đó. Nếu Kinh Thánh vạch trần ảo tưởng và sự phù phiếm của kiêu ngạo, Kinh Thánh cũng làm nổi bật sự thất bại của ước muốn con người; đó là điều mà việc thờ ngẫu tượng cho thấy. Khi đau đớn nhận thức rằng không bao giờ mình có thể đạt tới trời cao, con người sẽ tìm biện pháp giải quyết bằng cách hạn chế ước muốn của mình vào những thực tại xét rằng nó có thể điều khiển, đến độ kéo Thiên Chúa xuống tầm những gì nó có thể tưởng tượng từ những trải nghiệm riêng của nó. Nó tạo cho mình những vị thần theo hình ảnh của nó, giống nó để nó có thể làm chủ. Không những thần tượng này không làm nó thỏa mãn mà lại còn lôi kéo nó theo mình. Theo hình ảnh các thần tượng, câm nín, đê đê, bất động và nói tóm, vô hồn, con người có nguy cơ đánh mất lời nói, việc lắng nghe, hành động, và cuối cùng mất cả tâm hồn mình: những thần tượng quả thực là những nhân chứng của chính những người đã tạo ra Quà Tặng Tin Mừng - Mt 15 104 104 chúng (x. Is 48, 9). Thánh Grégoire de Nysse nhắc lại: “Bản tính nhân loại được biến đổi tùy theo sự tự do nghiêng chiều của mình”. Hoán cải khát vọng Tuy nhiên đâu có thường hay đi trệch đường vì quá kiêu ngạo hay quá phù phiếm tin theo ngẫu tượng, ước muốn của con người vẫn là một thực tế rất tốt (nhân tri sơ, tính bản thiện!). Những câu cuối cùng của Kinh Thánh nhấn mạnh đến điều đó và nói lên một lời mời gửi tới con người khát vọng, con người của ước muốn (Kh 22, 17). Bản văn của ngôn sứ Isaia cho biết con người không thể đạt được những tư tưởng của Chúa, và hiểu được đường lối của Ngài, nhưng Chúa không chỉ hài lòng về nhận định cay đắng này. Ngược lại Chúa lưu ý đến ước vọng của con người và khởi đi từ nhận định này Chúa mặc khải cho con người một phương cách mới - và độc nhất - để làm thỏa mãn con người. Ước muốn hiểu ý nghĩa cuộc đời mình đã được Đấng Tạo Hóa ghi sâu vào tận đáy lòng con người, như cây biết lành biết dữ được trồng chính giữa vườn xưa. Nhưng chỉ có Chúa mới là người cho phép chúng ta đi vào đó, như Ngài muốn và theo cách Ngài muốn. Vì chỉ có Ngài mới biết được điều gì sẽ có thể hợp với ước muốn này và làm cách nào để cho nó thỏa mãn. Vâng, Chúa muốn rằng, mắt con người được mở ra, nhưng phải nhờ một lương thực đến từ trời; Ngài muốn rằng con người có thể lên tới trời, nhưng chính Ngài tặng cho chiếc thang để nhờ đó trèo lên được. Ngài muốn rằng chúng ta vượt lên trên các tầng mây, và ngay cả cao hơn nữa, bởi vì nhờ Chúa Kitô và trong Chúa Kitô, chúng ta được ở trên trời cao. Cuối cùng trong màu nhiệm Nhập Thể, trong con người của Chúa Giêsu Kitô, trời đã xuống rất gần đất, tuy nhiên không có gì lẫn lộn, từ nay nhân loại được mời thông hiệp với Người Con, và trong Người Con này, được tự do đến với Cha, được có cái kinh nghiệm sống sự liên hệ mới mẻ được diễn tả qua màu nhiệm làm con mà tiếng của Cha mặc khải cho chúng ta: “Những gì Quà Tặng Tin Mừng - Mt 15 105 105 của Cha đều là của Con” (Lc 15, 31; Ga 17, 10). Các Giáo Phụ thường nhắc lại: Trở thành Chúa là điều có thể, nhưng với điều kiện là không phải không có Chúa, cũng không phải nghịch lại với Chúa, nhưng phải là bởi Chúa, với Chúa và trong Chúa. Không còn là vấn đề chiếm hữu, chế ngự, nhưng là để mình được gặp, được tạo hình; nói

tóm là để mình được yêu. “Hãy tìm Đức Chúa khi Ngài còn cho gặp, kêu cầu Ngài lúc Ngài ở kề bên. Kẻ gian ác, hãy bỏ đường lối mình đang theo, người bất lương, hãy bỏ tư tưởng mình đang có mà trở về với Đức Chúa - và Ngài sẽ xót thương -, về với Thiên Chúa chúng ta, vì Ngài sẽ rộng lòng tha thứ” (Is 55, 6-7). Con người sẽ không lầm đường lạc bước nếu hướng ước muốn của mình về Thiên Chúa, nhưng làm thế vẫn chưa đủ. Còn phải thực hiện một sự hoán cải tận căn, chưa từng có, một sự hoán cải mà bản văn của ngôn sứ Isaia phản ánh. Nhận biết rằng sự tìm kiếm của con người phải được sự kiếm tìm của Chúa đi trước. Quả thật trước khi con người tìm kiếm Thiên Chúa thì Chúa đã làm mọi cách để con người có thể tìm gặp được Ngài. Ngài tìm đến gần gũi kẻ lìa xa Ngài. Ngài ban cho kẻ tội lỗi ơn tha thứ và Ngài cho phép kẻ có tội đi vào trong chương trình của Ngài. Do vậy chỉ cần con người tiếp nhận điều được ban cho mình. Chúng ta quá biết rõ rằng thật khó cho con người nhận ra được sự lệ thuộc cần thiết và sống còn này, đồng ý chấp nhận lệ thuộc và yêu mến sự lệ thuộc này. Tại sao phải cố công để mua cho được cái được niềm nở tặng ban cho? Tại sao lại quá khó khăn tiếp nhận, khi chỉ cần đưa tay lên, mở rộng tay ra để đón nhận? Con người cố công theo đuổi chinh phục một điều thiện trong khi Thiên Chúa muốn ban cho con người một mối liên hệ chỉ cần khiêm tốn tiếp nhận là được! Tiếp nhận một Lời được ban cho “Cũng như mưa với tuyết sa xuống từ trời không trở về trời nếu chưa thấm xuống đất, chưa làm cho đất phì nhiêu và đâm chồi nảy lộc, cho kẻ gieo có hạt giống, cho người đói có bánh ăn, thì Lời Ta cũng vậy, một khi xuất phát từ miệng Ta, sẽ không trở về với Ta nếu chưa đạt kết quả, chưa thực hiện ý muốn của Ta, chưa chu toàn sứ mạng Ta giao phó” (Is 55, 10-11). Quà Tặng Tin Mừng - Mt 15 106 106 Trong vài câu trích dẫn trên đây, Lời của Chúa được định nghĩa như của ăn, thức uống (nước, rượu, sữa, bánh, thức ăn béo bổ); bây giờ được mặc khải như mưa lành cho phép đất sinh hoa trái và sản xuất thức ăn cần thiết. Khai triển hình ảnh này diễn tả những đặc tính chính yếu của Lời Chúa. Trước hết, Lời này xuất phát từ trời cao, đến từ Thiên Chúa. Lời là sự liên lạc (thông hảo) giữa trời và đất, giữa đất và trời, có nghĩa là như chiếc thang thật của Giacóp. Lời có thể đảm bảo sự liên hệ giữa hai chiều kích này dù rất xa nhau. Lời có thể lấp đầy khoảng cách được nhắc đến trong những câu trích dẫn trên đây. Lời được ban cho nhưng không, chỉ do ý muốn của Đấng ban phát Lời. Lời này là một lời chúc phúc. Lời chứa đựng và mặc khải ý muốn của Chúa. Lời cũng có khả năng thực hiện điều Lời nói. Lời tỏ bày một sức mạnh sinh động, phong phú. Không có Lời, đất sẽ vô sinh và trái đất sẽ không thể thực hiện được mục đích nảy sinh hoa trái của nó. Cuối cùng, như mưa lành, Lời không chỉ rơi xuống đất, nhưng thấm nhuần trong đất; sự tiến triển này được bày tỏ trong bản văn nói đến các sự kiện tưới, làm nảy sinh, mọc mầm, cho hoa trái. Vào Đất Hứa Trong ngôn ngữ Kinh Thánh, mưa phúc lành được liên kết với Đất Hứa (x, Đnl 11). Ngôn sứ đã chủ ý trình bày như thế qua những lời nói với dân của ông đang bị lưu đày. Đất Hứa này, mà Chúa quan tâm chăm sóc, nơi yên nghỉ, vững bền, với ơn ban dồi dào, trở thành hình ảnh trái tim con người mà Lời Chúa đến làm cho sống động. Từ nay không còn cần phải “lam lũ với chân lấm tay bùn” nữa như ngày xưa trong nước Ai Cập. Có nghĩa là sự phong phú phì nhiêu của con tim chúng ta trước

hết không phải do những cố gắng của chúng ta. Từ nay phần chúng ta phải làm đơn giản chỉ là tiếp nhận, sẵn sàng đón mưa lành của Lời, “phụng sự Chúa bằng trọn vẹn con tim, với hết cả tâm hồn”. Như vậy Lời được ban cho ai biết tiếp nhận và giữ Lời, suy niệm Lời. Lời cho phép con người mang hoa trái và làm cho con người tràn đầy niềm vui và hoan lạc: “Phải, các con sẽ ra đi mừng rỡ hân hoan, rồi lũ lượt kéo về bình an vô sự. Trước mặt các con, đồi núi sẽ cất giọng reo hò, cây cỏ ngoài đồng sẽ vỗ tay. Cây bách vươn cao thay bụi rậm, cây sim lớn mạnh thế tầm ma, để Đức Chúa được lừng danh nức tiếng, được ghi nhớ ngàn năm và truyền tụng muôn đời” (Is 55, 12-13). Lời Chúa trong Truyền Thống Kitô giáo: Chứng từ của thánh Césaire Quà Tặng Tin Mừng - Mt 15 107 107 Chúng ta phải rất lưu tâm đừng để Lời Chúa không có trong thành này, hoặc có mưa mà quá trễ hay quá hiếm (x. Am 4, 7). Vì không có gì phải nghi ngờ, nếu đất mà thiếu mưa thì hoa trái chẳng có hoặc có mà chẳng ra gì. Hoa trái của tâm hồn cũng thế nếu chúng không nhận được sương hay mưa của Lời Chúa, hoặc có nhận được mà quá trễ. Vì chúng Lời Chúa được sánh với sương và mưa, điều mà anh chị em biết hơn tôi, Lời Chúa công nhận điều đó khi nói: “Giáo huấn của Tôi như giọt mưa thánh thót, Lời Tôi dạy bảo tựa sương sa, khác nào mưa rơi trên cỏ, giống như nước đổ xuống đồng xanh” (Đnl 32, 2). Những lời trên đây là của thánh Césaire, giám mục giáo phận Arles vào đầu thế kỷ thứ VI (Sermons au peuple, 1, 15). Thánh nhân là một nhân chứng ngoại hạng về sự kiện các Giáo Phụ gắn bó với việc thực hành Lectio divina. Thánh nhân áp dụng phương pháp sư phạm của Chúa theo truyền thống Kitô giáo, từ Origène đến Cassien, đã không ngừng vạch ra con đường. Trong thời gian huấn luyện tại đan viện Lérins, vị giám mục thời danh của miền Provence đã được Lời Chúa nuôi dưỡng, và có được hạnh phúc theo những lời khuyên của thánh Cassien cho các vị tiền nhiệm của ngài. Đứng đầu giáo phận Arles, ngài luôn luôn quan tâm đưa Kinh Nguyên Lời Chúa ra khỏi khuôn viên đan viện để cống hiến kho tàng và sự phong phú của Lời Kinh này cho tất cả tín hữu thuộc giáo phận của ngài, trước tiên cho các linh mục, các phó tế, nhưng cũng cho tất cả giáo dân thuộc đủ mọi thành phần. Vào đầu thế kỷ XXI này, Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, theo cùng chiều hướng với Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, lặp lại ước vọng của Công Đồng Vaticanô II trong Hiến Chế Tín Lý Mạc Khải Dei Verbum, đã không ngừng cổ võ “truyền thống cổ xưa, nhưng luôn luôn hiện đại” về Lectio divina. Được gìn giữ cách trân trọng và phát triển trong đời đan tu, nhưng hôm nay không nên chỉ dành riêng cho đời sống tu trì, mà phải đề nghị làm hành trình thiêng liêng cho tất cả mọi người đã chịu Phép Rửa để ánh sáng của Lời Chúa thánh hóa họ và hướng dẫn họ trong cuộc sống. Thiết tưởng trong những trang này không cần phải trích dẫn toàn bộ tài liệu rất phong phú về Lectio divina của các giáo phụ và của đan tu; đã có nhiều tác phẩm làm việc này và chúng ta có được niềm vui là có thể dễ dàng tìm đọc được. Về phần chúng tôi, chúng tôi trân trọng khuôn mặt tuyệt vời của thánh giám mục Césaire, luôn luôn dẫn thân rao giảng Tin Mừng cho dân được ủy thác cho ngài. Ngài luôn lưu tâm đến đời sống đức tin của dân thành Arles cũng như những người dân quê ở các làng mạc xa xôi. Thánh nhân đã có can đảm này là lên tiếng với tất cả mọi thành phần của giáo phận của ngài để khuyến

khích họ tiếp cận trực tiếp với toàn bộ Kinh Thánh - Cựu Ước cũng như Tân Ước -, không hạn chế, không ngăn cấm bất cứ điều gì, ngài có một niềm tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh của Lời này và vào tác động của Chúa Thánh Thần trong các tâm hồn. Qua Tặng Tin Mừng - Mt 15 108 108 Ngài yêu cầu các tiến chức linh mục phải đọc toàn bộ Kinh Thánh ít là bốn lần trước khi được thụ phong. Ngài mở mang các xứ đạo vùng quê. Vào một thời mà thường việc rao giảng chỉ dành riêng cho giám mục, thánh nhân đã yêu cầu các linh mục cũng như các phó tế thường xuyên giảng Lời Chúa để tất cả mọi người có thể hiểu được ý nghĩa của những bản văn Kinh Thánh, và nhờ vậy có thể sống bằng Lời Chúa mà ngài coi là như “ánh sáng của tâm hồn và lương thực vĩnh hằng của mình”. Cũng như Jean Chrysostome, ngài không ngừng mời gọi các tín hữu thuộc giáo phận của ngài, học thức hay vô học, giáo sĩ hay giáo dân, “tiếp nhận Lời Chúa với một con tim khát vọng”. Ngài xin mọi người lưu ý rằng nếu việc suy niệm Kinh Thánh tạo nên lương thực đích thật cho tâm hồn, tại sao thường chúng ta lại quá bận tâm đến của ăn vật chất cho thân xác, mà ít lưu tâm nuôi dưỡng tâm hồn mình hằng ngày? Vào cuối ngày, thánh giám mục rất thường đặt một câu hỏi liên quan đến việc suy niệm Lời Chúa. Câu hỏi này đã trở nên thời danh: “Chúng ta đã ăn gì hôm nay? Chúng ta đã có những thức ăn nào?” (Vita, II, 31)? Để giúp các Kitô hữu tiếp cận Lời Chúa, với khả năng mục vụ tuyệt vời, thánh nhân đã dùng đến những tưởng tượng phong phú, sử dụng những hình ảnh thân thuộc nhất và tìm ra những phương thế cụ thể để giúp giáo dân đến được với lương thực thiêng liêng này hằng ngày. Thánh nhân so sánh Kinh Thánh như những bức thư được Thiên Đàng gửi đến mời các tín hữu hưởng những hạnh phúc của Nước Chúa. Những bản văn khác biệt nhau của Kinh Thánh không khác gì những cây thực phẩm làm cho lương thực thêm phong phú; hai giao ước làm nên bánh lái con tàu Giáo Hội để điều khiển con tàu này theo đúng phương hướng. Ngài nhắc đến cái cây của Phúc Âm và lưỡi cây là Thánh Giá để giúp cho tâm lòng chúng ta đem lại hoa trái. Ngài so sánh việc rao giảng Lời Chúa là phân phát của bố thí cho tâm hồn. Ngài không ngần ngại nói rằng “thiếu Lời Chúa, tâm hồn sẽ chết”. Ngài mời gọi các tín hữu của ngài tránh những chuyện “ngồi lê đôi mách”, ba hoa tầm phào vịn cớ giải trí để dành thời gian cho việc suy niệm Kinh Thánh: “Những khi đêm như dài ra liệu có ai có thể ngủ hết giờ mà không đọc Kinh Thánh ít là 3 giờ? (Sermons au peuple, 6, 2) (Nếu chúng ta thấy lời khuyên này là quá đáng không thực hiện nổi, đừng quên rằng 3 giờ đồng hồ mà thánh giám mục đề nghị cũng vẫn còn ít hơn số giờ mà ngày nay mỗi ngày người Pháp dành ngồi châu trước mặt truyền hình!). Cuối cùng, ngài mời gọi người giàu nhưng không biết chữ chia sẻ của cải vật chất cho kẻ nghèo mà biết chữ, ngược lại những người này bố thí lại bằng việc đọc Lời Chúa cho người giàu đó nghe. Thánh Césaire nhắc lại: “Bằng cách này hay cách khác, người thường đọc Kinh Thánh thì nói chuyện với Chúa”. Lời nguyện chúc tụng Sau khi đã suy niệm dựa trên chương 55 của sách ngôn sứ Isaia và được soi sáng bởi một gương của truyền thống Kitô giáo, chúng ta có thể để cho Lời này của Chúa Giêsu làm vang Quà Tặng Tin Mừng - Mt 15 109 109 động trong đôi tai của chúng ta: “Nếu con nhận biết ơn của Chúa”! Với thánh vịnh gia, chúng ta hãy để cho đôi môi chúng ta thốt

lên lời kinh nguyện chúc tụng ngợi khen Đấng đã ban lương thực: “Còn Chúa, lay Chúa, Chúa đã rộng mở tay ban và cho tất cả mọi vật sống được ăn uống thỏa thuê” (x. Tv 145). Và tiếp nối thánh Césaire, chúng ta hãy tự hỏi mình:

“Vậy hôm nay chúng ta đã ăn gì”?

Lời nào của Chúa sẽ là lương thực cho chúng ta hôm nay? (Còn tiếp)

Chân thành cảm ơn. Fr. M. Bảo Tịnh O.Cist. Hẹn gặp lại VỀ MỤC LỤC SỨ ĐIỆP TỪ CUỘC KHỔ NẠN CỦA CHÚA GIÊSU

Và Lời nào của Tổ Tiên chúng ta cũng là Lương thực cho Tâm hồn chúng ta hôm nay ?

Xem ra nếp Sống Quả đục và Ca dao Tục ngữ là Cửa Ăn Ngon / Lành muôn thuở theo Thiên lý (Dịch lý) của Dân tộc Việt Nam.

QUẢ ĐỤC

Đây là cái thùng thủng tròn, có ba người bị kết án phải túc trực đổ nước cho luôn luôn đầy.

Anh Tả bắt đắc dĩ kín một ít nước thùng thủng đổ vào, đồng thời dùng nhiều giẻ để chèn kín lỗ cho nước bớt thoát ra.

Anh Hữu trái lại, kín những lọ nước đầy ăm ắp, rồi ào ạt đổ vào, nước xô nhau chảy mạnh khoét cho lỗ thùng mỗi lúc một toác thêm ra, anh lại đi kín về đổ cho đầy, lỗ lại to thêm, cái nhíp đi của anh trở nên con cửi mỗi ngày mỗi lao thêm mạnh.

Anh Trung ung dung không bịt lỗ thùng, nhưng thùng thủng đổ nước vừa phải không để lỗ thùng mở hoác ra.

Câu chuyện trên là cốt để tả ba thái độ trước sự mưu sinh.

Anh bên Tả tiêu biểu cho **thái độ Diệt đục** với chủ trương xuất thế, được thực hiện nhiều nhất trên đất Ấn: đời là biển khổ, khổ bắt nguồn tại chỗ ham sống, muốn diệt khổ thì con người phải diệt lòng ham sống, rút hẹp sống lại tới độ không “Je me réduis à zéro” (Gandhi).

Anh Hữu tiêu biểu cho **lối sống Đa đục**, chủ trương nhập thế được thực hiện nhiều nhất bên Âu Mỹ. Nền văn minh đó được Bergson gọi là “kích đục” (aphrodisiaque). Có bao

nhu cầu đều được thỏa mãn hết, hơn nữa còn tạo thêm ra nhiều nhu cầu mới mà thời trang là thí dụ. Bên Madrid có hai phố người ta gọi là “thiên đàng các bà, hỏa ngục các ông!”. Nhưng thật ra chẳng cứ gì bên Espagne, ở đâu có đa dục thì ở đây đều có những phố gọi được như thế cả. Đời sống chạy theo nhịp độ sốt rét.

Anh Trung là thái độ của nền văn minh Viễn Đông, quê hương của phong lưu nhàn tản. **Thái độ chiết trung ở giữa diệt dục và đa dục, cho nên gọi là Quả dục**, chủ trương **xử thế**: không kích thích dục vọng, chỉ tiết chế cho có chừng mực. Về sau, nhất là từ đời Tống nho, có thiên về diệt dục, gây ra những lời phản đối chẳng hạn như của Đái Đông Nguyên. Sách Lễ ký nói rằng: “**âm thực, nam nữ nhân chi đại tồn yên. Thánh nhân trị thiên hạ, thể cái tình của dân, thỏa cái dục của dân, mà vương đạo đủ...** Đến sau khi cái thuyết lý với dục đã thành lập rồi thì phạm sự cảm xúc của những thường tình ân khúc, như đói rét, sầu oán, ăn uống, gái trai, đều gọi là nhân dục cả, không cho bàn tới.

Áy bởi sự phân biệt ra lý và dục, khiến khắp mọi người trong thiên hạ đều biến ra trá nguy cả. Cái vạ đó kể sao cho xiết” (Trần Trọng Kim, đoạn IV, câu 210).

Lời trên đây có thể coi là phát ngôn nhân của Nho giáo đối với thái độ diệt dục, nhưng không phải vì thế mà Tiên Nho bênh đa dục. Trái lại các ngài biết rằng nếu dục vọng không được tiết chế thì đời sống trong xã hội sẽ trở nên cuộc tranh dành cướp giết, làm mất sự thư thái cao thượng, vì vậy mà chủ trương quả dục. **Quả dục có thể hiểu là tiết chế dục vọng khiến cái dục ở trong phạm vi phải chăng mà cũng có thể hiểu là tiết độ: sống một cuộc đời rút hẹp (parvo vivere), tức là một nhịp độ sống (train de vie) hiệu nghiệm nhất để giữ quả dục trong nội tâm.**

Ở đây chúng tôi muốn nói tới nghĩa quả dục thứ hai, tức là sống ít tiêu xài, để khỏi tìm kiếm nhiều. **Nhân dục vô nhai**, lòng tham loài người vô đáy, phải tìm phương sách dẹp bớt, để nói khỏi quá mức thường, một trong những phương thế là áp dụng mức độ sống ít nhu cầu. Để rõ ràng, xin bàn thêm trên ba bình diện: gia đình, quốc gia, và quốc tế.

Gia đình Ai cũng biết rằng hễ tiêu nhiều thì phải kiếm nhiều. Tổ tiên biết thế và thi hành xoay ngược lại, muốn khỏi kiếm nhiều thì tiêu xài bớt đi, sao cho giữ được thăng bằng trong chỗ chi thu xuất nhập. Khi muốn tiêu quá cái chỗ có thể kiếm thì một là phải đâm ra quỳ lụy, như vậy mất độc lập tinh thần, hoặc xoay qua những xảo kế bất chính, lường gạt, gian dối; nhiều người vì thế mà bán rẻ phẩm giá của mình hay thanh danh gia tộc. Khi chữ liêm sĩ, tín nghĩa bị lạt phai thì con đường xuống dốc, có thể dẫn tới những thủ đoạn bất nhân tệ lâu hơn nữa.

Quốc gia Trong một nước mà đức quả dục không được đề cao, không được áp dụng bằng những phương pháp hữu hiệu, trái lại cho mặc sức đua sấm sủa, đua ăn mặc, thì người trong nước chóng trở nên một đám dành dật, tranh cướp của nhau, thế rồi không còn chi

là Nhân với Nghĩa, không còn biết tương Thân tương Trợ là gì, như nhiều nước Thái Tây đã lâm phải trong nhiều thế kỷ trước. Chế độ tự do cạnh tranh đã khiến cho tài nguyên trong nước chảy dồn vào kết một thiểu số may mắn, khiến cho đa số phải cực khổ. Thế quân bình mất, bầu khí trở nên nặng trĩu vì tranh thủ quyền lợi, mảnh khoé, ranh mãnh. Ngày nay nhờ sự tranh đấu, thợ thuyền Âu Tây đã chiếm được một đời sống xứng hợp hơn cho phẩm giá con người, nhưng bao nhiêu đau khổ lại đọt trút lên đầu cổ những người bị trị; những nước này tuy đã dành lại được chủ quyền chính trị phần nào, nhưng bao giờ mới ngoi ngóp tới chủ quyền kinh tế. Đang khi đó, nhiều nơi cứ cho nhập cảng bừa bãi lối sống đa dục của ngoại bang vào một cách vô ý thức. Không biết rằng các nước Âu Mỹ giàu hơn mình, ít nhất là vài ba lần, mà cũng vì cái sống đa dục gây nên chênh lệch như thế, phương chi ở những nước nhỏ nghèo, thấy người được ăn cũng xé chần làm vỏ...

Quốc tế Khi **thuyết tự do cạnh tranh** tràn ra ngoài biên giới quốc gia thì gây nên những cuộc tranh chấp lớn lao tàn khốc. Từ những câu chửi nhau thậm tệ trên mặt Thái Bình Dương (người Hòa Lan chửi Anh là quân cướp, người Espagne chửi Pháp là chó biển...) cho đến **những vụ tranh chấp nguyên liệu và thị trường, nổ long trời dậy đất ở hai cuộc đại chiến vừa qua, và tình trạng chi đôi thế giới làm hai khối hiềm khích mà nạn nhân đau khổ nhất là những tiểu nhược quốc. Tất cả ba trăm năm lịch sử khốc liệt vừa qua phần lớn là do lối sống đa dục gây nên nông nổi.**

“Chúng ta đã hăm hờ bao nhiêu để gia tăng thêm nhiều nhu cầu, thì nay chúng ta cũng phải sốt sắng như thế trong việc đơn giản hóa đời sống của chúng ta”, hô hào câu đó Bergson đã tình cờ gặp thuyết Quả dục của Tiên Hiền ta.

Giàu mạnh như Âu Mỹ mà còn phải khuyến tiết dục, hướng chi ta cần phải duy trì với tấm lòng thành kính hơn biết mấy không những vì là một đức tính của Tô Tiên trời lại, mà thật ra là một đức cần cho việc duy trì đất nước. Nhiều người ngoại quốc (tôi nghĩ tới ông **Paul Mus** trong quyển Sociologie d'une guerre) **khen ngợi dân Việt Nam ta với số tài nguyên tương đối eo hẹp mà chịu đựng được một cuộc chiến tranh giằng gai trong tám năm trường.** Ở một nước sống đa dục không thể chịu đựng được lâu như thế nếu không có ngoại viện. Cũng chính đức quả dục đó đã là một yếu tố nền tảng cho việc giải quyết vấn đề di cư. “Ở bên chúng tôi với số viện trợ gấp mười chưa chắc đã giải quyết được ổn thỏa như vậy. Các ông nhờ có điều kiện sinh sống đơn giản nên lợi lắm.” Lời một **người bạn Pháp nói với tôi. Về phương diện văn hóa, nhờ áp dụng lối sống quả dục mà ta vẫn giữ được mức độ văn hóa cao.** Đời sống đơn sơ, đi học cũng bớt tốn kém, có của thì rước thầy về nhà, những người chung quanh cho con đến học. Thầy sống đơn giản, sách vở rất ít, nhờ thế mà mỗi làng có hai ba thầy đồ là thường. Ai mời được là mời khỏi cần phép tắc chi hết. Nhờ thế mà mức độ văn học vừa cao vừa có tính chất đại chúng. Có giữ được quả dục là lá bùa hộ mạng, mới gây được bầu khí thuận tiện cho đời sống tinh thần ngóc đầu lên.

Đã có lệnh hạn chế xa xỉ phẩm rồi nhưng cần được tăng cường bằng những phương pháp hữu hiệu để sắc lệnh hay chỉ thị khỏi trở thành mớ danh từ rỗng. Xa xỉ phẩm là một cám dỗ đầy quyến rũ thúc đẩy người trong nước đi mạnh vào đường đa dục làm gia tăng sự chênh lệch, an ninh trong nước vì đây thêm nguy hiểm. Đã có đầy gương trong lịch sử: Đế quốc Roma hay sử Tàu cuối đời Hán, Minh. Khi những người quý phái đã coi khinh đức quả dục, sống trong xa hoa cực điểm thì đại chúng lâm vào bước lầm than khốn khổ, đây là điềm báo hiệu cho sự tan rã sắp đến.

Khi vua Louis XIV xây xong điện Versailles thì dân Pháp có đến hai triệu ăn mày (lúc ấy dân số chừng 10 triệu). Điện Versailles có thể coi là cái lò rèn máy chém chặt đầu Louis XVI. Nước Egypte khi xây xong Kim Tự Tháp thì tình trạng dân chúng khánh kiệt, văn hóa sút hẳn xuống, báo hiệu sự tàn rụi đang tới chôn nền văn hóa xứ Ai (xem Grandeur et décadence de civilisations, professeur Glough, Payot Paris).

Tuy vậy còn để lại cho hậu thế một kỷ niệm của đời hùng cường xưa, chứ nước ta chỉ có 15 triệu dân mà hai triệu sống mạnh cái sống đa dục nhập cảng thì khó thoát diệt vong, mà liệu sẽ lưu lại được kỷ niệm chi cho hậu thế? Đang lúc nước nhà kiến thiết kinh tế độc lập, không gì cân bằng đức Quả dục. Không thể đặt nhiều hy vọng vào ngoại viện.

Cho tới nay chưa có nước hậu tiến nào nhờ được viện trợ mà kiến thiết nổi kinh tế độc lập (xem Révolte de l'Asie của Tibor Mende), chỉ có con đường cổ điển duy nhất là tự trông vào mình; toàn dân phải trải qua một thời thất lưng kham khổ mới xây đắp nổi độc lập kinh tế.

Ai trốn tránh, ai vinh thân phì gia, ai sống đa dục là thiếu bổn phận công dân. Các nước Cộng sản hy sinh đến cả nhân phẩm người dân để kiến thiết.

Với ta Quả dục là phương pháp hữu hiệu khỏi cần hy sinh phẩm cách con người.

Đây là nói trong phương diện kinh tế, phương chi trong phạm vi Tinh thần người ta chỉ tìm thấy lòng vị tha trong đất những người Quả dục hay Diệt dục, ngoại giả chỉ tìm thấy có cá nhân chủ nghĩa, có lợi, có tiền, chỉ biết có giành giật nhau chứ động từ “cho” đã xóa khỏi từ điển từ khuya rồi.

Tái bút: bài này được viết vào lối năm 1957. Quãng 1969 tôi đọc một tờ báo giới thiệu Lương Thủ Minh cũng nhận định về Quả dục tương tự, nhưng không hiểu Lương tiên sinh lập luận ra sao, tôi vẫn chưa tìm được bài đó để đọc. VI. HÌNH ẢNH CON NGƯỜI CẦN PHẢI CÓ Bài này của Walter Lippman đọc trong một buổi hội thảo thường niên của nhóm Triết học ở Pennsylvania 1942. Nó cùng một chiều hướng tư tưởng với bài “Quả dục” thế mà tác giả ở vào một nước giàu nhất thế giới. Để tỏ rằng đức Quả dục là một đức tối yếu chứ không phải là một sự suy tư của những người nghèo tự tìm lẽ an ủi. Ngược lại với những người cho rằng vì quá đề cao Quả dục mà Viễn Đông trở thành

nghèo hèn, do đó họ mới khuyến khích đồng bào ta chạy theo đà “Đa dục, Kích dục” của Tây phương thì thực ra là họ làm hại.

VÌ SAO BHUTAN LÀ QUỐC GIA HẠNH PHÚC NHẤT THẾ GIỚI?



Thời gian gần đây, du lịch Bhutan đang dần nổi lên như một hiện tượng trong cộng đồng người yêu khám phá. Bhutan nằm giữa Trung Quốc và Ấn Độ với diện tích 47.500m², dân số khoảng 750.000 người. Kinh tế Bhutan chủ yếu là khai thác Thủy điện và bán cho Ấn Độ. Mặc dù kinh tế Bhutan xếp vào hạng thấp nhất thế giới, nạn mù chữ và đói nghèo vẫn còn là vấn đề nan giải nhưng người dân nơi đây lại có cuộc sống Hạnh phúc nhất hành tinh.

Với phong cảnh thiên nhiên đẹp tuyệt vời, không khí tươi mát, dân số không quá đông cùng với ý thức và lòng tự tôn dân tộc mà người dân Bhutan luôn cảm thấy hài lòng với cuộc sống nơi đây.

Bhutan nằm kề dãy Himalaya, gần 60% diện tích còn rất hoang sơ và một nửa diện tích được bảo vệ trong các khu vườn quốc gia do đó mà cảnh vật, thiên nhiên Bhutan còn rất hoang sơ và trong lành. Đặc biệt, dù kinh tế còn chưa phát triển nhưng ý thức bảo vệ môi trường của người dân nơi đây rất cao.



Không chỉ quan tâm đến vấn đề Môi trường mà cả người Dân và Chính phủ đều xem trong vấn đề Sức khỏe, đề cao một cuộc sống lành mạnh.
Đến Bhutan du lịch, du khách có thể sẽ ngạc nhiên vì người dân ở đây hầu như chẳng quan tâm đến internet, truyền hình hay smartphone.

Họ có lối sống cũng rất lành mạnh và điều độ, ngủ nghỉ và sinh hoạt đúng giờ.
Thậm chí để bảo vệ sức khỏe người dân, Bhutan là chính phủ đầu tiên trên thế giới cấm bán và hút thuốc lá triệt để từ năm 2004.

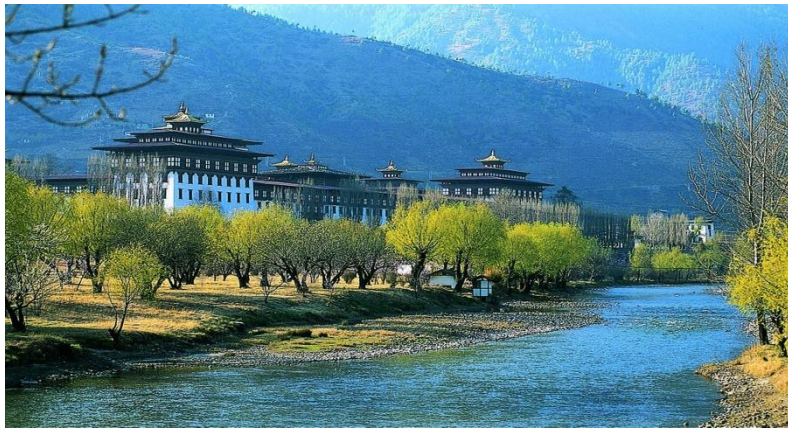
Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cũng là ưu tiên hàng đầu của chính phủ nước này khi mà việc nhập khẩu các loại phân bón hóa học đều bị cấm. Bên cạnh đó, việc hầu hết người dân đều theo đạo Phật, và ăn chay nên ẩm thực của họ cũng thanh đạm và rất tốt cho sức khỏe.



Xã hội Bhutan là một xã hội đáng mơ ước khi mà người dân sống rất thân thiện, tâm luôn hướng về những giáo lý Phật giáo, làm điều Thiện, tránh điều Ác, không phân biệt gia cấp giàu nghèo. Đối với họ, một cuộc sống Hạnh phúc là khi trong lòng mỗi người không có Hờn ghen, Hờn thua. Chính vì vậy, mà người dân Bhutan luôn cảm thấy Mãn nguyện, Hài lòng với cuộc Sống mà họ đang có.



Du lịch Bhutan là mơ ước của rất nhiều du khách, bởi không chỉ để chiêm ngưỡng một đất nước xinh đẹp mà còn thấy tận mắt, nghe tận tai một xã hội Hạnh phúc trong mơ mà bất cứ quốc gia nào cũng phải ao ước. Bhutan tuy không giàu về vật chất, nhưng người dân nơi đây luôn giàu có về lòng Tin yêu và sự Thấu hiểu cho nhau.



Quynh Anh

MƯỜI LÝ DO HẠNH PHÚC

- 1 Chính phủ quản lý ? hạnh phúc tinh thần và vật chất như nhau
- 2 GDP tăng trưởng nhanh trên thế giới
- 3 Ít có sự tác động từ truyền hình, phát thanh hoặc internet
- 4 70% đất nước được bao phủ bởi rừng tự nhiên
- 5 Ảnh hưởng mạnh mẽ của Phật giáo tại Bhutan
- 6 Chính phủ đo đạc ? hạnh phúc của người dân
- 7 Bhutan được chính phủ gìn giữ và phát triển tích cực
- 8 Khoảng cách giữa dân thường và chính phủ, hoàng gia rất gần
- 9 Người dân được tạo điều kiện nghỉ ngơi đầy đủ

10 Người dân được tạo điều kiện nghỉ ngơi đầy đủ

Chính phủ (quản lý ?) CHĂM LO Hạnh phúc Tinh thần và Vật chất như nhau



Con người ngày nay đang đặt quá nhiều kỳ vọng vào những điều bản thân sở hữu. Ta thấy hạnh phúc hơn khi có chiếc iPhone mới nhất hoặc sở hữu bộ cánh thời trang thời thượng nhất. Tuy nhiên, đây là một cách không tốt khi suy nghĩ và nó có thể khiến chúng ta căng thẳng một cách không cần thiết, cũng như không cảm thấy hạnh phúc khi chúng ta không đủ khả năng thực hiện hay sở hữu những điều đó.

Ở Bhutan, chính phủ chỉ đề cho toàn cầu hóa ảnh hưởng đến họ trong mười năm qua. Có điều họ làm theo cách cho phép công dân Bhutan vừa cân bằng của cải vật chất, vừa cân bằng tâm linh. Chính điều đó làm họ hạnh phúc hơn, bởi họ không bận tâm quá nhiều về những nhu cầu vật chất. Người Bhutan cảm thấy hạnh phúc đơn giản khi họ được sống.

GDP tăng trưởng nhanh trên thế giới



GDP của Bhutan (tổng sản phẩm quốc nội) được phát triển đều đặn trong vài năm qua bằng cách cho phép Ấn Độ đầu tư mạnh vào thủy điện tại đất nước của họ, giúp đất nước này trở nên giàu có nhanh chóng mà không mất quá nhiều công sức lẫn nguồn lực. Bên cạnh đó, việc phát triển du lịch với chất lượng và giá trị cao giúp chính quyền Bhutan quản lý các nguồn lực của đất nước tốt hơn.

Ít có sự tác động từ truyền hình, phát thanh hoặc internet



Mãi đến năm 1999, chính quyền Bhutan mới có sự xuất hiện của truyền hình, đài phát thanh và internet tại đất nước này. Việc giảm thiểu những tác động tiêu cực từ các phương tiện truyền thông nói trên giúp người dân Bhutan hạn chế được việc phụ thuộc vào các “giá trị trực tuyến”. Tuy vậy, đất nước này vẫn mở cửa với các loại hình truyền thông trên như một trong những yếu tố đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người dân.

70% đất nước được bao phủ bởi rừng tự nhiên



Môi trường sống trong lành rất quan trọng cho người dân Bhutan. Có đến 70% diện tích đất nước được bao phủ bởi rừng xanh và hầu như mọi nơi tại Bhutan đều sẽ có sự hiện diện của màu xanh lá mát mắt này. Rừng, động vật và môi trường được Chính phủ Bhutan bảo vệ nghiêm ngặt, góp phần phát triển một môi trường tự nhiên, từ đó tác động tích cực đến đời sống của mọi người.

Ảnh hưởng mạnh mẽ của Phật giáo tại Bhutan



Phật giáo có sức ảnh hưởng vô cùng mạnh mẽ tại đất nước Bhutan. Một khi bạn đặt chân đến đất nước ngay dưới triền dãy Himalaya này sẽ thấy sự ảnh hưởng rõ rệt này từ văn hóa cho đến xã hội, với những công trình chùa chiền, tu viện lâu đời cô kính và khắp các ngõ ngách của mọi thành phố. Ngoài ra, Phật giáo còn có ảnh hưởng đến cả người dân nơi đây khi hầu như mọi người đều sống điềm đạm, chan hòa và luôn nở nụ cười trên môi.

Chính phủ đo đạc hạnh phúc của người dân

Từ Đức Vua đến Thủ Tướng, tất cả đều luôn hỗ trợ người dân trong mọi tình huống họ cần, đồng thời quan tâm đến việc người dân của họ có thực sự hài lòng với điều kiện sống hiện tại. Bằng các số liệu cụ thể từ bộ Hạnh phúc quốc gia, Bhutan là đất nước đầu tiên trên thế giới áp dụng đo lường chỉ số hạnh phúc quốc gia (GNH). Họ tổ chức các cuộc thăm dò người dân về những vấn đề rất đơn giản: làm việc bao nhiêu giờ trong tuần, ngủ bao nhiêu tiếng một ngày, thực hành thiền như thế nào, đức tính nào cần thiết để có một cuộc sống hạnh phúc... Hiện tại, Chương trình Hạnh phúc Quốc gia chưa phải là hoàn hảo cho toàn bộ người dân Bhutan, nhưng người dân Bhutan thực tế thừa nhận là việc đo lường như thế giúp họ tốt hơn, cũng như hỗ trợ Chính phủ biết được nhân dân cần gì và phải cải thiện từ đâu.

Bhutan được chính phủ gìn giữ và phát triển tích cực



Với vị trí địa lý tuyệt vời cùng với phần lớn diện tích đất nước được phủ xanh bởi rừng cây, Bhutan có thể coi là một trong những điểm đến du lịch độc đáo nhất thế giới khi được cả thiên nhiên và nền văn hóa lâu đời trù phú. Nhờ vào các chính sách theo tiêu chí “High value, low impact”, Chính phủ Bhutan vừa đưa đất nước của mình trở thành điểm đến độc đáo, vừa giúp giảm thiểu tối đa sự ảnh hưởng tiêu cực của du lịch đến những nguồn “tài nguyên” hiếm có này.

Khoảng cách giữa dân thường và chính phủ, hoàng gia rất ngắn



Tại Bhutan, khoảng cách giữa nhân dân và Chính phủ hầu như không đáng kể. Nhờ xu hướng cô lập với thế giới bên ngoài từ những năm về trước, người dân Bhutan rất gần gũi với nhau và ít có sự chênh lệch lớn giữa các tầng lớp trong xã hội. Điều này cũng giúp mọi người cảm thấy bình đẳng với nhau hơn. Thậm chí, nhà ở của Đức Vua ở Bhutan theo chính lời kể người dân bản địa còn bình thường, đơn giản hơn nhà của họ nữa.

Người dân được tạo điều kiện nghỉ ngơi đầy đủ



Theo điều tra quốc gia, khoảng 2/3 tất cả người dân Bhutan có được ít nhất tám giờ ngủ mỗi đêm. Rất nhiều tài liệu khoa học chứng minh những lợi ích của việc ngủ đủ giờ và đúng giấc: nâng cao năng suất và sức khỏe tổng thể, giúp con người cảm thấy thoải mái và hạnh phúc hơn mỗi ngày.

Người dân được tạo điều kiện nghỉ ngơi đầy đủ



Là Quốc gia đầu tiên trên thế giới có mật độ khí thải âm (carbon negative), không khó để nhận ra vì sao ở Bhutan lại có rất ít các nhà máy công nghiệp với các ống khói đen ngịt. Mặc dù các phương tiện giao thông như ô tô, xe tải vẫn được sử dụng thường xuyên, việc được phủ xanh phần lớn diện tích đất nước giúp Bhutan trở nên trong lành hơn hẳn. Đây cũng là một trong những lý do mà các nhiếp ảnh gia thiên nhiên hoang dã rất thích tại Bhutan, bởi thiên nhiên ở đây được gìn giữ và phát triển tốt, lại có bầu không khí trong lành tạo điều kiện thuận lợi cho việc chụp ảnh.

Trên đây là **10 điều khác biệt** khiến người dân Bhutan sống hạnh phúc hơn, được tổng hợp và biên tập bởi đội ngũ Best Bhutan by Triip . / ..

Kính mời đọc thêm những biên khảo khác của tác giả tại:

<http://www.vietnamvanhien.org/vietnhan.html>

www.vietnamvanhien.net



An Lạc & Tự Chủ

VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VIỆT NAM VĂN HIẾN ON LINE VỚI HƠN 10200 TÁC PHẨM